

Nhiều tác giả
Biên soạn: Ngụy Trung, Chữ Toại Lương, Ngu Thế Nam

NGUYÊN TẮC TRỊ QUỐC
CỦA TRUNG HOA THỜI XƯA

Quan Thu Tư Mến 360

(Quyển 1 - Tái bản lần 2)

Chuyển ngữ: Diệu Phúc

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

<https://tieulun.hopto.org>

Nhiều tác giả
Biên soạn: Ngự Trung, Chữ Toại Lương, Ngụ Thế Nam

QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360

NGUYÊN TẮC TRỊ QUỐC CỦA TRUNG HOA THỜI XƯA

(Quyển 1)

Tái bản lần 2

Chuyển ngữ: Diệu Phúc

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360

Ngụy Trung, Chủ Toại Lương, Ngu Thế Nam (thời nhà Đường) biên soạn

Trung tâm Giáo dục Văn Hóa Trung Hoa – Malaysia tuyển chọn và biên dịch tiếng bạch thoại.

Hoan nghênh sao in và lưu thông, kính mong không tự ý sửa đổi nội dung.

Đơn vị xuất bản: Hiệp hội Giáo dục Phật Đà Hongkong.

Bản in lần đầu, tháng 5 năm 2012.

Bản in lần thứ hai, tháng 10 năm 2012.

Bản hiệu đính, tháng 10 năm 2013.

MỤC LỤC

LỜI TỰA.....	7
LỜI TỰA QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360.....	14
KHÁI QUÁT.....	14
CHƯƠNG I: ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO CỦA BẠC QUÂN VƯƠNG.....	19
1. TU THÂN.....	20
2. KÍNH YÊU NGƯỜI THÂN.....	35
3. KIỂM ĐIỂM BẢN THÂN.....	39
4. TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI.....	53
5. TIẾP NHẬN LỜI KHUYÊN TỪ ĐẠI THẦN.....	62
6. NGĂN CHẶN VU KHÔNG VÀ HÀNH VI XẤU ÁC.....	68
7. NHẠY CẢM VÀ SẮC BÉN.....	69
CHƯƠNG II: NGHỆ THUẬT PHÒ TÁ CỦA CÁC ĐẠI THẦN.....	75
1. TẠO LẬP CHÍ KHÍ.....	76
2. TẬN TRUNG.....	80
3. KHUYÊN CAN.....	82
4. TIỀN CỬ NGƯỜI CÓ ĐỨC TÀI.....	86
CHƯƠNG III: TRÂN TRỌNG ĐỨC HẠNH.....	88
1. CHUỘNG ĐẠO.....	89
2. HIẾU THẢO VÀ CUNG KÍNH.....	98
3. NHÂN TỪ VÀ CHÍNH NGHĨA.....	110
4. CHÂN THÀNH VÀ ĐÁNG TIN CẬY.....	115
5. TỰ SỬA MÌNH.....	121
6. KHOAN DUNG.....	131

7. KHIÊM TỐN.....	132
8. CẦN THẬN	141
9. KẾT GIAO BẰNG HỮU.....	151
10. SIÊNG NĂNG CẦN MÃN ĐỀ NÂNG CAO HỌC VẤN	154
11. KIÊN TRÌ BỀN BỈ.....	157
CHƯƠNG IV: ĐIỀU HÀNH ĐẤT NƯỚC	160
1. TUÂN THỦ PHÉP TẮC.....	161
3. ĐÁNH GIÁ NHÂN CÁCH.....	188
4. BỔ NHIỆM	198
5. TOÀN TÂM VỚI VIỆC CÔNG	205
6. GIÁO DỤC VÀ CẢM HÓA	211
7. LỄ NGHI VÀ ÂM NHẠC.....	225
8. THƯƠNG DÂN	237
9. AN SINH XÃ HỘI.....	247
10. HỌC THEO NGƯỜI XƯA.....	249
11. NGUYÊN TẮC CƠ BẢN	252
12. THƯỜNG PHẠT	261
13. PHÁP LUẬT	265
14. THẬN TRỌNG KHI SỬ DỤNG VŨ LỰC	269
15. TƯỚNG VÀ QUÂN	274
CHƯƠNG V: KÍNH CÂN VÀ THẬN TRỌNG	275
1. PHÒNG NGỪA	276
2. PHONG TỤC	286
3. DẸP YÊN ĐỘNG LOẠN.....	290
4. LƯU Ý NHỮNG DẤU HIỆU BẤT AN	294

5. ĐỐI NHÂN XỬ THẾ.....	309
6. THẬN TRỌNG TỪ ĐẦU CHÍ CUỐI	317
7. CHĂM SÓC SỨC KHỎE	318
CHƯƠNG VI: SÁNG SUỐT.....	321
1. CHÍNH - TÀ.....	322
2. NGUYỆN VỌNG CỦA NHÂN DÂN.....	326
3. TÀI NĂNG VÀ ĐỨC HẠNH.....	331
4. TẠO BÈ KẾT ĐẢNG	332
5. NHẬN BIẾT SỰ VIỆC.....	334
6. NHÂN QUẢ.....	339

QUẦN THƯ TRỊ YẾU

LỜI TỰA

Bộ sách [Quần Thư Trị Yếu] được Đường Thái Tông – Lý Thế Dân (599-649) hạ lệnh yêu cầu biên soạn vào đầu những năm Trinh Quán. Khi mới mười sáu tuổi, Thái Tông đã theo cha tòng quân, khởi nghĩa dẹp yên xã hội động loạn, hơn mười năm chinh chiến đằng đẵng. Sau khi lên ngôi vào năm hai mươi bảy tuổi, ngài dừng nghiệp binh để chấn hưng sự nghiệp giáo dục - văn hóa và đặc biệt chú trọng đường lối trị quốc bình thiên hạ, an định xã hội, mang lại sự phồn vinh cho đất nước.

Thái Tông dũng mãnh tài cao, có tài hùng biện, chỉ tiếc tuổi nhỏ đã phải tòng quân, bởi vậy học hành không được nhiều. Từ tám gương sai lầm dẫn đến diệt vong của nhà Tùy, ngài cảm nhận sâu sắc rằng, gây dựng cơ nghiệp vốn không dễ, mà giữ vững được thì càng khó hơn. Trong thời kỳ tại vị, ngài luôn khích lệ chúng thần khuyến giải, chỉ ra những điểm bất cập trong quyết sách của triều đình và hạ lệnh cho các đại thần như Ngụy Trưng, Ngụ Thế Nam, v.v... thu thập các tư liệu lịch sử về việc trị vì đất nước, để trích ra những tinh hoa trong việc tu thân - tề gia - trị quốc - bình thiên hạ từ *Lục Thư*, *Tứ Sử*, *Bách Gia Chư Tử*¹ và tập hợp thành sách. Bắt đầu từ *Ngũ Đế*² cho đến triều đại *nhà Tấn*³, từ hơn 14.000 bộ sách và hơn 89.000 cuộn thư tịch cổ,

¹ *Lục Thư* bao gồm: *Kinh Thi*, *Thượng Thư*, *Nghi Lễ*, *Nhạc Kinh*, *Kinh Dịch* và *Xuân Thu*; *Tứ Sử* bao gồm: *Sử Ký*, *Hán Thư*, *Hậu Hán Thư*, *Tam Quốc Chí*. *Bách Gia Chư Tử*, những bài học về triết lý nổi bật trong suốt thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc (770-221 TCN).

² Năm vị đế vương thời xưa (2600 TCN): Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Đế Nghiêu và Đế Thuấn.

³ Triều đại Tấn (265-420).

đã chất lọc được sáu mươi lăm loại điển tịch với tổng cộng hơn 50.000 từ. Đây quả thật là bộ điển tịch quý báu để trị nước, như lão thần Ngụy Trung đã nói trong lời tựa của bộ sách: “Nếu dùng cho thời nay, xứng đáng là tấm gương và để học tập từ lịch sử cha ông; khi truyền cho con cháu mai sau, ắt sẽ là bài học quý giá”. Thái Tông yêu thích kiến thức sâu rộng mà ngôn từ tinh giản của bộ sách, hàng ngày tay không rời sách, mà thốt lên rằng: “Để ta được soi lại sự tích xưa mà xử trí với việc, đây là công của các khanh vậy!”. Từ đây cho thấy, sự đóng góp của bộ sách này đối với thể nước thái bình thịnh trị của thời Trinh Quán chi trị mới to lớn dường nào! Bộ sách này đã trở thành bộ điển tịch quý báu mà các nhà chính trị cần đọc.

Thời đó, do kỹ thuật in khắc bản của Trung Quốc chưa phát triển, bởi vậy bộ sách này đến đầu thời nhà Tống đã bị thất truyền, trong [Tống Sử] cũng không thấy có ghi chép. Thật may thay, trong Văn khố Kanazawa – Nhật Bản có một bộ hoàn chỉnh [Quần Thư Trị Yếu] do nhà sư Nhật Bản thời đại Kamakura (1192-1330) viết tay; đồng thời vào năm Càn Long thứ sáu mươi thời nhà Thanh, được người Nhật Bản trả về với Trung Quốc – nơi mà bộ sách vốn sinh ra. Sau đó, nhà xuất bản Thương vụ Thượng Hải đã tập hợp thành bốn bộ sách và cùng với Đài Loan lần lượt in sao trực tiếp từ bản gốc và phát hành. Vào cuối năm 2010, Tịnh Không may mắn có được bộ sách này, đã xem đi xem lại, và hoan hỷ vô cùng, cảm nhận sâu sắc rằng giáo dục văn hóa của bậc Thánh Hiền xưa kia đích thực có thể đem lại sự an định, hòa bình vĩnh viễn cho toàn thế giới. Điều quan trọng bậc nhất chính là bản thân người Trung Hoa phải thực sự nhận thức được

văn hóa truyền thống, đoạn trừ hoài nghi mà có được lòng tin. Văn hóa truyền thống của Thánh Hiền chân thật là sự hiển lộ tự tính của tất cả chúng sinh, vượt trên cả thời gian và không gian mà vẫn còn nguyên giá trị.

Điều mấu chốt của việc học tập, nằm ở hai chữ *Thành* và *Kính*. Trong [Khúc Lễ] có dạy: “*Chớ nên bất kính*”. Ngài Khang Hi của triều đại nhà Thanh xưa kia cũng từng nói: “*Bậc quân vương đối với dân, phải lấy chữ kính làm gốc*”; “*Thành và Kính, bài học mà tiên tổ truyền lại cũng không ngoài hai chữ này*”. Nhà Nho danh tiếng thời nhà Tống – ngài Trình Tử cũng có nói: “*Chữ kính hơn mọi điều tà*”. Tất cả muốn nói rằng việc tu thân và vun bồi đạo đức, giúp dân cứu đời chỉ cần hai chữ *Thành* – *Kính* là có thể viên thành. Còn nếu không có một chút thành kính nào đối với giáo dục của bậc thánh nhân quân vương thời xưa, đâu có đọc vô vàn sách hay, cũng khó nhận được lợi ích chân thật. Ngài Khổng Tử từng nói: “*Chỉ thuật lại chứ đâu tự sáng tác, ta tin và yêu mến lời dạy của tiên tổ*”.

Trước đây, trong bài diễn thuyết về chủ nghĩa Tam Dân (Chủ nghĩa Tam Dân – Lần giảng thứ 4), ngài Tôn Trung Sơn từng nói: “*Sự phát triển khoa học của Châu Âu, sự tiến bộ của nền văn minh vật chất, chẳng qua là việc của hơn hai trăm năm trở lại đây. Nếu nói đến chân đế của triết học chính trị, người Châu Âu vẫn cần lưu tâm đến Trung Quốc. Các ngài đều biết rằng học vấn trên thế giới, giỏi nhất là nước Đức, nhưng hiện tại người nghiên cứu học vấn ở nước Đức vẫn phải nghiên cứu triết học của Trung Quốc, thậm chí là nghiên cứu giáo lý Đức Phật của Ấn Độ, để cứu vãn những lệch lạc trong khoa học của họ.*”

Tiền sỹ Arnold J.Toynbee của nước Anh lại cho rằng: “*Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng – Mạnh và Phật Pháp Đại Thừa*”. Nếu tinh tâm quan sát thế giới hỗn loạn khó lường ngày nay, muốn cứu thế giới, cứu Trung Quốc, chỉ có giáo dục văn hóa truyền thống của Trung Quốc mới thực hiện được. Trí huệ, ý niệm, phương pháp, kinh nghiệm và thành quả trong việc trị quốc mà cha ông truyền lại cho đến ngày nay, đều là kết tinh quý báu được đúc kết từ sự khảo nghiệm qua hàng nghìn năm. Bộ sách [Quần Thư Trị Yếu] vô cùng trân quý! Quả thật có thể hiểu sâu và thực thi, thì mục tiêu đối với thiên hạ thái bình, cuộc sống hạnh phúc của cá nhân đều có thể đạt được một cách tự nhiên; nếu đi ngược lại với đạo nghĩa, tất sẽ khó tránh khỏi tự chuốc lấy tai ương, tai họa khôn cùng. Tịnh Không hiểu sâu sắc rằng, sự xuất hiện trở lại của bộ sách [Quần Thư Trị Yếu] thực sự có sứ mạng thiêng liêng của chính nó, nên đã hoan hỷ ủy thác cho Thư Cục Thế Giới in sao và lưu thông 10.000 bộ, với dự định tặng cho ba miền ở hai bờ eo biển (Trung Quốc, Hong Kông, Ma Cao và Đài Loan) và các nước, các đảng, các vị lãnh đạo các cấp trên thế giới cùng học tập, như vậy một xã hội hài hòa và thế giới đại đồng sẽ không còn xa nữa. Nay vui mừng khi thấy [Quần Thư Trị Yếu] sắp được lưu thông trở lại, cùng lời đề nghị của nhân giả Diêm Sơ mà kính cần có vài lời tựa để biểu đạt lòng tùy hỉ tán thán.

Tịnh Không,

Ngày 28 tháng 12 năm 2010,

Hong Kông.

QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360

LỜI TỰA

Bộ sách [Quần Thư Trị Yếu] được tập hợp từ trí huệ, phương pháp, kinh nghiệm và thành quả trong việc tu thân – tề gia – trị quốc – bình thiên hạ của bậc thánh nhân quân vương thời xưa; và cũng là kết tinh văn hóa được tích lũy từ sự khảo nghiệm qua hàng nghìn năm. Bộ điển tịch quý báu này ngoài việc giúp Đường Thái Tông mở ra thời đại Trinh Quán chi trị, đặt nền móng cho sự thịnh vượng kéo dài ba trăm năm của nước Đại Đường; còn có thể đem lại kinh nghiệm trân quý cho các nhà lãnh đạo các cấp ngày nay. Không chỉ có vậy, đối với đại chúng xã hội ở các lĩnh vực khác nhau, thân phận khác nhau; bộ sách này cũng như suối nguồn trí huệ khiến cho thân tâm an lạc, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp tiếp nối bền lâu.

Đạo Sư của Trung tâm – Lão giáo sư Thích Tịnh Không, mỗi niệm đều không ngừng quan tâm đến sự kế thừa của văn hóa Trung Hoa. Vào cuối năm 2010, may mắn nhờ sự che chở của tổ tiên, bộ điển tịch quý báu này cuối cùng được tặng vào tay của Lão giáo sư. Ông cụ hiểu sâu sắc rằng, bộ sách này chính là liều thuốc tốt để giải quyết các vấn đề xã hội ngày nay, mà vui sướng vô bờ, lập tức ủy thác cho Thư Cục Thế Giới in sao và lưu hành. Khi Đạo Sư đến thăm thủ tướng Najib Razak và cựu thủ tướng Mahathir Mohamad của Malaysia, có giới thiệu sơ lược về nội dung của bộ sách [Quần Thư Trị Yếu], hai vị trưởng bối thể hiện hết sức mong muốn

được đọc bản dịch tiếng Anh. Bởi vậy, Đạo Sư nghĩ đến việc có thể trích lục từ [Quần Thư Trị Yếu], chọn ra ba trăm sáu mươi điều để dịch ra tiếng bạch thoại và dịch ra các ngôn ngữ trên thế giới để thuận tiện cho đại chúng xem đọc mỗi ngày. Đạo Sư đã giao nhiệm vụ này cho Trung Tâm và đây chính là nhân duyên để Trung Tâm biên tập bộ sách [Quần Thư Trị Yếu 360]. Đạo Sư dự kiến trong vòng mấy năm này, mỗi năm sẽ chọn ra ba trăm sáu mươi đoạn từ [Quần Thư Trị Yếu], đồng thời dịch thành văn tự, ngôn ngữ của các nước và lưu thông trên toàn thế giới. Đạo Sư tin rằng, đây chính là công hiến lớn nhất của Trung Quốc đối với nền hòa bình trên toàn thế giới.

[Trị Yếu] được đúc rút từ Kinh, Sử, Tử (Bách Gia Chư Tử), tổng cộng sáu mươi sáu bộ sách, cùng năm mươi cuốn điển tịch. Mục lục của bộ sách này cũng được lần lượt sắp xếp theo thư mục của Kinh – Sử - Tử, như: Chu Dịch, Sử Ký, Lục Thao, v.v.... Bộ sách [Quần Thư Trị Yếu 360] mà Trung Tâm biên dịch từ bộ sách nguyên bản hoàn chỉnh và được khái quát thành sáu mục đại cương: Quân Đạo (đường lối lãnh đạo của bậc quân vương), Thần Thuật (nghệ thuật phò tá của các đại thần), Quý Đức (trân trọng đức hạnh), Vi Chính (điều hành đất nước), Kính Thận (kính cẩn và thận trọng), Minh Biện (sáng suốt). Trong mỗi mục đại cương lại quy nạp những điểm quan trọng tương quan mà [Trị Yếu] phân tích thành mục lục chi tiết. Hi vọng rằng cách sắp xếp của bộ sách có thể giúp cho người đọc tiếp nhận được tinh thần của bộ sách [Quần Thư Trị Yếu] hoàn chỉnh.

Khi công tác biên dịch bộ sách [*Quản Thư Trị Yếu 360*] vừa được bắt đầu, chúng tôi đã nhận được sự trợ giúp của rất nhiều nhân giả chí sĩ từ Trung Quốc Đại Lục, khu vực Hồng Kông và Đài Loan cùng với Malaysia; nhân đây xin gửi tới lòng biết ơn chân thành.

Do đức hạnh và học thức của nhóm biên tập của Trung Tâm có hạn, bộ sách này chắc chắn còn rất nhiều sơ suất, kính mong chư vị nhân giả không ngại vất vả mà chỉ dạy. Chúng tôi xin thành tâm chúc phúc đại chúng dưới sự dẫn dắt trí huệ của bậc Thánh Hiền cổ xưa đều được thân tâm hài hòa, gia đình hạnh phúc hòa thuận, sự nghiệp thuận hòa. Đồng thời hi vọng rằng bộ sách này có thể giúp cho xã hội hóa giải xung đột, chấm dứt đối lập, hướng tới một thế giới đại đồng an định – hạnh phúc – viên mãn – hòa bình. Hãy để chúng ta nắm tay nhau, cùng mang lại sự hài hòa.

Trung tâm Giáo dục Văn hóa Trung Hoa Malaysia,

Kính cẩn đề tựa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2012.

QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360

KHÁI QUÁT

I. NGUYÊN VẤN

Sáu mươi sáu bộ nguyên tác được các đại thần như Ngụy Trưng,... căn cứ và biên tập nên bộ sách [Quần Thư Trị Yếu] đều là những kinh điển ra đời từ trước thời đại Trinh Quán. Những kinh điển cổ này sau hàng nghìn năm kể từ sau thời nhà Đường, đã được các học giả của triều đình hiệu đính, sửa lỗi in, sưu tầm; có thể có đôi chỗ khác biệt so với các điển tịch tương ứng được xuất bản ngày nay. Ví dụ như, trong “*Luận Ngữ*”, câu nói mà hầu hết đại chúng ngày nay đều biết: “Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên”, còn bản “*Luận Ngữ*” mà [Trị Yếu] trích lục lại là: “Ngã tam nhân hành, tất đắc ngã sư yên” (*Khi ta cùng chung sống với người, lời nói và cử chỉ của họ, nhất định có điều để ta học tập và noi theo.*). Đây cũng lại là một giá trị văn hóa nữa đáng được chú trọng của [Trị Yếu], bộ sách đã bảo lưu được diện mạo nguyên sơ hoàn chỉnh của các điển tịch cổ thời đầu nhà Đường.

Bộ nguyên bản hiện đang được lưu giữ của [Trị Yếu] có bản sao được lưu trong Văn khố Kanazawa, do tướng quân đời thứ 5 – ngài Hōjō Sanetoki (hay còn gọi là Kanezawa Sanetoki) của thời đại Mạc phủ Kamakura sáng lập, được gọi tắt là [Bản Văn khố Kanazawa]; bản Suruga in chữ đồng vào năm thứ hai Genna – Nhật Bản (1616), gọi tắt là [Bản Genna]; bắt đầu hiệu đính từ năm

đầu thời Tenmei (1781), cho đến năm thứ sáu Tenmei (1786) thì hoàn thành và xuất bản lưu thông trở lại, gọi tắt là [Bản Tenmei]; vào những năm Dân Quốc, nhà xuất bản Thương vụ Thượng Hải trên cơ sở bản Tenmei đã hiệu đính và xuất bản lại, gọi tắt là [Bản Thương vụ]. Trong mục lục bản Genna và bản Tenmei, tổng cộng có sáu mươi lăm bộ điển tịch, cuốn 46 của bản Văn khố Kanazawa lại có bài “Thời Vụ Luận”, nội dung lại chính là hai đoạn cuối cùng của “Thẻ Luận” trong cuốn 48 của bản Genna và bản Tenmei; bởi vậy số lượng điển tịch mà [Trị Yếu] căn cứ là sáu mươi sáu bộ. Nhưng bộ sách lưu truyền cho đến nay, vẫn còn thiếu cuốn 4 - *Xuân Thu Tả Thị Truyền* (thượng), cuốn 13 - *Hán Thư* 1, cuốn 20 - *Hán Thư* 8.

Ba trăm sáu mươi câu kinh văn trích lục của bộ sách [*Quần Thư Trị Yếu* 360] mà Trung Tâm tuyển chọn, tất cả đều chiếu theo nguyên văn của [Trị Yếu], ngoài ra có sao chép tiểu chú giải ở trong đó, và sao chép nội dung cuối trang của bản Tenmei, đồng thời cũng tham khảo nội dung hiệu đính của bản Thương vụ.

Đối với việc trích lục từ sáu mươi sáu bộ điển tịch của [Trị Yếu], không phải chỉ là việc xử lý cắt gọn mà là trích lục những điểm quan trọng. Ví dụ như cuốn [Lễ Vận Đại Đồng Thiên], bộ sách này được đúc kết thành câu kinh như sau:

Hán văn:

大道之行也，天下為公。選賢與能。故人不獨親其親，不獨子其子，使老有所終，幼有所長，鰥寡孤獨

廢疾者，皆有所養。是故謀閉而不興，盜竊亂賊而不作。是謂大同。》

Hán Việt: “Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công. Tuyền hiền dữ năng. Cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, sử lão hữu sở chung, ấu hữu sở trưởng, quan quả cô độc phế tật giả, giai hữu sở dưỡng. Thị cố mưu bế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác. Thị vị đại đồng”.

Tam dịch: Việc thực thi đạo lý lớn, thiên hạ này là của tất cả người trong thiên hạ. Lựa chọn người có đức tài để trị vì thiên hạ. Không chỉ coi người thân của mình mới là người thân thích, không chỉ xem con cháu mình mới là con cháu, để người già có nơi nương tựa, để trẻ em được hưởng giáo dục tốt đẹp, người cô đơn cô cút và người tật bệnh đều có nơi mà an dưỡng. Nếu được như vậy, âm mưu có rồi sẽ bị chế ngự mà tự tan rã, đạo tặc cướp bóc sẽ không còn. Đó được gọi là Đại Đồng.

Nếu người đọc muốn tìm hiểu sâu hơn nữa đối với sáu mươi sáu bộ điển tịch, vẫn cần xem đọc toàn văn của bộ điển tịch.

II. THỂ CHỮ VÀ KIỂU CHỮ

Văn tự mà bộ sách này sử dụng là chữ Hán thể chữ khải. Đối với thể chữ khắc trong nguyên văn, như: 巳巳 巳, 田田, v.v... nhất loại đều được cải chính theo nghĩa của văn tự. Những chữ dị thể trong nguyên văn, trừ tên người, địa danh, về cơ bản đều theo nguyên tắc số đông và tập tục thói quen, mà chuyển đổi thành chữ hiện đại

thường dùng. Số ít những chữ thông dụng cũng sửa thành chữ hiện đại thường dùng. Nay xin liệt kê những chữ đã sửa như sau (những chữ đặt trong dấu ngoặc được trích từ nguyên văn của bản Tenmei, chữ đứng trước dấu ngoặc là chữ được dùng trong bộ sách này):

為 (爲)	眾 (衆)	群 (羣)	鄰 (隣)	教 (教)
清 (清)	即 (卽)	偽 (僞)	慎 (慎)	舉 (舉)
真 (眞)	鬥 (鬪)	跡 (迹)	既 (既)	恥 (耻)
災 (灾)	污 (汚)	睹 (覩)	眦 (眦)	嘗 (嘗)
遍 (徧)	乃 (迺)	並 (并)	餒 (餓)	別 (別)
褻 (褻)	況 (况)	棄 (弃)	劍 (劍)	慚 (慙)
吝 (慚)	嶄 (嶄)	銜 (銜)	奸 (姦)	蒞 (莅、 洩)

III. DẤU CÂU

Bộ sách [Quản Thư Trị Yếu] trong bản Văn khố Kanazawa và bản Genna không có dấu ngắt câu, và toàn bộ dấu ngắt câu trong bản Tenmei đều dùng dấu “、” để ngắt câu. Dấu câu trong bộ sách này chủ yếu tham khảo từ bản Tenmei, một số chỗ căn cứ vào bản Thương Vụ hoặc bản đọc của những thư tịch chọn trích dẫn để ngắt câu, tổng thể bộ sách sử dụng dấu câu hiện hành để đánh dấu.

IV. CHÚ THÍCH VÀ NGUYÊN TẮC DỊCH THUẬT.

Chú thích cho bộ sách này với mong muốn đơn giản mà tinh túy. Nếu tiêu chú thích đã có giải thích cho

những từ trong nguyên văn, về nguyên tắc sẽ không liệt kê lại trong phần chú thích. Nội dung dịch thuật áp dụng phương pháp kết hợp giữa dịch trực tiếp và dịch ý. Sau khi dịch xong, nếu cảm thấy vẫn chưa viên mãn, thì sẽ phát triển thêm ở sau nội dung biên dịch, để người đọc có thể thâm nhập sâu hơn tinh thần của bậc Thánh Hiền thời xưa.

V. CHÚ THÍCH LÊN KHUÔN IN.

Bộ sách này được chia thành ba phần: nguyên văn, chú thích và tiếng bạch thoại. Phần tiểu chú thích trong nguyên văn, vẫn thể hiện dưới dạng hai hàng kèm chú thích; nội dung hiệu đính ở cuối trang trong bản Tenmei, nay sửa và chèn vào trong nguyên văn, và cũng thể hiện dưới dạng hai dòng kèm chú thích và để phân biệt, nội dung hiệu đính sẽ được đặt trong dấu ngoặc.

Trung tâm Giáo dục Văn hóa Trung Hoa – Malaysia,

Kính cẩn.

Ngày 10 tháng 4 năm 2012.

CHƯƠNG I: QUÂN ĐẠO
[ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO CỦA BẠC
QUÂN VƯƠNG]

1. TU THÂN

A. Giới tham.

~ 1 ~

自成康^①以來，幾且^②千歲，欲為治者甚眾，然而太平不復興者，何也？以其舍法度，而任私意，奢侈行而仁義廢也。

（卷十九 漢書七）

Chú thích:

(1) Thành Khang: Cách gọi chung của Chu Thành Vương và Chu Khang Vương. Vào thời đại Thành Khang, thiên hạ thái bình, các hình phạt đều không cần dùng đến, và được kéo dài cho đến bốn mươi năm, đây là thời kỳ thịnh vượng của triều đại Tây Chu;

(2) Sắp, sẽ.

Viết ngữ:

Từ thời đại thái bình thịnh vượng của vua Thành, vua Khang đến nay, cũng gần một nghìn năm, bậc quân vương muốn khiến cho thiên hạ được thái bình phần vinh có rất nhiều, vậy mà cảnh thái bình thịnh vượng đó đã không xuất hiện trở lại, nguyên nhân từ đâu vậy? Bởi vì, người lãnh đạo đã không màng đến đạo lý và phép tắc trị quốc, chỉ chiều theo dục vọng cá nhân của chính

mình để hành xử, từ đó dẫn đến hành vi phóng túng xa xỉ mà bỏ quên nhân nghĩa⁴.

(Cuốn 19. *Hán Thư* - Tập 7)

~ 2 ~

夫^①物速成則疾^②亡，晚就^③則善終。朝華^④之草，夕而零落；松柏之茂，隆寒^⑤不衰。是以大雅君子^⑥惡速成。

(卷二十六 魏志下)

Chú thích:

- (1) Tương đương với “凡” [phàm], nghĩa là phàm, tất cả;
- (2) Nhanh chóng, cấp tốc;
- (3) Hoàn thành, thành công;
- (4) Tương đương với “朝花” [triêu hoa], chỉ đóa hoa nở vào buổi ban mai;
- (5) Rất lạnh;
- (6) Người cao thượng, đức tài song toàn.

Viết ngữ:

Phàm những sự vật phát triển quá nhanh, suy vong tất cũng nhanh; nếu phát triển từng bước ổn định, tất dễ đạt được thành quả viên mãn. Hoa cỏ nở vào buổi ban

⁴ Cách gọi khác của Chu Thành Vương và Chu Khang Vương. Vào thời đại Thành Khang, thiên hạ thái bình, các hình phạt đều không cần dùng đến, và được kéo dài cho đến bốn mươi năm, đây là thời kỳ thịnh vượng của triều đại Tây Chu;

mai, đến chiều muộn đã héo úa; như cây tùng cây bách xum xuê lá cành, dầu trong mùa đông vô cùng giá lạnh, cũng không dễ lụi tàn. Bởi vậy, người quân tử⁵ tài cao đức trọng, tối kỵ việc thành công quá mau chóng. (Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 3 ~

夫^①榮公好專利^②而不知大難。夫利，百物之所生也，天地之所載也，而有專之，其害多矣。天地百物皆將取焉，何可專也？所怒甚多，而不備大難，以是教王，王其能久乎？

(卷十一 史記上)

Chú thích:

- (1) Trợ từ ngữ khí trong Văn Ngôn Văn, thể hiện ý nhắc nhở;
- (2) Chỉ việc độc chiếm lợi ích.

⁵ Quân tử (君子) ở đây xứng đáng được đặc biệt ghi chú bởi là một khái niệm trung tâm của tư tưởng Nho gia. Khái niệm này mang hình mẫu lý tưởng về con người đức tài song toàn, nghĩa gốc chính là người trị vì. Đây là một từ ghép bởi hai từ, nghĩa tách rời là ‘con trai của người trị vì (vua)’. Dưới sự thay đổi của điều kiện xã hội trong thời Chiến Quốc, khái niệm về quyền thừa kế được thay thế bằng khái niệm ‘tầng lớp quý tộc’ và trong trường phái Nho gia, ý nghĩa của từ quân tử trở thành khái niệm đề chỉ người có đức độ hơn là một vị hoàng đế trong tương lai. Tiêu chuẩn để trở thành bậc quân tử hội tụ đầy đủ đức tính của ‘nhân’ và kết hợp với phẩm chất của sự công bằng, như là ‘nghĩa’ và sự hòa nhập xã hội hoàn toàn thông qua các lễ nghi – Bob Eno, *Luận Ngữ*, 2010.

Viết ngữ:

Vinh Di Công ưa thích độc chiếm quyền lợi mà không biết rằng điều này sẽ gây ra các vấn đề nghiêm trọng trong xã hội. Sự trù phú và lợi ích là nguồn tài nguyên mà vạn vật trong trời đất cùng dựa vào nhau để sinh tồn. Nếu có hiện tượng độc chiếm, những tai hại mất cân bằng tài nguyên sẽ nảy sinh nhiều bởi mọi người đều cần dùng đến, vậy sao có thể độc chiếm chứ? Khi hiện tượng mất cân bằng xảy ra nhiều, lại không biết rằng các vấn đề xã hội đã tồn tại, tất sẽ dẫn đến cảnh dân chúng oán than. Không đi phòng ngừa những tai họa lớn, lại dùng tư tưởng thế này để xúi giục bậc quân vương, vậy ngại vàng sao có thể giữ được lâu dài đây?

(Cuốn 11. *Sử Ký* – Thượng)

~ 4 ~

五色^①令人目盲；貪淫好色，則傷精失明。五音^②令人耳聾；好聽五音，則和氣去心也。五味^③令人口爽；爽，妄也。人嗜於五味，則口妄，言失於道。馳騁田獵^④，令人心發狂；人精神好安靜，馳騁呼吸，精神散亡，故發狂也。難得之貨，令人行妨^⑤。妨，傷也。難得之貨，謂金、銀、珠、玉。心貪意欲，則行傷身辱也。

(卷三十四 老子)

Chú thích:

(1) Ngũ sắc vốn chỉ năm loại màu: Xanh, đỏ, trắng, đen, vàng. Ở đây chỉ các loại màu sắc;

- (2) Ngũ âm vốn chỉ năm thang âm trong thanh âm của Trung Quốc: Cung, thương, giốc, chủy, vũ. Ở đây chỉ âm nhạc nói chung;
- (3) Ngũ vị vốn chỉ năm loại mùi vị: Chua, ngọt, đắng, cay, mặn. Ở đây chỉ các loại mùi vị hoặc chỉ thức ăn thơm ngon do kết hợp các vị để tạo nên;
- (4) Săn bắn;
- (5) Tồn hại.

Việt ngữ:

Ham mê những thứ lộng lẫy sắc sỡ, khiến thần khí bị phân tán, tầm nhìn không còn nhạy bén; theo đuổi quá đà sự phấn khích từ âm nhạc, khiến tâm mất đi khí ôn hòa chính trực và thính giác không còn nhạy bén; quá chú trọng vị ngon của thức ăn, khiến vị giác cũng không còn nhạy bén; chìm đắm trong thú vui cười đùa săn bắt, khiến tâm trở nên ngông cuồng hấp tấp mà mất đi sự sáng suốt; những thứ hiểm gặp khó thấy, khiến người tăng trưởng lòng tham, để rồi gây ra những hành vi sai trái.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 5 ~

訓有之，內作色荒^①，迷亂曰荒。外作禽荒^②。甘酒嗜音，峻宇雕牆^③。有一于此，未或^④弗^⑤亡。此六者，有一必亡，況兼有乎！

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Mê hoặc thác loạn trong nữ sắc; “荒” [hoang] mang nghĩa phóng túng điên đảo, phóng đảng quá đà;
- (2) Mê hoặc phóng túng với việc săn bắt cầm thú; “禽” [cầm] mang nghĩa chim muông và động vật;
- (3) Nhà cao cửa rộng và tường vách lộng lẫy, để ví với nơi ở lộng lẫy xa xỉ;
- (4) Không có;
- (5) Không.

Viết ngữ:

Hoàng đế Đại Vũ xưa có câu nói rằng: Bên trong thì mê đắm nữ sắc, bên ngoài lại ham mê dạo chơi săn bắn, phóng túng tiệc tùng không hề tiết chế, ham thích đàn ca múa hát không biết đủ. Ở nhà cao cửa rộng, rường cột chạm khắc trang hoàng quá đà. Chỉ chìm đắm vào một trong những thứ trên, tất không thể không mất nước.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 6 ~

亂國之主，務^①於廣地，而不務於仁義，務於高位，而不務於道德，是舍其所以存，而造其所以亡也。

(卷三十五 文子)

Chú thích:

- (1) Làm việc, dốc sức.

Viết ngữ:

Người lãnh đạo có thể dẫn dắt nước đến cảnh hỗn loạn, nếu chỉ chú trọng vào việc mở rộng phạm vi thế lực mà không xem trọng việc giáo hóa nhân nghĩa; họ chỉ theo đuổi quyền lực tước vị mà không chú trọng tu dưỡng đạo đức. Với cách làm này là đang ruồng bỏ điều kiện có thể sinh tồn của đất nước và tạo ra nhân tố diệt vong.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 7 ~

人主之大患，莫大乎好名。人主好名，則群臣知所要矣。

(卷四十八 體論)

Viết ngữ:

Tai họa lớn nhất của người lãnh đạo và không có tai họa nào lớn hơn, đó là việc ham thích hư danh. Một khi người lãnh đạo thích danh tiếng, cấp dưới liền biết được điều người lãnh đạo muốn là thứ gì và làm theo những điều mà họ muốn. (Cuốn 48. *Thế Luận*)

B. Cần Kiệm.

~ 8 ~

古之人曰：「一夫不耕，或^①受之飢；一女不織，或受之寒。」生之有時，而用之無度，則物力必屈^②。古之治天下，至纖至悉也，故其蓄積足恃^③。

(卷十四 漢書二)

Chú thích:

- (1) Chỉ người hoặc sự vật nói chung, tương đương với “có người”, “có việc”; ở đây mang nghĩa “có người”;
- (2) Cạn kiệt, cùng tận;
- (3) Nương tựa, nhờ vào.

Viết ngữ:

Người xưa thường nói: “Một người nông dân mà không cày cấy, tất có người bị đói; một người phụ nữ mà không dệt vải, tất có người chịu lạnh”. Vạn vật sinh trưởng đều có thời vụ, nếu sử dụng mà không có tiết chế, những vật chất này rồi sẽ cạn kiệt. Thời xưa trị vì thiên hạ, bởi đạt đến mức độ vô cùng kỹ càng chu đáo, chắc chắn rằng đất nước có đủ tích lũy để mà nương tựa.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

~ 9 ~

修身^①治國也，要^②莫大於節欲。傳曰：「欲不可縱。」歷觀有家^③有國^④，其得之也，莫不階^⑤於儉約；其失之也，莫不由於奢侈。儉者節欲，奢者放情。放情者危，節欲者安。

(卷四十七 政要論)

Chú thích:

- (1) Rèn luyện thân tâm, nuôi dưỡng đức hạnh;
- (2) Quan trọng, chủ yếu;

- (3) Các khanh, đại phu (chức quan được phong dưới thời Tây Chu - Chiến Quốc) hoặc đất đai, người phu dịch được bậc quân vương ban cho các bậc quan này;
- (4) Thái ấp của các vị vua và chư hầu thời xưa;
- (5) Nhờ vào, căn cứ.

Việt ngữ:

Trong việc tu thân và trị quốc, không có điều gì quan trọng hơn việc tiết chế dục vọng. Trong [Lễ Ký] có nói: “Không được nuông chiều dục vọng”. Xét một cách toàn diện từ cổ chí kim, bậc quân chủ vương hầu để đạt được thành công, không một ai mà không dựa vào làm việc siêng năng và sống cần kiệm; còn để nước mất nhà tan, không có lý do nào không phải bởi xa hoa buông thả. Người cần kiệm biết tiết chế dục vọng, kẻ xa xỉ thì phóng túng theo dục vọng. Kẻ phóng túng theo dục vọng tất nguy nan và người tiết chế dục vọng sẽ được bình an.

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

C. Trùng phần [Kiềm chế nóng giận].

~ 10 ~

禁令不明，而嚴刑以靜亂^①；廟筭^②不精，而窮兵^③以侵隣。猶鈗^④禾以計蝗蟲，伐木以殺蝓^⑤（蝓蝓作蠹），減食^⑥（減食作食毒）以中^⑥蚤蝨，撤舍以逐雀鼠也。

（卷五十 抱朴子）

Chú thích:

- (1) Dẹp yên động loạn;
- (2) Sách lược mà triều đình hoặc quân chủ thực thi đối với chiến sự;
- (3) Lạm dụng vũ lực;
- (4) Cắt bỏ, bỏ chẻ, chặt đốn;
- (5) Tương đương với con mọt, sâu mọt ở trong gỗ, mọt đục gỗ;
- (6) Đánh trúng, sát hại.

Viết ngữ:

Lệnh cấm không rõ ràng, lại dùng hình phạt nghiêm khắc để dẹp yên hỗn loạn. Sách lược ứng phó với chiến sự của triều đình không thỏa đáng mà không tự kiểm điểm, lại ra sức dùng vũ lực để xâm phạm lân bang. Việc này chẳng phải giống như cắt hết hoa màu để tiêu diệt châu châu, chặt phá hết cây cối để tiêu diệt sâu mọt, nuốt thuốc độc để giết chết chấy rận, tháo dỡ nhà cửa để tiêu diệt chim sẻ và lũ chuột sao?

(Cuốn 50. *Bảo Phác Tử*)

~ 11 ~

夫聖人以天下為度^①者也，不以己私怒，傷天下之功^②。

(卷十七 漢書五)

Chú thích:

- (1) Dự tính, độ lượng;
- (2) Mượn âm của từ “công”, nghĩa là công lý, việc công.

Viết ngữ:

Là bậc thánh nhân quân vương, thường nghĩ cho lợi ích của nhân dân trong thiên hạ, sẽ không vì sự giận dữ nảy sinh từ việc yêu ghét của cá nhân mình mà làm hại đến việc công của thiên hạ.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

D. Thiên thiện [Hương thiện].

~ 12 ~

子曰：「我三人行，必得我師^①焉。擇其善者而從之，其不善者而改之。」
言我三人行，本無賢愚，擇善從之，不善改之，故無常師

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Học tập, noi theo.

Viết ngữ:

Không Tử dạy rằng: “Khi ta chung sống với người, lời nói và cử chỉ của họ, nhất định có điều để ta học tập và noi theo. Chọn những ưu điểm của họ mà học

tập, còn những điểm mà họ làm chưa tốt, phải kiểm điểm bản thân, nếu có cùng lỗi đó, phải tự mà sửa đổi.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

E. Cải quá [Sửa chữa sai lầm].

~ 13 ~

子曰：「過而不改，是謂過矣^①。」

(卷九 論語)

Chú thích:

(1) Thể hiện ngữ khí cảm thán.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Một người có lỗi mà không chịu sửa, đó là sai lầm thực sự mất rồi.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 14 ~

子貢曰：「君子之過也，如日月之食^①焉：過也，人皆見之；更也，人皆仰之。」更，改也。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Tương đương với từ “蝕” [thực], chỉ hiện tượng nhật thực, nguyệt thực.

Viết ngữ:

Tử Công dạy rằng: “Lỗi lầm của người quân tử, cũng giống như hiện tượng nhật thực và nguyệt thực: Những sai lầm đã phạm phải, ai ai cũng nhìn thấy; nhưng khi sửa lỗi rồi, sẽ lại sáng tỏ và rạng rỡ như ánh mặt trời, ánh mặt trăng sau khi hết nhật thực và nguyệt thực vậy, người người đều kính ngưỡng.”

(Cuốn 9. Luận Ngữ)

~ 15 ~

古者聖王之制，史^①在前書過失，工^②誦箴諫^③，庶人^④謗^⑤於道；商旅^⑥議於市，然後君得聞其過失也。聞其過失而改之，見義而從之，所以永有天下也。

(卷十七 漢書五)

Chú thích:

- (1) Vị quan phụ trách việc văn thư và ghi chép bên cạnh quân vương thời xưa;
(2) Thời xưa có chức quan đảm nhiệm việc ngâm thơ và đọc tản văn, thường ở bên cạnh quân vương để khuyên gián;
(3) Lời khuyên can, cảnh báo;

- (4) Muôn dân trăm họ;
- (5) Chỉ trích lỗi của người khác;
- (6) Thương nhân qua lại khắp nơi để buôn bán hàng hóa.

Viết ngữ:

Trong chế độ của bậc thánh vương thời xưa, quan chép sử có nhiệm vụ ghi lại lỗi lầm của quân chủ, còn quan ngâm đọc thơ văn sẽ đọc lên những ý thơ hay lời văn để khuyên gián họ, nêu ra những sai trái mà muôn dân chỉ trích bậc quân vương ở bên đường, những lỗi lầm của bậc quân vương mà các lái thương đàm luận khi họp chợ, có như vậy bậc quân vương mới nghe được lỗi lầm của chính mình. Những lỗi lầm khi nghe được liền sửa đổi, những điều hợp đạo nghĩa khi thấy được liền tích cực thực hiện, đây chính là lý do vì sao họ giữ được thiên hạ lâu dài như vậy.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

~ 16 ~

大忌知身之惡而不改也，以賊^①其身，乃喪其軀，有行如此，之謂大忌也。

(卷三十一 鬻子)

Chú thích:

- (1) Tồn hại, làm hại.

Viết ngữ:

Điều tối kỵ của người là biết được sai trái của chính mình mà không chịu sửa đổi, để đến khi làm tổn hại thân - tâm, thậm chí mất đi cả sinh mạng. Nếu có hành vi thế này, đây là điều đại kỵ của con người.

(Cuốn 31. *Dục Tử*)

~ 17 ~

先民^①有言，人之所難者二，樂知^(知作攻)其惡者難，以惡告人者難。

(卷四十六 中論)

Chú thích:

(1) Chỉ người thời xưa nói chung.

Viết ngữ:

Người xưa từng nói, có hai việc mà người khó làm được, một là vui khi nghe người khác chỉ ra khuyết điểm và lập tức sửa đổi, hai là chỉ ra lỗi sai của người và nói với họ.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

2. ĐÔN THÂN [KÍNH YÊU NGƯỜI THÂN]

~ 18 ~

子曰：「愛親者，不敢惡於人；愛其親者，不敢惡於他人之親。敬親者，不敢慢於人。己慢於人之親，人亦慢己之親，故君子不為也。愛敬盡於事^①親，愛盡於母，盡敬於父。而德教加於百姓，敬以直內，義以方外，故德教加於百姓也。形^②于四海，形，見也。德教流行，見四海也。蓋^③天子之孝也。《呂刑》云：『一人有慶^④，兆民^⑤賴之。』《呂刑》，尚書篇名。一人謂天子。天子為善，天下皆賴之。

(卷九 孝經)

Chú thích:

- (1) Chăm sóc và phụng sự;
- (2) Tương đương với “見” [kiến]. Bản [Hiếu Kinh] ngày nay dùng từ “刑”, “刑” và “形” mượn âm lẫn nhau;
- (3) Là, kỳ thực;
- (4) Tốt lành;
- (5) Dân chúng của thiên tử theo cách nói thời xưa, sau này chỉ muôn dân trăm họ.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Khi thiên tử thực sự thương yêu cha mẹ mình, sẽ không dám đối xử không tốt với cha mẹ của người; nếu thực sự kính trọng cha mẹ của mình, sẽ không dám coi thường cha mẹ của người. Khi thiên tử mang lòng yêu kính vô bờ mà phụng dưỡng cha mẹ, rồi

đem cách giáo hóa đức hạnh này mà thực thi trong muôn dân, cả nước đều thấy được sức ảnh hưởng tốt đẹp có được từ việc giáo hóa đạo đức này, đây chính là đạo hiếu của thiên tử! Trong [*Thượng Thư · Lữ Hình*] có nói: “*Thiên tử*”⁶ mà có đức tính tốt đẹp kính yêu cha mẹ, thì muôn dân trong thiên hạ sẽ nương tựa vào họ, có như vậy nước nhà mới được thái bình bền lâu.”

(Cuốn 9. *Hiếu Kinh*)

~ 19 ~

昔三代明王之必敬妻子^①也，蓋有道焉。妻也者，親之主也；子也者，親之後也；敢不敬與？是故君子無不敬也。敬也者，敬身為大；身也者，親之支^②也，敢不敬與？不敬其身，是傷其親；傷其親，是傷其本也；傷其本，則支從而亡。三者，百姓之象^③也。言百姓之所法而行。身以及身，子以及子，妃以及妃，君修此三者，則大化^④愾於天下。愾，滿也。

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Người vợ và con cái;
- (2) Thế hệ nối tiếp của cha mẹ. Trong [*Lễ Kí*] ghi là “親之枝”, mang nghĩa nhánh cành;

⁶ Sau khi ngài Chu Vũ Vương lập nên nhà Chu (TCN 1134 – 256), ông tự xưng là Thiên tử (đế vương là con của trời), kể từ đó hầu hết các vị vua và hoàng đế sau này đều tự xưng là Thiên tử.

- (3) Học tập, noi theo;
- (4) Sự giáo hóa với phạm vi sâu rộng.

Viết ngữ:

Bậc minh quân thánh triết từ thời Hạ - Thương – Chu chắc hẳn phải trân trọng thương yêu vợ và con cái. Thật là có đạo lý! Bởi người vợ là nữ chủ nhân lo việc thờ cúng tổ tiên, chăm sóc cha mẹ; còn con cái chính là người kế thừa của tổ tiên, sao có thể không xem trọng chứ? Bởi vậy, bậc quân vương không có ai là không tôn trọng vợ và con. Luận bàn đến sự tôn trọng, điều quan trọng nhất là tôn trọng chính mình. Bản thân ta là thế hệ tiếp nối của cha mẹ, vậy sao có thể không tôn trọng cho được? Không biết tự trọng, chính là làm tổn thương cha mẹ; làm tổn thương cha mẹ tức là tổn hại gốc rễ; khi làm tổn hại gốc rễ rồi, cành nhánh cũng khô héo theo. Ba đối tượng: bản thân – người vợ - con cái, muôn dân cũng giống như bậc quân vương đều có đủ cả, họ tự sẽ noi theo tấm gương của bậc quân vương. Trân trọng bản thân thì mới mở rộng để trân trọng muôn dân, thương yêu con cái của chính mình thì mới mở rộng để thương yêu con cái của muôn dân, trân quý người vợ của chính mình thì mới mở rộng để trân quý người vợ của muôn dân. Nếu bậc quân vương làm tốt ba điều này, vậy thì sự giáo hóa sâu rộng mới có thể lan tỏa khắp thiên hạ.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 20 ~

帝王之於親戚，愛雖隆^①，必示之以威^②；體雖貴，必禁之以度^③。

（卷二十四 後漢書四）

Chú thích:

- (1) Sâu dày;
- (2) Tôn nghiêm, uy nghiêm. Thể hiện ra khí thế làm người khác kính nể;
- (3) Phép tắc, luật pháp.

Viết ngữ:

Tình yêu thương của bậc quân vương đối với thân bằng quyến thuộc dầu có sâu sắc, nhưng nhất định phải có sự tôn nghiêm, nếu không thân quyến của mình sẽ trở nên ngạo mạn; dầu thân phận của thân quyến có đặc ân, nhưng nhất định phải dùng phép tắc luật lệ để chế ngự, nếu không họ sẽ hoành hành ngang ngược.

(Cuốn 24. *Hậu Hán Thư* – Tập 4)

~ 21 ~

所貴於善者，以其有禮儀也；所賤於惡者，以其有罪過也。今以所貴者教民，以所賤者教親，不亦悖^①乎？

（卷四十五 昌言）

Chú thích:

(1) Sai lầm, hoang đường.

Viết ngữ:

Hành vi tốt đẹp được mọi người kính trọng là bởi hợp với lễ nghĩa; hành vi không tốt đẹp mà bị ghét bỏ là bởi trái ngược với luân thường đạo lý. Ngày nay, đem những điều được kính ngưỡng để giáo hóa muôn dân, nhưng lại đem những thứ bị ghét bỏ để dạy dỗ hoàng thân quốc thích và cho phép họ cư xử theo cách ngược lại, chẳng phải là rất bất thường hay sao?

(Cuốn 45. *Xương Ngôn*)

3. PHẢN THÂN [KIỂM ĐIỂM BẢN THÂN]

~ 22 ~

立德之本，莫尚^①乎正心。心正而後身正，身正而後左右正，左右正而後朝廷正，朝廷正而後國家正，國家正而後天下正。

(卷四十九 傅子)

Chú thích:

(1) Vượt qua, hơn

Việt ngữ:

Nền tảng đạo đức và phẩm hạnh mà bậc quân vương gây dựng, không có gì quan trọng hơn tâm chính trực. Khi tâm chính trực, lời nói cử chỉ của bản thân tự sẽ đúng đắn; khi bản thân ngay thẳng rồi, suy nghĩ của các cận thần xung quanh mới ngay thẳng; khi cận thần ngay thẳng rồi, phong thái chính trị của triều đình mới được chấn chỉnh; khi triều đình được chấn chỉnh rồi, việc điều hành đất nước mới được ổn định; khi đất nước ổn định rồi, thiên hạ sẽ trở lại mà quy thuận.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 23 ~

曾子曰：孔子弟子曾參也。「吾日三省^①吾身：為人謀^②，而不忠乎？與朋友交，而不信乎？傳^③不習乎？」言凡所傳之事，得無素不講習而傳之者也。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Tự kiểm điểm nhiều lần, “三” [tam] chỉ số nhiều hoặc nhiều lần, “省” [tỉnh] tự nhìn nhận, kiểm điểm;
- (2) Trù bị kế hoạch để thực hiện;
- (3) Những điều mà thầy giáo đã truyền dạy, đồng thời cũng là kiến thức mà chính mình sẽ truyền lại cho học trò.

Viết ngữ:

Tăng Tử dạy rằng: “Hàng ngày, ta đều phải kiểm điểm bản thân nhiều lần: Khi làm việc cho người, liệu đã dốc lòng dốc sức hay chưa? Khi kết giao bằng hữu, liệu có trọng chữ tín hay không? Những điều thầy ta đã truyền dạy cũng chính là tri thức mà bản thân sẽ truyền lại cho học trò, liệu bản thân đã ôn tập kỹ càng và thực hành hay chưa?”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 24 ~

天子無戲言。言則史書之，禮^①成之，樂歌之。

(卷十一 史記上)

Chú thích:

(1) Chỉ nghi thức hoặc nghi lễ được tổ chức long trọng.

Viết ngữ:

Bậc thiên tử không có lời nói nào mà không thận trọng. Bởi vì, lời vừa nói ra, quan chép sử liền ghi chép lại rồi lấy lễ nghi để hoàn thiện và dùng trống nhạc để mà ca ngợi.

(Cuốn 11. *Sử Ký* - Thượng)

~ 25 ~

子曰：「躬自厚^①，而薄責^②於人，則遠^③怨矣。」責己
厚，責人薄，所以遠怨咎也。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Nặng về tự phê bình, “躬”[cung] có nghĩa là bản thân, chính mình;
- (2) Yêu cầu với tiêu chuẩn thấp;
- (3) Tránh xa.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Với bản thân phải nghiêm khắc, nhưng với người lại khoan dung độ lượng, có như vậy mới tránh xa được sự oán hận.”

(Cuốn 9. Luận Ngữ)

~ 26 ~

君不肖^①，則國危而民亂；君賢聖，則國家安而天下治。禍福在君，不在天時^②。

(卷三十一 六韜)

Chú thích:

- (1) Không có đức hạnh, không có tài năng, “肖” [tiểu] mang nghĩa tựa như, giống với; “不肖” [bất tiểu] nghĩa là không bằng người;
- (2) Chỉ ý chỉ của trời.

Viết ngữ:

Bậc quân vương mà không có đức có tài, đất nước tất sẽ lâm nguy và nhân dân thì loạn lạc; nếu bậc quân vương hiền minh, đất nước tất sẽ được thái hòa mà nhân dân lại có tôn ti trật tự. Họa phúc của một quốc gia được quyết định bởi bậc quân vương có đức tài hay không, chứ không phải do ý chỉ của thượng thiên.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 27 ~

「朕躬^①有罪，無以萬方；萬方^②有罪，罪在朕躬。」
無以萬方，萬方不與也。萬方有罪，我身之過。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Trẫm, bản thân ta. Thường dùng cho cách tự xưng của bậc thiên tử;
- (2) Các bang, chư hầu muôn phương.

Viết ngữ:

Vua Thương Thang từng nói rằng: “Bản thân trẫm có tội, xin ông trời đừng làm liên lụy đến nhân dân muôn phương; nếu họ có tội, đều tại trẫm chưa làm được tấm gương tốt, chưa giáo hóa được họ, bởi vậy tội ấy do một mình trẫm gánh lấy mà thôi.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 28 ~

故明王有過則反^①之於身，有善則歸之於民。有過而反之身則身懼^②，有善而歸之民則民喜。往喜民，來懼身，此明王之所以治民也。

(卷三十二 管子)

Chú thích:

- (1) Trả về, về;
- (2) Cảnh giác, khiếp sợ.

Viết ngữ:

Bậc quân vương đức tài và sáng suốt, khi mắc lỗi lầm thường nhận trách nhiệm về mình và khi làm được việc thiện sẽ ghi công ở muôn dân. Khi mắc lỗi lầm mà tự kiểm điểm chính mình, bản thân sẽ cảnh giác; khi làm việc thiện mà ghi công ở muôn dân, họ sẽ vui mừng hồ hởi. Ghi công ở nhân dân để nhân dân được thỏa

lòng vui sướng, còn bản thân nhận trách nhiệm về mình để nâng cao cảnh giác, đây chính là lý do vì sao bậc quân vương có thể trị vì được thiên hạ.

(Cuốn 32. *Quản Tử*)

~ 29 ~

傳曰：「禹湯罪己^①，其興也勃^②焉；桀紂罪人^③，其亡也忽焉。」由是言之，長民治國之本在身。

(卷四十七 政要論)

Chú thích:

- (1) Mạnh dạn nhận trách nhiệm và tự phê bình kiểm điểm;
- (2) Trạng thái nổi lên;
- (3) Gán tội cho người.

Viết ngữ:

Trong [*Tả Truyện*] có nói: “Vua Hạ Vũ và vua Thương Thang thường tự trách tội bản thân; bởi vậy đức hạnh, trí tuệ và tài năng của họ không ngừng được nâng cao, từ đây lòng dân tự nhiên mà quần tụ lại và đất nước của họ cũng hiển nhiên mà hưng thịnh. Còn vua Hạ Kiệt và vua Thương Trụ lại đi kết tội cho người, do vậy tội ác của bản thân không ngừng tăng thêm, lòng người tự nhiên ly tán, từ đó đất nước của họ bị diệt vong nhanh chóng.” Điều này cho thấy, nguồn gốc của một đất nước

thái bình bền lâu chính nằm ở chính bản thân của bậc quân vương.

(Cuốn 47. Chính Yếu Luận)

~ 30 ~

孟子告齊宣王曰：「君之視臣如手足，則臣之視君如腹心^①；君之視臣如犬馬，則臣之視君如國人^②；君之視臣如土芥^③，則臣之視君如寇讎^④。」

芥，草芥也。臣緣君恩（舊無恩字，補之）以為差等。

（卷三十七 孟子）

Chú thích:

- (1) Phần bụng và tim, đều là cơ quan quan trọng nhất trong cơ thể con người;
- (2) Người qua đường;
- (3) Bùn đất và cỏ dại, chỉ những vật nhỏ bé không đáng để trân trọng;
- (4) Cũng xem như “寇仇” [khẩu cừ], thù địch, kẻ địch.

Viết ngữ:

Mạnh Tử nói với Tề Tuyên Vương rằng: “Quân vương mà coi hạ thần như tay chân của mình, hạ thần sẽ coi quân vương như tim gan của họ; quân vương mà coi các hạ thần như chó ngựa, hạ thần sẽ coi quân vương như người qua đường; quân vương mà coi các hạ thần

như bùn đất và cộng cỏ, hạ thần sẽ coi quân vương như kẻ thù vậy.”

(Cuốn 37. *Mạnh Tử*)

~ 31 ~

景公問晏子曰：「富民安眾難乎？」對曰：「易。節欲則民富，中聽^①則民安，行此兩者而已矣。」

(卷三十三 晏子)

Chú thích:

(1) Xét xử các vụ án hết sức thích đáng.

Viết ngữ:

Tề Cảnh Công hỏi Yên Tử rằng:

- Muốn khiến cho nhân dân được giàu có và nước nhà an định, liệu có khó không?

Ngài đáp lại:

- Dễ thôi. Bậc quân vương mà tiết chế tham dục tất sẽ khiến nhân dân được giàu có và xét xử công bằng sẽ khiến đất nước an định. Chỉ cần làm tốt hai việc này là đủ rồi.

(Cuốn 33. *Yên Tử*)

~ 32 ~

明主者有三懼：一曰處尊位而恐不聞其過；二曰得意^①而恐驕；三曰聞天下之至言^②，而恐不能行。

（卷四十三 說苑）

Chú thích:

- (1) Hài lòng như ý và có chút thành tựu, hoặc mang ý tự hào;
- (2) Lời khen tốt đẹp nhất, đạo lý đúng đắn nhất.

Viết ngữ:

Bậc quân vương anh minh có ba nỗi khiếp sợ: Thứ nhất, khi chính mình ở ngôi vị cao, sợ rằng sẽ không nghe được điều sai trái mà người khác luận bàn. Thứ hai, khi mọi việc đều toại nguyện như ý, sợ rằng sẽ trở nên kiêu ngạo. Thứ ba, sợ rằng khi nghe được những đạo lý vô cùng đúng đắn mà không thể thực thi.

(Cuốn 43. Thuyết Uyển)

~ 33 ~

昔成湯遭旱，以六事自責曰：「政不節耶？使民疾耶？宮室榮耶？女謁^①盛耶？苞苴^②行耶？讒夫^③昌^④耶？」

（卷二十二 後漢書二）

Chú thích:

- (1) Lời khuyên của các phi tần được sủng ái trong cung;
- (2) Đồ hối lộ. Thời xưa khi hối lộ, sợ người khác biết nên đã dùng cỏ lau để che đậy;
- (3) Kẻ nói xấu, gièm pha;
- (4) Đồng nghĩa với “猖” [xương], hung hăng dữ tợn. Cố tình làm sai.

Viết ngữ:

Khi xưa vua Thành Thang gặp nạn hạn hán, bèn đem sáu việc ra để tự trách mình: Việc trị vì liệu có hợp với phép tắc hay không? Đối với muôn dân liệu có bắt ép lao dịch quá mức hay không? Cung điện liệu có xa hoa thái quá hay không? Việc các phi tần được sủng ái can thiệp chính sự liệu có trở thành phong trào hay không? Hiện tượng hối lộ liệu có tràn lan hay không? Kẻ nói xấu gièm pha liệu có ngông cuồng quá mức hay không?

(Cuốn 22. *Hậu Hán Thư* – Tập 2)

~ 34 ~

曾子曰：「上^①失其道，民散久矣。如得其情，則哀矜^②而勿喜。」
民之離散，為輕漂犯法，乃上之所為，非民之過也，當哀矜之，勿自喜能得其情也。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Chỉ các nhà chính trị cao cấp;
- (2) Thương xót, đồng tình.

Viết ngữ:

Tăng Tử dạy rằng: “Bậc quân vương mà đánh mất đạo lý trị quốc, khiến lòng dân phân tán đã lâu. Nếu như hiểu được sự tình mà người dân phạm tội, phải nên xót thương đồng cảm với họ, chứ đừng vì tài năng xét xử của mình mà ngông nghênh tự đắc.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 35 ~

上失其道，而殺其下，非理也。不教以孝，而聽^①其獄^②，是殺不辜^③也。

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Phán xử, kết luận;
- (2) Tổ tụng vụ án;
- (3) Chỉ người vô tội.

Viết ngữ:

Khi bậc quân vương xa rời đạo lý trị vì đất nước, rồi xử tử thần dân, điều này là không hợp đạo lý. Thậm

chí, không dùng đạo hiếu mà giáo hóa nhân dân để họ hiểu đạo lý, lại cứ phạm tội thì xử tử chém đầu, đây chính là giết hại người vô tội.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 36 ~

致治^①之術，先屏四患，乃崇五政。一曰偽，二曰私，三曰放，四曰奢。偽亂俗，私壞法，放越軌，奢敗制。四者不除，則政無由行矣。俗亂則道荒，雖天地不得保其性矣；法壞則世傾，雖人主不得守其度矣；越軌則禮亡，雖聖人不得全其行矣；制敗則欲肆，雖四表^②不能充其求矣。是謂四患。興農桑以養其生，審好惡以正其俗，宣文教^③以章其化，立武備以秉其威，明賞罰以統其法，是謂五政。

(卷四十六 申鑒)

Chú thích:

- (1) Khiến cho nước nhà được an định thái bình. “致” [trí] mang nghĩa đạt được, “治” [trị] chỉ việc trị vì đất nước, chính trị ổn định, xã hội an định;
- (2) Chỉ nơi xa xôi hẻo lánh trong khắp đất nước, chỉ thiên hạ nói chung;
- (3) Lễ nhạc pháp luật, giáo hóa văn chương.

Viết ngữ:

Phương pháp để đi đến nền chính trị liêm chính, trước tiên phải trừ bỏ bốn mối hiểm họa thì mới thực hiện được năm chính sách đúng đắn. Bốn mối hiểm họa đó là: Thứ nhất làm điều dối trá; Thứ hai là mưu đồ tư lợi; Thứ ba là phóng túng buông thả; Thứ tư là lãng phí xa xỉ.

- 1) Làm điều dối trá sẽ khiến nếp sống xã hội bị hỗn loạn;
- 2) Mưu đồ tư lợi sẽ phá hoại kỷ cương phép nước;
- 3) Buông thả phóng túng sẽ cổ xúy những hành vi sai trái;
- 4) Lãng phí xa xỉ sẽ làm bại hoại chế độ.

Bốn mối hiểm họa này nếu không được trừ bỏ, giải pháp cho nền chính trị vì lợi ích người dân sẽ không thể thực thi. Khi nếp sống xã hội bị hỗn loạn, quan niệm đạo đức tốt sẽ bị mai một, dầu là đất trời cũng không thể bảo vệ được bản tính vốn có của muôn dân. Khi kỷ cương pháp luật bại hoại, xã hội tốt sẽ bị sụp đổ, dầu là bậc quân vương cũng không thể kiên trì bảo vệ những hệ thống luật pháp đó. Khi hành vi sai trái lệch lạc, tiêu chuẩn đạo đức cũng theo đó mà suy đồi, dầu là thánh nhân cũng không thể giữ gìn chính đạo. Khi kỷ cương bị phá vỡ, dự vọng tốt sẽ lộng hành ngang ngược, dầu cho lãnh thổ có trải khắp muôn phương cũng không thỏa mãn dự vọng đó.

Năm chính sách đúng đắn, đó là:

- 1) Đẩy mạnh việc trồng cây dệt vải để nuôi dạy muôn dân;
- 2) Hiểu rõ nguyện vọng của muôn dân để chỉnh đốn phong tục xã hội;
- 3) Tuyên dương lễ nhạc và phép tắc để đề cao việc giáo hóa của triều đình;
- 4) Xây dựng quân đội để bảo vệ sự uy nghiêm của quốc gia;
- 5) Thưởng phạt nghiêm minh để thống nhất luật pháp quốc gia.

(Cuốn 46. *Thân Giám*)

4. TÔN HIỀN [TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI]

~ 37 ~

無常安之國，無恒治之民。得賢者則安昌，失之者則危亡。自古及今，未有不^①然者也。

(卷四十三 說苑)

Chú thích:

(1) Như vậy, thế này.

Viết ngữ:

Không quốc gia nào được an định vĩnh viễn và cũng không có người dân nào quy thuận mãi mãi. Khi

có được bậc hiền tài phò tá, tất sẽ được thịnh vượng an định; nếu để mất người có đức tài, tất sẽ đi đến diệt vong. Từ cổ chí kim, chẳng phải đều như vậy sao?

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 38 ~

書曰：「有不世^①之君，必能用不世之臣。用不世之臣，必能立不世之功。」

(卷二十六 魏志下)

Chú thích:

(1) Điều hiếm có, phi thường.

Viết ngữ:

Trong sách cổ nói rằng: “Khi có bậc quân vương kiệt xuất, tất có thể tin dùng đại thần xuất chúng. Nếu tin dùng đại thần xuất chúng, tất có thể tạo nên sự công hiến kiệt xuất.”

(Cuốn 26. *Ngụy Chí - Hạ*)

~ 39 ~

子曰：「大臣不可以不敬也，是民之表^①也。邇臣^②不可以不慎也，是民之道^③也。」民之道，言民循從也。

(卷七 禮記)

Chú thích:

- (1) Hình mẫu, tấm gương;
- (2) Cận thân, chỉ các đại thần phò tá bên cạnh bậc quân vương;
- (3) Tương đương với “導” [đạo] có nghĩa là dẫn dắt, chỉ dẫn.

Viết ngữ:

Không Tử dạy rằng: “Người làm vua một nước không thể không cung kính đại thần, vì họ là tấm gương của dân chúng. Khi lựa chọn cận thân không thể không cẩn trọng, bởi họ chính là người dẫn dắt để dân chúng quy thuận”.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 40 ~

文王好仁，故仁興；得士而敬之，則士用，用之有禮儀。故不致其愛敬，則不能盡其心，則不能盡其力，則不能成其功。故古之賢君於其臣也，尊其爵祿^①而親之；疾則臨視^②之無數，死則弔哭^③之，為之服錫衰^④，而三臨其喪；未斂^⑤不飲酒食肉，未葬不舉^⑥樂，當宗廟之祭而死，為之廢樂。故古之君人者於其臣也，可謂盡禮矣；故臣下莫敢不竭力盡死，以報其上。

(卷十七 漢書五)

Chú thích:

- (1) Chức quan và bổng lộc;
- (2) Đích thân đến thăm hỏi;
- (3) Đau buồn mà khóc thương;
- (4) Áo tang được làm bằng vải sợi đay. “錫”, tương đương với “紵” [tích], vải thô;
- (5) Tương đương với “殯” [liệm], thay áo và nhập quan cho người mất;
- (6) Tấu nhạc.

Viết ngữ:

Chu Văn Vương yên mến người nhân đức, từ đây nên chính trị vì lợi ích của nhân dân mới được hưng thịnh; khi có được nhân sĩ mà trân trọng họ, từ đây nhân sĩ có thể hết lòng vì ông mà công hiến, Văn Vương lại có thể dùng lễ nghĩa mà đối nhân xử thế. Bởi vậy, nếu không yêu mến và trân trọng nhân sĩ, thì không thể có được lòng tin của họ và để họ yên tâm mà công hiến; không thể phát huy tài năng và dốc hết sức lực; cũng không thể khiến họ lập được công trạng. Do vậy, bậc minh quân xưa kia khi đối đãi với các đại thần, thường là tôn trọng mà ban chức vị và bổng lộc cho họ, lại còn yêu thương họ nữa. Khi đại thần bị ốm, nhiều lần đích thân thăm hỏi; khi đại thần qua đời, liền đến chia buồn khóc thương, lại còn mặc cả áo tang, rồi ba lần đích thân đến nơi an táng; trước khi nhập quan cho người mất, bậc

quân vương không uống rượu ăn thịt; khi chưa an táng người mất, bậc quân vương không tấu nhạc tiêu khiển; khi đại thần qua đời trong khi tế lễ ở tông miếu, liền vì họ mà hạ lệnh không tấu nhạc tế lễ ở tại nơi đó. Bởi vậy, bậc quân vương xưa kia đối đãi với các hạ thần, có thể nói là hết mực lễ nghĩa, chính vì lẽ đó mà trong lòng hạ thần không dám không dốc lòng dốc sức mà cung kính tận tụy báo đáp bậc quân vương.

(Cuốn 17. *Hán Thư* - Tập 5)

~ 41 ~

周公戒伯禽^①曰：「我文王之子，武王之弟，成王之叔父。我於天下亦不賤^②矣。然我一沐三捉髮，一飯三吐哺，起以待士，猶恐失天下之賢人。子^③之魯，慎^④無以國驕人。」

(卷十一 史記上)

Chú thích:

- (1) Họ Cơ, tự là Bá Cầm, còn có tên là Cầm Phụ, là con trưởng của Chu Công, vị vua đầu tiên của nước Lỗ;
- (2) Địa vị thấp hèn;
- (3) Tương đương với “您” là cách xưng hô kính trọng đối với ngôi thứ hai – ngài hoặc ngôi thứ hai – bạn, anh....;
- (4) Tuyệt đối, dầu thế nào.

Viết ngữ:

Chu Công răn dạy Bá Cầm rằng: “Ta là con trai của Văn Vương, là em trai của Vũ Vương, là chú ruột của Thành Vương. Đối với thiên hạ mà nói, địa vị của ta cũng không phải là thấp kém. Vậy mà nhiều khi đang gội đầu chưa kịp cầm lược chải tóc, khi ăn cơm chưa kịp nuốt hết miếng, đã phải đứng dậy để tiếp kiến bậc hiền sĩ. Dầu đến như thế, mà còn e bỏ lỡ bậc hiền tài trong thiên hạ. Khi con đến nước Lỗ, chớ mà đem thân phận của hoàng tộc và coi thường người.”

(Cuốn 11. *Sử Kí* - Thượng)

~ 42 ~

惟^①恤^②十難，以任賢能。一曰不知，二曰不求^{（求作進）}，三曰不任，四曰不終，五曰以小怨棄大德，六曰以小過黜^③大功，七曰以小短^{（短作失）}掩大美，八曰以^④子訐^④傷忠正，九曰以邪說亂正度，十曰以讒嫉廢賢能，是謂十難。十難不除，則賢臣不用；賢臣不用，則國非其國也。

（卷四十六 申鑒）

Chú thích:

- (1) Trọ từ đứng đầu câu, không có nghĩa cụ thể;
- (2) Chiếu cố, nghĩ đến;
- (3) Phê bỏ;

- (4) Nhiều phiên bản của [*Thân Giám*] đều ghi lại là “讎奸” [kiết can] hoặc “奸讎” [can kiết], mang nghĩa công kích ác ý. “奸” [can] có nghĩa là tà ác bất chính, “讎” [kiết] mang nghĩa bới móc chuyện riêng tư của người khác, đả kích khuyết điểm của người khác;

Viết ngữ:

Xét về phương diện trọng dụng bậc hiền sĩ, thấy rằng có mười điều khó:

- 1) Không có khả năng nhận biết người tài;
- 2) Nhận biết được người tài mà không thể tích cực tiến cử;
- 3) Tiến cử được người tài rồi mà không thể trọng dụng;
- 4) Trọng dụng người tài rồi mà không thể trước sau vẫn tín nhiệm họ;
- 5) Chỉ vì hiềm khích nhỏ mà phủ định những phẩm chất đức hạnh đáng quý của họ;
- 6) Chỉ vì những lỗi nhỏ mà gạt bỏ công lao to lớn của họ;
- 7) Chỉ vì những khuyết điểm nhỏ mà che lấp tất cả những điều tốt đẹp của họ;
- 8) Chỉ vì những lời nói công kích của kẻ xấu ác mà làm tổn thương nhân sĩ trung thành chính trực;
- 9) Chỉ vì những lời nói không thích đáng mà làm náo loạn kỷ cương luật pháp;
- 10) Chỉ vì đố kỵ ghen pha mà phế bỏ người đức tài song toàn.

Đây chính là mười điều khó. Nếu mười điều khó này mà không trừ bỏ, các đại thần có đức tài sẽ không được trọng dụng; khi đại thần có đức tài không được trọng dụng, nước nhà sẽ khó mà thành tựu được.

(Cuốn 46. *Thân Giám*)

~ 43 ~

文王問太公曰：「君務舉賢^①，而不獲其功，世亂愈甚，以致危亡者，何也？」太公曰：「舉賢而不用，是有舉賢之名也，無得賢之實也。」文王曰：「其失安^②在？」太公曰：「其失在好用世俗之所譽，不得其真賢。」

(卷三十一 六韜)

Chú thích:

- (1) Tiến cử, trọng dụng người có đạo đức, có tài năng.
“舉” [cử] mang nghĩa tiến cử và chọn dùng;
- (2) Nơi nào, ở đâu;

Viết ngữ:

Chu Văn Vương hỏi Khương Thái Công rằng:

- Quân vương đã hết lòng vì việc tiến cử và trọng dụng người hiền tài để phát huy hiệu quả, vậy mà sự bất ổn trong xã hội ngày càng nghiêm trọng hơn, thậm chí dẫn đến cảnh đất nước lâm nguy, nguyên nhân là do đâu vậy?

Thái Công đáp rằng:

- Tuyển chọn được bậc hiền tài mà không trọng dụng, đó chỉ là hư danh của việc tiến cử người tài mà không có thực chất của việc trọng dụng họ.

Văn Vương lại hỏi:

- Vậy sai lầm ở chỗ nào vậy?

Thái Công lại đáp rằng:

- Sai lầm ở chỗ quân vương chỉ ưa thích trọng dụng những kẻ được người đời tán tụng mà không trọng dụng người có đức có tài thật sự.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 44 ~

為人君而侮其臣者，智者不為謀，辨^①者不為使^②，勇者不為鬥。智者不為謀，則社稷^③危；辨者不為使，則使不通；勇者不為鬥，則邊境侵。

(卷四十二 新序)

Chú thích:

- (1) Tương đương với “辯” [biện] có nghĩa là biện luận;
- (2) Đi sứ, nhận nhiệm vụ ngoại giao ở nước ngoài;
- (3) Vốn chỉ thô thần và thần lúa, bởi vì xã tắc vốn do bậc đế vương tế lễ, sau này được dùng để chỉ quốc gia.

Viết ngữ:

Thân là bậc quân vương mà xúc phạm thần dân của mình, kết quả dẫn đến người tài trí sẽ không vì vua mà nghĩ mưu lược, người có tài hùng biện sẽ không vì vua mà đi sứ ngoại giao, người dũng cảm sẽ không vì vua mà xông pha trận mạc. Người tài trí không nghĩ mưu lược, xã hội và nước nhà tất sẽ rơi vào cảnh khốn cùng; người có tài hùng biện mà không đi sứ ngoại giao, đất nước sẽ không thể giao lưu với nước khác; người dũng cảm mà không dũng cảm xung trận, bờ cõi biên cương tất bị xâm phạm.

(Cuốn 42. Tân Tỵ)

5. NẠP GIÁN [TIẾP NHẬN LỜI KHUYÊN TỪ TRUNG THẦN]

~ 45 ~

國之所以治者，君明也。其所以亂者，君闇^①也。君之所以明者，兼聽^②也。其所以闇者，偏信^③也。是故人君通必^(必作心)^④兼聽，則聖日廣矣；庸說偏信，則愚日甚矣。

(卷四十四 潛夫論)

Chú thích:

- (1) Tội tằm mê muội, không hiểu sự tình;
- (2) Lắng nghe ý kiến từ nhiều hướng;
- (3) Chỉ tin nghe ý kiến một cách phiến diện;
- (4) Tương đương với “通心” [thông tâm] ý nói trong lòng đã thông hiểu.

Việt ngữ:

Đất nước sở dĩ trị vì được tốt là bởi bậc quân vương anh minh sáng suốt; đất nước sở dĩ hỗn loạn là bởi bậc quân vương u mê tăm tối. Sở dĩ bậc quân vương được anh minh sáng suốt là bởi vì có thể lắng nghe ý kiến từ nhiều hướng; sở dĩ bậc quân vương u mê tăm tối là bởi vì chỉ nghe và tin một cách phiến diện. Bởi vậy, khi bậc quân vương trong lòng đã sáng tỏ, lại biết lắng nghe từ nhiều hướng và tiếp thu, đức hạnh cao đẹp sẽ ngày càng nâng cao; còn nếu chỉ tin nghe những lời gian dối nịnh bợ, sự tăm tối ngu muội sẽ ngày càng tăng thêm.

(Cuốn 44. *Tiêm Phu Luận*)

~ 46 ~

臣聞人君莫不好忠正而惡讒諛，然而歷世之患，莫不以忠正得罪，讒諛蒙^①者，蓋聽忠難，從諛易也。

(卷二十三 後漢書三)

Chú thích:

(1) Sủng ái, chiều chuộng.

Việt ngữ:

Thần nghe nói bậc quân vương không ai lại không quý mến người trung thành chính trực và chán ghét kẻ xu

nịnh bợ đỡ. Thế nhưng, việc gây ra những tai họa qua nhiều triều đại, lý do không có gì ngoài việc người trung thành chính trực phải chịu tội, còn kẻ xu nịnh bợ đỡ lại được ân sủng. Quả thật là, biết lắng nghe lời trung thành chính trực rất khó, mà những lời xu nịnh bợ đỡ lại khá dễ nghe.

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 47 ~

明主患諛己者眾，而無由聞失也，故開敢諫之路，納逆己^①之言，苟所言出於忠誠，雖事不盡，是猶歡然（然下有受字）之。

（卷四十九 傅子）

Chú thích:

(1) Không thuận theo bản thân.

Viết ngữ:

Bậc quân vương anh minh sáng suốt thường e ngại có quá nhiều người xu nịnh, mà không thể nghe được lỗi lầm của chính mình. Bởi vậy, phải mở rộng con đường cho các đại thần dám khuyên can trực tiếp. Khi lắng nghe những ý kiến phản đối mình, nếu mỗi lời nói ra đều xuất phát từ sự trung thành, sự việc nói ra đâu không chính xác hoàn toàn, cũng vẫn vui vẻ tiếp nhận.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 48 ~

舜曰：「予違汝弼^①。汝無面從，退有後言^②。」故治國之道，勸之使諫，宣之使言，然後君明察而治情通矣。

（卷四十四 潛夫論）

Chú thích:

(1) Sửa chữa sai lầm;

(2) Trước mặt thì phục tùng, sau lưng lại có những lời bàn luận không thuận theo.

Viết ngữ:

Vua Thuần từng nói rằng: “Nếu ta có lỗi sai, các khanh phải giúp ta sửa chữa sai lầm. Các khanh không được trước mặt thì tỏ ý thuận theo, nhưng sau lưng lại đi bàn tán.” Bởi vậy, phương pháp trị quốc là phải khích lệ mọi người khuyên giải, phải dẫn dắt để mọi người dám nói lên sự thật, có như vậy bậc quân vương mới có thể hiểu rõ chân – giả để mà nắm rõ được tình trạng thực tế thịnh trị hay động loạn. (Cuốn 44. *Tiềm Phu Luận*)

~ 49 ~

興國之君，樂聞其過；荒亂之主，樂聞其譽。聞其過者，過日消而福臻^①；聞其譽者，譽日損而禍至。

（卷二十八 吳志下）

Chú thích:

(1) Đến, đã đến.

Viết ngữ:

Bậc quân vương khiến cho đất nước được hưng thịnh, thường thích nghe lời nói chỉ ra sai lầm. Còn ông vua hoang dâm bại hoại lại ưa thích những lời tán dương. Bậc quân vương mà có thể nghe được những sai lầm của mình, lỗi lầm sẽ tiêu trừ từng ngày và phúc phần sẽ đến. Còn ông vua mà ưa thích lời nói hoa mỹ, đức hạnh sẽ tổn hại từng ngày, tai họa sẽ giáng xuống.

(Cuốn 28. *Ngô Trí* - Hạ)

~ 50 ~

折^①直士之節^②，結諫臣之舌，群臣皆知其非，然不敢爭。天下以言為戒，最國家之大患也。

(卷十九 漢書七)

Chú thích:

(1) Gây tổn thương, gây trở ngại;

(2) Chí khí, phẩm hạnh đạo đức thời xưa.

Viết ngữ:

Hoàng đế làm tổn thương khí tiết của nhân sĩ chính trực, khiến các gián quan không cách gì để đưa ra lời khuyên (ý nói sẽ đem họ đi giết hại), các đại thần đều hiểu làm như vậy là sai lầm, nhưng không dám đấu

tranh vì chính nghĩa. Người trong thiên hạ cũng vì thế mà sinh tâm đề phòng khi khuyên giải, đây chính là nguy hại lớn nhất của một quốc gia.

(Cuốn 19. *Hán Thư* – Tập 7)

~ 51 ~

孔子曰：「藥酒^(藥酒作良藥)苦於口而利於病，忠言逆於耳而利於行。湯武^①以諤諤^②而昌，桀紂^③以唯唯^④而亡。」

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Thương Thang và Chu Vũ Vương;
- (2) Thẳng thắn không kiêng nể;
- (3) Vua Kiệt của nhà Hạ và vua Trụ của nhà Thương;
- (4) Lời nói quỵến rũ, khép nép.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Thuốc tốt thường vì đắng mà khó nuốt, nhưng lại có lợi cho việc chữa bệnh; lời khuyên ngay thẳng, nghe không được xuôi tai, nhưng lại có lợi để nâng cao tài đức của bản thân. Vua Thương Thang và Chu Vũ Vương vì biết lắng nghe nhiều lời khuyên can ngay thẳng mà đất nước hưng thịnh; Hạ Kiệt và Thương Trụ lại vì ngông cuồng tàn bạo, quần thần chỉ dám vâng lệnh phục tùng mà dẫn đến cảnh đất nước bị diệt vong.”

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

6. ĐỒ SÀM TÀ [NGĂN CHẶN VU KHÔNG VÀ HÀNH VI XẤU ÁC]

~ 52 ~

聞言未審，而以定善惡，則是非有錯，而飾辯^①巧言^②之流起矣。

(卷四十九 傅子)

Chú thích:

- (1) Che đậy bởi lời nói hoa mỹ, nói những lời bóng bẩy hư dối;
- (2) Lời nói êm dịu không có thực.

Viết ngữ:

Khi nghe lời bàn tán mà chưa xem xét một cách khách quan đã vội vàng phán xét tốt xấu, như vậy đúng sai sẽ dễ dàng đảo lộn, lời nói huênh hoang và thói quen ngụy biện sẽ theo đó mà trỗi dậy.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 53 ~

夫人主莫不愛愛己，而莫知愛己者之不足愛也。故惑小臣^①之佞^②，而不能廢也；忘^(忘疑忌)違己之益己，而不能用也。

(卷四十七 劉廙政論)

Chú thích:

- (1) Chỉ bậc quan với chức vị thấp;
- (2) Lời nói hoa mỹ giả dối, bợ đỡ luôn cúi.

Viết ngữ:

Bậc quân vương không ai là không ân sủng người ngưỡng mộ mình mà đâu biết rằng người ngưỡng mộ mình thì không nên nuông chiều. Bởi vậy mới bị đắm chìm trong lời nói bóng bẩy xu nịnh của những tên quan thấp hèn, để rồi không thể rời xa mà bãi nhiệm chúng; không thể cảm nhận được những người không thuận theo ý mình mới là có lợi cho bản thân, do vậy mới không chịu trọng dụng họ.

(Cuốn 47. *Lưu Dục Chính Luận*)

7. THẨM ĐOẠN [NHẠY CẢM VÀ SẮC BÉN]

~ 54 ~

金玉滿堂^①，莫^②之能守，嗜欲傷神，財多累身富貴而驕，還自遺^③咎^④。夫富當振^⑤貧，貴當憐賤。而反驕恣，必被禍患也。功成名遂^⑥身退^⑦，天之道也。言人所為，功成事立，名跡稱遂，不退身避位，則遇於害，此乃天之常道。譬如日中則移，月滿則虧，物盛則衰，樂極則哀也。

(卷三十四 老子)

Chú thích:

- (1) Ý nói vô cùng giàu có;
- (2) Không có ai;
- (3) Giữ lại;
- (4) Những việc tai họa bất hạnh;

- (5) Đồng nghĩa với “賑” [chấn] có nghĩa là phát chẩn;
- (6) Thành tựu, thành công;
- (7) Thoái vị, không còn lưu luyến.

Việt ngữ:

Cuộc sống đâu có giàu sang sung túc, vật chất tràn trề, cũng khó mà giữ được lâu dài, khi giàu sang mà sống phóng túng ngạo mạn xa hoa, đó là đang tự trồng mầm mống tai họa cho chính mình. Khi công thành danh toại, phải hiểu rằng không nên cậy mình có chút công lao mà tham quyền ham chức, phải biết rút lui đúng lúc, có như vậy mới hợp với quy luật vận hành của tự nhiên.

(Cuốn 34. Lão Tử)

~ 55 ~

夫聽察^①者，乃存亡之門戶^②，安危之機要^③也。若人主聽察不博，偏受所信，則謀有漏，不盡良策；若博其觀聽，納受無方^④，考察不精，則數^⑤有所亂矣。

(卷四十八 體論)

Chú thích:

- (1) Lắng nghe và suy xét tất cả ý kiến;
- (2) Điểm mấu chốt của sự vật;
- (3) Điều mấu chốt, trọng yếu;
- (4) Không còn cách nào;

(5) Sách lược.

Việt ngữ:

Việc lắng nghe và suy xét là mấu chốt của sự tồn vong hay an nguy của đất nước. Giả như bậc quân vương không thể lắng nghe nhiều chiều và suy xét rõ ràng, mà chỉ tiếp nhận những lời bàn ra tán vào của kẻ thân tín, như vậy kế hoạch trù bị nhất định có sai sót, từ đó không thể có một sách lược toàn diện. Còn giả sử có thể lắng nghe nhiều chiều và suy xét sáng suốt, nhưng áp dụng phương pháp không đúng, việc tìm hiểu khảo sát cũng không chuẩn xác, vậy thì sách lược tất yếu sẽ rối loạn và không sáng tỏ.

(Cuốn 48. *Thế Luận*)

~ 56 ~

孔子曰：「眾好之必察焉，眾惡之必察焉。」故聖人之施舍也，不必任眾，亦不必專己^①，必察彼己之謂^{（謂作爲）}，而度^②之以義，故舉^③無遺失，而功無廢滅也。

（卷四十四 潛夫論）

Chú thích:

- (1) Cố chấp vào kiến giải của mình;
- (2) Suy nghĩ, suy đoán;
- (3) Tiến cử, trọng dụng.

Viết ngữ:

Không Tử dạy rằng: “Nhiều người quý mến anh ta, nhất định phải tìm hiểu rõ sự tình; nhưng nhiều người chán ghét anh ta, cũng nhất định phải suy xét cho tỏ tường”. Việc định đoạt cân nhắc của thánh nhân, không nhất thiết phải nghe theo số đông, cũng không nhất thiết cố chấp vào kiến giải của chính mình, mà nhất định phải tìm hiểu hành vi của người này cũng như dùng chuẩn mực đạo nghĩa để đánh giá, có như vậy khi tuyển chọn bậc hiền tài mới không để sót, mà việc triều chính sẽ không bại hoại đến suy vong.

(Cuốn 44. *Tiêm Phu Luận*)

~ 57 ~

人君之大患也，莫大乎詳於小事，而略於大道^①；察於近物，而暗於遠數^②。自古及今，未有如此而不亡也。

(卷四十六 中論)

Chú thích:

- (1) Nguyên tắc cao nhất cho việc điều hành đất nước và xử lý việc triều chính, bao gồm cả luân thường đạo lý, v.v...;
- (2) Sách lược với tầm nhìn sâu rộng.

Việt ngữ:

Căn bệnh lớn nhất của bậc quân vương, không có gì bằng việc suy xét tường tận việc nhỏ mà lơ là với cương lĩnh trọng yếu trong việc trị vì đất nước; không có gì bằng việc chỉ thấy việc trước mắt mà lại sơ xuất với sách lược lâu dài. Từ cổ chí kim, có bậc quân vương thế này thì không có đất nước nào mà không tránh khỏi bị diệt vong.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 58 ~

景公問晏子曰：「古者離散其民而隕失其國者，其常行^①何如？」對曰：「國貧而好大，智薄而好專；尚讒諛而賤賢人，樂簡慢^②而輕百姓；國無常法，民無經紀^③；好辯以為智，刻民以為忠；流湣^④而忘國，好兵而忘民；肅於罪誅，而慢於慶賞；樂人之哀，利人之害；德不足以懷人，政不足以匡^⑤民；賞不足以勸善，刑不足以防非。此亡國之行也。今民聞公令如寇讎^⑥，此古之離其民隕其國常行也。」

(卷三十三 晏子)

Chú thích:

- (1) Hành vi thường thấy;
- (2) Coi thường thờ ơ
- (3) Luân thường đạo lý, kỷ cương;
- (4) Phóng túng, không có khuôn khổ;
- (5) Phụ trợ, sửa đổi sai lầm;
- (6) Thù địch, kẻ thù;

Việt ngữ:

Tề Cảnh Công hỏi ngài Yến Tử rằng:

- Thời xưa, bậc quân vương khiến cho muôn dân phải ly tán, gây ra cảnh nước mất nhà tan, vậy hành vi thường thấy của họ là gì?

Ngài Yến Tử đáp rằng:

- Nước nhà đói nghèo lại muốn làm việc lớn lập công to, trí huệ nông cạn lại chuyên quyền độc đoán; ưa thích tin nghe lời xu nịnh bợ đỡ mà coi thường bậc hiền tài, thích kiêu ngạo mà khinh thường muôn dân; quốc gia không có luật pháp chặt chẽ, người dân cũng không có chuẩn mực hành vi; xem việc ưa thích tranh luận là trí huệ, xem việc hà khắc bạo tàn với muôn dân là trung thành; phóng túng vô độ mà bỏ bê việc nước; ham việc dùng binh mà không nghĩ cho muôn dân; nghiêm việc xét tội xử trảm mà lơ là ban thưởng người có công; lấy đau thương của người làm niềm hoan lạc của bản thân, lấy việc tổn hại người để mưu cầu lợi ích; đạo đức tâm thường sao có thể xoa dịu nhân dân, chính sách hà khắc sao có thể dẫn dắt muôn dân; dầu có ban thưởng cũng không thể khuyến người hành thiện, dầu có hình phạt cũng không thể ngăn chặn hành vi phạm pháp. Đây chính là việc làm dẫn đến cảnh mất nước. Thời nay, muôn dân nghe đến luật pháp quốc gia mà xem như kẻ thù, đây chính là hành vi thường thấy dẫn đến cảnh muôn dân ly tán, nước mất nhà tan của người xưa.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

CHƯƠNG II
THẦN THUẬT
[NGHỆ THUẬT PHÒ TÁ CỦA CÁC
ĐẠI THẦN]

1. LẬP TIẾT [TẠO LẬP CHÍ KHÍ]

~ 59 ~

歷觀古今功名之士，皆有積累殊異^①之跡，勞身苦體，契闊^②勤思，平居不惰其業，窮困不易其素^③。

(卷二十八 吳志下)

Chú thích:

- (1) Lạ lòng, không bình thường;
- (2) Cần cù;
- (3) Không thay đổi việc tu dưỡng và chí hướng thường ngày.

Viết ngữ:

Quan sát từ cổ chí kim, bậc nhân sĩ có công lao với xã hội đều chứa đựng những câu chuyện không tầm thường, họ vất vả tằm thân, chịu đựng gian khổ, nghiền ngẫm phấn đấu, trong cuộc sống đời thường không xao nhãng việc học, khi gặp cảnh khốn khó cũng không thay đổi ý chí bản thân.

(Cuốn 28. Ngô Chí - Hạ)

~ 60 ~

夫賢者之為人臣，不損君以奉佞，不阿眾^①以取容^②，不墮公^③以聽私，不撓法以吐剛^④，其明能照奸，而義不比黨^⑤。

(卷四十四 潛夫論)

Chú thích:

- (1) Hòa theo số đông;
- (2) Lấy lòng người khác để được yên thân;
- (3) Huy hoại công lý. “墮” đồng nghĩa với “隳” [huy], hủy hoại;
- (4) Nôn ra vật cứng, chỉ việc lo sợ sự hung bạo;
- (5) Tạo bè kết đảng.

Viết ngữ:

Người có đức tài mà làm bậc đại thần, sẽ không dùng lời lẽ hoa mỹ xu nịnh để khiến đức hạnh sáng ngời của bậc quân vương bị tổn hại, không vì muốn yên thân mà khuất phục hòa theo số đông, không hủy hoại công lý để chạy theo dục vọng cá nhân và cũng không gây rối kỷ cương vì khiếp sợ cường quyền. Trí tuệ sáng suốt của họ có thể nhận biết gian tà, hành vi của họ lại hợp với đạo nghĩa, tuyệt đối không hề tạo bè kết đảng.

(Cuốn 44. *Tiêm Phu Luận*)

~ 61 ~

楊震字伯起，弘農人也。遷東萊太守。道經昌邑，故^①所舉茂才^②王密為昌邑令，謁見，至夜懷金十斤以遺^③震。震曰：「故人^④之君，君不知故人何也？」密曰：「暮夜無知者。」震曰：「天知神知，我知子知，何謂無知？」

(卷二十三 後漢書三)

Chú thích:

- (1) Quá khứ, trước đây;
- (2) Tú tài. Do kị húy tên của Hán Vũ Quang Đế (tên húy là Lưu Tú), nên đã đọc trại thành “茂” [Mậu] ;
- (3) Đưa cho, biếu tặng;
- (4) Cách tự xưng đối với môn sinh và thuộc cấp cũ.

Viết ngữ:

Ngài Dương Chấn, tự là Bá Khởi, người vùng Hoảng Nông (khu vực hành chính cấp huyện trong thời kỳ từ nhà Hán đến thời nhà Tống, thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay), được bổ nhiệm đi làm quan Thái Thú vùng Đông Lai (tên gọi cũ của thành phố Long Khẩu, Sơn Đông). Trên đường đi nhậm chức, ông có ghé qua Xương Ấp (thuộc tỉnh Sơn Đông), Vương Mật – vị tú tài mà trước kia ông từng tiến cử, đang đảm nhiệm chức quan huyện lệnh ở huyện Xương Ấp đến xin gặp mặt. Vào buổi tối, Vương Mật đích thân mang theo một trăm sáu mươi lạng vàng để tặng ngài Dương Chấn. Ngài Dương Chấn nói rằng:

- Là một người bạn cũ, ta hiểu được tính cách của ông, thế mà ông lại không hiểu được tính cách của ta. Thế này là lẽ gì vậy?

Vương Mật đáp lại:

- Đêm tối thế này không có ai biết.

Ngài Dương Chấn lại nói:

- Trời biết, thánh thần biết, ta biết, ông biết, tại sao lại nói không có ai biết chứ?

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 62 ~

昔者晉平公問於叔向曰：「國家之患，孰^①為大？」
對曰：「大臣重祿不極諫^②，小臣畏罪不敢言，下情不上通，此患之大者。」

(卷二十二 後漢書二)

Chú thích:

(1) Cái gì, điều gì;

(2) Ra sức khuyên can. Thời xưa thường dùng để chỉ hạ thần đối với bậc quân vương.

Viết ngữ:

Xưa kia, Tấn Bình Công hỏi ngài Thúc Hường rằng:

- Nguyên nhân lớn nhất dẫn đến mối hiểm họa của đất nước là gì?

Ngài Thúc Hường đáp rằng:

- Đại thần vì xem trọng bổng lộc tước vị mà không tích cực khuyên can, còn các quan lại vì sợ đắc tội mà không dám nói, tình hình bên dưới không thể trình lên cấp trên, đây chính là mối hiểm họa lớn của đất nước.

(Cuốn 22. *Hậu Hán Thư* – Tập 2)

2. TẬN TRUNG [TRUNG THÀNH TỘT BẠC]

~ 63 ~

人臣之行，有（本書有作行）六正^①則榮，犯六邪^②則辱。

（卷四十三 說苑）

Chú thích:

Sáu đức tính tốt đẹp của hạ thần (Lục Chính), đó là:

1. Nhìn xa trông rộng, đề phòng hiểm họa, đây chính là “bậc thần tài đức song toàn”;
2. Khiêm tốn tận tình, giúp thiện trừ gian, đây chính là “bậc đại thần”;
3. Miệt mài chăm chỉ và không ngừng tiến cử người có đức tài, đây chính là “bậc trung thần”;
4. Tìm hiểu rõ nguyên nhân thành công và thất bại, chuyển họa thành phúc, đây chính là “bậc thần trí tuệ”;
5. Tận trách nhiệm với công việc, liêm khiết chí công vô tư, đây chính là “bậc thần liêm khiết”;
6. Ngay thẳng không thiên vị, dám lên tiếng khuyên can và bảo vệ lẽ phải, đây chính là “bậc thần chính trực”.

Còn sáu tính cách tai hại của hạ thần (Lục Tà), đó là:

1. Yên vị hưởng lợi lộc, không vì việc công, đây chính là “thần bất tài vô dụng”;

2. Khúm núm bợ đỡ, hùa theo số đông, đây chính là “nịnh thần”;
3. Xảo quyết xum xoe, đồ kỵ người có đức tài, đây chính là “thần bất trung”;
4. Dùng tài xảo biện để gây chia rẽ, đây chính là “thần ưa gièm pha”;
5. Chuyên quyền cậy thế, tạo bè kết đảng, đây chính là “gian thần”;
6. Ném đá giấu tay, gắp lửa bỏ tay người, đây chính là “thần đòi bại” (dẫn đến đất nước bị diệt vong).

Việt ngữ:

Là bậc đại thần, nếu thực hiện “Lục Chính” [sáu đức tính tốt đẹp] thì sẽ được tôn vinh, nhưng nếu phạm phải “lục tà” [sáu đức tính tai hại] thì sẽ tự nhận lấy ê chề nhục nhã.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 64 ~

子曰：「君子之事上也，進思盡忠，退思補過，將順^①其美，匡救其惡，故上下（上下下舊有治字，刪之）能相親也。」
君臣同心，故能相親。

（卷九 孝經）

Chú thích:

- (1) Theo xu thế mà thúc đẩy. “將” [tương] thuận theo, cung kính làm theo;

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Làm người quân tử khi vâng mệnh phò tá bậc quân vương, hay khi làm quan lúc thượng triều, phải luôn nghĩ trung thành hết mức và tận trách nhiệm với công việc để mưu cầu lợi ích cho thiên hạ; khi thoái triều trở về nhà, phải luôn nghĩ đến việc sửa chữa sai lầm của bản thân, vun bồi đức hạnh và học vấn, để làm lợi ích cho quần chúng. Nếu bậc quân vương có những việc làm thiện và đức tính cao đẹp, nhất định phải theo đó mà tán dương phổ biến; đối với những sai lầm của bậc quân vương, nhất định phải giúp họ sửa đổi và xem như kinh nghiệm. Nếu có thể dốc lòng dốc sức mà làm được như vậy, vua tôi trên dưới tất sẽ được đồng lòng đồng chí hướng và tương thân tương ái.”

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

3. KHUYẾN GIÁN [KHUYÊN CAN]

~ 65 ~

忠有三術：一曰防，二曰救，三曰戒。先其未然，謂之防也；發而進諫^{（進諫作止之）}，謂之救也；行之責之，謂之戒也。防為上，救次之，戒為下。

（卷四十六 申鑒）

Viết ngữ:

Có ba loại sách lược để các đại thần thể hiện lòng trung thành tột bậc: Biện pháp đầu tiên là phòng ngừa, biện pháp thứ hai là cứu chữa và biện pháp thứ ba là trách cứ. Khi sai lầm còn chưa xảy ra mà có thể áp dụng biện pháp phòng ngừa, gọi là “phòng”; khi vừa xảy ra sai lầm mà có thể thực hiện khuyên can ngăn chặn, gọi là “cứu”; khi sự việc đã rồi mà thẳng thắn chỉ ra sai lầm, gọi là “giới”. Phòng ngừa là thượng sách, tiếp đến là cứu chữa, khiến trách chỉ là hạ sách.

(Cuốn 46. Thân Giám)

~ 66 ~

孔子曰：「侍於君子^①有三愆^②：言未及之而言，謂之躁；躁，不安靜。言及之而不言，謂之隱；隱，匿，不盡情實。未見顏色^③而言，謂之瞽^④」未見君子顏色所趨向而便逆先意語者，猶瞽者也。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Chỉ những người có đức hạnh và tài năng xuất chúng hoặc bậc quân vương đang tại vị;
- (2) Tội lỗi, sai lầm;
- (3) Trạng thái tình cảm, sắc mặt;
- (4) Vốn chỉ người mù quáng. Ở đây muốn nói tới những người không hiểu biết, không có khả năng quan sát.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Khi theo phò tá người quân tử rất dễ phạm phải ba sai lầm: Khi chưa phải lúc nên nói đã vội nói, đây chính là tính tình nóng vội; những lời cần nói lại không nói, đó là lẩn tránh; khi chưa quan sát thần sắc của người quân tử đã vội nói, đây chính là nói năng không có chừng mực, chẳng khác chi người mù nói mà không nhìn đối phương, vô cùng thất lễ, do vậy đây cũng là sai lầm”.

(Cuốn 9. Luận Ngữ)

~ 67 ~

景公問晏子曰：「忠臣之事君，何若？」對曰：「有難不死，出亡^①不送。」公不悅曰：「君裂地而富^{（當作封）}之，疏爵而貴之，有難不死，出亡不送，其說何也？」對曰：「言而見^②用，終身無難，臣何死焉；謀而見從，終身不出，臣何送焉。若言不用，有難而死，是妄死^③也；謀而不從，出亡而送，是詐偽^④也。忠臣也者，能納善於君，而不與君陷於難者也。」

（卷三十三 晏子）

Chú thích:

(1) Lánh nạn, chạy trốn. “亡” [vong] có nghĩa là bỏ trốn;

- (2) Được dùng trước động từ, thể hiện bị động, tương đương với “bị”, “chịu”;
- (3) Chết một cách vô nghĩa;
- (4) Giở trò xảo trá, nguy trang giả tạo.

Viết ngữ:

Tề Cảnh Công hỏi Yên Tử rằng:

- Làm bậc trung thần phải nên phò tá bậc quân vương như thế nào?

Ngài Yên Tử trả lời rằng:

- Nếu bậc quân vương gặp cảnh nguy khốn, trung thần sẽ không xả thân vì họ; khi bậc quân vương phải tháo chạy bỏ trốn, trung thần cũng không đưa tiễn.

Ngài Cảnh Công rất không vui mà nói rằng:

- Quân vương phong tặng đất đai để bậc thần được giàu có sung túc, phong tước vị để bậc thần được vinh hiển phú quý. Vậy mà khi họ gặp hoạn nạn mà bậc thần lại không xả thân mà liều chết, họ phải tháo chạy bỏ trốn mà bậc thần lại không đưa tiễn, thế này là đạo lý gì vậy?

Ngài Yên Tử đáp rằng:

- Lời khuyên can nếu được tin nghe, bậc quân vương cả đời sẽ không gặp cảnh nguy khốn, vậy trung thần hà cớ gì phải lao vào chỗ chết đây? Mưu lược kế sách nếu như được tin dùng, bậc quân vương cả đời đâu

đến nỗi phải tháo chạy bỏ trốn, vậy trung thần hà có gì phải đưa tiễn đây? Còn nếu lời khuyên can không được tin nghe, khi bậc quân vương lâm nguy, mà trung thần tình nguyện chết theo, đó là cái chết oan uổng! Nếu mưu lược kế sách không được tin dùng, khi họ phải tháo chạy bỏ trốn mà trung thần theo để đưa tiễn, đó chính là lừa dối và giả tạo! Làm bậc trung thần, phải khéo léo dâng những kế sách hay cho bậc quân vương, chứ không phải cùng với họ rơi vào chỗ hiểm nguy.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

4. CỬ HIỀN [TIỀN CỬ NGƯỜI CÓ ĐỨC TÀI]

~ 68 ~

子曰：「………汝聞用力^①為賢乎？進賢^②為賢乎？」
子貢曰：「進賢賢哉。」子曰：「然。」

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Sử dụng sức lực, tinh lực;
- (2) Tiến cử bậc hiền sĩ tài năng.

Viết ngữ:

Không Phu Tử hỏi học trò Tử Công rằng:

- Con nghĩ ai là người thông thái, người dốc sức lao động hay người tiến cử bậc hiền tài?

Tử Công đáp rằng:

- Người tiến cử bậc hiền tài mới là thông thái.

Khổng Phu Tử liền nói:

- Đúng.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 69 ~

忠臣之舉賢也，不避仇讎^①；其廢不肖^②也，不阿^③親近。

(卷四十 韓子)

Chú thích:

- (1) Kẻ thù, oan gia đối đầu. “讎” [thù] có nghĩa là thù địch;
- (2) Người vô dụng, người không đứng đắn;
- (3) Cảm tính, thiên vị.

Viết ngữ:

Bậc trung thần khi tiến cử người tài, sẽ không né tránh người có oán thù; khi bãi nhiệm kẻ bất lương, cũng không thiên vị người thân cận.

(Cuốn 40. *Hàn Tử*)

CHƯƠNG III
QUÝ ĐỨC
[TRÂN TRỌNG ĐỨC HẠNH]

1. THUỶNG ĐẠO [CHUỘNG ĐẠO]

~ 70 ~

天命之謂性，率性之謂道，脩道之謂教。性者，生之質也。命者，人所稟受。率，循，循性行之是曰道。修，治也，治而廣之，人放②效之，是曰教。道也者不可須臾^①離也，可離非道也。道，猶道路也，出入動作由之，須臾離之，惡乎從。

(卷七 禮記)

Chú thích:

- (1) Khoảnh khắc, thời gian ngắn ngủi;
- (2) Đồng âm với “仿” [phỏng], phỏng theo.

Viết ngữ:

Sự thuần tịnh thuần thiện mà ai ai cũng vốn có gọi là ‘tự tính’, thuận theo tự tính đều có thể học tập mà trở thành Thánh Hiền, nên được gọi là ‘Đạo’, tu dưỡng đạo đức mà tự nhiên cảm hóa được người khác, đây được gọi là ‘Giáo’. Bởi vậy, ‘Đạo’ không ở đâu mà không có, trong khoảnh khắc ngắn ngủi cũng không thể xa rời, nếu có thể xa rời, đó không phải là Đạo.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 71 ~

保合大和，乃利貞^①。不和而剛暴也。首出庶物^②，萬國咸寧。萬國所以寧，各以有君也。

(卷一 周易)

Chú thích:

- (1) Hài hòa, kiên định;
- (2) Mọi vật, vạn vật.

Viết ngữ:

Vận hành của vũ trụ là duy trì mối quan hệ hài hòa của tự nhiên, như vậy mới có thể khiến cho vạn vật an tường và hữu ích, mãi mãi thuần khiết. Chính điều này đã tạo ra vạn vật trên thế gian, khiến cho thiên hạ đều được an định, còn bậc quân vương khi nhận được sự tôn sùng của muôn dân mà có thể noi theo tính đức của đất trời mà nuôi dưỡng vạn vật, thiên hạ sẽ được an định.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 72 ~

人法^①地，人當法地，安靜和柔也，勞而不怨，有功而不宣。地法天，施而不求報，
生長萬物，無所收取。天法道，清靜不言，萬物自成。道法自然。道性自然，無所法也。

(卷三十四 老子)

Chú thích:

- (1) Noi theo, học theo.

Viết ngữ:

Con người nên noi gương trái đất, cứ mềm mại và êm đềm, vô tư không oán thán mà nhận lấy việc nuôi

duỡng vạn vật và không hề tính toán công lao. Trái đất lại noi theo thượng thiên mà bao dung vạn vật, cứ thế cho đi mà không mong chờ báo đáp. Thượng thiên thì học theo tinh thần của Đạo, thanh tịnh vô vi, vạn vật cứ sinh sôi; tính đạo vốn là như vậy.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 73 ~

聖人不積，聖人積德不積財，有德以教愚，有財以與貧。既^①以為人，己愈有。既以財賄布施與人，財益多。如日月之光，無有盡時。天之道，利而不害；天生萬物，愛欲之令長大，無所害也。聖人之道，為而不爭。聖人法天，所施為化成事就，不與下爭功名，故能全其聖功也。

(卷三十四 老子)

Chú thích:

(1) Tận cùng, toàn bộ.

Viết ngữ:

Bậc thánh nhân thường không vì lợi ích của chính mình và chẳng hề tích trữ, có đức tài thì chỉ dạy kẻ ngu, có tiền tài lại đem cứu người, mang hết thầy những gì mình có để giúp đỡ người khác, mà bản thân ngược lại sung túc hơn. Bởi vậy, đạo trời là lợi ích trọn vẹn mà không xâm hại vạn vật; đạo của bậc thánh nhân là thuận theo quy luật của tự nhiên, giúp đỡ người đời mà không hề tranh đoạt.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 74 ~

好學近於智，力行^①近於仁，知恥近於勇。知斯^②三者，則知所以修身；知所以修身，則知所以治人；知所以治人，則能成天下國家矣。

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Ra sức, gắng sức đi làm;
- (2) Đây, cái này.

Viết ngữ:

Vui thích với việc học tập lời dạy của bậc Thánh Hiền sẽ tiến gần đến Trí Tuệ, mang những lời dạy mà bản thân học được và cần mẫn thực hiện sẽ tiến gần đến Nhân Đức, trong quá trình học tập hay thực hành, biết được lỗi lầm của bản thân và có được tâm hổ thẹn mà đi sửa đổi, đây chính là tiến gần với Dũng Cảm. Khi hiểu được ba phẩm chất: Trí – Nhân – Dũng, sẽ biết làm thế nào để chấn chỉnh lại suy nghĩ, cách nhìn nhận, lời nói và hành động sai lầm của mình. Khi hiểu được làm thế nào để tu sửa bản thân, sẽ biết làm thế nào để dẫn dắt nhân dân; biết làm thế nào để dẫn dắt nhân dân, sẽ làm được những việc lớn của thiên hạ và đất nước.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 75 ~

發政^①施令^②，為天下福者，謂之道；上下相親，謂之和；民不求而得所欲，謂之信；除天下之害，謂之仁。仁與信，和與道，帝王之器^③也。

(卷三十一 鬻子)

Chú thích:

- (1) Công bố mệnh lệnh chính trị, công bố thi hành biện pháp chính trị;
- (2) Thi hành mệnh lệnh, chính sách tôn giáo;
- (3) Bảo bối.

Viết ngữ:

Ban hành và thực thi mệnh lệnh triều đình, vì mục tiêu mưu cầu lợi ích cho thiên hạ, đây là Đạo Nghĩa; bậc quân vương cùng muôn dân trên dưới tương thân tương ái, đây là Hòa Hợp; nhân dân không cần nói ra những khẩn cầu, bậc quân vương cũng có thể thấu hiểu và ban cho, đây là Thành Tín; có thể trừ bỏ tai họa trong thiên hạ, đây là Nhân Ái. Nhân Ái và Thành Tín, Hòa Hợp và Đạo Nghĩa, đều là bảo bối của bậc đế vương.

(Cuốn 31. Dục Tử)

~ 76 ~

文王曰：「何如而可以為天下？」太公對曰：「大蓋天下，然後能容天下；信蓋天下，然後可約天下；仁蓋天下，然後可以求天下；恩蓋天下，然後王^①天下；權

蓋天下，然後可以不失天下；事而不疑^②，然後天下恃^③。此六者備，然後可以為天下政。」

(卷三十一 六韜)

Chú thích:

- (1) Thống nhất, xưng vua;
- (2) Chần chừ, do dự;
- (3) Y lại, dựa vào.

Viết ngữ:

Văn Vương thỉnh giáo với Thái Công:

- Làm thế nào mới có thể trị vì *thiên hạ*⁷ đây?

Thái Công trả lời:

- Khi lòng độ lượng đủ rộng để trùm khắp thiên hạ mới có thể bao dung thiên hạ; khi thành tín đủ trải khắp thiên hạ mới có thể thỏa ước với thiên hạ; khi nhân đức phủ khắp thiên hạ, mới có thể nghĩ cho thiên hạ; khi tình thương đủ trùm khắp thiên hạ thì mới có thể thống nhất thiên hạ; khi quyền uy đủ bao quát khắp thiên hạ mới không để mất thiên hạ; khi gặp việc quân cấp bách phải quyết đoán mà không do dự mới có thể là chỗ nương tựa

⁷ Khái niệm về “天下” (tian-xia) [thiên hạ] là một phạm trù rộng, bao gồm khái niệm về quần chúng, dân tộc, cộng đồng, đất nước hoặc cả thế giới.

cho thiên hạ. Khi có đủ sáu điều kiện này, mới có thể trị vì được thiên hạ.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 77 ~

故君子不恤^①年之將衰，而憂志之有倦。不寢^②道焉，不宿^③義焉。言而不行，斯寢道矣；行而不時^④，斯宿義矣。

(卷四十六 中論)

Chú thích:

- (1) Lo âu, tai họa;
- (2) Ngừng, gác sang một bên;
- (3) Trì hoãn, dừng lại;
- (4) Không kịp thời.

Viết ngữ:

Bậc quân tử thường không lo mình tuổi cao sức yếu, mà chỉ lo ý chí sa sút. Không muốn để đạo nghiệp vì bị xao nhãng mà dừng lại, không muốn để luân lý bị bỏ bê mà lãng quên. Chỉ nói mà không làm, đạo nghiệp rồi sẽ bị xao nhãng; không kịp thời đi làm, luân lý rồi sẽ bị lãng quên.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 78 ~

乾……《象》曰：天行^①健^②，君子以自強不息。

(卷一 周易)

Chú thích:

- (1) Sự vận hành của các thiên thể;
- (2) Mạnh mẽ;
- (3) Bảo bối.

Viết ngữ:

Càn Quái (Quẻ Càn). [Tượng Truyện] cho biết: Quẻ Càn tượng trưng cho sự mạnh mẽ và bất diệt trong vận hành của đạo trời, bậc quân tử cũng phải nên noi theo đạo trời, chính ta phải phấn đấu tự cường, nỗ lực mạnh mẽ, nguyện không ngừng nghỉ.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 79 ~

坤……《象》曰：地勢坤。君子以厚德載物。

(卷一 周易)

Viết ngữ:

Khôn Quái (Quẻ Khôn). [Tượng Truyện] cho biết: Quẻ Khôn tượng trưng cho việc tiếp nối đạo trời của trái

đất. Bậc quân tử phải nên học tập trái đất mà đem đức hạnh thâm sâu để bao dung và chở che vạn vật.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 80 ~

不修善事，即為惡人；無事於大，則為（舊無人無至則為七字，補之）小人。紂為無道，見^①稱獨夫^②；仲尼陪臣，謂為素王^③。即君子不在乎富貴矣。

（卷五十 抱朴子）

Chú thích:

- (1) Sử dụng trước động từ, thể hiện bị động, tương đương với bị, chịu;
- (2) Chỉ bậc quân vương bạo ngược vô đạo;
- (3) Dù chưa thực sự nắm ngôi hoàng đế, nhưng đã có đức hạnh cần có của bậc quân vương.

Viết ngữ:

Không hành thiện tức là kẻ ác; không phụng sự bậc trưởng bối tài cao, chính là *tiểu nhân*⁸. Thương Trụ Vương là một quân vương vô đạo, bởi vậy được coi là “độc phu” (kẻ độc tài, chuyên quyền). Trong khi ngài Khổng Phu Tử chỉ là một đại phu của các nước chư hầu, nhưng được suy tôn là “tổ vương” (bậc quân vương

⁸ [tiểu nhân], “người nhỏ bé hoặc tầm thường” sẽ không theo đuổi giá trị của đức hạnh mà chỉ chạy theo lợi lộc trước mắt.

bình dân). Điều này cho thấy làm bậc quân vương tuyệt đối không phải ở chỗ có quyền thế hay tiền tài.

(Cuốn 50. *Bảo Phác Tử*)

2. HIẾU ĐỄ [HIẾU THẢO VÀ CUNG KÍNH]

~ 81 ~

孝悌^①之至，通於神明，光于四海，無所不通。孝至
於天，則風雨時；孝至於地，則萬物成；孝至於人，則重譯來貢，故無所不通也。

(卷九 孝經)

Chú thích:

(1) Hiếu thuận với cha mẹ, hòa ái với anh/chị/em.

Viết ngữ:

Nếu thực sự vẹn toàn được đạo lý hiếu kính cha mẹ, hòa ái với anh/chị/em tất sẽ cảm ứng được với trời đất thần linh và bốn biển sẽ tràn ngập ánh hào quang của đức hạnh, không một nơi nào mà không được cảm hóa bởi đạo hiếu.

(Cuốn 9. *Hiếu Kinh*)

~ 82 ~

蓼蓼者莪，匪^①莪伊蒿。興也。蓼蓼，長大貌也。莪已蓼蓼長大，我視之反謂
之蒿，興者，喻憂思心不精識其事也。哀哀父母，生我劬勞^②。哀哀者，恨不得終養父母，

報其生長己之苦也。無父何怙^③？無母何恃？出則啣恤^④，入則靡^⑤至。恤，憂者，孝子之心，怙恃父母，依依然以為不可斯須無也，出門則思之憂，旋入門又不見，如入無所至也。父兮生我，母兮鞠我，拊我畜我，長我育我，顧我復我，出入腹我。鞠，養也。顧，旋視也。復，反復也。腹，懷抱。欲報之德，昊天罔極。之猶是也，我欲報父母是德，昊天乎我心無極也。

(卷三 毛詩)

Chú thích:

- (1) Tương đương với “非” [phi] mang nghĩa là không, không phải;
- (2) Một nhọc, vất vả;
- (3) Nương nhờ, cậy nhờ;
- (4) Đau lòng, trong lòng chất chứa nỗi đau buồn;
- (5) Không, chưa.

Viết ngữ:

Chiếc lá ngải dài đó, vốn là lá *thanh hao*⁹. Lòng tràn đầy ưu tư, nhâm cả lá thanh hao. Cha mẹ thân

⁹ “莪” (cỏ nga) và “蒿” (cỏ ngải) là hai loài ngải thuộc họ ngải cúc. Theo sự diễn giải của Lão thần Ngự Trung khi sưu tập trích lục này: Người con trai cảm thấy vô cùng đau buồn trước sự ra đi của cha mẹ, nên đã không thể phân biệt được sự khác biệt giữa hai loại cỏ này. Theo sự lý giải phổ biến cho phép ẩn dụ này, đó là vì “莪” (cỏ nga) có mùi thơm và có thể ăn được, nên mang ý nghĩa về một tương lai hứa hẹn. Trong khi đó “蒿” (cỏ ngải) thì đắng và có mùi nồng, ý muốn nói lên một tương lai lạnh lẽo, ảm đạm. Nghĩa tương phản này đã mang đến một sự thật rằng cha mẹ khát vọng sinh được một người con trai với mong muốn con mình đạt được thành công trong cuộc sống. Tuy nhiên, người con trai đã không thể thực hiện được mong mỏi này

thương của ta! Vì nuôi dưỡng ta, mà nhọc nhằn tiều tụy! Nếu không có cha, ta biết nương tựa ai? Nếu không có mẹ, ta biết cậy nhờ ai? Cuộc đời bôn ba, nên trong lòng chứa đủ buồn đau. Khi trở về, cửa nhà trống trải, bóng dáng cha mẹ chẳng thấy đâu, cứ như thể chưa về nhà vậy. Cha ơi! Người đã sinh ra con. Mẹ hỡi! Người đã nuôi dạy con. Cha mẹ đã chăm sóc, yêu thương con, nuôi con lớn khôn, dạy dỗ con nên người, cứ luôn quan tâm và thương nhớ. Mỗi lần đi xa trở về lại ôm con vào lòng. Con đâu muốn đền đáp công ơn sâu nặng mà cha mẹ đã ngậm đắng nuốt cay để nuôi con khôn lớn, cơ hội nay đâu còn nữa! Trời xanh ơi, trời xanh hỡi! Lòng vẫn luôn chứa đầy nỗi niềm thương nhớ, xót xa vô bờ, chưa khi nào nguôi ngoai.

(Cuốn 3. Mao Thi)

~ 83 ~

孝有三：小孝用力，中孝用勞^①，大孝不匱^②。勞，猶功。思慈愛忘勞，可謂用力矣；尊仁安義，可謂用勞矣；博施備物，可謂不匱矣。思慈愛忘勞，思父母之慈愛已，而自忘己之勞苦。父母愛之，喜而弗忘；父母惡之，懼而無怨；無怨，無怨於父母之心也。父母有過，諫而不逆；順而諫之。父母既^③沒^④，必求仁者之粟以祀之。此之謂禮終。喻貧困猶不取惡人之物以事己（已作亡）親。

（卷七 禮記）

trước khi cha mẹ của anh đi xa, và đây chính là nguyên nhân cho sự dày vò mãnh liệt của người con trai.

Chú thích:

- (1) Công lao, thành tích;
- (2) Không kiệt quệ, không thiếu thốn;
- (3) Đã;
- (4) Tương đương với “歿” [mộ] (chết).

Viết ngữ:

Đạo hiếu có ba thứ bậc: Tiểu hiếu thì dùng sức lực, trung hiếu thì dùng công đức và đại hiếu thì vĩnh viễn lưu giữ. Khi nhớ nghĩ đến công ơn dưỡng dục yêu thương của cha mẹ mà quên đi sự vất vả và mệt mỏi của bản thân để hết lòng phụng dưỡng cha mẹ, đây là dùng sức; trân trọng đức hạnh và điềm tĩnh thực hành, đây là dùng công đức; mở rộng tình yêu thương của chính mình để khiến nhiều người đều nhận được ân huệ, sau khi cha mẹ qua đời, mọi người đều đem tâm kính lễ mà tham gia vào việc thờ phụng của bản thân, đây có thể gọi là lưu giữ mãi mãi. Khi được cha mẹ yêu thương, phận làm con chúng ta nhất định phải vui mừng mà không dám quên ơn; khi cha mẹ ghét bỏ, phận làm con chúng ta phải cẩn trọng hơn nữa mà không được oán trách; khi cha mẹ có lỗi, phải khéo léo khuyên can mà không được ngỗ ngược; sau khi cha mẹ qua đời, phải mang những vật phẩm có được một cách chính đáng để thờ cúng cha mẹ. Đây mới là chuẩn mực của lòng hiếu để thủy chung.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 84 ~

身體髮膚，受之父母，不敢毀傷，孝之始也。立身行道^①，揚名於後世，以顯父母，孝之終也。夫孝，始於事親，中於事君，終於立身。

(卷九 孝經)

Chú thích:

(1) Tu dưỡng bản thân, một lòng theo đuổi đạo đức nhân nghĩa. Vun bồi nền tảng làm người và đối nhân xử thế của bản thân.

Viết ngữ:

Thân thể, tứ chi, râu tóc và làn da này đều là cha mẹ ban cho. Bởi vậy, ta phải trân trọng và gìn giữ, sao nữ hủy hoại và tổn thương cho được, đây chính là khởi đầu trong thực hành đạo hiếu. Khi bản thân có một chút thành tựu, thực hành chính đạo và để lại tiếng thơm cho đời sau khiến cha mẹ được hiển vinh, đây mới là mục tiêu cuối cùng của việc thực hành đạo hiếu. Do vậy, việc thực hành đạo hiếu, trước là phụng dưỡng cha mẹ, mở rộng ra là phò tá bậc quân vương và mục tiêu cuối cùng lại là lập thân hành đạo.

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

~ 85 ~

在上不驕，高而不危；諸侯在民上，故言在上，敬上愛下，謂之不驕，故居高位而不危殆也。制節謹度，滿而不溢。費用約儉，謂之制節。奉行天子法度，謂之謹度。故能守法而不驕逸也。高而不危，所以長^①守貴也；居高位能不驕，所以長守

貴也。滿而不溢，所以長守富也。雖有一國之財而不奢泰，故能長守富。富貴不離其身，富能不奢，貴能不驕，故云不離其身。然後能保其社稷，上能長守富貴，然後乃能安其社稷。而和其民人。薄賦斂，省徭役，是以民人和也。蓋諸侯之孝也。《詩》云：「戰戰兢兢，如臨深淵，如履薄冰。」戰戰，恐懼。兢兢，戒慎。如臨深淵，恐墮。如履薄冰，恐陷。

(卷九 孝經)

Chú thích:

(1) Lâu dài, vĩnh cửu.

Viết ngữ:

Ở địa vị cao mà vẫn kính trên nhường dưới, tâm cao ngạo cũng không có, dầu địa vị có cao hơn nữa, cũng chẳng thể có nguy cơ bị lật đổ; sống tiết kiệm và tuân thủ pháp luật kỷ cương, dầu của cải có sung túc hơn nữa, cũng không xa hoa lãng phí. Ở địa vị cao mà không có nguy cơ lật đổ, địa vị cao quý sẽ giữ được bền lâu; của cải sung túc dư thừa mà không lãng phí, sự giàu có sẽ giữ được bền lâu. Nếu có thể khiến của cải và sự cao quý không rời khỏi ta, thì mới giữ được đất nước của ta, khiến cho nhân dân chung sống vui vẻ hòa thuận. Đây chính là đạo hiếu mà chư hầu phải dốc sức thực hiện. Trong [Kinh Thi] có nói: “Phải từng giờ từng khắc mà cẩn trọng, tựa như đi bên bờ vực thẳm, lại giống như đi trên mặt băng mỏng, chỉ sợ rồi sẽ bị rơi xuống, bởi vậy phạm là việc gì cũng đều phải cẩn thận và đề cao cảnh giác”.

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

~ 86 ~

非先王之法服^①不敢服^②，非先王之法言^③不敢道，
不合詩書，不敢道。非先王之德行不敢行。不合禮樂，則不敢行。是故非法
不言，非詩書，則不言。非道不行。非禮樂，則不行。口無擇言^④，身無
擇行^⑤，言滿天下無口過，行滿天下無怨惡。三者備
矣，然後能守其宗廟。法先王服，言先王道，行先王德，則為備矣。蓋卿大夫
之孝也。詩云：「夙夜匪^⑥懈，以事一人。」夙，早也。夜，暮也。一
人，天子也。卿大夫當早起夜臥，以事天子，勿懈惰。

(卷九 孝經)

Chú thích:

- (1) Trang phục của mỗi cấp bậc khác nhau được người xưa quy định tùy theo lễ nghi;
- (2) Mặc;
- (3) Lời lẽ, ngôn từ phù hợp với phép tắc;
- (4) Lời lẽ đều phù hợp với đạo nghĩa, thì không cần phải lựa chọn;
- (5) Từng hành vi cử chỉ đều tôn trọng đạo lý kỷ cương, tự sẽ trở thành thói quen, mà không cần cố ý lựa chọn;
- (6) Tương đương với “非”[phi] có nghĩa là không, không phải.

Viết ngữ:

(Đối với khanh, đại phu) khi trang phục không phù hợp với quy định phép tắc của bậc thánh vương xưa sẽ

không dám mặc, lời lẽ không phù hợp với lễ nghĩa và phép tắc của bậc thánh vương xưa sẽ không dám nói, nếu không phải hành vi đạo đức của bậc thánh vương xưa sẽ không dám làm, bởi vậy ngôn từ không phù hợp phép tắc sẽ không nói, hành vi không phù hợp đạo đức sẽ không làm. Do vậy, dầu lời nói không phải chú ý chọn lựa, cũng đều hợp đạo lý; dầu hành vi không phải chú ý chọn lựa, cũng đều tuân theo pháp luật kỷ cương; dù lời đó có truyền khắp thiên hạ, cũng sẽ không thất thổ khi nói, dù từng hành vi cử chỉ đó cả thiên hạ đều biết, cũng sẽ không chán ghét hay oán hận. Khi ba thứ: trang phục, lời nói, hành vi đều tuân theo phép tắc và đạo đức, hoàn mỹ mà không khiếm khuyết, sau đó sẽ giữ được tông miếu để thờ tự tổ tiên. Đây chính là đạo hiếu của các khanh và đại phu. Trong [Kinh Thi] có nói: “Sớm tối cần mẫn không ngừng nghỉ để ngày sau phụng sự thiên tử.”

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

~ 87 ~

故以孝事君則忠，移事父孝，以事於君，則為忠也。以敬事長則順。
移事兄敬，以事於長，則為順矣。忠順不失，以事其上，事君能忠，事長能順，二者不失，可以事上也。然後能保其祿位，而守其祭祀，蓋士之孝也。

(卷九 孝經)

Việt ngữ:

Nếu đem tâm lòng hiếu thảo khi phụng dưỡng cha mẹ để phò tá bậc quân vương, tất sẽ đạt được hai chữ ‘trung thành’; nếu đem tâm lòng kính trọng khi phụng sự

huynh trưởng để phục vụ cấp trên, tất sẽ đạt được hai chữ ‘thuận theo’. Trung thành và thuận theo, khi không còn thiếu sót và sai lầm, đem thái độ như vậy để phò tá bậc quân vương và cấp trên, tất sẽ giữ được bổng lộc và tước vị của mình, cũng như gìn giữ được việc thờ tự ở tông miếu, đây chính là đạo hiếu mà bậc nhân sĩ nên gắng làm.

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

~ 88 ~

因^①（因上舊有子曰二字。刪之。）天之道，春生夏長，秋收冬藏，順四時以奉事天道。
分地之利。分別五土，視其高下，此分地之利。謹身節用，以養父母。行不
為非，為謹身；富不奢泰，為節用。度財為費，父母不乏也。此庶人之孝也。故自天
子至于庶人，孝無終始，而患不及己者，未之有也。總說
五孝，上從天下，下之庶人，皆當孝無終始。能行孝道，故患難不及其身。未（未下九字恐有脫誤）之有者，
言未之有也。

（卷九 孝經）

Chú thích:

(1) Thuận theo, thích nghi.

Viết ngữ:

Tận dụng quy luật tự nhiên của từng mùa, phân biệt sự tốt xấu của đất đai và tình trạng thích nghi, để đạt được thu hoạch lớn nhất. Cần trọng và tuân thủ phép tắc, tiết kiệm và điều độ, đem những thứ này để phụng dưỡng cha mẹ, đây là đạo hiếu mà thường dân nên gắng

làm. Do vậy, từ bậc thiên tử ở trên cho đến dân thường bên dưới, đạo hiếu không phân biệt sang hèn, vượt cả không gian và thời gian mà tồn tại mãi mãi, không có bắt đầu mà cũng chẳng có kết thúc. Đạo hiếu là điều mà ai ai cũng làm được, nếu e ngại bản thân không làm được, đó là việc không thể.

(Cuốn 9. *Hiếu Kinh*)

~ 89 ~

子曰：「孝子之事親，居^①則致其敬；養則致其樂；樂竭歡心以事其親。病則致其憂；喪則致其哀；祭則致其嚴^②；五者備矣，然後能事親。」

(卷九 孝經)

Chú thích:

- (1) Tận tụy;
- (2) Tôn nghiêm, trân trọng.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Làm người con hiếu thảo và phụng dưỡng cha mẹ, khi bình thường ở nhà, phải nên hết lòng cung kính để hầu hạ; khi phụng dưỡng, phải nên hết lòng hòa nhã để chăm sóc; khi cha mẹ ốm đau, phải nên hết lòng lo lắng để trông nom; khi cha mẹ qua đời, phải hết lòng đau thương để lo việc hậu sự; khi thờ cúng, phải hết lòng nghiêm túc để thờ tự. Khi thật sự thực hiện được năm

điều trên, mới xem là tận hết trách nhiệm của việc phụng dưỡng cha mẹ vậy.”

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

~ 90 ~

曾子曰：「身也者，父母之遺體^①也。行父母之遺體，敢不敬乎？居處不莊，非孝也；事君不忠，非孝也；蒞官^②不敬，非孝也；朋友不信，非孝也；戰陳^③無勇，非孝也。五者不遂^④，災及於親，敢不敬乎？」遂，猶成也。

(卷七 禮記)

Chú thích:

- (1) Cơ thể con người, đều là cốt nhục mà cha mẹ ban cho, được gọi là “遺體” [di thể];
- (2) Nhậm chức, làm quan;
- (3) Khi giao chiến trong trận mạc, “陳” tương đương với “陣” [trận] (trận mạc);
- (4) Hoàn thành.

Việt ngữ:

Tăng Tử dạy rằng: “Thân thể ta là do cha mẹ sinh ra. Khi đem thân thể được cha mẹ ban cho để làm việc, lẽ nào dám không thận trọng sao? Đi đứng sinh hoạt mà không nghiêm túc đoan trang, đó không phải là hiếu; khi phò tá bậc quân vương mà không trung thành, đó không phải là hiếu; thân đã nhậm chức mà không

nghiêm túc và tận trách nhiệm, đó không phải là hiếu; khi kết giao bạn hữu mà không giữ chữ tín, đó không phải là hiếu; khi tác chiến mà không có tinh thần dũng cảm, đó không phải là hiếu. Nếu năm điều này làm không được, sẽ tổn hại đến thanh danh của cha mẹ, lẽ nào dám không thận trọng cho được?

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 91 ~

壹舉足而不敢忘父母，壹出言不敢忘父母。壹舉足而不敢忘父母，是故道而弗徑，舟而不游，不敢以先父母之遺體行危殆。壹出言而不敢忘父母，是故惡言不出於口，忿言不及^(及作反)於身。不辱其身，不羞其親，可謂孝矣！徑，步邪趨疾也。

(卷七 禮記)

Viết ngữ:

Mỗi bước đi đều không dám quên cha mẹ, mỗi lời thốt ra đều không dám quên cha mẹ. Khi từng bước đi mà không dám quên cha mẹ, sẽ chỉ đi theo chính đạo mà không đi đường tắt bất chính, có con thuyền chèo sẽ không ngụp lặn để qua sông, không dám dùng thân thể mà cha mẹ ban cho để làm việc mạo hiểm. Khi mỗi lời thốt ra mà không dám quên cha mẹ, từ đây sẽ không dám nói ra những lời xấu ác để người đời nhục mạ. Nếu mỗi lời nói, hành vi và cử chỉ đều thận trọng được như vậy, tất sẽ

không khiến thanh danh của mình bị tủ nhục, cũng không để cha mẹ phải tủ hổ, có như vậy mới xứng là chữ hiếu.

(Cuốn 7. Lễ Kî)

~ 92 ~

故不愛其親，而愛他人者，謂之悖^①德。人不能愛其親，而愛他人親者，謂之悖德。不敬其親，而敬他人者，謂之悖禮。不能敬其親，而敬他人之親者，謂之悖禮也。

(卷九 孝經)

Chú thích:

(1) Trái với, đi ngược với.

Viết ngữ:

Không yêu thương cha mẹ của mình mà yêu thương người khác, đây chính là trái ngược với đạo đức. Không tôn kính cha mẹ của mình mà kính trọng người khác, đây chính là trái ngược với lễ nghĩa.

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

3. NHÂN NGHĨA [NHÂN TỪ VÀ CHÍNH NGHĨA]

~ 93 ~

曾子曰：「士不可以不弘毅^①，任重而道遠。弘，大也。毅，強而能斷也。士弘毅然後能負重任，致遠路也。仁以為己任，不亦重乎？死而後已^②，不亦遠乎？」仁以為己任，重莫重焉，死而後已，遠莫遠焉。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Lớn lao, rộng lượng, kiên định và nghị lực. Thể hiện một lý tưởng vĩ đại, ý chí kiên cường;
- (2) Dừng lại.

Viết ngữ:

Tăng Tử dạy rằng: “Là người tri thức, ý chí không thể không lớn lao và không có nghị lực, bởi trách nhiệm trên vai thì nặng mà con đường lại xa thăm thẳm. Xem việc thực hành nhân đức là trách nhiệm của bản thân, trách nhiệm này chẳng phải rất lớn lao hay sao? Nếu trách nhiệm lớn lao này cứ thế mà gánh vác, cho đến khi chết mới thôi, chẳng đường này chẳng phải còn rất xa hay sao?”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 94 ~

有一言而可常行者，恕也；一行而可常履^①者也，正也。恕者仁之術也，正者義之要也。至矣哉。

(卷四十六 申鑒)

Chú thích:

- (1) Chấp hành, thực hiện.

Viết ngữ:

Có một chữ mà có thể thường xuyên thực hành theo, đó là ‘*thứ*’ (rộng lượng, vị tha), những điều mình

không muốn, thì đừng làm cho người; có một loại hành vi mà có thể thường xuyên thực hiện, đó là ‘chính’ (đúng đắn, ngay thẳng), chính trực và vô tư. ‘Thứ’ là cách thức thực hành của nhân đức; còn ‘chính trực’ là điểm quan trọng để tuân thủ đạo nghĩa. Quả thật quan trọng lắm!

(Cuốn 46. Thân Giám)

~ 95 ~

顏淵問仁。子曰：「克己復禮^①為仁。克己，約身。一日克己復禮，天下歸仁焉。一日猶見歸，況終身乎。為仁由己，而由人乎哉？」行善在己不在人。曰：「請問其目^②。」知其必有條目，故請問之。子曰：「非禮勿視，非禮勿聽，非禮勿言，非禮勿動。」
此四者，克己復禮之目。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Nghiêm khắc với bản thân, để lời nói cử chỉ phù hợp với lễ nghĩa của bậc quân vương xưa kia;
- (2) Hạng mục, điểm quan trọng, chi tiết.

Viết ngữ:

Khi Nhan Uyên thỉnh giáo về việc thực hành nhân đức thế nào. Khổng Phu Tử dạy rằng:

- Kiểm chế dục vọng của bản thân, để lời nói cử chỉ phù hợp với phép tắc lễ nghĩa, đây chính là ‘nhân’.

Chỉ cần một ngày thực sự làm được việc kiểm chế bản thân để phù hợp với lễ nghĩa, như vậy người trong thiên hạ đều được cảm hóa mà quay trở về với giá trị của nhân đức. Việc thực hành nhân đức hoàn toàn dựa vào công phu của bản thân, lẽ nào lại trông chờ người khác sao?

Nhan Uyên thưa rằng:

- Xin hỏi cụ thể thế nào?

Khổng Phu Tử lại đáp:

- Điều không phù hợp với lễ nghĩa thì không nhìn, điều không phù hợp với lễ nghĩa thì không nghe, điều không phù hợp với lễ nghĩa thì không nói, khi gặp tất cả sự việc không phù hợp với lễ nghĩa đều không được động tâm.

(Cuốn 9. Luận Ngữ)

~ 96 ~

仲弓問仁。子曰：「出門如見大賓^①，使民如承大祭^②。仁之道莫尚乎敬。己所不欲，勿施於人。在邦無怨，在家無怨。」
① 在邦為諸侯，在家為卿大夫。

(卷九 論語)

Chú thích:

(1) Chỉ khách quý của đất nước nói chung;

- (2) Cách gọi những buổi tế lễ trọng đại thời xưa, bao gồm tế lễ trời đất, tổ tiên cha mẹ;

Việt ngữ:

Khi Trọng Cung thỉnh giáo về việc thực hành nhân đức thế nào. Khổng Phu Tử dạy rằng: “Khi ra ngoài gặp gỡ với người, phải cung kính như tiếp đãi khách quý, khi sử dụng sức dân phải thận trọng như đảm nhận việc tế lễ trọng đại vậy. Phàm những điều mà chính mình không muốn, thì không được áp đặt cho người. Khi ở các nước chư hầu không có người oán hận, khi ở đất phong của các khanh đại phu cũng không có người oán hận, dầu làm việc ở nơi nào cũng không得罪 người oán thán. Đây chính là nhân đức.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 97 ~

貧賤之知不可忘，糟糠之妻^①不下堂^②。

(卷二十二 後漢書二)

Chú thích:

- (1) Chỉ người vợ đồng cam cộng khổ khi hoạn nạn. “糟” [tao] (bã rượu), “糠” [khang] (chấu, vỏ đỗ). Tao khang được ví von với những thức ăn mộc mạc;
- (2) Người phụ nữ bị chồng ruồng bỏ, phụ bạc.

Việt ngữ:

Làm người không được quên gốc rễ, dầu cho bản thân được thăng quan tiến chức, những người bạn kết giao trong hoạn nạn không được quên và người vợ tao

khang gấn bó trong gian khổ với chúng ta cũng không được hắt hủi.

(Cuốn 22. *Hậu Hán Thư* – Tập 2)

4. THÀNH TÍN [CHÂN THÀNH VÀ ĐÁNG TIN CẬY]

~ 98 ~

天地有紀矣，不誠則不能化育；君臣有義矣，不誠則不能相臨；父子有禮矣，不誠則疏；夫妻有恩矣，不誠則離；交接^①有分矣，不誠則絕。以義應當^②，曲得其情，其唯誠乎。

(卷四十八 體論)

Chú thích:

- (1) Qua lại, kết bạn;
- (2) Ứng xử đúng mực.

Việt ngữ:

Trời đất phải có kỷ cương, nếu không chân thành sẽ không giáo hóa và nuôi dưỡng vạn vật; giữa vua tôi phải có đạo nghĩa, nếu không chân thành sẽ không thể cùng chung sống và cộng sự; giữa cha và con phải có lễ nghĩa, nếu không chân thành sẽ không có lễ giáo để rời xa cách; giữa vợ và chồng phải có ân nghĩa, nếu không chân thành sẽ quên ơn để rồi ly tán; quan hệ bạn hữu phải có tình thân, nếu không chân thành sẽ trở thành vô tình mà đoạn tuyệt qua lại. Nếu lấy đạo nghĩa để đối

nhân xử thế thì đều có thể ứng xử thỏa đáng, cảm nhận quán sát tỉ mỉ tâm tư và nhu cầu của đối phương hoặc chân tướng của sự vật, chỉ khi có lòng chân thành mới làm được điều này!

(Cuốn 48. *Thế Luận*)

~ 99 ~

君子養心，莫善於誠。致誠^①無他，唯仁之守，唯義之行。誠心守仁則能化；誠心行義則能變。變化代興^②，謂之天德。

(卷三十八 孫卿子)

Chú thích:

- (1) Đưa lòng chân thành đạt đến đỉnh điểm;
- (2) Thay phiên trời dậy, thịnh hành.

Viết ngữ:

Bậc quân tử muốn tu dưỡng tâm tính, không có gì tốt hơn ‘chân thành’. Nếu muốn đạt đến ‘chí thành’ (chân thành đến tột bậc), không có cách nào khác ngoài việc trung thành gìn giữ nhân đức, thực hành đạo nghĩa. Đem lòng chí thành để giữ gìn nhân đức, tất sẽ giáo hóa được muôn dân; đem lòng chí thành để thực thi đạo nghĩa, tất sẽ thay đổi được phong tục khiến lòng dân hướng thiện. Phong tục tốt đẹp nếu dần dần được hưng

thịnh, như vậy có thể nói là tương đồng với đức hạnh của trời đất.

(Cuốn 38. Tôn Khanh Tử)

~ 100 ~

唯君子為能信，一不信則終身之行廢矣，故君子重之。

(卷五十 袁子正書)

Viết ngữ:

Chỉ bậc quân chủ có đức mới có thể tín nhiệm người. Một khi người ở trên không thể hết lòng tin tưởng hạ thần có đức có tài, vậy thì sự nghiệp một đời của họ sẽ bị phế bỏ. Bởi vậy, bậc quân chủ có đức vô cùng chú trọng thái độ của sự tín nhiệm.

(Cuốn 50. Viên Tử Chính Thư)

~ 101 ~

孔子曰：「欲人之信己，則微言而篤行^①之。篤行之，則用日久；用日久，則事著明；事著明，則有目者莫不見也，有耳者莫不聞也，其可誣乎？」

(卷四十六 中論)

Chú thích:

(1) Thực hành một cách thiết thực, chuyên tâm thực hiện. “篤” [đốc] (chuyên nhất, thuần nhất).

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Muốn khiến người khác tin tưởng chính mình, phải nên nói ít mà thiết thực đi làm. Khi thực hiện một cách chân thật, hiệu quả mới được bền lâu; khi thành quả ngày càng bền lâu, sự - lý càng được hiển lộ rõ; khi sự - lý được hiển lộ, vậy thì mọi người có mắt đều nhìn, có tai đều nghe, còn ai có thể bẻ cong chân tướng sự thật đây?”

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 102 ~

子夏曰：「君子信而後勞其民；未信則以為厲^①己也。厲，病。信而後諫，未信則以為謗己也。」

(卷九 論語)

Chú thích:

(1) Áp bức, bức hại một cách tàn nhẫn.

Việt ngữ:

Tử Hạ dạy rằng: “Bậc quân tử khi đang ở ngai vàng, trước tiên phải có được lòng tin của dân chúng, rồi mới có thể sử dụng sức dân; nếu chưa có được lòng tin, dân chúng sẽ nghĩ rằng đang áp bức họ. Bậc quân tử khi ở địa vị của hạ thần, trước tiên phải có được sự tín nhiệm của quân vương rồi mới có thể khuyên can. Nếu chưa có được sự tín

nhiệm, quân vương sẽ nghĩ rằng đang phỉ báng họ.” Ý muốn nói rằng, khi bậc quân tử sử dụng sức dân hay khi phò tá bậc quân vương đều phải lấy chữ tín làm gốc.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 103 ~

夫信由上而結者也。故君以信訓其臣，則臣以信忠其君；父以信誨其子，則子以信孝其父；夫以信先其婦，則婦以信順其夫。上秉常^①以化下，下服常而應上，其不化者，百未有一也。

(卷四十九 傅子)

Chú thích:

(1) Nắm chắc được đạo lý cơ bản.

Viết ngữ:

Sự thành tín được thiết lập từ người ở trên. Bởi vậy, khi bậc quân vương dùng lời nói, cử chỉ và thái độ thành tín để dẫn dắt hạ thần, họ sẽ trung thành với quân vương bằng sự thành tín; khi người cha dùng thân giáo của sự thành tín để dạy dỗ con cái, chúng sẽ hiếu thuận với người cha bằng sự thành tín; khi người chồng đối đãi với người vợ bằng sự thành tín, người vợ cũng sẽ thuận theo người chồng bằng sự thành tín. Người trên nếu có thể tuân theo luân thường đạo lý mà giáo hóa người dưới, người dưới tự sẽ tuân theo đạo lý và vâng

mệnh người ở trên, cứ như thế ở trên thì thực hành và ở dưới thì noi theo, nếu còn kẻ không thể giáo hóa được, trong số một trăm cũng không tìm được một người vậy.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 104 ~

色^①取仁而實違之者，謂之虛；不以誠待其臣，而望其臣以誠事己，謂之愚。虛愚之君，未有能得人之死力者也。故書稱君為元首，臣為股肱。期其一體相須而成也。

(卷四十八 體論)

Chú thích:

(1) Bề ngoài.

Viết ngữ:

Bề ngoài ra vẻ nhân nghĩa mà thực tế lại trái ngược, đây chính là hư dối; không dùng tâm chân thành để đối xử với hạ thần của mình mà lại mong muốn họ phò tá bản thân một cách chân thành, đây chính là ngu muội. Bậc quân vương mà ngu muội và hư dối thì không thể có được bậc thần nguyện hết lòng hy sinh. Do vậy, trong [*Thượng Thư*] có nói, bậc quân vương như phần đầu trên cơ thể con người và chúng thần lại giống như chân tay. Đây là mong muốn vua tôi có thể trở thành một chỉnh thể, phối hợp với nhau để khiến đất nước được an định thái bình.

(Cuốn 48. *Thế Luận*)

~ 105 ~

巧詐不如拙誠。

(卷四十 韓子)

Viết ngữ:

Gian trá xảo quyết chẳng bằng thật thà chất phác.

(Cuốn 40. *Hàn Tử*)

~ 106 ~

作德，心逸日休^①；作偽，心勞日拙。為德，直道而行，於心逸豫，而名日美。為偽，飾巧百端，於心勞苦，而事日拙，不可為之也。

(卷二 尚書)

Chú thích:

(1) Vui mừng, tốt đẹp.

Viết ngữ:

Người tích đức hành thiện, sẽ tự tại ung dung và mỗi ngày thêm hân hoan tươi tỉnh; kẻ giả dối làm ác, tâm tư héo hon và mỗi ngày thêm quần bách khôn khổ.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

5. CHÍNH KỈ [TỰ SỬA MÌNH]

~ 107 ~

曾子曰：「敢問何謂七教？」孔子曰：「上敬老，則下益孝；上尊齒^①，則下益悌；上樂施，則下益寬；上親賢，則下擇友；上好德，則下無隱；上惡貪，則下恥爭；上廉讓，則下知節。此之謂七教也。七教者，治民

之本也。政教定，則本正矣。凡上者，民之表也，表正則何物不正！」

（卷十 孔子家語）

Chú thích:

(1) Chỉ tuổi tác của con người.

Viết ngữ:

Tăng Tử thỉnh giáo với thầy:

- Xin tiên sinh chỉ dạy bảy nguyên tắc của luân lý đạo đức?

Khổng Phu Tử đáp rằng:

- Bậc quân vương mà kính trọng người già, thần dân lại càng hiếu thuận; bậc quân vương mà kính trọng người có tuổi, thần dân lại càng yêu thương hòa ái với huynh trưởng; bậc quân vương mà vui với việc hành thiện giúp người, thần dân lại càng khoan dung đôn hậu; bậc quân vương mà thân cận với bậc hiền sĩ, thần dân lại càng chú trọng chọn bạn để kết giao; khi bậc quân vương chú trọng tu dưỡng đạo đức, thần dân sẽ không làm việc hổ thẹn; khi bậc quân vương chán ghét sự tham lam, thần dân sẽ biết hổ thẹn với việc tranh giành; khi bậc quân vương thanh liêm và khiêm nhường, thần dân sẽ biết giữ gìn lễ tiết. Đây chính là bảy chuẩn mực của luân lý đạo đức, bảy điều này cũng là nền tảng để trị vì

nhân dân. Khi nguyên tắc giáo hóa và trị vì được xác định, vậy thì nền tảng đó sẽ đứng đắn ngay thẳng rồi. Phàm là bề trên thì đều là tấm gương của nhân dân, khi tấm gương ngay thẳng, liệu còn có điều gì mà không ngay thẳng chứ?

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 108 ~

子曰：「其身正，不令而行；其身不正，雖令不從」
令，教令也。

(卷九 論語)

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Nếu lời nói và hành động của người làm quan mà đứng đắn ngay thẳng, làm ra được tấm gương mẫu mực, thì không cần ban bố mệnh lệnh, nhân dân sẽ tự giác noi theo, như vậy pháp lệnh được thực thi thông suốt không gì trở ngại. Nếu lời nói và hành động của người làm quan không đứng đắn ngay thẳng, dù ban bố mệnh lệnh, nhân dân cũng không thuận lòng mà tuân thủ.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 109 ~

故君子為政，以正己為先，教禁^①為次。

(卷四十七 政要語)

Chú thích:

(1) Sự giáo hóa và lệnh cấm.

Viết ngữ:

Bậc quân tử khi trị vì việc chính sự, trước tiên phải chỉnh đốn tư tưởng, lời nói và hành động của chính mình, rồi mới đến việc thúc đẩy giáo dục và ban hành lệnh cấm.

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

~ 110 ~

子曰：「下之事上也，不從其所令，而從其所行。
言民化行，不拘於言也。上好是物，下必有甚矣。甚者，甚於君也。故上之
所好惡，不可不慎也，是民之表也。」言民之從君，如影之逐表。

(卷七 禮記)

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Khi cấp dưới phò tá cấp trên, không phải chỉ nghe điều họ nói thế nào mà còn phải nhìn việc họ làm ra sao. Khi cấp trên ưa thích sự vật nào đó, cấp dưới nhất định sẽ yêu thích hơn họ. Bởi vậy, thái độ yêu thích hay chán ghét của cấp trên, không thể không cẩn trọng, bởi đó đều là tấm gương của dân chúng.”

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 111 ~

我有公心焉，則士民不敢念其私矣；我有平心焉，則士民不敢行其險矣；我有儉心焉，則士民不敢放其奢矣。此躬行之所徵者也。

（卷四十五 昌言）

Viết ngữ:

Khi cấp trên mà có tâm quang minh chính đại, cấp dưới và muôn dân sẽ không dám có ý nghĩ mưu lợi cá nhân; khi cấp trên có được tâm bình đẳng, cấp dưới và muôn dân sẽ không dám làm việc mạo hiểm và có tâm trông chờ may mắn; khi cấp trên có tâm cần kiệm, cấp dưới và muôn dân sẽ không dám phóng túng hưởng thụ, xa xỉ lãng phí. Đây chính là ảnh hưởng được phát huy khi cấp trên lấy mình làm gương.

(Cuốn 45. *Xương Ngôn*)

~ 112 ~

太公曰：「將有三禮。冬日不服裘，夏日不操扇，天雨不張蓋幕，名曰三禮也。」

（卷三十一 六韜）

Viết ngữ:

Thái Công dạy rằng: “Bậc tướng soái có ‘Tam Lễ’ (ba phép tắc), buộc phải đích thân thực hành để làm gương. Mùa đông không khoác áo da thú, mùa hè không

dùng quạt và trời mưa không che lọng, có như vậy mới có thể đồng cam cộng khổ cùng binh sĩ. Đây chính là ba phép tắc như đã nêu trên”¹⁰. Bởi vì, tướng soái mà không thực hiện lễ pháp, tất không thể cảm nhận được nỗi khổ của binh sĩ.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 113 ~

孔子曰：「君子有三恕。有君不能事，有臣而求其使，非恕也；有親弗能孝，有子而求其報，非恕也；有兄弗能敬，有弟而求其順，非恕也。士能明於三恕之本，則可謂端身矣。」

(卷十 孔子家語)

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Bậc quân tử trên ba phương diện phải giữ ‘thứ đạo’ (khoan dung và độ lượng), khi nói người thì phải ngấm đến ta. Khi phò tá quân vương mà không thể tận trung, nhưng lại yêu cầu cấp dưới tuân theo sự sai bảo của họ, đó không phải là thứ đạo; đối với cha mẹ không thể hết lòng hiếu thảo, nhưng lại yêu cầu con cái phải đền đáp ân đức, đây cũng không phải là thứ đạo;

¹⁰ Mục đích của phép tắc này là để nhắc nhở tướng lĩnh chỉ huy phải đặt địa vị của mình vào vị trí của quân lính, mà đồng kham cộng khổ. Một vị tướng lĩnh khi có thể đồng cảm với hoàn cảnh của quân lính, không những sẽ có được sự trung thành mà còn tới gần với chiến lược lý tưởng để có thể giành được thắng lợi với sự thương vong tối thiểu.

có bậc huynh trưởng không thể tôn kính người, nhưng lại yêu cầu người em thuận theo mình, đây cũng không phải là thứ đạo. Là người học tập theo Thánh Hiền phải hiếu và trung thành với quân vương, hiếu thảo với cha mẹ, hòa ái với huynh đệ, đây mới là nền tảng của thứ đạo, như vậy mới có thể nói rằng đã chấn chỉnh được bản thân vậy.”

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 114 ~

是故君子有諸^①己，而後求諸人；無諸己，而後非諸人。

(卷七 禮記)

Chú thích:

(1) Đối với, ở chỗ.

Viết ngữ:

Bởi vậy, người lãnh đạo mà có đức hạnh, nhất định phải là bản thân có hành động đẹp trước tiên, sau đó mới dìu dắt người khác hành thiện; nhất định phải là yêu cầu bản thân không có hành động xấu ác trước tiên, sau đó mới ngăn cấm người khác làm việc ác.

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 115 ~

君子能為可貴，不能使人必貴己；能為可信，不能使人必信己；能為可用，不能使人必用己。故君子恥不修，不恥見^①污；恥不信，不恥不見信；恥不能，不

恥不見用。是以不誘於譽，不恐於誹，率^②道而行，端然正己，不為物傾側^③，夫是之謂誠^④君子。

(卷三十八 孫卿子)

Chú thích:

- (1) Được dùng trước động từ và mang nghĩa bị động, tương đương với bị, chịu;
- (2) Tuân theo, làm theo;
- (3) Lệch lạc, không ngay thẳng;
- (4) Chân thật, thực sự.

Viết ngữ:

Bậc quân tử có thể làm một người xứng đáng được người tôn trọng, nhưng không thể ép người khác nhất định phải tôn trọng mình; có thể làm một người xứng đáng được người tin tưởng, nhưng không thể ép người khác nhất định phải tin tưởng mình; có thể làm một người xứng đáng được trọng dụng, nhưng không thể ép người khác nhất định phải trọng dụng mình. Bởi vậy, bậc quân tử phải lấy việc không tu dưỡng đạo đức phẩm hạnh làm điều hổ thẹn, chứ không lấy việc bị bôi nhọ làm điều hổ thẹn; lấy việc không giữ chữ tín làm điều hổ thẹn, chứ không lấy việc không được tín nhiệm làm điều hổ thẹn; lấy việc không có tài năng làm điều hổ thẹn, chứ không lấy việc không được trọng dụng làm điều hổ thẹn. Như vậy sẽ không bị hư danh khiến cho hư ảo mê hoặc, không vì bị phỉ báng mà lo sợ, cứ theo chính đạo mà đi, tự chấn chỉnh bản thân, không bị ngoại

cảnh khiến cho dao động, đây mới xứng đáng là bậc quân tử chân thật.

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

~ 116 ~

榮辱之責，在乎己，而不在于人。

(卷四十 韓子)

Viết ngữ:

Trách nhiệm của việc dẫn đến vinh quang hay nhục nhã, tất cả ở nơi chính mình, chứ không phải ở nơi người khác.

(Cuốn 40. *Hàn Tử*)

~ 117 ~

家人。《象》曰：……君子以言有物^①，而行有恒。家人之道，修於近小而不妄者也。故君子言必有物，而口無擇言；行必有恒，而身無擇行也。

(卷一 周易)

Chú thích:

(1) Nội dung, thực chất của sự vật.

Viết ngữ:

Gia Nhân Quái (Quẻ Gia Nhân). Trong [Tượng Truyện] có nói: Là bậc lãnh đạo, cha mẹ hay thầy giáo, từng giờ từng khắc phải giữ cho lời nói chân thật thành

khẩn, hơn nữa việc thực hành cũng phải triệt để từ đầu đến cuối.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 118 ~

衣冠中，故朝無奇僻之服；所言義，故下無偽上之報；身行順，治事公，故國無阿黨^④之義。三者，君子常行也。

(卷三十三 晏子)

Chú thích:

(1) Bợ đỡ cấp trên, theo cảm tình mà bỏ công luân lý, cậy quyền ý thế, tạo bè kết đảng.

Viết ngữ:

Áo mũ của bậc quân vương cũng cần có phép tắc quy định, bởi thế mà trong triều đình sẽ không có trang phục lạc loài; những lời nói ra cũng phải hợp đạo nghĩa, bởi thế mà hạ thần sẽ không báo cáo dối trá tình hình ở dưới; hành vi của bản thân cũng phải tuân theo đạo nghĩa, thì hành việc công phải quang minh chính đại, có như vậy đất nước mới không có hiện tượng a dua bợ đỡ, tạo bè kết đảng mưu lợi cá nhân. Ba điểm trên đây chính là chuẩn mực cho hành vi thường ngày của bậc quân vương.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

~ 119 ~

故聲無小而不聞，行無隱而不形。玉在山而木草潤，淵生珠而崖不枯。為善積也，安有不聞者乎？

（卷三十八 孫卿子）

Việt ngữ:

Âm thanh không phải bởi nhỏ mà không có người nghe thấy; đức hạnh không phải bởi giấu kín mà không được phát hiện. Ngọc quý giấu cất sâu trong núi, đến cây cỏ trên núi cũng đều được tốt tươi; nếu trong đầm sâu có ngọc châu, đến ven đầm cũng không bị khô kiệt. Từ đây hiểu được, hành thiện đáng quý ở chỗ tích lũy từng ngày từng tháng, đâu có lý nào mà người không biết chứ?

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

6. ĐỘ LƯỢNG [KHOAN DUNG]

~ 120 ~

帝曰：「夫建大事者，不忌小怨。」

（卷二十一 後漢書一）

Việt ngữ:

Quang Vũ Đế của triều đại Hán từng nói: “Người lập cơ nghiệp vĩ đại, thường nghĩ cho toàn cục, mà không màng đến oán thù vật vãnh”.

(Cuốn 21. *Hậu Hán Thư* – Tập 1)

~ 121 ~

老子曰：「報怨以德。」

(卷四十 賈子)

Việt ngữ:

Lão Tử dạy rằng: “Không để thù hận trong lòng, mà ngược lại dùng ân đức để trả ơn kẻ đã làm hại chúng ta”.

(Cuốn 40. *Giả Tử*)

7. KHIÊM TỐN

~ 122 ~

《彖》曰：謙亨^①。天道下濟而光明，地道卑而上行。天道虧盈而益謙，地道變盈而流謙，鬼神害盈而福謙，人道惡盈而好謙。謙尊而光，卑而不可踰^②，君子之終也。

(卷一 周易)

Chú thích:

- (1) Thông suốt, thuận lợi;
- (2) Vượt qua.

Việt ngữ:

Trong [Thoán Truyện] có nói: Nếu khiêm tốn, tất được hanh thông. Quy luật của đạo trời là hướng tới hạ

giới đề cứu giúp vạn vật, bởi vậy ánh sáng chiếu khắp thiên hạ; quy luật của trong đạo của đất là tuy ở dưới thấp nhưng linh khí vận động đi lên; đất trời giao hòa, âm dương hòa hợp, nên gọi là *hanh thông*. Quy luật của trời là san bớt của kẻ kiêu căng và tăng thêm cho người khiêm nhường; quy luật của đất là thay đổi của kẻ kiêu căng và làm dồi dào cho người khiêm nhường; quy luật của thần linh là hại kẻ kiêu căng và ban phúc cho người khiêm nhường; quy luật của loài người là khinh ghét kẻ kiêu căng và yêu mến người khiêm nhường. Người khiêm nhường nếu ở địa vị tôn quý, đạo đức của họ càng tỏa sáng; dẫu cho ở địa vị thấp kém, đạo đức của họ cũng không thể trội hơn thêm; bậc quân tử dẫu ở nơi tôn quý hoặc ở nơi thấp kém, đều có thể suốt đời giữ gìn phẩm chất khiêm nhường cao quý, đồng thời sẽ được hưởng phúc báu trọn đời mà sự khiêm nhường mang lại.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 123 ~

惟德動天，無遠弗届^①。滿招損，謙受益，時^②乃天道。
自滿者人損之，自謙者人益之，是天道之常。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Tới, đến;
- (2) Tương đương với “是” [thị] có nghĩa là đây, này.

Việt ngữ:

Chỉ đức hạnh mới có thể làm cảm động trời đất, dẫn người ở xa xôi đến mấy cũng đều đến quy phục. Tự mãn sẽ chuốc lấy tổn thất, còn khiêm nhường sẽ đạt được ích lợi, đây chính là quy luật của tự nhiên.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 124 ~

《象》曰：勞謙^①君子，萬民服也。

(卷一 周易)

Chú thích:

(1) Lao động cần mẫn mà khiêm tốn cung kính.

Việt ngữ:

Trong [Tượng Truyện] có nói: Người quân tử siêng năng chịu khó mà lại khiêm nhường cung kính, tất sẽ được muôn dân ngưỡng mộ và quy phục.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 125 ~

德日新，萬邦惟懷；志自滿，九族^①乃離。日新，不懈怠也。自滿，志盈溢也。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Nhà nho thời nhà Hán cho rằng [cửu tộc] có hai ý nghĩa. Nghĩa thứ nhất là họ hàng quyền thuộc trực hệ, bao gồm: Cụ cao tổ, cụ cố nội, ông nội, cha, bản thân, con trai, cháu đích tôn, chắt, chít. Nghĩa thứ hai, gồm bốn đời họ cha (cô ruột đã xuất giá và con trai, chị/em đã xuất giá và con trai, con gái đã xuất giá và cháu ngoại), ba người họ mẹ (cụ cố ngoại, cụ bà bên ngoại, dì và con trai), hai người bên vợ (cha vợ, mẹ vợ) chính là cửu tộc.

Viết ngữ:

Khi đức hạnh mà ngày càng tiến bộ, các nước từ bốn phương cũng được cảm hóa mà từ xa đến quy phục; còn khi có tâm kiêu ngạo tự cao, đến thân bằng quyền thuộc thân thiết nhất cũng sẽ rời xa.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 126 ~

故《易》曰：「有一道，大足以守天下，中足以守國家，小足以守其身，謙之謂也。」

(卷四十三 說苑)

Viết ngữ:

Trong [Kinh Dịch] có nói: “Có một đạo lý, nếu có thể tuân theo đó mà làm, trong phạm vi rộng có thể giữ được thiên hạ, với phạm vi vừa thì giữ được nước nhà,

và phạm vi nhỏ thì có thể bảo vệ được bản thân, đạo lý này chính là khiêm nhường vậy.”

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 127 ~

若升高，必自下；若陟遐⁽¹⁾，必自邇⁽²⁾。言善政有漸，如登高升遠，必用下近為始，然後致高遠也。

(卷二 尚書)

Chú thích:

(1) Đi xa. “遐” [hà] (xa xôi);

(2) Gần.

Viết ngữ:

Nếu muốn lên cao, nhất định phải bắt đầu từ chỗ thấp; nếu muốn tiến xa, nhất định phải bước đi từ nơi gần. Bởi vậy, dù học vấn hay công việc, cũng phải bắt tay từ chỗ nông cạn và gần gũi, sau đó theo trình tự mà tiến dần lên, dần dần thâm nhập, đừng nên tham vọng viển vông.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 128 ~

江海所以能為百谷王，以其善下之。江海以卑下，故眾流歸之，若民歸就王者。

(卷三十四 老子)

Viết ngữ:

Sông biển sở dĩ trở thành nơi hội tụ của sông suối ao hồ, là bởi biết nên ở nơi thấp kém. Từ đây hiểu rằng, bậc quân tử cần phải có tấm lòng trải rộng bao dung, khiêm tốn cần trọng thì đức hạnh mới ngày một tăng thêm.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 129 ~

君子常虛其心志，恭其容貌，不以逸群^①之才加乎眾人之上，視彼猶賢，自視猶不肖^②也。故人願告之而不厭，誨之而不倦。

(卷四十六 中論)

Chú thích:

- (1) Tài năng hơn người;
- (2) Ngôn từ thể hiện sự khiêm tốn, ý nói là bất tài, không có đức.

Viết ngữ:

Bậc quân tử chân chính, thường sẽ giữ tâm thế khiêm tốn, cử chỉ cung kính lễ độ, không lấy tài năng hơn người mà ở trên quần chúng; thường xem người khác đều là bậc đức tài, còn coi mình chỉ là kẻ đức kém tài mọn. Bởi thế, được người vui lòng khuyên răn và không cảm thấy ác cảm, khi được chỉ dạy cũng không thấy mệt mỏi chán chường.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 130 ~

汝惟弗矜^①，天下莫與汝爭能。汝惟弗伐^②，天下莫與汝爭功。
自賢曰矜。自功曰伐。言禹推善讓人，而不失其能；不有其勞，而不失其功；所以能絕眾人也。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Khoa trương, tự cao tự đại;
- (2) Tự khoe bản thân.

Viết ngữ:

Nếu ta mà có thể không tự cho mình là người đức tài, thiên hạ mới không có người tranh tài cán với ta. Nếu ta mà có thể không vỗ ngực tự khoe, thiên hạ mới không có người tranh giành công lao với ta. Hay nói một cách khác, bậc quân vương mà có thể từng giờ từng khắc khiêm nhường, cung kính và thận trọng, thiên hạ mới giữ được ổn định bền lâu và không bị lật đổ.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 131 ~

夫人有善鮮^①不自伐，有能者寡不自矜。伐則掩人^②，矜則陵人^③。掩人者人亦掩之，陵人者人亦陵之。

(卷二十六 魏志下)

Chú thích:

- (1) Ít;
- (2) Che lấp ưu điểm của người khác;
- (3) Cậy thế ép người, hiếp đáp người.

Viết ngữ:

Người có hành động thiện, có rất ít người mà không tự khoe khoang; người có tài năng, cũng rất ít người mà không kiêu ngạo. Khi tự cao sẽ che lấp ưu điểm của người, khi kiêu ngạo thì thích ở trên người. Kẻ làm lu mờ người khác, người khác cũng sẽ làm họ lu mờ; kẻ thích hơn người khác, người khác cũng sẽ thích hơn họ.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* - Hạ)

~ 132 ~

子曰：「如有周公之才之美，使驕且吝，其餘不足觀也已。」

(卷九 論語)

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Một người nếu có được tài hoa và khả năng trị vì như Chu Công, nhưng rồi lại trở nên kiêu ngạo và bủn xỉn, không chịu chia sẻ, đâu có chút thiện nhỏ, cũng không đáng để quan tâm.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 133 ~

「亢龍有悔」^①，何謂也？子曰：「貴而無位，高而無民，下無陰也。賢人在下位而無輔，賢人雖在下而當位，不為之助。是以動而有悔也。」……「亢」之為言也，知進而不知退，知存而不知亡，知得而不知喪。其唯聖人乎！知進退存亡，而不失其正者，其唯聖人乎！

（卷一 周易）

Chú thích:

- (1) “亢” [kháng] (lên cao), “龍” [long] (ngôi vương).
Khi ở vị thế tối tôn, phải lấy vị thế đó để cảnh giác, nếu không sẽ gặp tai họa làm cho thân bại danh liệt.

Viết ngữ:

“Khi ở vị thế tối tôn, phải nên lấy sự kiêu căng ngạo mạn mà làm điều cảnh giác, nếu không sẽ gặp tai họa làm cho thân bại danh liệt, có hối cũng không kịp.” Tại sao lại nói như vậy? Phu Tử (Khổng Tử) dạy rằng: “Khi ở địa vị cao sang tột bậc, không có địa vị nào cao hơn địa vị này; khi thân phận uy nghi đường vệ, không ai có thể tiếp cận. Người có đức tài đều ở bên dưới không thể nào ở bên cạnh mà phò tá trợ giúp, do vậy nếu nhất cử nhất động không cẩn trọng sẽ rước họa vào thân”... Ý nghĩa của từ ‘亢’ [kháng], là chỉ biết tiến mà không biết lùi và phòng thủ, chỉ biết tồn tại mà không biết rồi sẽ suy vong, chỉ biết đạt được mà không biết rồi sẽ bị mất đi. Điều này chỉ có trí tuệ của bậc thánh nhân mới có thể biết tiến – lùi – còn – mất thế

nào mà lại không để mất đi chính đạo. Chỉ có bậc thánh nhân mới được như thế mà thôi!

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

8. CẢN THẬN [CẢN TRỌNG]

~ 134 ~

惟聖^①罔念^②作狂^③，惟狂克念^④作聖。惟聖人無念於善，則為狂人。惟狂人能念善，則為聖人。言桀紂非實狂愚，以不念善故滅亡也。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Để mất sự cảnh giác;
- (2) Kẻ điên cuồng ngu muội;
- (3) Khắc phục tham vọng không chính đáng.

Viết ngữ:

Ai ai cũng đều có bản tính sáng ngời của bậc Thánh Hiền, một khi vọng niệm phát sinh, mà lại liên tiếp không ngừng, tất sẽ bị phiền não trói buộc mà trở thành kẻ phàm phu; kẻ phàm phu mà kiềm chế được vọng niệm, và lại giữ được chính niệm, tất sẽ trở thành bậc thánh nhân. Từ đây mà hiểu được sự khác biệt giữa “thánh nhân” và “kẻ cuồng vọng”, chỉ ở sự đánh mất cảnh giác và kiềm chế vọng niệm mà thôi.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 135 ~

傳曰：「從善如登，從惡如崩。」

（卷二十七 吳志上）

Việt ngữ:

Trong [Quốc Ngữ] nói rằng: “Trở thành người thiện, gian khó tựa như leo núi, cần phải từng giờ từng phút khắc phục tập khí của chính mình; trở thành người ác, tựa thể núi lở mà đọa lạc nhanh chóng, chỉ cần sẩy chân một bước thì ôm hận ngàn thu”¹¹.

(Cuốn 27. *Ngô Chí* – Thượng)

~ 136 ~

《曲禮》曰：毋不敬，禮主於敬。儼^①若思，言人坐思，貌必儼然。安定辭，審言語也。安民哉！此句可以安民也。

（卷七 禮記）

Chú thích:

(1) Dáng vẻ cung kính, trang trọng.

¹¹ Hay nói cách khác, thực hành theo đạo lý Thánh Hiền thì khó mà đầu hàng trước tập khí xấu lại rất dễ.

Việt ngữ:

Trong [Khúc Lễ] nói rằng: Đối với tất cả người, sự việc và sự vật không thể không cung kính; cử chỉ đoan trang, điềm đạm, dáng vẻ tựa như đang suy ngẫm; ngôn từ đối đáp vững vàng, mạch lạc. Có như vậy mới có thể khiến lòng dân an định.

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 137 ~

位已高而意益下，官益達而心益小，祿已厚而慎不敢取。

(卷四十三 說苑)

Việt ngữ:

Địa vị càng cao, thái độ càng phải khiêm cung và cung kính; chức quan càng lớn, trong tâm càng phải cẩn trọng; bổng lộc càng hậu hĩnh, càng không dám tham lam mà nhận lấy.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 138 ~

生而貴者驕，生而富者奢。故富貴不以明道自鑒，而能無為非者寡矣。

(卷三十五 文子)

Việt ngữ:

Người sinh ra đã hiển đạt phú quý, sẽ dễ bị kiêu ngạo và phóng túng; người sinh ra đã được giàu có đủ

đầy, sẽ dễ bị xa hoa. Bởi vậy, người phú quý, nếu không hiểu rõ đạo lý làm người để tự kiểm điểm và quán chiếu, sẽ rất hiếm người có thể không làm những điều sai trái.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 139 ~

九三：「君子終日乾乾^①，夕惕若^②，厲^③，無咎^④。」何謂也？子曰：「君子進德修業。忠信，所以進德也；修辭立其誠，所以居業也。是故居上位而不驕，在下位而不憂。居下體之上，在上體之下。明夫終敝，故不驕也；知夫至至，故不憂也。故乾乾因其時而惕，雖危無咎矣。」惕，怵惕之謂也。

(卷一 周易)

Chú thích:

- (1) Dáng vẻ nỗ lực không ngừng nghỉ;
- (2) Cảnh giác và lo lắng. “若” [nhược] là trợ từ ngữ khí và không có ý nghĩa cụ thể;
- (3) Nguy hiểm;
- (4) Mang nghĩa tai họa, tai ương bệnh tật, tội lỗi, v.v...

Viết ngữ:

Lời từ cho hào Cửu Tam của Quẻ Càn rằng: “Bậc quân tử cả ngày trời siêng năng không mệt mỏi, gắng sức không ngừng nghỉ, cho đến tận đêm khuya vẫn cảnh giác đề phòng, có như vậy mới có thể ở trong cảnh hiểm nguy mà tránh được tai họa”. Vì sao lại nói như vậy?

Phu Tử (Khổng Tử) dạy rằng: “Điều này ví như bậc quân tử phải vun bồi đạo đức và xây dựng cơ đồ. Phải đạt đến Trung - Thành - Tín - Thật, rồi từ đây mà vun bồi đạo đức; khi vì nhân dân mà chấn hưng và phát triển văn hóa giáo dục, thì bản thân phải lấy mình để làm gương, nói và làm phải thống nhất, giữ vững tâm chân thành, rồi từ đây mà gây dựng sự nghiệp. Bởi vậy, khi ở địa vị cao mà không kiêu ngạo, ở địa vị thấp mà không âu lo, lại có thể ngày ngày cố gắng không ngừng nghỉ, luôn luôn cảnh giác đề phòng, dẫu ở hoàn cảnh hiểm nguy cũng tránh được tai họa”.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 140 ~

道也者，不可須臾離也，可離非道也。道，猶道路也。出入動作由之，須臾離之，惡乎從。是故君子戒慎乎其所不睹，恐懼乎其所不聞。莫見乎隱，莫顯乎微，故君子慎其獨也。慎其獨者，慎其閑居之所為也。小人於隱者，動作言語，自以為不見睹不見聞，則必肆盡其情。若有觀聽之者，是為顯見，甚於眾人之中為之也。

(卷七 禮記)

Việt ngữ:

Trong tâm từng giờ từng khắc không rời xa chính đạo, nếu có thể rời xa tất không phải chính đạo. Bởi vậy, bậc quân tử ở nơi không ai nhìn thấy cũng phải thường cảnh giác thận trọng, ở nơi không ai nghe được cũng phải thường hốt hoảng lo sợ. Phải nên biết rằng, nơi kín đáo nhất có nhìn cũng không thấy lại là nơi dễ dàng phát hiện nhất, sự vật nhỏ bé nhất có nhìn cũng

không ra lại là sự vật dễ dàng đề bại lộ nhất, bởi vì ý nghĩ rất dễ dàng mà phóng túng buông lơi, do vậy bậc quân tử đặc biệt cẩn trọng khi ở nơi không người.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 141 ~

行有四儀^①：一曰，志動不忘仁，二曰，智用不忘義，三曰，力事不忘忠，四曰，口言不忘信。慎守四儀，以終其身，名功之從之也，猶形之有影，聲之有響^②也。

(卷三十六 尸子)

Chú thích:

- (1) Phép tắc, tiêu chuẩn, chuẩn mực;
- (2) Âm thanh dội ngược lại.

Viết ngữ:

Lời nói và hành động có bốn chuẩn mực:

- 1) Khi thực hiện chí hướng, không được quên lòng nhân ái;
- 2) Khi vận dụng mưu trí, không được quên đạo nghĩa;
- 3) Khi nỗ lực làm việc, không được quên lòng trung thành;
- 4) Khi phát ngôn, không được quên chữ thành tín.

Nếu có thể cẩn trọng mà tuân thủ bốn chuẩn mực này và một đời không quên, danh dự và sự nghiệp tự sẽ

theo đó mà đến, giống như hình luôn có bóng đi theo, âm thanh khi phát ra đã lập tức có tiếng vọng lại.

(Cuốn 36. *Thi Tử*)

~ 142 ~

君子口無戲謔^①之言，言必有防；身無戲謔之行，行必有檢^②。言必有防，行必有檢，雖妻妾不可得而黷^③也，雖朋友不可得而狎也。是以不慍怒^④，而教行於閨門；不諫諭，而風聲化乎鄉黨。傳稱「大人正己而物正」者，蓋^⑤此之謂也。

(卷四十六 中論)

Chú thích:

- (1) Trêu đùa;
- (2) Chừng mực;
- (3) Xem nhẹ, không cung kính;
- (4) Nổi nóng, tức giận;
- (5) Đại khái.

Viết ngữ:

Nếu bậc quân tử không muốn nói ra lời bốn cột bông đùa, lời nói nhất định phải thận trọng và có chừng mực; nếu muốn bản thân không có hành vi đùa giỡn, hành vi nhất định phải thận trọng và có kiểm soát. Lời nói chừng mực và hành vi cẩn trọng, dầu có là thô thiếp cũng không dám vì gần gũi mà vô lễ, dầu có là bạn hữu

cũng không dám vì thân quen mà xem nhẹ. Do vậy, bậc quân tử không cần phải quở trách nghiêm khắc, chỉ dùng thân giáo cũng có thể ảnh hưởng cả gia tộc; không cần răn dạy cảnh cáo, nhưng nếp sống tốt đẹp cũng có thể giáo hóa cả làng quê. Trong [Mạnh Tử] khen rằng: “Khi bậc thánh nhân đứng dẫn mẫu mực, vạn sự vạn vật ở xung quanh cũng sẽ theo đó mà đoạn chính”, ý nghĩa đại khái là như vậy.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 143 ~

戒之哉！無多言，多言多敗；無多事，多事多患。
安樂必誠，雖處安樂，必警誡也。無行所悔。所悔之事，不可復行。

(卷十 孔子家語)

Viết ngữ:

Phải rút ra bài học cảnh giác chứ! Không được nhiều lời, nhiều lời sẽ dễ vì tâm ngạo mạn mà nói sai, rồi cuộc lại chuốc lấy tai họa; không được tò mò dò hỏi việc người, tò mò dò hỏi sẽ dễ vì trong tâm bồn chồn mà làm hỏng việc, rồi cuộc lại dẫn đến hiểm họa. Khi được an vui phải đề cao cảnh giác, không làm những việc khiến bản thân phải hối hận.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 144 ~

子曰：「亂之所生也，則言語為之階^①。君不密則失臣，臣不密則失身，機事不密則害成。是以君子慎密而不出也。」

(卷一 周易)

Chú thích:

(1) Đường lời, duyên có, dựa vào.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Sở dĩ tai vạ nảy sinh là bắt nguồn từ lời ăn tiếng nói. Nếu bậc quân vương khi phát ngôn mà không cẩn trọng, tất sẽ dễ mất hạ thần; nếu hạ thần phát ngôn mà không thận trọng, tất sẽ chuốc họa vào thân, việc đại sự cơ mật nếu không thận trọng mà tiết lộ ra, tất sẽ trở thành mối hiểm họa. Bởi vậy, bậc quân tử phải thận trọng kín đáo mà không tùy tiện phát ngôn.”

(Cuốn 1. Chu Dịch)

~ 145 ~

夫輕諾必寡信，不重言也。多易必多難。不慎患也。是以聖人猶難之，聖人動作舉事，猶進退重難之，欲塞其源也。故終無難。聖人終身無患難之事，由避害深也。

(卷三十四 老子)

Việt ngữ:

Nếu tùy tiện mà hứa hẹn, chắc chắn sẽ hiếm khi trọng chữ tín; coi sự việc quá ư dễ dàng, tất sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, khi bậc thánh nhân xử lý công việc phải luôn có tâm lòng trước khó khăn, bởi vậy sau cùng thì sau này mới không gặp hoạn nạn.¹²

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 146 ~

孔子曰：「益者三樂，損者三樂。樂節禮樂，動則得禮樂之節。樂道人之善，樂多賢友，益矣。樂驕樂，恃尊貴以自恣。樂佚遊^①，佚遊，出入不節。樂宴樂，損矣。」宴樂，沉荒淫驕也。三者，自損之道。

(卷九 論語)

Chú thích:

(1) Phóng túng lêu lỏng, không có tiết chế.

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Sở thích mà có ích cho người có ba loại, sở thích mà có hại cho người cũng có ba loại. Ưa thích lấy lễ nhạc để tiết chế cử chỉ, ưa thích tán dương hành động đẹp của người để từ đó dẫn dắt mọi người noi

¹² Bậc thánh nhân thường có tâm lý chuẩn bị cho những gian khó, bởi vậy không có khó khăn nào có thể tiếp cận được họ.

gương người đức tài, ưa thích quảng giao kết bạn với người đức hạnh thiện lương, đây đều là sở thích giúp người thu được lợi ích. Ưa thích lấy sự giàu sang và tài năng để mà ngạo mạn, ưa thích lang thang lê lững, ưa thích chìm đắm trong tiệc tùng tìm vui sướng hưởng lạc, đó đều là những sở thích khiến cho thân – tâm bị tổn hại”.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 147 ~

君子以儉德避難，不可榮以祿。

(卷一 周易)

Viết ngữ:

Khi người quân tử gặp cảnh khôn đốn hiểm nguy, phải nên lấy việc tiết kiệm và tu dưỡng đức hạnh để tránh khỏi tai nạn, chứ đừng nên lấy việc theo đuổi lợi lộc để làm niềm vinh quang.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

9. GIAO HỮU [KẾT GIAO BẠN HỮU]

~ 148 ~

故君子之接如水，小人之接如醴⁽¹⁾；君子淡以成，小人甘以壞。
水相得合而已，酒醴相得則敗。淡，無酸酢少味也。

(卷七 禮記)

Chú thích:

(1) Rượu ngon.

Viết ngữ:

Mối kết giao giữa bậc quân tử đậm bạc tựa nước, còn mối kết giao giữa kẻ tiểu nhân ngọt nồng như rượu. Mối kết giao của bậc quân tử tuy đậm bạc, nhưng lại có thể thành tựu lẫn nhau, mối kết giao của kẻ tiểu nhân tuy thân mật nhưng lại dễ làm hại lẫn nhau. Do vậy, bậc quân tử phải nên xem xét thận trọng khi chọn bạn để thành tựu đức hạnh và nâng cao đạo nghiệp.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 149 ~

故曰：與善人居，如入芝蘭之室⁽¹⁾，久而不聞其香，即與之化矣；與不善人居，如入鮑魚之肆⁽²⁾，久而不聞其臭，亦與之化矣。是以君子必慎其所與者焉。

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

(1) Căn phòng có để cỏ chi và cỏ lan;

(2) Cửa hàng bán cá muối.

Viết ngữ:

Bởi vậy mới nói rằng: Khi ở cùng người tốt, giống như được bước vào căn phòng có để cỏ thơm, thời gian lâu dần sẽ không ngửi thấy mùi thơm, nghĩa là chính mình đã được hòa quyện vào trong đó, đã được đồng hóa với mùi thơm đó rồi; nhưng nếu ở chung với người không tốt,

giống như vào trong cửa hàng cá muối, thời gian lâu dần sẽ không ngửi thấy mùi hôi thối, nghĩa là cũng bị đồng hóa với mùi hôi thối rồi. Do vậy, bậc quân tử nhất định phải cẩn trọng khi lựa chọn bạn hữu và môi trường sống.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 150 ~

孔子曰：「益者三友，損者三友。友直，友諒^①，友多聞，益矣。友便辟^②，便辟，巧避人所忌，以求容媚。友善柔^③，面柔者也。友便佞^④，損矣。」便，辯也。謂佞而辯。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Lượng thứ, cảm thông;
- (2) Khéo hùa theo người khác;
- (3) Khéo nịnh bợ với thái độ ôn hòa và ngoan ngoãn;
- (4) Lời lẽ khéo léo, a dua bợ đỡ.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Bạn hữu ích cho ta có ba loại, mà bạn có hại cũng có ba loại. Kết bạn với người chính trực vô tư, kết bạn với người khoan dung độ lượng, kết bạn với người đọc nhiều hiểu rộng, kết bạn với ba mẫu người này đều có lợi cho đức hạnh của chúng ta. Nếu kết bạn với kẻ xu nịnh bợ đỡ, kết bạn với

kẻ giả dối nịnh nọt, kết bạn với kẻ xảo ngôn ngụy biện, giao du với ba loại bạn này đều tổn hại đến đức hạnh.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

10. HỌC VẤN [PHƯƠNG PHÁP NÂNG CAO HỌC VẤN]

~ 151 ~

學不倦，所以治己也；教不厭，所以治人也。

(卷三十六 尸子)

Viết ngữ:

Siêng năng học tập mà không chán chường mỗi một, có như vậy mới đối trị được tập khí của chính mình và nâng cao tu dưỡng bản thân. Dạy học mà không chán chường mỗi một, có như vậy mới giáo dục và cảm hóa được người khác.

(Cuốn 36. *Thi Tử*)

~ 152 ~

君子學以聚之，問以辨之，以君德而處下體，資納於物者也。寬以居之，仁以行之。

(卷一 周易)

Viết ngữ:

Bậc quân tử phần đầu học tập để tích lũy tri thức và đạo đức, khi có hồ nghi khó hiểu phải khiêm tốn thỉnh giáo để hiểu rõ chân đế, đem tấm lòng khoan dung độ lượng để đối nhân xử thế, đem tinh thần nhân từ bác ái mà đi khắp thiên hạ.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 153 ~

工欲善其事，必先利其器；士欲宣其義，必先讀其書。《易》曰：「君子以多志^①前言往行，以畜^②其德。」

(卷四十四 潛夫論)

Chú thích:

- (1) Ghi nhớ, ghi chép lại;
- (2) Bồi dưỡng.

Viết ngữ:

Người thợ muốn làm tốt công việc, trước tiên phải khiến cho công cụ được sắc bén; nhân sĩ muốn đề xướng nhân nghĩa đạo đức, trước tiên phải thâm nhập các điển tịch của Thánh Hiền. Trong [*Kinh Dịch*] có dạy rằng: “Bậc quân tử phải thường xuyên khắc cốt ghi tâm và chú tâm lĩnh hội lời dạy chí lý cũng như việc làm tốt đẹp của người xưa để mà tích lũy và bồi dưỡng đức hạnh của mình.”

(Cuốn 44. *Tiềm Phu Luận*)

~ 154 ~

曾子曰：「君子攻其惡，求其過，強^①其所不能，去私欲，從事^②於義，可謂學矣。」

（卷三十五 曾子）

Chú thích:

- (1) nỗ lực, khuyến khích động viên;
- (2) Tham gia để làm (việc gì đó); ra sức vì (việc gì đó).

Việt ngữ:

Tăng Tử dạy rằng: “Bậc quân tử mà nỗ lực sửa chữa khuyết điểm và tập khí của bản thân, kiểm điểm những sai lầm của mình, ra sức đột phá những điều mà bản thân không thể làm, diệt bỏ dục vọng cá nhân, còn những việc hợp với đạo nghĩa phải lập tức đi làm, có như vậy mới được coi là học vấn chân thật.”

(Cuốn 35. *Tăng Tử*)

~ 155 ~

子曰：「吾嘗終日不食，終夜不寢，以思，無益，不如學也。」

（卷九 論語）

Việt ngữ:

Khổng Tử từng nói: “Ta đã từng cả ngày không ăn, suốt đêm không ngủ, vò đầu bứt tai, nhưng vô ích, chẳng bằng đi học tập kinh điển của Thánh Hiền.”
(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 156 ~

見善，必以自存也；見不善，必以自省也。故非^①我而當者，吾師也；是^②我而當者，吾友也；諂諛我者，吾賊也。

(卷三十八 孫卿子)

Chú thích:

- (1) Phản đối, chỉ trích;
- (2) Tán thành, khẳng định.

Việt ngữ:

Khi thấy hành động thiện, nhất định phải không chút cầu thả mà tự đối chiếu với bản thân, đồng thời tiến thêm học tập và noi theo; khi thấy hành động bất thiện, nhất định phải thận trọng cảnh giác mà tự kiểm điểm, đồng thời cảnh giác và coi đó là bài học. Bởi vậy, người phê bình góp ý cho ta mà lại rất xác đáng, họ chính là người thầy của ta; người tán đồng ta mà lại hợp tình hợp lý, họ chính là bạn hiền của ta và người a dua bội đờ ta chính là người gây họa cho ta.

(Cuốn 38. Tôn Khanh Tử)

11. HỮU HẠNG [KIÊN TRÌ BỀN BỈ]

~ 157 ~

合抱之木，生於毫末；從小成大也。九層之臺，起於累土；從卑至高。千里之行，始於足下。從近至遠。

(卷三十四 老子)

Việt ngữ:

Thân cây dù to lớn đến nỗi hai vòng tay mới ôm xuể là từ mầm non mà lớn lên; tòa tháp cao chín tầng là từ bùn đất xây cất mà thành; chặng đường xa nghìn dặm là bắt đầu từ bước chân đầu tiên mà nên.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 158 ~

故不積跬步^①，無以至千里；不積小流，無以成河海。

(卷三十八 孫卿子)

Chú thích:

- (1) Nửa bước. Thời xưa bước một chân gọi là [khuê], bước hai chân gọi là [bộ] (bước).
(2)

Việt ngữ:

Nếu không bắt đầu từ nửa bước mà tiến lên, tất không thể đi xa cả nghìn dặm. Nếu không bắt đầu từ mỗi giọt nước và khe nước nhỏ, tất không thể trở thành sông biển mênh mông. Từ đây hiểu được rằng, bất kỳ việc gì cũng phải từ nhỏ đến lớn, dần tích lũy mà thành, đâu có đạo lý một bước lên tận trời xanh đâu.

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

~ 159 ~

九三：不恒其德，或^①承之羞。德行無恒，自相違錯，不可致詰，故或承之羞也。不恒其德，無所容也。

(卷一 周易)

Chú thích:

(1) Có lẽ, biểu thị ý không khẳng định.

Việt ngữ:

Lời từ của hào thứ ba trong Hằng Quái (Quẻ Lôi Phong Hằng) cho biết: Nếu không thể mãi mãi gìn giữ đức hạnh tốt đẹp, có lẽ phải chịu nỗi tủi nhục. Nếu không thể mãi mãi gìn giữ đức hạnh tốt đẹp, tất sẽ đánh mất đi khí tiết và không thể tìm được chốn dung thân trong xã hội.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

CHƯƠNG IV
VI CHÍNH
[ĐIỀU HÀNH ĐẤT NƯỚC]

1. VỤ BẢN [TUÂN THỦ PHÉP TẮC]

~ 160 ~

孔子曰：「凡為天下國家者，有九經^①焉，曰：修身也，尊賢也，親親也，敬大臣也，體群臣也，子庶人也，來百工也，柔遠人也，懷諸侯也。修身則道立，尊賢則不惑，親親則諸父昆弟不怨，敬大臣則不眩^②，體群臣則士之報禮重，子庶人則百姓勸，來百工則財用足，柔遠人則四方歸之，懷諸侯則天下畏之。」

公曰：「為之奈何？」孔子曰：「齊莊盛服，非禮不動，所以修身也；去讒遠色，賤貨而貴德，所以尊賢也；爵其能，重其祿，同其好惡，所以篤^③親親也；官盛任使，所以敬大臣也；盛其官，任而使之也。忠信重祿，所以勸士也；忠信者，與之重祿也。時使薄斂，所以子百姓也；日省月考，既稟^④稱事^⑤，所以來百工也；既稟食之，各當其職事也。送往迎來，嘉善^⑥而矜^⑦不能，所以綏^⑧遠人也；綏，安也。繼絕世，舉廢邦，朝聘^⑨以時，厚往而薄來，所以懷諸侯也。治天下國家有九經焉，其所以行之者一也。」

（卷十 孔子家語）

Chú thích:

- (1) Chín chuẩn mực để trị quốc, bình thiên hạ;
- (2) Mê mờ và lộn xộn;
- (3) Tăng thêm, làm dày thêm;

- (4) Tức là “饗廩” (lương thực được phân phát hàng tháng). Lương thực (như thóc lúa,...) mà thời xưa được quan phủ phát cho;
- (5) Tương đương với công lao nỗ lực cống hiến vì đất nước;
- (6) Khen thưởng người tốt;
- (7) Thương xót;
- (8) Xoa dịu, an ủi;
- (9) Thời xưa các chư hầu đích thân hoặc cử sứ thần đến bái kiến bậc thiên tử. Theo [Lễ Kí] ghi lại: Chư hầu đối với bậc *thiên tử*, một năm thăm viếng nhỏ, ba lần thăm viếng lớn, năm năm yết lần một lần.

Viết ngữ:

Không Tử dạy rằng:

Đối với việc trị vì thiên hạ và đất nước, có chín cương lĩnh quan trọng, đó là:

- 1) Tu sửa bản thân;
- 2) Quý trọng người có đức tài;
- 3) Yêu mến gia tộc;
- 4) Lễ kính đại thần;
- 5) Quan tâm và chăm sóc chúng thần;
- 6) Thương dân như con;
- 7) Hiệu triệu và quy tập nghệ nhân các ngành nghề;
- 8) Động viên, an ủi nhân dân nơi xa xôi hẻo lánh;
- 9) An định chư hầu các phương.

Khi biết tu sửa bản thân, tất sẽ tạo lập được đạo đức phẩm hạnh, mà không bị dao động bởi danh lợi bên

ngoài; nếu biết quý trọng người có đức tài, kẻ *tiểu nhân* tự khắc sẽ tránh xa, khiến bậc quân vương sẽ không bị gian thần mê hoặc mà đưa ra những quyết sách sai lầm; nếu biết thương mến gia tộc, giữa chú bác huynh đệ vì nhận được ân huệ mà tự sẽ không có oán ghét hiềm khích; nếu biết lễ kính bậc đại thần, như vậy sẽ được hòa hợp và có cùng chung nhận thức, đối xử cung kính lẫn nhau, việc triều chính tất sẽ không bị mê loạn điên đảo; nếu biết quan tâm chăm sóc chúng thần, chúng thần sẽ vì mang tâm chịu ơn sâu sắc mà tận tâm báo đáp; nếu biết thương dân như con, muôn dân sẽ được khích lệ mà cùng nhau khuyến thiện; nếu biết hiệu triệu quy tập nghệ nhân các ngành nghề, đất nước mới được giàu có sung túc; nếu biết động viên an ủi nhân dân nơi xa xôi hẻo lánh, nhân dân bốn phương vì nhận được ân huệ mà sẽ tự quy thuận và nương vào; khi an định được chư hầu muôn phương, nhân dân khắp thiên hạ tất sẽ kính nể và tự nguyện quy phục.

Ai Công mới hỏi lại:

- Vậy làm thế nào để đạt được vậy?

Không Tử lại dạy:

- Trong tâm thì nghiêm túc thành kính, bề ngoài lại chỉnh tề đoan trang, những việc không hợp với lễ nghĩa sẽ tuyệt đối không làm, đây chính là phương pháp tu sửa bản thân; bỏ ngoài tai những lời gièm pha, tránh xa nữ sắc, xem nhẹ vật chất mà coi trọng đạo đức, đây chính là phương pháp quý trọng bậc hiền tài; căn cứ vào

tài năng để phong chức tước và tăng bổng lộc, hiểu rõ những những điều yêu - ghét của họ, đây chính là phương pháp khiến cho các gia tộc ngày càng hòa thuận; ban chức quan cao, giao phó trọng trách, đây chính là phương pháp lễ kính đại thần; đối với bậc thần trung thực và thành tín, hãy ban tặng bổng lộc hậu hĩnh cho họ, đây chính là phương pháp khích lệ người có đức tài; chỉ sử dụng sức dân vào lúc nông nhàn, đồng thời cắt giảm sưu cao thuế nặng, đây chính là phương pháp thương dân như con; thường xuyên sát hạch công việc và dựa vào kết quả sát hạch để phân phát lương bổng, đây chính là phương pháp hiệu triệu và quy tập nghệ nhân các ngành nghề; tiếp đãi các bộ tộc đến từ khắp nơi, khen thưởng những việc làm tốt, cảm thông và thương xót những người kém may mắn, đây chính là phương pháp động viên và an ủi nhân dân nơi xa xôi hẻo lánh; bảo tồn các gia tộc có nguy cơ sa sút, chấn hưng quốc gia bị suy yếu, duy trì nghi thức ngoại giao, vật tiến cống tuy ít ỏi nhưng đáp lễ phải nồng hậu, đây chính là phương pháp an định các chư hầu. Tựu chung, việc trị vì thiên hạ và đất nước có chín cương lĩnh quan trọng, nhưng mấu chốt của việc thực thi chỉ nằm ở hai chữ ‘chân thành’ mà thôi.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 161 ~

民惟邦本，本固邦寧。 言人君當固民以安國也。

(卷二 尚書)

Việt ngữ:

Nhân dân là cột rễ của quốc gia, chỉ khi cột rễ được vững chắc, quốc gia mới được an định.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 162 ~

文武之政，布^①在方策^②。其人存，則其政舉；其人亡，則其政息。故為政在於得人。取人以身，修身以道，修道以仁。

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Bày, bày ra;
- (2) Thư từ, điển tịch. Hay còn gọi là “方冊” (sách cổ bằng gỗ, trúc). “方” [phương] chính là tấm gỗ mà thời xưa dùng để viết chữ, “策” [sách] là những tấm gỗ, thanh trúc để ghi chép và dính lại với nhau gọi là sách.

Việt ngữ:

Đạo lý và phương pháp trị vì của Chu Văn Vương và Chu Vũ Vương đều được ghi chép trong điển tịch. Nếu vẫn còn những người giống với bậc thánh vương như Văn Vương và Vũ Vương, vậy thì nền chính trị nhân đức liền được thực thi; nếu bậc thánh vương mà không còn nữa, vậy thì nền chính trị nhân đức liền theo đó mà dừng lại. Bởi vậy, điều mấu chốt trong việc thực thi chính sự nằm ở việc thu phục được bậc hiền tài, nếu muốn thu phục được

nhân tài bắt buộc phải lấy việc tu dưỡng của bản thân đề chiêu cảm họ, việc tu dưỡng của bản thân nhất định nằm ở chỗ tuân thủ luân lý đạo đức và điểm bắt đầu của việc tuân thủ luân lý đạo đức nằm ở tấm lòng nhân ái.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 163 ~

昔者成王，幼在緇祿^①之中，召公為大保，周公為太傅，太公為太師。保保其身體；傅傅之德義；師導之教訓：此三公職也。於是為置三少，少保少傅少師，是與太子宴者也。故乃孩提有識，三公三少，明孝仁禮義，以導習之，逐去邪人，不使見惡行。於是皆選天下之端士，孝悌博聞有道術者，以衛翼^②之，使與太子居處出入。故太子乃生而見正事，聞正言，行正道，左右前後皆正人。……孔子曰：「少成若天性，習慣^③如自然。」

(卷十六 漢書四)

Chú thích:

- (1) Dây địu và tã lót của trẻ em;
- (2) Mang nghĩa phụ tá, trợ giúp.

Viết ngữ:

Thời xưa, khi Chu Thành Vương vẫn còn đang trong nôi, đã được thỉnh mời Triệu Công làm thái bảo, Chu Công làm thái phó và Thái Công làm thái sư.

[Bảo] là người chăm sóc sức khỏe của thái tử;

[Phó] là người lấy đạo đức nhân nghĩa để dạy dỗ;

[Su] là người đem lời dạy của bậc Thánh Hiền để khai mở cho thái tử.

Đây chính là chức trách của tam công.

Thế rồi lại lập ra [Tam Thiếu], đó là: thiếu bảo, thiếu phó và thiếu su. Đây là những người sống cùng thái tử. Do vậy, thuở nhỏ khi thái tử bắt đầu nhận biết sự việc, tam công và tam thiếu này sẽ giảng rõ những đạo lý về hiếu – nhân – lễ – nghĩa để dẫn dắt thái tử thực hành, đồng thời tránh xa những kẻ gian tà, không để thái tử thấy được những hành vi không tốt. Bởi vậy, phải chọn ra bậc quân tử có phẩm hạnh đoan chính và những người hiếu thuận với cha mẹ cũng như hòa ái với anh chị em, có thể nhìn xa trông rộng, có học vấn đạo đức để phò giúp thái tử, để họ bầu bạn và sớm tối ở cùng thái tử. Do đó, kể từ khi thái tử được sinh ra, những việc nhìn thấy đều là việc chính nghĩa, những điều nghe thấy đều là lời chính nghĩa, những việc làm đều là chính đạo, xung quanh thái tử đều là bậc chính nhân quân tử....

Không Tử cũng từng dạy: “Những phẩm chất đạo đức được vun bồi từ nhỏ cũng giống như thiên tính, lâu dần tự sẽ trở thành thói quen.”

(Cuốn 16. *Hán Thư* – Tập 4)

~ 164 ~

國無賢佐俊士，而能以成功立名、安危繼絕^①者，未嘗有也。故國不務大，而務得民心；佐不務多，而務得賢俊。得民心者民往之，有賢佐士歸之。

（卷四十三 說苑）

Chú thích:

- (1) Cách nói tắt của cụm từ kế tục gia tộc có nguy cơ suy vong. Chỉ việc khôi phục những lễ nghi đã bị mai một, thế hệ sau kế tục và tiếp nối sự nghiệp đã bị suy vong.

Viết ngữ:

Một đất nước không có đại thần đức độ và nhân tài xuất sắc mà có thể thành tựu sự nghiệp, dẹp yên động loạn, lại có thể kế tiếp sự nghiệp đã bị suy vong, thực sự từ xưa đến nay chưa từng có. Bởi vậy, đất nước không cầu ở sự lớn mạnh, mà cầu ở việc thu phục được lòng dân; đại thần phò tá không cầu số đông mà cầu có được người đức độ và tài năng lỗi lạc. Nếu thu phục được lòng dân, nhân dân tự khắc sẽ ủng hộ; người hiệu triệu được đại thần có đức có tài, bậc nhân sĩ có chí hướng và người đức độ tự khắc sẽ đến quy phục.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 165 ~

公問曰：「敢問人道誰為大？」孔子對曰：「夫人道政為大。夫政者正也。君為正，則百姓從而正矣。」……公曰：「敢問為政如之何？」孔子對曰：「夫婦別，父子親，君臣信。三者正，則庶物^①從之矣。」

（卷十 孔子家語）

Chú thích:

(1) Vạn vật, mọi vật.

Viết ngữ:

Ai Công thỉnh giáo với Không Tử:

- Xin hỏi điều gì trong đạo lý làm người là quan trọng nhất?

Không Tử đáp rằng:

- Trong đạo lý làm người, *chính trị* là quan trọng nhất. Ý nghĩa của ‘chính’ là sự đoan trang mẫu mực. Bản thân bậc quân vương phải đứng đắn mẫu mực trước, sau đó muôn dân tất sẽ theo đó mà tự chấn chỉnh.”……

Ai Công lại hỏi rằng:

- Xin hỏi làm thế nào để điều hành việc triều chính?

Không Tử lại đáp:

- Chức trách giữa vợ và chồng phải phân biệt rõ, giữa cha và con phải yêu thương lẫn nhau, giữa vua tôi thì trên dưới phải tin tưởng lẫn nhau. Ba mối quan hệ này khi đã được chấn chỉnh rồi, quan hệ giữa vạn sự và vạn vật cũng theo đó mà ổn thỏa.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 166 ~

天地為大矣，不誠則不能化萬物；聖人為智矣，不誠則不能化萬民；父子為親矣，不誠則疏；君上為尊矣，不誠則卑。夫誠者，君子之守，而政事之本也。

(卷三十八 孫卿子)

Việt ngữ:

Đất trời có thể nói là rộng lớn nhất, nhưng nếu không chân thành sẽ không thể nuôi dưỡng vạn vật; bậc thánh nhân có thể nói là trí tuệ lỗi lạc nhất, nhưng nếu không chân thành sẽ không thể giáo hóa muôn dân; giữa cha và con có thể nói là thân thiết nhất, nhưng nếu không chân thành sẽ trở nên xa cách; bậc quân vương có thể nói là tôn quý nhất, nhưng nếu không chân thành sẽ không được người kính trọng. Do vậy, sự chân thành chính là phẩm chất và khí tiết mà bậc quân tử phải tuân theo, lại càng là nền tảng để trị vì đất nước.

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

~ 167 ~

子路曰：「衛君^①待子而為政，子將奚先？」問往將何所先行之也。子曰：「必也，正名乎！」正百事之名也。名不正，則言不順；言不順，則事不成；事不成，則禮樂不興；禮樂不興，則刑罰不中^②；禮以安上，樂以移風，二者不行，則有淫刑濫罰矣。刑罰不中，則民無所措手足。」

（卷九 論語）

Chú thích:

- (1) Chỉ cháu nội của Vệ Linh Công - Xuất Công Triếp, do sự việc mưu hại chính thiếp Nam Tử của Linh Công do cha mình - Khoái Hội, chủ mưu bị thất bại mà phải bỏ trốn, do đó ông phải kế tục thay ông nội Vệ Linh Công nối ngôi quân vương của nước này.
- (2) Thích đáng, thích hợp.

Viết ngữ:

Tử Lộ thỉnh giáo với Khổng Phu Tử:

- Nếu quân vương của nước Vệ¹³ có ý muốn mời tiên sinh đến phò tá ông ta trị quốc, không biết sẽ bắt đầu từ đâu?

¹³ Chỉ cháu nội của Vệ Linh Công - Xuất Công Triếp, do sự việc mưu hại chính thiếp Nam Tử của Linh Công do cha mình - Khoái Hội, chủ mưu bị thất bại mà phải bỏ trốn, do đó ông phải kế tục thay ông nội Vệ Linh Công nối ngôi quân vương của nước này.

Không Phu Tử đáp lại:

- Trước tiên, nhất định phải xác định rõ danh phận, phải khiến cho danh và thực (thân phận,...) tương xứng với nhau. Nếu danh không chính, lời lẽ tất sẽ không hợp lẽ; khi lời lẽ không thuận, làm việc sẽ không dễ gì mà thành công; khi việc không thành, việc giáo hóa của Lễ - Nhạc sẽ không thể hưng thịnh; khi việc giáo hóa của Lễ - Nhạc không hưng, việc áp dụng hình phạt sẽ không thích đáng; khi hình phạt áp dụng không thích đáng, nhân dân sẽ không biết phải làm sao, như vậy thiên hạ tất sẽ loạn.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 168 ~

《象》曰：家人，女正位乎内，男正位乎外^①，天地之大義也。家人有嚴君焉，父母之謂也。父父、子子、兄兄、弟弟、夫夫、婦婦，而家道正，正家而天下定矣。

(卷一 周易)

Chú thích:

(1) “女” (nữ) chỉ hào Lục Nhị, “男” (nam) chỉ hào Cửu Ngũ. Đây là tượng của quẻ nội – ngoại có được từ hào số 2 và số 5, nói về việc người nữ thì lo việc trong nhà, còn người nam thì lo việc bên ngoài, để giải thích cho tên quẻ.

Việt ngữ:

Trong [Thoán truyện] có nói: Lời từ trong [Gia Nhân Quái] (Quẻ gia nhân) cho biết: Người nữ giữ gìn chính đạo, chuyên tâm ở nhà thay chồng dạy con; còn người nam thì giữ gìn chính đạo, lo việc bên ngoài, đảm đương kế sinh nhai của gia đình; người nam và người nữ đều phải giữ gìn chính đạo, đây là đạo lý của đất trời. Trong nhà có người thủ lĩnh nghiêm khắc mà sáng suốt, đây là chỉ người cha và người mẹ. Người cha làm tròn đạo của cha, người con làm tròn đạo của con, huynh trưởng làm tròn đạo của người anh người chị, người em làm tròn đạo của người em, người chồng làm tròn đạo của chồng, người vợ làm tròn đạo của vợ, đạo nhà nhờ vậy mà có kỷ cương, nhà nhà đều có thể chấn chỉnh đạo nhà, vậy thì thiên hạ tất sẽ được an định.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 169 ~

夫富民者，以農桑為本，以遊業^①為末；百工者，以致用為本，以巧飾為末；商賈者，以通貨為本，以鬻奇^②為末。三者守本離末，則民富；離本守末，則民貧；貧則陋^③而忘善，富則樂而可教。教訓者，以道義為本，以巧辦為末；辭語者，以言順^④為本，以詭麗^⑤為末；列士^⑥者，以孝悌為本，以交游^⑦為末；孝悌以致養^⑧為本，以華觀為末；人臣者，以忠正為本，以媚愛^⑨為末。五者守本離末，則仁義興；離本守末，則道德崩^⑩。

(卷四十四 潛夫論)

Chú thích:

- (1) Nghề nghiệp lưu động, như là nghề buôn bán,...;
- (2) Bán những hàng hóa khan hiếm;
- (3) Khốn khổ, khốn cùng;
- (4) Chân thật và lưu loát;
- (5) Kỳ lạ và bóng bẩy;
- (6) Là cách gọi chung cho thượng sĩ, trung sĩ và hạ sĩ thời xưa;
- (7) Giao thiệp, kết giao bạn hữu;
- (8) Phụng dưỡng cha mẹ già;
- (9) Lầy lòng;
- (10) Bại hoại.

Viết ngữ:

Muốn muôn dân được giàu có, hãy lấy việc sản xuất nông nghiệp làm gốc và lấy ngành nghề lưu động làm ngọn; với kỹ thuật công nghệ hãy lấy tính thiết thực làm gốc và lấy việc điêu khắc trang trí làm ngọn; với việc buôn bán kinh doanh hãy lấy việc lưu thông hàng hóa làm gốc và lấy việc đầu cơ mà mưu lợi làm ngọn. Ba việc này nếu giữ được gốc mà xa rời cành ngọn, muôn dân tất sẽ được giàu có; còn nếu xa rời gốc rễ mà theo cành ngọn, muôn dân tất sẽ nghèo khó. Khi muôn dân nghèo khó mà rơi vào cảnh khốn khổ cùng quẫn sẽ không còn tâm trí để hành thiện, khi muôn dân giàu có tất sẽ an lạc mà tiếp nhận sự giáo hóa. Đối với việc giáo dục và dẫn dắt, hãy lấy đạo đức nhân nghĩa làm gốc và lấy sự xảo ngôn và lấp liếm làm ngọn; đối với lời ăn

tiếng nói, hãy lấy sự thành tín cũng như thuận theo đạo lý làm gốc và lấy sự độc đáo bóng bẩy làm ngọn; đối với tầng lớp tri thức hãy lấy việc hiểu thảo cha mẹ, hòa ái với huynh đệ làm gốc và lấy việc kết bạn xã giao làm ngọn; đối với việc thực thi hiếu đễ, hãy lấy việc tận tâm phụng dưỡng cha mẹ già làm gốc và lấy sự khoa trương phù phiếm làm ngọn; khi là cấp dưới, hãy lấy sự trung thành chính trực làm gốc và lấy việc phỉnh nịnh bợ đỡ làm ngọn. Năm điều này nếu có thể giữ được gốc mà xa rời cành ngọn, nếp sống nhân nghĩa tất sẽ hưng thịnh; còn nếu xa rời gốc rễ mà theo cành ngọn, đạo đức tất suy đồi.

(Cuốn 44. *Tiêm Phu Luận*)

~ 170 ~

夫仁義禮制者，治之本也；法令刑罰者，治之末也。無本者不立，無末者不成。夫禮教之治，先之以仁義，示之以敬讓^①，使民遷善^②日用^③而不知也。

(卷五十 袁子正書)

Chú thích:

- (1) Cung kính khiêm nhường;
- (2) Bỏ ác làm lành, sửa chữa sai lầm mà hướng thiện;
- (3) Áp dụng mỗi ngày, áp dụng thường ngày.

Viết ngữ:

Chuẩn mực của nhân – nghĩa - lễ chính là cội gốc của việc trị quốc còn pháp lệnh hình phạt lại là nhánh cành. Nếu không có cội gốc tất không thể thiết lập được lâu dài, nếu không có cành ngọn tất không thể thiết lập được ổn định. Muốn lấy lễ nghĩa để giáo hóa và trị quốc, trước tiên phải thực thi điều nhân nghĩa, người đứng đầu mà làm được cung kính khiêm nhường, sẽ khiến nhân dân ngay trong đời sống thường ngày cũng bất giác mà hướng thiện sửa chữa sai lầm.

(Cuốn 50. Viên Tử Chính Thư)

~ 171 ~

孔子曰：「行己有六本焉，然後為君子。立身有義矣，而孝為本；喪紀^①有禮矣，而哀為本；戰陳^②有列矣，而勇為本；治政有理矣，而農為本；居國有道矣，而嗣^③為本；繼嗣不立，則亂之源也。生財有時矣，而力為本。置本不固，無務豐末；親戚不悅，無務外交；事不始終，無務多業。反本修跡^④，君子之道也。」

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Việc tang;
- (2) Giao chiến đối đầu;
- (3) Người kế thừa ngai vàng hoặc chức vị;

- (4) Căn cứ theo bốn bộ sách [*Khổng Tử Gia Ngữ*], được ghi là “反本修迹”, nghĩa là trở về với cội gốc của sự vật, làm từ chỗ gần nhất.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Việc lập thân xử thế trước hết phải tuân theo sáu chuẩn mực cơ bản, rồi sau đó mới có thể trở thành người quân tử. Sáu chuẩn mực đó là:

- 1) Việc lập thân muốn hợp với nhân nghĩa, hiếu đạo mới là nền tảng;
- 2) Việc tang muốn có lễ tiết, sự đau buồn mới là cội gốc;
- 3) Việc bày binh bố trận muốn có trật tự, dũng cảm mới là cội gốc của chiến trận;
- 4) Trị vì chính sự muốn có trình tự, nghề nông mới là cội gốc của chính trị;
- 5) Việc an định đất nước muốn có phương pháp, việc thận trọng lựa chọn người kế thừa mới là cội gốc;
- 6) Việc tạo ra của cải vật chất có thời cơ nhất định, việc bỏ ra sức lao động mới là cội gốc dẫn đến sự giàu có.

Nếu cội gốc mà không thể vững chắc, đừng mong cầu vào sự hoàn mỹ của việc nhỏ ở nơi cạnh ngọn; giữa họ hàng quyến thuộc mà không thể đoàn kết hòa thuận, đừng nên ra sức ngoại giao với người ngoài; làm việc có đầu mà không có cuối, đừng nên theo đuổi nhiều ngành nghề. Do vậy, phải quay về với cội gốc và làm từ nơi

gần gũi nhất, đây chính là nguyên tắc và phương pháp mà bậc quân tử nên áp dụng”. Bởi vậy, giả như gốc và ngọn mà đặt sai chỗ, tất không chỉ uổng công vô ích mà còn sinh ra những hệ lụy nghiêm trọng.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 172 ~

諸葛亮之為相國^①也，撫百姓，示義軌，約^②官職，從權制^③，開誠心，布公道。盡忠益時者，雖讎^④必賞；犯法怠慢者，雖親必罰；服罪輸情者，雖重必釋；遊辭巧飾者，雖輕必戮。善無微而不賞，惡無纖而不貶。庶事精練，物理其本，循名責實^⑤，虛偽不齒^⑥。終於邦域之內，咸畏而愛之。刑政雖峻，而無怨者，以其用心平，而勸戒明也。可謂識治之良才，管蕭之亞匹^⑦矣。

(卷二十七 蜀志)

Chú thích:

- (1) Tên chức quan thời xưa, sau này là tôn xưng của tể tướng;
- (2) Ít, cắt giảm;
- (3) Chế độ tạm quyền, biện pháp tạm thời;
- (4) Thù địch;
- (5) Chiêu theo danh mà truy ra bản chất, yêu cầu danh nghĩa và thực chất phải phù hợp;
- (6) Không cùng thứ bậc, không dùng;
- (7) Nhân vật cùng đẳng cấp.

Viết ngữ:

Gia Cát Lượng khi làm chức quan tể tướng, ngài thường an ủi động viên muôn dân, làm sáng tỏ chuẩn mực lễ nghĩa, tinh giảm quan chức, áp dụng chế độ tạm quyền, đem lòng chân thành mà đối nhân xử thế, làm việc lại chí công vô tư. Đối với người tận trung và có ích cho đất nước, dầu là kẻ thù ngài cũng nhất định khen thưởng; còn kẻ làm trái phép nước và lơ là việc quan, dầu là người thân tín ngài cũng nhất định trừng phạt và không dung túng; nếu biết nhận tội và hối cải, dầu tội trạng nghiêm trọng cũng nhất định khoan hồng mà tha; còn kẻ xảo ngôn lấp liếm tội lỗi, dầu tội có nhẹ cũng nhất định xử phạt nghiêm khắc. Việc thiện dầu nhỏ bé đến đâu cũng phải tán thưởng, còn tội ác dầu nhỏ đến nhường nào cũng phải trách phạt. Ngài tinh thông tỏ tường chính sự mọi mặt, có thể giải quyết vấn đề từ cội rễ, đồng thời căn cứ theo chức vị mà yêu cầu hiệu quả chân thực, chứ không cho hư cấu làm giả. Và rồi, trong phạm vi nước Thục, ai ai cũng kính phục và yêu mến ngài. Hình phạt và phép nước dù nghiêm khắc, nhưng nhân dân không một lời oán trách, chính bởi vì ngài xử thế công bằng, thưởng phạt hết sức phân minh. Có thể nói ngài thực sự là nhân tài ưu tú hiểu được cách trị vì đất nước, có thể sánh ngang với Quản Trọng và Tiêu Hà¹⁴. (Cuốn 27. *Thục Chí*)

¹⁴ Quản Trọng là tể tướng của nước Tề, là người tập trung hóa quyền lực và phân chia đất nước thành nhiều làng, mỗi làng thực hiện một lĩnh vực thương mại riêng. Thay vì dựa vào giai cấp quý tộc làm tiềm lực cho đất nước, ông đã áp dụng thu thuế trực tiếp tới mỗi đơn

~ 173 ~

子曰：「夫孝，德之本也，人之行莫大於孝，故曰德之本也。教之所由生也。」教人親愛莫善於孝，故言教之所由生。

(卷九 孝經)

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Đạo hiếu là nền tảng của đức hạnh, mọi sự giáo hóa đều được sinh ra từ nền tảng của đạo hiếu.”

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

~ 174 ~

君子務^①本，本立而道生。孝悌也者，其仁之本與
^② ! 先能事父兄，然後仁可成。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Làm việc, dốc sức;
- (2) Tương đương với “攷” (trợ từ đặt cuối câu hỏi tu từ).

vị làng xã. Ông cũng phát triển biện pháp hiệu quả hơn để lựa chọn người tài cho đất nước. Dưới thời Quản Trọng, nước Tề chuyển từ chế độ quý tộc cha truyền con nối sang chế độ quý tộc chuyên nghiệp. Còn Tiêu Hà cũng là một thừa tướng và nhà chiến thuật danh tiếng, người đã giúp Lưu Bang trong sự nghiệp lập ra triều đại Hán. Ông đã thiết lập lại hệ thống luật pháp và đạo luật. Ông giữ chức quan tể tướng cho đến tận khi mất vào năm 193TCN.

Việt ngữ:

Bậc quân tử đối nhân xử thế bắt buộc phải chuyên tâm tận lực vào việc xây dựng nền tảng, khi nền tảng được thiết lập rồi, đạo đức sẽ theo đó mà được sinh ra. Hiếu thuận với cha mẹ, hòa ái với huynh đệ, đó chính là nền tảng của nhân đức vậy.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 175 ~

子曰：「君子之事親孝，故忠可移於君；欲求忠臣，出孝子之門，故可移於君。事兄悌，故順可移於長；以敬事兄則順，故可移於長也。居居家理^①，故治可移於官。君子所居則化，所在則治，故可移於官也。是以行^②成於內，而名立^③於後世矣。」

(卷九 孝經)

Chú thích:

- (1) Ý nói xử lý việc nhà có trình tự, việc nhà quản lý được tốt. “理” [lý] chỉnh đốn, trị vì;
- (2) Ba phẩm chất tốt đẹp là: hiếu thuận, hòa ái và khéo quản lý gia đình;
- (3) Thiết lập, kiến lập.

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Bậc quân tử khi phụng sự cha mẹ, tức là đã thực hiện được đạo hiếu, từ đó có thể đem

lòng hiếu kính này chuyển hóa thành lòng trung thành với bậc quân vương; khi phụng sự huynh trưởng, tức là đã có được lòng cung kính và sự hòa ái, từ đây có thể đem lòng cung kính này chuyển hóa để thuận theo cấp trên; khi cuộc sống gia đình được sắp xếp thỏa đáng, từ đó có thể mang kinh nghiệm chăm lo gia đình mà chuyển hóa để xử lý việc triều chính. Do vậy, khi ở nhà vun bồi được ba phẩm chất: hiếu thuận, hòa ái và cung kính, giỏi việc tề gia ra ngoài mới có thể tạo dựng cơ nghiệp, danh tiếng tốt đẹp tự sẽ được truyền cho đời sau.

(Cuốn 9. *Hiếu Kinh*)

~ 176 ~

孔子曰：「事親孝，故忠可移於君。」是以求忠臣，必於孝子之門。

(卷二十二 後漢書二)

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Khi việc phụng sự cha mẹ mà đạt đến mức hiếu thuận và cung kính, mới có thể đem lòng hiếu kính này chuyển hóa và tận trung với bậc quân vương.” Do vậy, khi kiếm tìm bậc trung thần, nhất định phải tuyển chọn từ gia đình có người con hiếu.

(Cuốn 22. *Hậu Hán Thư* – Tập 2)

~ 177 ~

夫知為人子者，然後可以為人父；知為人臣者，
然後可以為人君；知事人者，然後可以使人。

(卷十 孔子家語)

Việt ngữ:

Hiểu được cách làm một người con trai tốt, sau này mới có thể làm một người cha tốt; hiểu được cách làm một hạ thần tốt, sau này mới có thể làm một quân vương tốt; chỉ khi hiểu được cách phụng sự người, sau này mới hiểu được cách dùng người.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 178 ~

曾子曰：「慎終追遠^①，民德歸厚。」
慎終者，喪盡其哀。追遠者，祭盡其敬。人君行此二者，民化其德，皆歸於厚也。

(卷九 論語)

Chú thích:

(1) Khi lo việc hậu sự cho cha mẹ, phải theo lễ nhưng đau buồn tột bậc. Khi tế lễ tổ tiên, phải cung kính kiên thành. “終” [chung] ý nói đến việc hậu sự của cha mẹ, “遠” [viễn] nghĩa là tổ tiên.

Việt ngữ:

Tăng Tử dạy rằng: “Đối với việc hậu sự khi cha mẹ qua đời mà có thể cẩn trọng thủ lễ, hết lòng thương nhớ; đối với cha mẹ và tổ tiên quá cố mà có thể đúng lễ

hợp thời mà cung kính kiên thành tưởng nhớ, không quên cội nguồn. Như vậy phong tục và nhân tình thế thái tất sẽ trở nên thiện lương đôn hậu.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 179 ~

水泉深，則魚鰲歸^①之；樹木盛，則飛鳥歸之；庶^②草茂，則禽獸歸之；人主賢，則豪桀歸之。故聖王不務歸之者，而務其所歸。務人使歸之，末也；務其所行可歸，本也。

(卷三十九 呂氏春秋)

Chú thích:

- (1) Hướng tới, quy thuận;
- (2) Số đông.

Viết ngữ:

Nước suối có sâu, cá cua sẽ kéo về sinh sống; cây cối mà xum xuê, chim chóc sẽ kéo về làm tổ; cỏ cây tốt tươi, muôn thú sẽ dừng chân mà nương tựa; bậc quân vương mà đức độ và tài năng, hào kiệt muôn phương tự sẽ kéo về phò tá. Bởi vậy, nếu bậc quân vương đức hạnh và sáng suốt sẽ không cần thiên hạ đến quy phục mà dốc lòng gây dựng những điều khiến người khác quy phục.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 180 ~

夫為政者，莫善於清^①其吏也。

（卷四十七 劉廙政論）

Chú thích:

(1) Thanh liêm, thanh bạch. Ở đây là khiến cho bậc thần được liêm khiết.

Viết ngữ:

Trị vì việc triều chính, không gì tốt hơn việc khiến cho bậc thần được liêm khiết.

(Cuốn 47. Lưu Dục Chính Luận)

~ 181 ~

子貢問政。子曰：「足食，足兵，民信之矣。」子貢曰：「必^①不得已而去，於斯三者何先？」曰：「去兵。」曰：「必不得已而去，於斯二者何先？」曰：「去食。自古皆有死，民不信不立。」死者，古今常道，人皆有之，治邦不可失信。

（卷九 論語）

Chú thích:

(1) Giả như, nếu như.

Việt ngữ:

Tử Công thỉnh giáo việc trị vì triều chính phải như thế nào.

Không Phu Tử dạy rằng:

- Trù bị lương thực đầy đủ, trang bị vũ trang, đạt được sự tín nhiệm từ nhân dân.

Tử Công hỏi lại:

- Nếu bất đắc dĩ phải bỏ đi một việc, vậy nên bỏ việc nào trong ba việc này?

Không Phu Tử lại dạy:

- Hãy bỏ đi quân sự.

Tử Công hỏi tiếp:

- Nếu bất đắc dĩ lại phải bỏ thêm một việc nữa, vậy nên bỏ việc nào trong hai việc còn lại?

Không Phu Tử tiếp tục dạy:

- Hãy bỏ đi mục lương thực. Từ xưa đến nay, con người đều không tránh khỏi cái chết, giả sử người dân không tin tưởng chính phủ, vậy sẽ không thể xây dựng được uy tín của quốc gia.

Từ đây hiểu được rằng, chỉ cần nhân dân tin tưởng chính phủ, dầu không đủ lương thực, nhưng vẫn có thể cùng đồng kham cộng khổ với đất nước. Một khi bỏ đi mục tín nhiệm, dầu không có tai họa từ bên ngoài thì nội bộ cũng rối loạn, đất nước sẽ không thể yên ổn được.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 182 ~

我有三寶^①，持而保之。老子言我有三寶，抱持而保倚。一曰慈，愛百姓若赤子。二曰儉，賦斂若取之於己。三曰不敢為天下先。執讓退，不為唱②始也。

(卷三十四 老子)

Chú thích:

- (1) Ba thứ quý giá.
- (2) Đề xướng, khơi dậy. Sau này dùng “倡” [xướng].

Viết ngữ:

Lão Tử từng nói: “Ta có ba pháp bảo, phải duy trì, hơn nữa phải giữ lấy mãi mãi. Một là lòng nhân từ, hai là đức tính tiết kiệm và ba là phàm việc gì cũng phải khiêm nhường và luôn ở sau người, không dám cao ngạo mà ở trước người trong thiên hạ.”

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

3. TRI NHÂN [ĐÁNH GIÁ NHÂN CÁCH]

~ 183 ~

凡論人，通則觀其所禮，通，達。貴則觀其所進，富則觀其所養，聽則觀其所行，養則養賢也，行則行仁也。近則觀其所好，習則觀其所言，好則好義也，言則言道也。窮則觀其所不受，賤則觀其所不為。喜之以驗其守，守，情守也。樂之以驗其僻，僻，邪。怒之以驗其節，節，性。懼之以驗其特，特，獨也，雖獨不恐也。哀之以驗其仁，仁人見可哀者，則不忍之也。苦之以驗其志。仁人見可哀者，則不忍之也。八觀六驗，此賢主之所以論人也。論人必以六戚四隱。六戚，六親也。四隱，相匿，揚長蔽短也。何謂六戚？父母兄弟妻子。何謂四隱？交友故舊^①門廊^②。內則用六戚四隱，外則以八觀六驗，人之情^③偽，貪鄙羨美^{（羨美作美惡）}，無所失矣，言盡知之。此先聖王之所以知人也。

（卷三十九 呂氏春秋）

Chú thích:

- (1) Nhân dân cùng một làng quê, người đồng hương;
- (2) Người thân cận bên cạnh;
- (3) Thành thật, chân thật.

Viết ngữ:

Phàm khi muốn đánh giá một người, cần áp dụng phương pháp ‘Bát Quán’ (tám điều cần quan sát) như sau:

- 1) Khi họ hiển đạt, hãy quan sát người mà họ tiếp đãi trọng thể là ai?

- 2) Khi họ vinh quy, hãy quan sát người mà họ đề bạt tiến cử là ai?
- 3) Khi họ giàu có, hãy quan sát người mà họ cúng dường và khoản đãi là ai?
- 4) Khi họ được bậc quân vương tin nghe, hãy quan sát lời nói và hành động của họ có tương đồng không?
- 5) Khi họ nhàn cư ở nhà, hãy quan sát sở thích của họ có chính đáng và hợp đạo lý không?
- 6) Khi họ được thân cận với bậc quân vương, hãy quan sát ngôn từ của họ có tương ưng với chính đạo không?
- 7) Khi họ ở cảnh khốn cùng, hãy quan sát liệu họ có chấp nhận tiền tài vốn không phải của mình không?
- 8) Khi họ yếu hèn, hãy quan sát liệu họ có giữ vững niềm tin đối với nhân đức không?

Cùng với ‘Lục Nghiệm’ (sáu điều cần thử thách), đó là:

- 1) Khiến cho họ vui sướng để thử thách liệu họ giữ được khí tiết không?
- 2) Khiến cho họ hân hoan để thử thách liệu họ có ý nghĩ xấu và hành động xấu ác không?
- 3) Khiến cho họ tức giận để thử thách liệu họ có tiết chế được nổi tức giận trong lòng không?
- 4) Khiến cho họ hoảng sợ để thử thách liệu họ có thể tự ứng phó mà không sợ hãi không?

- 5) Khiến cho họ đau đớn để thử thách họ liệu có tấm lòng nhân từ không?
- 6) Khiến cho họ khốn khổ để thử thách liệu ý chí của họ có kiên cường không?

Tám điều cần quán sát và sáu thử thách nêu trên chính là phương pháp mà bậc minh quân áp dụng khi muốn cân nhắc nhân tài. Việc cân nhắc và đánh giá nhân tài còn phải dựa vào ‘Lục Thích Tứ Ân’ (sáu mối quan hệ trong gia đình và bốn mối quan hệ ngoài xã hội). Thế nào là ‘Lục Thích’ vậy? Đó là cha, mẹ, anh/chị, em, vợ và con. Còn ‘Tứ Ân’ là gì? Đó chính là bạn hữu, người quen, hàng xóm và người thân tín. Trong nội tâm phải đem ‘Lục Thích Tứ Ân’ làm chuẩn mực và biểu hiện bề ngoài thì áp dụng phương pháp ‘Bát Quán Lục Nghiệm’. Có như vậy, những phẩm chất như chân thành hay giả dối, tham lam, thô鄙 hay thiện ác, chỉ cần nhìn qua đã hiểu. Đây chính là phương pháp nhận biết nhân tài của bậc thánh vương thời xưa.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 184 ~

景公問求賢。晏子對曰：「通^①則視其所舉，窮^②則視其所不為，富則視其所分，貧則視其所不取。夫上難進而易退也，其次易進而易退也，其下易進而難退也。以此數物^③者取人，其可乎！」

(卷三十三 晏子)

Chú thích:

- (1) Hiền đạt, thuận lợi;
- (2) Ý nói không được như ý muốn, trái nghĩa với từ “达”;
- (3) Một vài sự việc.

Viết ngữ:

Tề Cảnh Công thỉnh giáo phương pháp tìm kiếm và lựa chọn nhân tài. Ngài Yến Tử đáp rằng:

- Khi con đường thăng tiến của một người được hanh thông, phải xem nhân tài mà anh ta tiến cử như thế nào; khi một người ở cảnh khốn cùng và không được như ý, phải xem việc mà anh ta không muốn làm là gì; khi một người giàu có, phải xem đối tượng mà họ muốn chia sẻ tiền tài là ai; khi một người nghèo khó, phải xem liệu họ có nhận tiền tài bất nghĩa không. Người hiền sĩ bậc nhất sẽ không tham lam bổng lộc và quan tước, một lòng hướng theo đạo nghĩa, bởi vậy sẽ khó ra làm quan nhưng lại từ quan rất dễ; kẻ đến là hướng theo bổng lộc quan tước, nhưng không làm trái với đạo nghĩa, do vậy sẽ dễ ra làm quan mà cũng dễ từ quan; còn bậc thấp nhất là đi ngược với đạo nghĩa mà chạy theo quan tước bổng lộc, họ sẽ nôn nóng để ra làm quan nhưng lại khó mà rút lui. Nếu áp dụng chuẩn mực thế này để đánh giá và tuyển chọn nhân tài, có lẽ sẽ đạt được mục đích tuyển được người đức tài song toàn vậy.

(Cuốn 33. Yến Tử)

~ 185 ~

居視其所親，富視其所與，達視其所舉，窮視其所不為，貧視其所不取，五者足以定之矣。

（卷十一 史記上）

Viết ngữ:

- 1) Khi bình thường, hãy xem người mà họ thân cận;
- 2) Khi họ giàu có, hãy xem người mà họ giao thiệp hoặc ban ơn;
- 3) Khi họ hiển đạt, hãy xem người mà họ tiến cử;
- 4) Khi rơi vào cảnh khốn cùng, hãy xem những việc mà họ không muốn làm;
- 5) Khi nghèo hèn, hãy xem liệu họ có đón nhận tiền tài một cách ầu thả không?

Chỉ năm điều này cũng đủ để xác định người được lựa chọn cho chức quan tể tướng vậy.

（Cuốn 11. *Sử Ký* - Thượng）

~ 186 ~

一曰，微察^{（無微察二字）}問之以言，觀其辭。二曰，窮之以辭，以觀其變。三曰，與之^{間謀}^①，以觀其誠。四曰，明白^{顯問}^②，以觀其德。五曰，使之以財，以觀其貪^{（貪作廉）}；六曰，試之以色，以觀其貞^③；七曰，告之以

難，觀其勇；八曰，醉之以酒，以觀其態。八徵皆備，則賢不肖別矣。

(卷三十一 六韜)

Chú thích:

- (1) Bí mật thăm dò, dò la;
- (2) Chỉ những việc đã biết rõ nhưng vẫn cố tình hỏi han;
- (3) Thủ tiết kiên định không lay chuyển, trung thành không thay đổi.

Viết ngữ:

Có tám phương pháp để nhận biết nhân tài:

- 1) Đưa ra vấn đề với họ, để quan sát liệu ngôn từ của họ có rõ ràng mạch lạc không?
- 2) Truy hỏi đến cùng, để quan sát khả năng ứng phó của họ ra sao?
- 3) Âm thầm theo dõi, để quan sát liệu họ có trung thành mà không lay chuyển không?
- 4) Đặt câu hỏi rõ ràng thẳng thắn, để xem câu trả lời của họ có điểm che giấu hoặc khoa trương không, rồi từ đó quan sát phẩm chất đạo đức của họ thế nào?
- 5) Giao cho họ phân chia tiền tài, để quan sát liệu họ có liêm khiết không?

- 6) Dùng nữ sắc thử thách họ, để quan sát khí tiết của họ thế nào?
- 7) Cho họ biết tình hình nguy khó, để quan sát liệu họ có dũng cảm không?
- 8) Khiến họ uống rượu say, để quan sát phẩm chất của họ kể cả khi say rượu thế nào?

Nếu tám phương pháp kiểm chứng này đều áp dụng, vậy thì sự sáng suốt, đức độ hay hư đốn đều có thể nhận biết được.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 187 ~

故聽言不如觀事，觀事不如觀行。聽言必審其本，觀事必校^①其實，觀行必考其跡。參三者而詳之，近少失矣。

(卷四十九 傅子)

Chú thích:

(1) Tương đương với “校” [hiệu] (kiểm tra, rà soát).

Viết ngữ:

Nghe lời bàn tán không bằng quan sát sự việc, quan sát sự việc không bằng quan sát hành vi. Khi nghe lời bàn tán nhất định phải thẩm định nguồn gốc, động cơ trong đó; khi quan sát sự việc nhất định phải xác minh

tình hình thực tế; khi quan sát hành vi nhất định phải kiểm chứng hiệu quả mà hành vi đó để lại. Nếu cả ba phương diện này đều được tổng hợp để phân tích, so sánh tất sẽ không bị sai lầm.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 188 ~

昔人知居上取士之難，故虛心而不聽；知在下相
接^①之易，故因^②人以致人^③。

(卷四十九 傅子)

Chú thích:

- (1) Giao thiệp, làm bạn cùng nhau;
- (2) Dựa vào, nhờ vào;
- (3) Dẫn đến, mời gọi.

Viết ngữ:

Bậc quân vương thời xưa hiểu được sự khó khăn khi muốn tuyển chọn nhân tài nếu bản thân ở ngôi vị cao, bởi vậy mà khiêm nhường lắng nghe ý kiến của hạ thần; bậc quân vương biết rằng người ở chức vị bên dưới sẽ dễ dàng giao lưu kết bạn với người thường, do vậy mới dựa vào họ để chiêu cảm nhân tài.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 189 ~

任己則有不識之蔽，聽受則有彼此之偏。所知者，以愛憎奪其平^①；所不知者，以人事亂其度。

(卷三十 晉書下)

Chú thích:

(1) Công bằng, thích đáng.

Việt ngữ:

(Khi đánh giá và lựa chọn chức vụ) mà dựa vào ý kiến và sự yêu ghét của bản thân, sẽ có nhược điểm vì không thể nhận biết nhân tài mà vọng đoán; nghe theo lời của người khác mà không xem xét kỹ càng, sẽ dễ vì sự hạn chế trong cách nhìn nhận lẫn nhau mà nảy sinh sự sai khác. Đối với người quen, sẽ vì mang theo sự yêu ghét cá nhân khi đánh giá mà mất đi tính công bằng; đối với người không quen biết, sẽ lại dễ vì mối quan hệ thường tình mà làm đảo lộn tiêu chuẩn quy định lựa chọn nhân tài của đất nước.

(Cuốn 30. *Tán Thư* – Hạ)

~ 190 ~

子曰：「君子易事而難悅也。不責備於一人，故易事也。悅之不以道，不悅也。及其使人也，器^①之。度才而官之。小人難事

而易悅也。悅之雖不以道，悅也。及其使人也，求備^②焉。」

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Liệu cơm gắp mắm.
- (2) Yêu cầu không khiếm khuyết.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Làm việc cho người quân tử thì dễ, nhưng để làm họ vui lòng lại rất khó. Bởi vì, lấy lòng người quân tử mà không phù hợp đạo lí, họ sẽ không vui. Về việc bậc quân tử dùng người, luôn luôn có thể giao đúng người đúng việc. Làm việc cho kẻ tiểu nhân thì khó, nhưng để lấy lòng họ lại rất dễ. Bởi vì, lấy lòng kẻ tiểu nhân dẫu không phù hợp đạo lí, họ cũng sẽ vui. Về việc kẻ tiểu nhân dùng người, họ luôn luôn yêu cầu sự hoàn hảo.”

(Cuốn 9. Luận Ngữ)

~ 191 ~

子曰：「鄙夫^①可與事君也哉？言不可與事君。其未得之也，患得之。患得之者，患不能得之。既^②得之，患失之。苟患失之，無所不之矣。」無所不至者，言邪媚無所不為。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Người tầm thường nông cạn;
- (2) Đã.

Viết ngữ:

Không Tử dạy rằng: “Những kẻ tri thức nông cạn lại không có học vấn và đạo đức, lẽ nào để họ phụng sự bậc quân vương mà làm việc cho nước nhà? Khi họ chưa đạt được quan tước và lợi lộc, sẽ luôn lo lắng bản thân không đạt được. Một khi đạt được rồi, lại lo sợ sẽ bị mất đi. Nếu điều họ lo sợ là bị mất đi chức tước lợi lộc mà hoàn toàn không nghĩ cho muôn dân, vậy thì việc xấu xa gì họ cũng dám làm.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

4. NHẠM SỬ [BỔ NHIỆM]

~ 192 ~

哀公曰：「何為則民服^①？」哀公，魯君謚也。孔子對曰：「舉直^②錯諸枉^③，則民服；錯，置也。舉正直之人用之，廢置邪枉之人，則民服其上。舉枉錯諸直，則民不服。」

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Tin phục, khâm phục;
- (2) Chỉ người công bằng chính trực;
- (3) Gian tà, không ngay thẳng.

Việt ngữ:

Lỗ Ai Công thỉnh giáo với Khổng Tử:

- Làm thế nào mới có thể khiến muôn dân quy phục triều đình đây?

Khổng Tử đáp rằng:

- Chọn dùng người chính trực, bổ nhiệm chức vụ của họ ở trên những kẻ gian tà bất chính hoặc phé truất những kẻ đó, khi muôn dân có lòng tin với triều đình, tự khắc sẽ quy phục. Còn nếu chọn dùng kẻ gian tà bất chính mà chức vụ lại đặt cao hơn những người chính trực, muôn dân tất sẽ không quy phục.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 193 ~

天下樞要^①，在於尚書^②，尚書之選，豈可不重？而間者多從郎官^③，超升此位，雖曉習文法，長於應對，然察察小惠，類無大能。宜簡嘗歷州宰素有名者，雖進退舒遲，時有不逮，然端心向公，奉職周密。

(卷二十二 後漢書二)

Chú thích:

- (1) Chỉ cơ quan hoặc chức quan cơ yếu trong chính quyền trung ương;
- (2) Tương đương với chức vụ bộ trưởng ngày nay;

(3) Tương đương với chức vụ thứ trưởng ngày nay.

Viết ngữ:

Chức vị quan trọng nhất trong thiên hạ là thượng thư, khi tuyển chọn thượng thư lẽ nào không chú trọng cho được? Thế mà bổ nhiệm chức quan thượng thư thời nay phần lớn là cất nhắc từ các lang quan, hầu họ có thông hiểu văn phạm, giỏi ứng đối, nhưng đó chỉ là trí khôn vặt, phần lớn đều không có năng lực làm việc lớn. Do vậy, phải nên chọn những người từng làm chức quan của các châu huyện mà vốn đã có danh tiếng để đảm nhiệm, họ ứng đối tuy có chậm, đôi lúc không bằng người, nhưng họ lại một lòng hướng về đất nước, hết lòng với cương vị, hơn nữa lại làm việc một cách ôn hòa kín kẽ.

(Cuốn 22. *Hậu Hán Thư* – Tập 2)

~ 194 ~

以言取人，人飾其言；以行取人，人竭其行。飾言無庸^①，竭行有成。

(卷八 周書)

Chú thích:

(1) Không có tác dụng gì.

Viết ngữ:

Dựa vào lời lẽ của một người để phán đoán nhân cách của họ, người ta sẽ dùng tài khéo léo để chau chuốt lời nói. Còn nếu dựa vào hành vi để phán đoán phẩm chất,

người ta sẽ cố gắng trau dồi đức hạnh bên trong. Khéo léo trau chuốt lời lẽ thật không có một chút ích lợi gì, còn nếu hết lòng hoàn thiện đức hạnh tất sẽ có thành tựu.

(Cuốn 8. *Chu Thư*)

~ 195 ~

故明王之任人，諂諛不邇^①乎左右，阿黨^②不治乎本朝；任人之長，不強其短；任人之工^③，不強其拙。此任人之大略也。

(卷三十三 晏子)

Chú thích:

- (1) Tiếp cận;
- (2) Rào đón ý cấp trên, vì tình cảm cá nhân mà làm trái phép nước; so bì tính toán, kéo bè kết đảng;
- (3) Khéo léo, tinh xảo.

Viết ngữ:

Bậc minh quân khi tuyển chọn người tài, những kẻ a dua bợ đỡ sẽ không sắp xếp để ở bên cạnh, kẻ tạo bè kết đảng mưu lợi cá nhân sẽ không được trị vì chính sự. Khi dùng người phải phát huy ưu điểm, không đòi hỏi quá mức đối với những khiếm khuyết của họ; giao phó nhiệm vụ dựa trên sở trường mà không đòi hỏi quá mức đối với nhược điểm của họ. Đây chính là nguyên tắc cơ bản trong việc dùng người.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

~ 196 ~

故選不可以不精，任之不可以不信，進不可以不禮，退之不可以權辱。

(卷四十八 典語)

Việt ngữ:

Khi tuyển chọn đại thần không thể không chính xác và thích đáng; khi bổ nhiệm đại thần không thể không tín nhiệm; khi tiến cử làm quan không thể không lấy lễ nghĩa mà đối đãi; khi bãi nhiệm chức quan cũng không thể khiến họ phải chịu tội hổ.

(Cuốn 48. *Điện Luận*)

~ 197 ~

故知清而不知所以重其祿者，則欺而濁；知重其祿，而不知所以少其吏者，則竭而不足；知少其吏，而不知所以盡其力者，則事繁而職闕。

(卷四十七 劉廙政論)

Việt ngữ:

Quân vương chỉ biết đề cao tinh thần liêm khiết mà không biết tăng thêm bổng lộc cho quan viên, họ sẽ hình thành thói quen lừa dối và tham ô thối nát; biết

tăng thêm bổng lộc nhưng không biết làm thế nào để tinh giảm quan chức, như vậy tài lực sẽ cạn kiệt; biết cách tinh giảm quan chức nhưng không biết làm thế nào để họ phát huy khả năng, công việc sẽ vì dồn ứ mà biểu hiện thành thiếu nhân lực.

(Cuốn 47. *Lưu Dục Chính Luận*)

~ 198 ~

夫除無事之位，損不急之祿，止浮食^①之費，并從容之官。使官必有職，職任其事，事必受祿，祿代其耕，乃往古之常式^②，當今之所宜也。

(卷二十五 魏志上)

Chú thích:

- (1) Ăn không ngồi rồi;
- (2) Chế độ, phép nước.

Viết ngữ:

Loại bỏ những chức vụ không có việc để làm, giảm bổng lộc chưa cần thiết, ngừng việc phát kinh phí cho những người ngồi không mà lĩnh bổng lộc, loại bỏ và củng cố lại những quan chức không có việc làm. Để mỗi vị quan viên nhất định có chức trách, có chức trách thì đều phải đảm đương công việc, đảm đương công việc nhất định được nhận bổng lộc, dùng bổng lộc để thay thế cho việc mưu sinh từ công việc cạnh tranh. Đây là

chế độ của thời xưa mà cũng là nguyên tắc mà xã hội ngày nay nên áp dụng.

(Cuốn 25. *Ngụy Chí* - Thượng)

~ 199 ~

故德厚而位卑者，謂之過；德薄而位尊者，謂之失。寧過於君子，而無失於小人。過於君子，其為怨淺矣；失於小人，其為禍深矣。

(卷三十二 管子)

Viết ngữ:

Người có đức sâu dày lại phải chịu tội ở địa vị thấp, đó là sai sót của bậc quân vương; người mà đức hạnh kém cỏi lại có địa vị tôn quý, đó là lỗi lầm của bậc quân vương. Thà để người quân tử chịu tội chứ không thể dùng lầm kẻ tiểu nhân. Để người quân tử chịu tội, nỗi oán trách của họ sẽ không sâu, nhưng nếu dùng nhầm kẻ tiểu nhân thì tai họa mà họ gây ra thật khôn lường.

(Cuốn 32. *Quản Tử*)

~ 200 ~

使賢者為之，則與不肖者規^①之；使智者慮之，則與愚者論之；使修士行之，則與奸邪之人疑之。雖欲成功，得乎哉！

(卷三十八 孫卿子)

Chú thích:

(1) Cải chính, chính quy.

Việt ngữ:

Đề người có đức tài trị vì việc triều chính mà lại đề người không có đạo đức áp đặt; đề người có trí tuệ mưu lược việc triều chính mà lại đề kẻ ngu muội nhận xét; đề người có phẩm chất tốt đẹp thực thi phép nước mà lại đề kẻ gian tà hoài nghi. Dẫu mong muốn thành công, nhưng sao có thể thành công cho được!

(Cuốn 38. Tôn Khanh Tử)

5. CHÍ CÔNG [TOÀN TÂM VỚI VIỆC CÔNG]

~ 201 ~

大道之行也，天下為公。選賢與能。公猶共也，禪位授聖，不家之也。故人不獨親其親，不獨子其子，孝慈之道廣也。使老有所終，幼有所長，無匱乏也者。鰥寡孤獨廢疾^①者，皆有所養。同猶和平。是故謀閉而不興，盜竊亂賊而不作。是謂大同。

(卷七禮記)

Chú thích:

(1) “鰥” [quan] chỉ người đến tuổi thành niên mà chưa có vợ hoặc người góa vợ, “寡” [quả] chỉ người phụ nữ góa chồng, “孤” [cô] chỉ trẻ mất cha hoặc cả cha

mẹ, “獨” [độc] chỉ người già mà không có con cháu, “疾” [tật] người tàn tật hoặc khiếm khuyết về cơ thể hoặc tinh thần và không thể làm việc.

Viết ngữ:

Vào thời đại mà đạo lý lớn được thực thi, thiên hạ sẽ là ngôi nhà lớn để cùng chia sẻ và tận hưởng. Tuyển chọn người có đức tài là để phục vụ nhân dân trong thiên hạ. Bởi vậy, người ta không chỉ thương yêu cha mẹ của mình, không chỉ yêu quý con cái của mình, mà phải để tất cả người già đều được sống an vui hưởng tuổi già, để tất cả trẻ em được hưởng nền giáo dục tốt đẹp và trưởng thành lành mạnh, để đàn ông góa vợ, phụ nữ góa chồng, người già neo đơn và người tàn tật, ốm yếu đều được chăm sóc và nuôi dưỡng. Do vậy, mọi người đều có thể chân thành mà sống bên nhau, sẽ không có âm mưu lời kéo tranh giành, hại người lợi mình, những việc trộm cướp và nhiễu loạn sẽ không xảy ra. Đó mới thực sự là thế giới đại đồng.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 202 ~

天下者非一人之天下，天下之天下也。與天下同利者，則得天下；擅^①天下之利者，失天下。

(卷三十一 六韜)

Chú thích:

(1) Giữ riêng, độc chiếm.

Việt ngữ:

Thiên hạ không phải của một người mà là thiên hạ của mọi người trong thiên hạ. Người có thể chung hưởng lợi ích với người trong thiên hạ, sẽ có được thiên hạ; người muốn độc chiếm lợi ích của thiên hạ, rốt cuộc sẽ để mất thiên hạ.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 203 ~

夫能通天下之志者，莫大乎至公。能行至公者，莫要乎無忌心。

(卷四十九 傅子)

Việt ngữ:

Để thấu hiểu được tâm tư của người trong thiên hạ, quan trọng nhất là ở chí công vô tư. Người muốn làm được chí công vô tư, quan trọng nhất là không có lòng hiềm khích, mỗi niệm đều mong làm lợi cho nhân dân trong thiên hạ.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 204 ~

故君人者，愛民而安，好士而榮，兩者無一焉而亡也。明分職⁽¹⁾，序事業，拔材官能，莫不治理，則公

道達而私門塞矣，公義明而私事息矣。如是，則德厚者進，而佞悅者止；貪利者退，而廉節者起。

（卷三十八 孫卿子）

Chú thích:

(1) Phân công chức trách, phân công quản lý.

Viết ngữ:

Là bậc quân vương mà biết thương yêu che chở nhân dân tất có thể khiến cho lòng dân an định, ưa thích được thân cận bậc hiền sĩ tất có thể khiến cho đất nước hưng thịnh, nếu thiếu một trong hai điều này tất sẽ thất bại mà suy vong. Xác định rõ chức trách mà các bộ phận chịu trách nhiệm, tùy theo mức độ nặng nhẹ, gấp vội để sắp xếp công việc, tuyển chọn người có đức tài, bổ nhiệm người có năng lực ra làm quan, tất cả đều được sắp xếp chẵn chu thông suốt, vậy thì con đường tận trung vì triều đình sẽ được khai thông, còn đường ngang ngỗ tất vì lợi riêng mà chạy vạy nhờ vả sẽ được đóng kín. Phong trào vì việc công sẽ được hiển lộ, còn những việc mưu cầu tư lợi sẽ bị chặn đứng. Cứ như vậy, người đức hạnh đôn hậu sẽ được tín nhiệm, kẻ gian tà bạo dữ sẽ bị ngăn cản; kẻ tham lợi sẽ bị bãi nhiệm, người liêm khiết phụng sự việc công sẽ được trọng dụng.

(Cuốn 38. Tôn Khanh Tử)

~ 205 ~

臣聞堯受命，以天下為憂，而未聞以位為樂也。

(卷十七 漢書五)

Việt ngữ:

Thần (Đồng Trọng Thư) nghe nói vua Nghiêu tuân theo ý trời mà trở thành thiên tử, xem nỗi lo của thiên hạ như nỗi lo của chính mình, chứ chưa từng nghe nói vì được ngồi ở ngôi vị thiên tử mà vui cả.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

~ 206 ~

賈曰：「天下安，注意相；天下危，注意將。將相和，則士預附^①；士預附，天下雖有變，則權不分。」

(卷十六 漢書四)

Chú thích:

(1) Vui vẻ mà quy phục.

Việt ngữ:

Lục Giả từng nói: “Khi thiên hạ thái bình an định, phải chú ý đến năng lực của người đứng đầu trong công

việc trị vì; vào thời loạn, phải chú ý đến lòng trung thành của tướng lĩnh. Văn võ bá quan mà có thể chung sống hòa thuận, bậc hiền sĩ sẽ vui vẻ mà quy phục; khi bậc hiền sĩ đã quy thuận, thiên hạ dẫu có biến loạn, quyền lực cũng không bị phân tán.”

(Cuốn 16. *Hán Thư* – Tập 4)

~ 207 ~

顧^①吾念之，強秦之所以不敢加兵^②於趙者，徒^③以^④吾兩人在也。今兩虎鬥，其勢不俱生。吾所以為此，先公家之急^⑤，而後私讎^⑥也。

(卷十二 史記下)

Chú thích:

- (1) Tuy nhiên, nhưng;
- (2) Phát động chiến tranh, dùng vũ lực tấn công;
- (3) Nhưng, chỉ có, chỉ;
- (4) Bởi vì, do;
- (5) Gấp rút, quan trọng;
- (6) Oán thù.

Viết ngữ:

Chẳng qua ta (Lạn Tương Như) nghĩ rằng, sở dĩ nước Tần lớn mạnh mà không dám đem quân tấn công nước Triệu, đó là vì có tướng quân Liêm Pha và ta. Đến

nay lưỡng hồ chúng ta mà đầu đầu, chắc chắn sẽ khó mà cùng tồn tại. Nguyên nhân mà ta né tránh ở mọi lúc mọi nơi, là bởi vì trước hết phải lo cho sự an nguy của quốc gia, còn oán thù riêng cá nhân cứ để ở sau vậy¹⁵.

(Cuốn 12. *Sử Ký* - Hạ)

6. GIÁO HÓA [GIÁO DỤC VÀ CẢM HÓA]

~ 208 ~

子曰：「性^①相近也，習^②相遠也。」君子慎所習。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Bản tính của con người;
- (2) Hành vi thói quen hình thành do lâu ngày.

Viết ngữ:

¹⁵ “Ta” ở đây chỉ ngài Lạn Tương Như, là tướng quân của nước Triệu thời Chiến Quốc. Ông và tướng quân Liêm Pha cùng phò tá triều đình, lối ẩn dụ “lưỡng hồ” là chỉ tướng Lạn và tướng Liêm. Do tướng Lạn được tín nhiệm vì đã đem được ngọc bích trở về nước Triệu và được cất nhắc với chức quan ở trên tướng Liêm. Liêm Pha vô cùng bất mãn về điều này và kêu gọi thân tín của ông bôi nhọ uy tín của tướng Lạn. Tuy nhiên, Lạn Tương Như đều mượn cơ bị ốm mà tránh gặp mặt với Liêm Pha, nhưng không thể tránh được. Câu nói trên là trích từ đoạn đối thoại của Tương Như với người thân tín của ông khi được hỏi vì sao ông lại không trả thù. Khi Liêm Pha đến và biết được điều này, ông cảm thấy vô cùng xấu hổ, ông liền cởi áo và mang cây roi đi đến nhà Tương Như để xin lỗi. Từ đó hai người trở thành bạn thân thiết, cùng phò tá triều đình và sống chết có nhau.

Không Tử dạy rằng: “Bản tính của con người vốn dĩ không mấy khác biệt, đều là thuần tịnh thuần thiện. Bởi tập khí bị nhiễm sau này của mỗi người không giống nhau nên khoảng cách khác biệt mới ngày một xa hơn.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 209 ~

先王知人有好善尚^①德之性，而又貪榮而重利，故貴其所尚，而抑其所貪。貴其所尚，故禮讓興；抑其所貪，故廉恥存。

(卷四十九 傅子)

Chú thích:

(1) Chú trọng, tôn sùng.

Việt ngữ:

Bậc quân vương thời xưa hiểu rằng, người ta vừa có bản tính ưa thích những điều lương thiện và trân trọng phẩm chất đạo đức tốt đẹp lại vừa tham luyến ái mộ sự vẻ vang và lợi ích vật chất. Do vậy phải chú trọng những điều được mình tôn sùng và kiềm chế những thứ mà mình tham cầu. Nếu chú trọng những điều tôn sùng này, nếp sống lễ nghĩa khiêm nhường sẽ được hưng thịnh và nếu kiềm chế những điều tham cầu, tâm liêm sỉ sẽ được bảo toàn.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 210 ~

治民之道，務篤於教也。

(卷四十二 鹽鐵論)

Việt ngữ:

Biện pháp tốt nhất để trị vì muôn dân là một lòng một dạ dốc sức cho việc thúc đẩy giáo hóa.

(Cuốn 42. *Diêm Thiết Luận*)

~ 211 ~

上為下效，然後謂之教。

(卷四十五 崔寔政論)

Việt ngữ:

Người ở trên làm thế nào, người ở dưới sẽ học làm theo, như vậy được gọi là giáo hóa.

(Cuốn 45. *Thôi Thực Chính Luận*)

~ 212 ~

古之仁人，推所好以訓天下，而民莫不尚德；推所惡以誡天下，而民莫不知恥。

(卷四十九 傅子)

Viết ngữ:

Những người có đức hạnh thời xưa, đều từ mình mà ngẫm đến người để lo cho nhân dân trong thiên hạ, phổ biến những phẩm chất đạo đức tốt đẹp mà bản thân trân trọng để dẫn dắt thiên hạ và mà nhân dân không ai là không trân trọng đức hạnh tốt đẹp đó cả; đem hành vi xấu xa mà mình chán ghét để cảnh báo thiên hạ, bởi vậy nhân dân không ai là không biết hổ thẹn cả.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 213 ~

子曰：「弟子入則孝，出則悌，謹而信，汎愛眾，而親仁。行有餘力則以學文。」文者，古之遺文。

(卷九 論語)

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Là một người con hay người em khi ở nhà phải hiếu kính cha mẹ, khi ở bên ngoài phải cung kính bậc trưởng bối và cấp trên, khi làm việc phải cẩn trọng, khi nói thì lời nói phải có uy tín, phải yêu thương mọi người và luôn thân cận người nhân đức. Ngoài việc thực hành sáu điều này ra còn phải nên học tập từ điển tịch (lời dạy) mà bậc Thánh Hiền thời xưa đã truyền lại.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 214 ~

先王見教之可以化民也，見因天地教化民之易也。是故先之以博愛，而民莫遺其親；先修人事，流化於民也。陳之以德義，而民興行；上好義，則民莫取不服也。先以敬讓，而民不爭；若文王敬讓於朝，虞、芮推畔於野。上行之，則下效法之。道之以禮樂，而民和睦；上好禮，則民莫取不敬。示之以好惡，而民知禁。善者賞之，惡者罰之。民知禁，不敢為非也。

(卷九 孝經)

Viết ngữ:

Bậc thánh vương thời xưa hiểu rằng, nền giáo dục mà thuận theo nhân tính mới cảm hóa được nhân dân, bởi vậy mà đi đầu trong việc thực hiện lòng nhân từ bác ái, mà khi người dân có ảnh hưởng rồi thì không ai lại bỏ rơi người thân của mình; lan tỏa nhân nghĩa đạo đức đến nhân dân, nhân dân sẽ vì cảm động mà được gọi mở, từ đó noi theo để thực hiện; đi đầu trong việc cung kính và khiêm nhường, nhân dân tất sẽ không đấu tranh giành giật; xây dựng quy định về lễ nghĩa cùng với âm nhạc để dẫn dắt và giáo dục nhân dân, thế rồi nhân dân sẽ chung sống hòa hợp; việc làm thiện thì thưởng, việc làm xấu ác ắt phải phạt, thể hiện rõ những điều mà nhân dân nên trân trọng và những thứ phải nên tránh xa, khi nhân dân đã hiểu rõ quy định cấm kỵ tất sẽ không vi phạm.

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

~ 215 ~

子曰：「教民親愛，莫善於孝。教民禮順，莫善於悌。移風易俗，莫善於樂。夫樂者，感人情，樂正則心正，樂淫則心淫也。安上治民，莫善於禮。上好禮，則民易使。禮者，敬而已矣。敬，禮之本，有何加焉。故敬其父則子悅；敬其兄則弟悅；敬其君則臣悅；敬一人而千萬人悅。所敬者寡，悅者眾，所敬一人，是其少。千萬人悅，是其眾。此之謂要道也。」孝悌以教之，禮樂以化之，此謂要道也。

（卷九 孝經）

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Muốn dạy dỗ muôn dân tương thân tương ái, không có gì tốt hơn việc hoằng dương đạo hiếu, vì hiếu là điểm khởi đầu của lòng nhân ái; muốn dạy dỗ nhân dân tuân thủ lễ tiết, thuận theo trưởng bối và cấp trên, không có gì tốt hơn việc đề xướng đạo lý của đễ (sự hòa ái); muốn cải thiện phong tục tập quán của xã hội, không có gì tốt hơn việc dùng thứ âm nhạc thiện mỹ để thẩm nhuần và cảm hóa; để cấp trên được yên lòng và trị vì nhân dân, khiến người trên kẻ dưới đều giữ đúng bổn phận, không có gì tốt hơn lễ tiết. Ý nghĩa của lễ, xét cho cùng chính là nằm ở một chữ ‘kính’. Bởi vậy, khi kính trọng cha mẹ của người, người làm con sẽ vui; khi kính trọng anh chị của người, người làm em sẽ vui; khi kính trọng bậc quân vương của người, bậc hạ thần sẽ vui; khi kính trọng một người, hàng ngàn hàng vạn người đều vui. Người được kính trọng dù là số ít, nhưng người cảm thấy vui lại rất nhiều.

Đây chính là ý nghĩa của việc xem sự thúc đẩy đạo hiếu là ‘yếu đạo’ (đạo lý quan trọng) vậy.”

(Cuốn 9. *Hiếu Kinh*)

~ 216 ~

孔子曰：「導^①之以政，齊^②之以刑，民免而無恥。導之以德，齊之以禮，有恥且格。」^{格，正。}老氏稱：「法令滋章，盜賊多有。」

(卷十二 史記下)

Chú thích:

- (1) Dẫn dắt, khuyên răn;
- (2) Sửa chữa.

Viết ngữ:

Không Tử dạy rằng:

- Nếu lấy chính trị để giáo hóa nhân dân và lấy hình phạt để cai quản nhân dân, làm như vậy, nhân dân chỉ nghĩ làm sao để tránh khỏi hình phạt chứ không nghĩ đến việc liệu có đáng hổ thẹn hay không. Nhưng lấy đức hạnh để giáo hóa nhân dân và lấy lễ nghĩa để quản lý nhân dân, họ không những tuân thủ pháp luật, biết hổ thẹn mà còn có thể sửa chữa lỗi lầm và hướng thiện vậy.

Lão Tử cũng có dạy:

- Luật pháp và mệnh lệnh càng rườm rà hà khắc, kẻ bất lương lợi dụng kẽ hở của pháp luật ngược lại sẽ ngày càng nhiều.

(Cuốn 12. *Sử Ký* - Hạ)

~ 217 ~

子產治鄭，民不能欺；子賤治單父^①，人不忍欺；西門豹治鄴，人不敢欺。三子之才能，誰最賢哉？辦治者當能別之。

(卷十二 史記下)

Chú thích:

(1) “單父”[Thiện Phủ], tên một vùng đất ở nước Lỗ thời Chiến Quốc, ngày nay là phía đông huyện Thiện của tỉnh Sơn Đông;

Viết ngữ:

Khi Tử Sản trị vì nước Trịnh, muôn dân không thể lừa dối ông và Tử Tiễn cai quản vùng đất Thiện Phủ, muôn dân không nhẫn tâm lừa dối ông. Còn Tây Môn Báo cai quản huyện Nghiệp, muôn dân không dám lừa dối ông. Nói về tài năng của ba người này, ai là người sáng suốt nhất? Người giỏi việc xác minh mà lại hiểu rõ đạo lý trị vì, tất có thể nhận ra được.

(Cuốn 12. *Sử Ký* - Hạ)

~ 218 ~

不知禮義，不可以行法^①。法能殺不孝者，而不能使人為孔墨^{（墨作曾）}之行；法能刑竊盜者，而不能使人為伯夷之廉。孔子養徒三千人，皆入孝出悌，言為文章，行為儀表，教之所成也。

（卷四十一 淮南子）

Chú thích:

(1) Làm việc theo pháp luật.

Viết ngữ:

Khi nhân dân không hiểu được lễ nghĩa, quốc gia dù có luật pháp cũng không thể thực thi. Luật pháp có thể xử tử kẻ bất hiếu, nhưng không thể khiến người ta học tập đức hạnh cao thượng đó của Khổng Tử, Tăng Tử. Pháp lệnh có thể xử phạt kẻ bất lương, nhưng không thể khiến người ta liêm khiết như Bá Di. Học trò mà Khổng Tử dạy dỗ có đến ba nghìn người, mà họ đều có thể: ở nhà thì giữ tròn đạo hiếu, ra ngoài lại cung kính với bậc trưởng bối và cấp trên, mỗi lời nói ra có thể trở thành chuẩn mực để mọi người noi theo và hành vi có đều trở thành tấm gương của mọi người. Những điều này đều là kết quả của sự nghiệp giáo hóa.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 219 ~

文子問德仁義理。老子曰：「德者民之所貴也，仁者人之所懷也，義者民之所畏也，禮者民之所敬也。此四者聖人之所以御^①萬物也。」

(卷三十五 文子)

Chú thích:

(1) Thông trị, trị vì.

Viết ngữ:

Văn Tử thỉnh giáo học vấn về đức – nhân – nghĩa – lễ.

Lão Tử dạy rằng:

- ‘Đức’ là điều mà muôn dân tôn sùng và quý trọng, ‘nhân’ là điều mà muôn dân ngưỡng mộ và hướng về, ‘nghĩa’ là điều mà muôn dân tôn kính và khâm phục, còn ‘lễ’ là điều mà muôn dân cung kính và trang nghiêm. Bốn phương diện này là chuẩn mực đạo đức mà thánh nhân dùng để thống lĩnh vạn vật.

(Cuốn 35. Văn Tử)

~ 220 ~

顯賢表德，聖王所重；舉善而教，仲尼所美^①。

(卷二十六 魏志下)

Chú thích:

(1) Xung tán, khen ngợi.

Viết ngữ:

Tuyên dương người có đức tài là việc mà bậc minh quân chú trọng; tiến cử người thiện để khiến đại chúng thấy người đức độ tài ba mà muốn học tập, đó là điều mà Khổng Tử thường khen ngợi.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* - Hạ)

~ 221 ~

一年之計，莫如樹^①穀；十年之計，莫如樹木；終身之計，莫如樹^②人。

(卷三十二 管子)

Chú thích:

(1) Trồng trọt, trồng cây;

(2) Đào tạo, vun bồi.

Viết ngữ:

Nếu xây dựng kế hoạch cho một năm, không có gì quan trọng hơn việc trồng cây lương thực. Nếu xây dựng kế hoạch cho mười năm, không có gì quan trọng hơn việc trồng cây gây rừng. Nếu xây dựng kế hoạch cho một đời

người, không có gì quan trọng hơn việc bồi dưỡng giáo dục nhân tài.

(Cuốn 32. *Quản Tử*)

~ 222 ~

孔子曰：「君子有三畏：畏天命^①，順吉逆凶天之命。畏大人，大人即聖人，與天地合德也。畏聖人之言。小人不知天命而不畏，狎^②大人，侮聖人之言。」

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Theo chú giải của người xưa khi nói về báo ứng thiện ác, nếu thuận theo ý trời sẽ được cát tường, còn làm trái ý trời sẽ gặp điềm xấu, bởi vậy mà rất đáng sợ.
- (2) Coi thường, khinh thường.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Bậc quân tử có ba điều phải nên kiêng nể: Phải biết sợ hãi chân tướng của việc báo ứng nhân quả, phải biết kính nể người đức hạnh hoặc người có địa vị cao; phải biết kính nể lời răn dạy của bậc thánh nhân. Kẻ tiểu nhân thường không hiểu đạo lý báo ứng nhân quả, do vậy mà không kiêng nể điều gì, họ coi thường người ở địa vị cao và chế giễu lời giáo huấn của bậc thánh nhân.” (Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 223 ~

儒家者流，蓋出於司徒^①之官，助人君、順陰陽、明教化者也。游文於六經^②之中，留意於仁義之際。祖述^③堯舜，憲章^④文武，宗師^⑤仲尼，以重^⑥其言，於道最為高。

（卷十四 漢書二）

Chú thích:

- (1) [Tư đồ] là chức quan thời xưa, chuyên trách quản lý đất đai của quốc gia và việc giáo hóa nhân dân;
- (2) Lục kinh: sáu bộ sách kinh điển của Nho gia: Thi, Thư, Lễ, Dịch, Nhạc, Xuân Thu;
- (3) Sùng bái và phụng hành, học tập theo những việc làm của người xưa;
- (4) Noi theo, tuân theo kỷ cương phép nước;
- (5) Tôn sùng, học tập theo và suy tôn là người thầy;
- (6) Tôn kính, sùng bái.

Viết ngữ:

Trường phái Nho gia, khởi nguồn từ quan tư đồ chuyên trách việc giáo hóa, với tôn chỉ là phò tá bậc quân vương, thuận theo quy luật âm - dương, đề đề xướng sự nghiệp giáo hóa. Họ thấm nhuần trong sự giáo

huấn của Lục Kinh¹⁶, thường lưu tâm đến cơ hội có thể tuyên truyền phổ biến đạo lý nhân nghĩa. Họ kính ngưỡng và phụng hành theo những việc làm của vua Nghiêu, vua Thuấn để truyền kể lại, họ tuân thủ theo phép tắc của Chu Văn Vương và Chu Vũ Vương để giảng giải tường tận, họ kính ngưỡng và tôn sùng Khổng Tử và suy tôn làm người thầy, họ kính trọng lời dạy của bậc thánh nhân quân vương thời xưa, họ xem Đạo như là cảnh giới cao nhất của học vấn.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

~ 224 ~

道家者流，蓋出於史官。歷紀成敗存亡禍福古今之道，秉要執本^①，清虛^②以自守^③，卑弱以自持，此君人南面者之術也。合於堯之克讓^④，《易》之謙謙^⑤。一謙而四益，此其所長也。

(卷十四 漢書二)

Chú thích:

- (1) Nắm bắt ý chính, nội dung cơ bản;
- (2) Thanh tịnh hư vô;

¹⁶ Lục Kinh gồm sáu bộ sách kinh điển của Nho gia như Thi, Thư, Lễ, Dịch, Nhạc và Xuân Thu.

- (3) Giữ vững bốn phận, bản tính của mình;
- (4) Có thể khiêm nhường. “克” [khắc], có thể;
- (5) Đáng vẻ khiêm tốn. “嗛” tương đương với “谦” [khiêm], khiêm tốn.

Việt ngữ:

Trường phái Đạo gia có lẽ bắt nguồn từ quan sử. Tác phẩm của họ đã ghi chép lại nguyên nhân thành công hay thất bại, tồn tại hay suy vong, tai họa hay phúc báu của các triều đại. Nếu có thể nắm vững cương lĩnh và nội dung cơ bản, lấy việc tu dưỡng cho sự thanh tịnh hư vô để giữ vững bốn phận của chính mình, lấy thái độ khiêm tốn và nhu hòa để kiềm chế tập khí của bản thân, đây chính là phương pháp trị quốc của bậc quân vương. Tư tưởng này phù hợp với đức tính khiêm nhường của vua Nghiêu và đức khiêm cung trong *[Kinh Dịch]*. Nếu ở mọi nơi mọi chỗ mà có thể khiêm nhường, tất sẽ đạt được những điều lợi ích từ trong đạo trời, đất, thần linh và người. Đây chính là điều mà trường phái Đạo gia tôn sùng.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

7. LỄ NHẠC [LỄ NGHI VÀ ÂM NHẠC]

~ 225 ~

夫人之所以貴於禽獸者，以有禮也。

(卷三十三 晏子)

Viết ngữ:

Loài người sở dĩ tôn quý hơn cầm thú là bởi vì con người có thể phụng hành theo lễ nghĩa.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

~ 226 ~

故禮之教化也微，其正邪於未形，使人日徙善遠罪而不自知也，是以先王隆^①之也。《易》曰：「君子慎始。差若毫釐，謬^②以千里。」此之謂也。隆，謂尊盛之也。始，謂其

微時也。

(卷七 禮記)

Chú thích:

- (1) Tôn sùng, sùng bái;
- (2) Sai lầm, sai sót.

Viết ngữ:

Tác dụng giáo hóa của ‘Lễ’ là thấm nhuần dần dần và từng bước chuyển đổi, phòng ngừa điều xấu ác từ khi chưa hình thành, khiến cho người mỗi ngày được tiến dần đến đức tính tốt đẹp và rời xa hành động xấu một cách tự nhiên. Do vậy, đến bậc quân vương xưa kia cũng đều tôn sùng tác dụng giáo hóa của ‘Lễ’. Trong [Chu Dịch] có nói: “Bậc quân tử chú trọng sự khởi đầu của sự vật. Sự khởi đầu này nếu chỉ sai lệch một ly, kết quả sẽ dẫn đến sai lầm xa cả nghìn dặm”. Điều muốn nói chính là ý này vậy. (Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 227 ~

道德仁義，非禮不成；教訓正俗，非禮不備；分爭辨訟，非禮不決；君臣上下，父子兄弟，非禮不定；**宦學**^①事師，非禮不親；**班朝**^②治軍，**蒞官**^③行法，非禮威嚴不行；禱祠祭祀^④，供給鬼神，非禮不誠不莊。班，次也。蒞，臨也。莊，敬也。

(卷七 禮記)

Chú thích:

- (1) “**宦**” [hoạn], học tập để làm quan, nâng cao năng lực xử lý việc triều chính; “**學**” [học], học sáu môn: thi, thư, xạ, v.v...
- (2) Trong triều đình, căn cứ vào chức tước và cấp bậc để sắp xếp thứ tự, nghi lễ;
- (3) Nhận chức vụ, làm quan;
- (4) “**禱**” [đạo], chỉ buổi tế lễ để cầu nguyện; “**祠**” [từ], là buổi tế lễ để tạ ơn thần linh. “**祭祀**”, cúng tế thần linh, tổ tiên nói chung.

Viết ngữ:

Nhân nghĩa đạo đức, nếu không nhờ vào ‘Lễ’ ở những nơi tế nhị và phức tạp, thì việc thể hiện trật tự cấp bậc và chuẩn mực hành vi cụ thể sẽ không thể thực hiện được. Khi muốn thông qua thân giáo và ngôn giáo để thay đổi lề lối thói quen cũ, phò chính diệt tà mà không lấy ‘Lễ’ làm tiêu chuẩn căn bản thì không thể

tránh được việc này lại mất việc kia, không thể chu toàn được. Khi tranh chấp phải trái, phân bua đúng sai, mà không lấy ‘Lễ’ làm chuẩn mực thì không thể phán xử một cách chính xác được. Giữa vua – tôi, cấp trên – cấp dưới, cha – con, anh – em mà không có ‘Lễ’, sẽ không thể xác định danh phận và làm tròn bổn phận được. Cho dù học tập chính trị hay học tập những học vấn khác, nếu không căn cứ vào ‘Lễ’, trong mối quan hệ giữa thầy và trò, không thể khiến người thầy tận tâm và học trò chuyên tâm để rồi nảy sinh tình cảm thầy trò gần gũi được. Việc chỉnh đốn nghi lễ của triều đình, lãnh đạo quân đội, bổ nhiệm quan viên, ban hành luật pháp, nếu không có ‘Lễ’ thì không thể hiện được sự uy nghiêm. Việc cúng tế cầu nguyện hay tạ ơn thần linh, cúng dường thờ cúng tổ tiên, nếu không có ‘Lễ’ thì không thể hiện được sự thành kính và trang nghiêm.

(Cuốn 7. Lễ Kî)

~ 228 ~

夫禮者，所以定親疏，決嫌疑^①，別同異，明是非也。

(卷七 禮記)

Chú thích:

(1) Dễ bị rối loạn và rơi vào những việc khó phân biệt đúng sai.

Việt ngữ:

Tác dụng của ‘Lễ’ chính là thước đo dùng để xác định mối quan hệ thân sơ, thân phận khác biệt, là phương pháp thích đáng để xác định sự việc hoài nghi khó hiểu, để phân biệt địa vị sang hèn, để phân biệt đúng sai phải trái. Có như vậy, xã hội mới có trật tự và ai ai cũng đều có phép tắc.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 229 ~

君子有禮，則外諧而內無怨。

(卷七 禮記)

Việt ngữ:

Người quân tử nếu có thể lấy ‘Lễ’ để tu thân, tất có thể chung sống hòa hợp với tất cả người, sự và vật, mà bên trong thì tâm bình khí hòa không một chút oán hận.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 230 ~

富貴而知好禮，則不驕不淫；貧賤而知好禮，則志不懼。懼，猶怯惑。

(卷七 禮記)

Việt ngữ:

Người giàu sang nếu vui với việc học lễ và giữ lễ, tất sẽ có thể làm được không kiêu ngạo, không phóng

túng. Người nghèo khó nếu vui với học lễ và giữ lễ, tất có thể ở trong bất kỳ hoàn cảnh nào, tâm trí cũng không hoài nghi và không hoang mang lo sợ.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 231 ~

昏^①禮者，將合二姓之好，上以事宗廟，而下以繼後世也。故君子重之。男女有別，而後夫婦有義；夫婦有義，而後父子有親；父子有親，而後君臣有正。故曰，婚禮者，禮之本也。

(卷七 禮記)

Chú thích:

(1) Tương đương với “婚” [hôn], chỉ hôn nhân.

Viết ngữ:

Hôn lễ là sự thiết lập mối giao hảo giữa hai gia tộc khác họ. Trên thì có thể phụng sự việc thờ tự tổ tiên; dưới lại có thể nối dõi tông đường, kế thừa việc hương hỏa. Bởi vậy, bậc quân tử vô cùng chú trọng hôn nhân. Khi nam và nữ mỗi người một thiên chức và cả hai đều tận hết trách nhiệm của mình, giữa vợ và chồng mới có được đạo nghĩa. Khi đạo nghĩa giữa vợ và chồng được vun đắp, chính là tấm gương cho đời sau, tiếp đến giữa cha và con mới có thể thân ái và hòa thuận; khi giữa cha con đã có tình thân ái, sau đó vua tôi mới có thể người nào việc đấy. Bởi vậy mới nói hôn lễ là nền tảng của ‘Lễ’.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 232 ~

故朝覲之禮^①，所以明君臣之義也；聘問之禮^②，所以使諸侯相尊敬也；喪祭之禮，所以明臣子之恩也；鄉飲酒之禮^③，所以明長幼之序也；婚姻之禮，所以明男女之別也。夫禮禁亂之所由生，猶防止水之所自來也。故以舊防為無所用而壞之者，必有水敗；以舊禮為無所用而去之者，必有亂患。故婚姻之禮廢，則夫婦之道苦，而淫僻之罪多矣；鄉飲酒之禮廢，則長幼之序失，而鬥爭之獄繁矣；喪祭之禮廢，則臣子之恩薄，而背死忘生者眾矣；聘覲之禮廢，則君臣之位失，而背叛侵陵之敗起矣。苦，謂不至不答之屬

（卷七 禮記）

Chú thích:

- (1) Nghi lễ khi các chư hầu yết kiến thiên tử;
- (2) Thời xưa, giữa các chư hầu thường phái sứ giả thực hiện lễ tiết thăm viếng hữu nghị;
- (3) Chỉ nghi lễ tụ hội định kỳ giữa các làng xã lân cận. Nghi lễ này chủ yếu là để kính trọng người già và tôn kính bậc hiền tài, thường do đại phu của làng xã ở tầng lớp cao nhất (người chủ trì của làng) mở tiệc mời các nhân sĩ có đức hạnh của triều đình; thấp nhất là tiệc liên hoan giữa những người cùng làng. Trước khi tụ hội sẽ cúng tế thần linh, sau đó sẽ dùng tiệc theo nghi lễ, qua việc thực hiện “nghi lễ dâng rượu” (hội làng) để nuôi dưỡng thái độ nhân sinh khiêm nhường và nghiêm trang cung kính.

Việt ngữ:

Bởi vậy, thiết lập nghi lễ chư hầu yết kiến là để biểu đạt đại nghĩa giữa quân và thần; thiết lập nghi lễ sứ giả bang giao là để giữa các chư hầu có thể tôn kính lẫn nhau; thiết lập nghi lễ đám hiếu là để biểu đạt tình cảm biết ơn của hạ thần và của người làm con; thiết lập nghi lễ dâng rượu (hội làng) là làm sáng tỏ tôn ti trật tự giữa bậc trưởng bối và văn bối; thiết lập nghi lễ hôn nhân là để phân biệt thiên chức khác nhau trong gia đình của người nam và người nữ. Lễ nghĩa có thể ngăn chặn nguyên nhân căn bản làm nảy sinh hỗn loạn, cũng giống như đề phòng hộ là để ngăn chặn sự xâm lấn của nước lũ vậy. Nếu cho rằng đề phòng hộ đã lâu ngày và không còn tác dụng mà phá hủy chúng, nhất định sẽ gặp cảnh lũ lụt; nếu cho rằng những nghi lễ xưa cũ không còn tác dụng mà phế bỏ chúng, nhất định sẽ nảy sinh tai họa và động loạn. Do vậy, nếu lễ nghi của hôn nhân mà bị phá bỏ, đạo nghĩa cần phải có giữa vợ và chồng sẽ bị sa sút, khi chung sống tất sẽ khổ đau và rồi các thứ tội dâm loạn sẽ tăng lên; nếu nghi lễ dâng rượu bị hủy bỏ, trật tự giữa người già và người trẻ sẽ bị mất đi, các vụ án hình sự tranh đấu sẽ liên tiếp nảy sinh; nếu nghi lễ đám hiếu mà bị phế bỏ, ân nghĩa của bậc hạ thần và người làm con sẽ bị phai nhạt, kẻ đi ngược lại với tổ tiên và kẻ bất trung bất hiếu sẽ ngày càng nhiều; nếu nghi lễ bang giao và chư hầu yết kiến mà bị phá bỏ, thân phận và địa vị cần phải có của quân và thần tất sẽ bị mất đi các tai họa như tạo phản, xâm chiếm láng giềng, v.v... sẽ từ đó mà sinh ra.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 233 ~

祭不欲數^①，數則煩，煩則不敬。祭不欲疏，疏則怠，怠則忘。

(卷七 禮記)

Chú thích:

(1) Nhiều lần.

Việt ngữ:

Việc cúng tế không được quá dày đặc, nếu quá dày đặc tất sẽ nảy sinh tâm trạng chán nản phiền toái, một khi đã có tâm trạng chán nản phiền toái tất sẽ không cung kính. Việc cúng tế cũng không thể quá thưa thớt, nếu thưa thớt quá, tất sẽ khiến cho người ta lơ là và khi lơ là, rồi dần dần sẽ quên mất tổ tiên.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 234 ~

凡音者，生人心者也。情動於中，故形於聲。聲成文，謂之音。是故治世之音，安以樂，其政和；亂世之音，怨以怒，其政乖^①；亡國之音，哀以思，其民困。

(卷七 禮記)

Chú thích:

(1) Bất thường, sai lầm.

Viết ngữ:

Phàm sự khởi nguồn của âm nhạc đều xuất phát từ tâm trạng con người. Sau khi tình cảm trỗi dậy từ nơi sâu thẳm trong tâm và biểu hiện ra ngoài, đó chính là phát ra âm thanh, khi âm thanh tạo nên giai điệu thì liền trở thành âm nhạc. Do vậy, âm nhạc của thời hưng thịnh thái bình sẽ an lành và hân hoan, vì nền chính trị khi đó bao dung và hài hòa; âm nhạc của thời loạn sẽ ai oán và phẫn uất, vì mệnh lệnh của triều đình đi ngược với ý trời và lòng dân; còn âm nhạc khi mất nước thì bi ai và ưu sầu, bởi muôn dân đang lâm vào cảnh khốn cùng.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 235 ~

音聲之道，與政通矣。言八音和否隨政。宮為君，商為臣，角為民，徵為事，羽為物。五者不亂，則無怠（本書怠作怙）。𪛗^①之音矣。五者，君、臣、民、事、物也。凡聲濁者尊，清者卑。怠𪛗，弊敗不和之貌也。宮亂則荒，其君驕。商亂則陂^②，其臣壞。角亂則憂，其民怨。徵亂則哀，其事動。羽亂則危，其財匱。五者皆亂，迭相陵^③，謂之慢。如此則國之滅亡無日矣。君、臣、民、事、物，其道亂，則其音應而亂也。

（卷七 禮記）

Chú thích:

- (1) Tương đương với “怙𪛗”, chỉ âm điệu không hài hòa.
“𪛗” [sé] mang nghĩa không êm ả, không hòa hợp;
- (2) Thiên lệch, lệch lạc không ngay thẳng;

(3) Cũng chính là “相凌” [tương lăng] , chỉ xâm phạm lẫn nhau.

Viết ngữ:

Tinh thần nội tại của âm nhạc có liên quan với chính trị. Âm ‘cung’ trong ngũ âm đại diện cho bậc quân vương, âm ‘thương’ đại diện cho bậc hạ thần, âm ‘giốc’ đại diện cho nhân dân, âm ‘chủy’ đại diện cho các loại sự việc và âm ‘vũ’ đại diện cho đồ vật. Năm đối tượng là quân - thần – dân - sự - vật nếu có thể hài hòa và không hỗn loạn, tất sẽ không xuất hiện những thanh âm bại hoại, bất hòa. Giả như âm ‘cung’ bị loạn nhịp, âm nhạc sẽ bị rời rạc và không tập trung, để phản ánh bậc quân vương kiêu ngạo, bảo thủ cố chấp, nên bậc hiền sĩ xa lánh. Một khi âm ‘thương’ mà bị loạn nhịp, âm nhạc sẽ bị nghiêng ngả siêu vẹo, để phản ánh các hạ thần và quan lại bại hoại, lợi dụng chế độ của đất nước mà mưu lợi. Còn khi âm ‘giốc’ mà bị loạn nhịp, âm nhạc sẽ tràn đầy ưu sầu, để phản ánh mệnh lệnh triều đình hà khắc và trăm họ oán than. Nếu âm ‘chủy’ bị loạn nhịp, âm nhạc sẽ bi ai thống khổ, để phản ánh công việc lao dịch không ngừng nghỉ và muôn dân thống khổ. Một khi âm ‘vũ’ bị loạn nhịp, âm nhạc sẽ nguy cấp và bất an, để phản ánh sưu thuế nặng nề, dẫn đến cảnh người dân thiếu thốn không no đủ. Nếu như cả ngũ âm đều bị loạn nhịp, trên dưới tất sẽ xung đột, xâm phạm lẫn nhau, gọi là ‘mạn âm’ – ý muốn nói nền chính trị của quốc gia kiêu ngạo mà lại chây ì. Như vậy, thời gian đất nước bị diệt vong sẽ không còn xa nữa. Do đó, bậc minh quân chân chính mà cầu phúc cho muôn dân, nhất định sẽ cảm nhận được tình

cảm của người dân từ trong âm nhạc, đề từ đó mà khiêm tốn điều chỉnh việc triều chính. (Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 236 ~

亂世之樂，為木革之聲，則若雷，為金石之聲，則若霆，為絲竹歌舞之聲，則若譟。譟，叫。以此駭心氣動耳目搖蕩生，則可矣；生，性。以此為樂，則不樂。不樂，不和。故樂愈侈，而民愈鬱，侈，淫也。鬱，怨也。國愈亂，主愈卑，則亦失樂之情矣。

(卷三十九 呂氏春秋)

Viết ngữ:

Âm nhạc của thời loạn, âm thanh khi diễn tấu bởi nhạc cụ làm từ gỗ, từ da sẽ giống như tiếng sấm; âm thanh khi diễn tấu bởi nhạc cụ làm từ đồng, từ đá sẽ giống như sét đánh bất ngờ và âm thanh khi diễn tấu ca múa bởi nhạc cụ làm từ trúc sẽ giống như tiếng gào thét. Dùng âm thanh như vậy để làm nhiễu loạn tinh thần con người, chấn động tai mắt, buông thả tư cách, lại có thể làm được. Nhưng dùng để diễn tấu âm nhạc, vậy thì không thể mang đến sự an lạc và hài hòa cho họ. Bởi vậy, âm nhạc mà càng xa hoa phóng túng, thì nhân dân càng uất ức, đất nước sẽ càng hỗn loạn, ngôi vị của bậc quân vương sẽ càng thấp hèn. Như vậy cũng sẽ làm mất đi ý nghĩa vốn có của âm nhạc mất rồi.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 237 ~

樂由中出，和在心也。禮自外作。敬在貌也。大樂必易，大禮必簡。易、簡、若於清廟大饗然也。

(卷七 禮記)

Việt ngữ:

Nếu âm nhạc xuất phát từ nơi sâu thẳm trong tim thì còn lẽ lại thể hiện ở hành vi bên ngoài. Âm nhạc vĩ đại tất phải bình dị và gần gũi với con người, nghi lễ trang nghiêm tất phải giản dị và thực tế.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

8. ÁI DÂN [THƯƠNG DÂN]

~ 238 ~

利天下者，天下亦利；害天下者，天下亦害之。……仁人在位，常為天下所歸者，無他也，善為天下興利而已矣。

(卷四十九 傅子)

Việt ngữ:

Người có thể làm lợi ích cho thiên hạ, người trong thiên hạ cũng sẽ làm lợi ích cho họ. Kẻ làm nguy hại cho thiên hạ, người trong thiên hạ cũng sẽ làm nguy hại

cho họ.... Khi người có nhân đức tại vị, người trong thiên hạ đều nường tựa vào họ, không có lý do nào khác mà chỉ bởi họ biết cách mưu cầu phúc báu và lợi ích cho người trong thiên hạ mà thôi.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 239 ~

所謂天子者，天下相愛如父子，此之謂天子。

(卷三十一 六韜)

Việt ngữ:

Người được gọi là thiên tử sẽ yêu thương người trong thiên hạ như con của mình và người trong thiên hạ cũng kính yêu họ như cha mình. Đây mới xứng đáng là bậc thiên tử.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 240 ~

天地養萬物，聖人養賢，以及萬民。

(卷一 周易)

Việt ngữ:

Trời đất dưỡng nuôi vạn vật, khiến vạn vật sinh sôi nảy nở. Còn bậc thánh nhân lại nuôi dưỡng bậc chí sỹ có đức tài song toàn, để họ vì nhân dân mà mưu cầu phúc báu và lợi ích, mang ân đức này để lợi ích muôn dân.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 241 ~

故善為國者，御^①民如父母之愛子，如兄之慈弟也。見之飢寒，則為之哀；見之勞苦，則為之悲。

（卷三十一 六韜）

Chú thích:

(1) Trị vì, thống trị.

Việt ngữ:

Bậc quân vương mà biết cách trị vì đất nước, khi lãnh đạo muôn dân như thể cha mẹ yêu thương các con mình, như bậc huynh trưởng yêu thương các em mình. Khi thấy muôn dân đói rét thì trong lòng quặn đau, khi thấy muôn dân cơ cực thì trong lòng thương cảm.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 242 ~

臣聞國之興也，視民如傷，是其福也；如傷，恐驚動。其亡也，以民為土芥^①，是其禍也。芥，草也。

（卷六 春秋左氏傳下）

Chú thích:

(1) Bùn đất cây cỏ, ví với những thứ thấp hèn, không đáng để quan tâm.

Việt ngữ:

Thần nghe nói sự hưng thịnh của quốc gia là bởi xem người dân giống như người bị thương cần mà được chăm sóc hơn nữa, đây chính là phúc báu của đất nước. Còn sự suy vong của quốc gia là bởi xem người dân giống như bùn đất cỏ cây mà khinh rẻ và chà đạp, đây chính là tai họa của đất nước.

(Cuốn 6. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* - Hạ)

~ 243 ~

堯存心於天下，加志於窮民，痛萬姓之罹^①罪，憂眾生之不遂^②也。有一民飢，則曰此我飢也；有一民寒，則曰此我寒之也；一民有罪，則曰此我陷之也。仁昭而義立，德博而化廣。故不賞而民勸，不罰而民治。先恕而後教，是堯道也。

(卷四十三 說苑)

Chú thích:

- (1) Gặp phải, bị;
- (2) Không đạt được một cách dễ dàng, không được như mong muốn.

Việt ngữ:

Vua Nghiêu đối với người dân trong thiên hạ đều có tấm lòng yêu thương, đặc biệt đối với người dân

nghèo khổ lại càng yêu thương hơn. Ngài đau lòng khi thấy muôn dân phải chịu phạt tội và lo lắng vì quần chúng không thể đạt được như ý muốn. Chỉ cần có một người chịu đói, ngài sẽ nói: Đây là do ta khiến họ bị đói. Nếu có một người chịu rét, ngài sẽ nói: Do ta khiến họ chịu lạnh. Nếu có một người phạm tội, ngài sẽ nói: Do ta gây ra việc họ phạm tội. Lòng nhân từ của vua Nghiêu được hiển lộ, bởi vậy muôn dân biết giữ đạo nghĩa. Ân đức lan rộng, khiến cho muôn dân đều được cảm hóa. Do vậy, dù không cần khen thưởng, mà người dân vẫn có thể khuyên bảo lẫn nhau; dù không dùng đến hình phạt, mà người dân vẫn giữ được đúng bổn phận. Trước tiên phải khoan dung độ lượng và biết cảm thông, sau đó mới giáo dục người dân, đây chính là phương pháp trị vì thiên hạ của vua Nghiêu.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 244 ~

子張問仁於孔子。孔子曰：「能行五者於天下，為仁矣。」請問之。曰：「恭寬信敏惠。恭則不侮，不見侮也。寬則得眾，信則人任焉，敏則有功，應事疾，則多成功。惠則足以使人。」

(卷九 論語)

Viết ngữ:

Tử Trương thỉnh giáo với Khổng Tử về chữ ‘nhân’.

Ngài đáp rằng:

- Nếu thực hành được năm phẩm chất đối với thiên hạ, được gọi là ‘nhân’.

Tử Trương lại hỏi:

- Xin hỏi là năm phẩm chất nào?

Không Phu Tử lại đáp:

- Cung – khoan – tín - mẫn - huệ. Nếu biết cung kính người, tất sẽ không bị xúc phạm; nếu biết khoan dung độ lượng với người, tất sẽ được đại chúng yêu mến; nếu làm một người thành tín, tất sẽ được người khác tín nhiệm; nếu làm việc cần mẫn nhạy bén, tất sẽ đạt được thành công; nếu có thể ban phát ân huệ rộng khắp cho người, vậy thì mọi người nhất định sẽ hết lòng mà tận trung vậy.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 245 ~

丘^①也聞有國有家者，不患寡，而患不均，不患土地人民之寡少，患政治之不均平。不患貧，而患不安。憂不能患民耳，民安國富。蓋^②均無貧，和無寡，安無傾。政教均平，則不患貧矣；上下和同，則不患寡矣；大小安寧，不傾危矣。夫如是，故遠人不服，則修文德以來^③之；既^④來之，則安之。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Là tên mà Không Tử tự xưng, Không Tử tên là [Khuru], hiệu là Trọng Ni;
- (2) Tiếp nối đoạn trên để chỉ nguyên nhân hoặc lý do;
- (3) Dẫn đến;
- (4) Đã.

Viết ngữ:

Không Tử nói rằng: “Ta từng nghe nói, chư hầu nắm lãnh thổ trong tay, bậc khanh đại phu mà có gia nghiệp, họ không lo sợ đất đai và nhân dân ít ỏi, chỉ lo của cải không được phân chia đồng đều; không lo lắng sự đói nghèo, chỉ lo trên dưới không thể yên ổn. Bởi vì, sự đồng đều sẽ có thể trở nên giàu có mà không còn nghèo đói, sự hài hòa sẽ có thể chiêu cảm người ở phương xa đến quy phục mà không còn cô quả nữa; khi muôn dân được an định tất sẽ không dẫn đến tai họa từ bên ngoài để từ đó có mối nguy bị lật đổ. Chân thành được như vậy mà người phương xa không đến quy phục, ta sẽ tu dưỡng văn hóa và đạo đức để chiêu cảm họ, chờ đến khi họ tới đây quy phục rồi, sẽ khiến cho cuộc sống của họ được an định.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 246 ~

今之所謂良吏者，文察^①則以禍其民，強力則以厲其下，不本法之所由生，而專己之殘心。

（卷四十二 鹽鐵論）

Chú thích:

(1) Dẫn dắt những điều luật nghiêm khắc và rườm rà để kiểm tra.

Việt ngữ:

Hiện nay, thứ được xem là một quan viên giỏi lại dùng đến những hình phạt và luật lệ hà khắc để gây tai họa cho muôn dân, dùng bạo lực cường quyền để tàn hại cấp dưới, không căn cứ theo tôn chỉ của luật pháp mà chỉ dựa vào tâm địa tàn nhẫn của chính mình để làm việc.

(Cuốn 42. Diêm Thiết Luận)

~ 247 ~

凡民有七亡：陰陽不和，水旱為災，一亡也；縣官重責，更賦租稅，二亡也；貪吏並公，受取不已，三亡也；豪強大姓，（姓下舊有家子，刪之。）蠶食無厭，四亡者；苛吏繇役^①，失農桑時，五亡也；部落鼓鳴，男女遮列^②，六亡也；盜賊劫略，取民財物，七亡也。七亡尚可，又有七死：酷吏毆殺，一死也；治獄深刻，二死也；冤陷

無辜，三死也；盜賊橫發，四死也；怨讎相殘，五死也；歲惡飢餓，六死也；時氣疾疫，七死也。民有七亡，而無一得，欲望國安誠難。民有七死，而無一生，欲望刑措誠難。

（卷十九 漢書七）

Chú thích:

- (1) Hoặc là “徭役”, thời xưa chỉ những lao dịch bị các quan phủ sai khiến và mang tính nghĩa vụ, như là xây thành, vá đường, bảo vệ làng xóm, v.v...;
- (2) Ngăn chặn, xếp hàng để chặn lại.

Viết ngữ:

Có bảy nguyên nhân khiến muôn dân phải lưu vong, đó là:

- 1) Âm dương không hòa hợp, hạn hán và lũ lụt xâm phạm và tổn hại muôn dân;
- 2) Quan phủ đòi hỏi quá đáng, sưu cao thuế nặng;
- 3) Tham quan xấu xa mượn cơ việc công để mưu lợi cá nhân, nhận hối lộ không ngớt;
- 4) Kẻ giàu có quyền thế chiếm đoạt tài sản của muôn dân, tham lam không biết chán;
- 5) Tầng lớp quan lại tàn nhẫn hà khắc chiêu mộ lao dịch làm lỡ thời vụ của nhà nông;

- 6) Làng mạc thôn xóm thường vang lên tiếng cảnh báo khiến tất cả nam nữ trong thôn xóm đều phải ra bảo vệ;
- 7) Đạo tặc hoành hành cướp đoạt tài sản của muôn dân.

Bảy tình trạng lưu vong này vẫn chưa được xem là vô cùng nghiêm trọng, lại còn có bảy tình huống bức ép người dân vào chỗ chết, đó là:

- 1) Tầng lớp quan lại tàn nhẫn đánh đập, sát hại muôn dân;
- 2) Việc xử án quá hà khắc;
- 3) Hàm oan và hãm hại người dân vô tội;
- 4) Tệ nạn cướp bóc tràn lan khắp nơi;
- 5) Kẻ thù oan gia tàn sát lẫn nhau;
- 6) Mùa màng thất bát, thu hoạch vô cùng tồi tệ, khiến muôn dân phải chịu cảnh đói khổ;
- 7) Dịch bệnh nhất thời hoành hành, người dân do bị truyền nhiễm mà mắc bệnh.

Muôn dân có bảy nguyên nhân phải lưu vong và không nhận được một chút lợi mà lại mong muốn làm cho đất nước được an định, thật sự là quá khó rồi. Muôn dân có bảy tình huống phải mất mạng và không có một cơ hội nhỏ nhoi để sinh tồn mà lại mong phá bỏ hình phạt và luật lệ để người dân được sống yên ổn, cũng quả thật là quá khó.

(Cuốn 19. *Hán Thư* – Tập 7)

9. DÂN SINH [AN SINH XÃ HỘI]

~ 248 ~

富國有八政：一曰，儉以足用；二曰，時以生利；三曰，貴農賤商；四曰，常民之業；五曰，出入有度；六曰，以貨均財；七曰，抑談說之士；八曰，塞朋黨之門。夫儉則能廣，時則農修，貴農則穀重，賤商則貨輕，有常則民壹，有度則不散，貨布^①則並兼^②塞，抑談說之士則百姓不淫，塞朋黨之門則天下歸本。知此八者，國雖小必王；不知此八者，國雖大必亡。

（卷五十 袁子正書）

Chú thích:

- (1) Phủ khắp, phân bố;
- (2) Hợp nhất, thôn tính.

Việt ngữ:

Có tám chính sách khiến cho quốc gia giàu mạnh, đó là:

- 1) Phải tiết kiệm, để khiến cho cuộc sống người dân được giàu có sung túc;
- 2) Nắm vững mùa vụ của nhà nông, để khiến cho nhân dân thu hoạch được dồi dào;
- 3) Chú trọng nông nghiệp, kiềm chế thương nghiệp;
- 4) Để người dân đều có nghề nghiệp ổn định;

- 5) Liệu cơm gạo nếp, chi tiêu có điều độ;
- 6) Dùng chính sách tiền tệ chuẩn xác để điều tiết của cải;
- 7) Ngăn chặn bàn luận viển vông;
- 8) Ngăn chặn con đường tạo bè kết đảng để mưu lợi riêng tư.

Nếu biết tiết kiệm, tài nguyên và của cải vận dụng sẽ được lâu dài; biết lao động canh tác theo mùa vụ, thu hoạch sẽ được đảm bảo; nếu chú trọng nông nghiệp, giá cả lương thực sẽ cao, kiềm chế thương nghiệp, giá cả hàng hóa sẽ thấp, có như vậy xã hội mới dễ dàng được ổn định; nếu nghề nghiệp ổn định, người dân làm việc mới chuyên tâm; việc chi tiêu có điều độ sẽ khiến cho tài sản không bị thất thoát; khi tài sản hàng hóa được phân bố đều, tất sẽ ngăn chặn được việc nảy sinh sự thôn tính; loại bỏ thói quen nhàn đàm sẽ khiến cho muôn dân không bị mê hoặc và hỗn loạn; chặn đứng con đường tạo bè đảng, thiên hạ tất sẽ quy phục bậc quân vương. Nếu hiểu được tám điều này, quốc gia tuy nhỏ, nhưng nhất định có thể xưng vương; còn nếu không hiểu tám điều này, quốc gia tuy lớn, sau cùng nhất định bị diệt vong.

(Cuốn 50. Viên Tử Chính Thư)

~ 249 ~

民有餘則輕之，故人君斂之以輕；民不足則重之，故人君散之以重。民輕之時，為斂籴之；重之時，官為散之。凡輕重斂散之以時，即準平，故大賈^①蓄家^②不得豪奪吾民矣。

（卷十四 漢書二）

Chú thích:

- (1) Thương nhân lớn;
- (2) Gia đình tích trữ tiền của tương đối nhiều.

Viết ngữ:

Dân chúng đôi lúc có dư thừa, vật giá sẽ tương đối thấp, khi đó quân vương sẽ thu mua với giá thấp; khi dân chúng không đủ tiêu dùng, vật giá sẽ tăng cao, khi đó quân vương sẽ bán lại với giá thấp. Nếu việc thu mua và bán ra với giá thấp mà đúng thời cơ lại kiểm soát phù hợp, cung và cầu tất sẽ được cân bằng, vật giá sẽ được ổn định, những thương nhân và nhà giàu đầu cơ tích trữ hàng hóa đó sẽ không thể ý thể cường đoạt lợi ích của người dân được nữa.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

10. PHÁP CỔ [HỌC THEO NGƯỜI XƯA]

~ 250 ~

學古入官，議事以制，政乃弗迷。言當先學古訓，然後入官治政，凡制事必以古義，議度終始，政乃不迷錯也。（卷二 尚書）

Việt ngữ:

Học tập theo lời chỉ dạy của người xưa mới có thể làm quan và trị vì triều chính, dựa vào pháp lệnh và chế độ của thời xưa để bàn bạc chính sự, nên chính trị mới không bị mê hoặc và nhầm lẫn.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 251 ~

野諺曰：前事之不忘，後事之師。是以君子為國，觀之上古，驗之當世，參以人事，察盛衰之理，審權勢之宜，去就有序，變化應時，故曠日長久，而社稷安矣。

(卷十一 史記上)

Việt ngữ:

Tục ngữ nói: “Hãy ghi nhớ sự giáo huấn và kinh nghiệm của quá khứ để làm bài học khi làm việc sau này”. Bởi vậy, bậc quân tử khi trị vì đất nước, phải soi xét lại lịch sử từ thời thượng cổ, lấy đó để kiểm chứng tình hình hiện tại, lại còn phải thông qua tình huống nhân sự để kiểm nghiệm thêm, từ đó để hiểu được quy luật của sự hưng thịnh và suy vong, thận trọng cân bằng quyền lực với tình thế thích nghi, tiếp nhận hay từ chối phải có trình tự, đồng thời căn cứ tình hình để xây dựng các sách lược tương ứng, từ đó chính sách được bền vững qua thời gian và rồi quốc gia mới được an định.”

(Cuốn 11. *Sử Ký* - *Thượng*)

~ 252 ~

武王問尚父曰：「五帝之戒可聞乎？」尚父曰：「黃帝之時戒曰，吾之居民上也，搖搖恐夕不至朝；堯之居民上，振振如臨深川；舜之居民上，兢兢如履薄冰；禹之居民上，慄慄恐不滿日；湯之居民上，戰戰恐不見旦。」王曰：「寡人今新并殷居民上，翼翼懼不敢怠。」

（卷三十一 陰謀）

Việt ngữ:

Chu Vũ Vương thỉnh giáo với Thượng Phụ:

- Liệu có thể nói cho trăm lời cảnh tỉnh đối với chính mình của năm vị hoàng đế thời xưa?

Thượng Phụ nói rằng:

- Lời cảnh tỉnh vào thời của Hoàng Đế rằng: “Ta lãnh đạo nhân dân, lo lắng bất an, chỉ e trời tối không được đến sớm mai”. Khi vua Nghiêu lãnh đạo nhân dân, luôn nơm nớp lo sợ như đang đi trên bờ vực thẳm; khi vua Thuấn lãnh đạo nhân dân, luôn cẩn trọng như đi trên mặt băng mỏng; khi vua Vũ lãnh đạo nhân dân, run rẩy mà e sợ việc trị vì không qua được ngày hôm nay; khi vua Thang lãnh đạo nhân dân, luôn kính cẩn và e rằng sẽ không thấy được lúc trời sáng.

Vũ Vương cũng nói rằng:

- Nay trẫm vừa mới sáp nhập nước Ân, đang ở trên dân chúng, nhưng phải cung kính cẩn trọng đối với họ, sợ hãi đề phòng mà không dám lơ là.

(Cuốn 31. Âm Muru)

11. CƯƠNG KỶ [KỶ CƯƠNG PHÉP NƯỚC]

~ 253 ~

天下之達道有五，其所以行之者三。曰君臣也，父子也，夫婦也，昆弟也，朋友之交也，五者，天下之達道^①也；智仁勇三者，天下之達德也。所以行之者一也。或生而知之，或學而知之，或困而知之，及其知之一也。或安而行之，或利而行之，或勉強而行之，及其成功一也。

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

(1) Chính là lễ thường giữa người với người trong thiên hạ từ cổ chí kim, tức là: giữa quân và thần phải có nghĩa tình, giữa cha và con phải có tình thân ái, vợ và chồng mỗi người một thiên chức, giữa người già và con trẻ phải có thứ bậc, giữa bạn hữu phải thành tín với nhau.

Viết ngữ:

Có năm đạo lý luân thường mà cả thiên hạ cùng tuân theo, nhưng có ba hình thức để thực tiễn. Quan hệ vua - tôi, cha - con, chồng – vợ, anh – em, bạn hữu, đây chính là đạo lý luân thường mà người trong thiên hạ cùng tuân theo; còn

trí tuệ, lòng nhân ái và lòng dũng cảm, đây là ba đức tính mà người trong thiên hạ cần phải có; việc thực hành những đạo lý và phẩm chất này, tất cả đều từ một chữ ‘thành’ để quán triệt từ đầu đến cuối. Những đạo lý trên, có những người sinh ra đã biết, có những người phải trải qua học tập mới biết, có những người phải hạ thủ công phu mới biết, cho đến khi hiểu rõ rồi thì đạo lý ở trong đó đều giống nhau. Có những người bình thần trong tâm mà thực hành, có những người vì muốn đạt được lợi ích mà thực hành, lại có những người phải miễn cưỡng mới đi làm, cho đến khi thành công rồi thì kết quả đều như nhau.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 254 ~

仁義禮樂、名法刑賞，凡此八者，五帝^①三王^②，治世之術也。故仁以導之，義以宜之，禮以行之，樂以和之，名以正之，法以齊之，刑以威之，賞以勸之。

(卷三十七 尹文子)

Chú thích:

- (1) Ngũ đế: là chỉ năm vị thánh vương từ thời cổ xưa, nhưng cách giải thích không giống nhau. Hoặc chỉ Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn; hoặc chỉ Thái Hạo (Phục Hi), Viêm Đế (Thần Nông), Hoàng Đế, Thiếu Hạo (Thế), Chuyên Húc; hoặc chỉ Thái Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân (Đế Khốc), Đường Nghiêu, Ngu Thuấn; hoặc chỉ Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn.

- (2) Tam vương, là chỉ ba bậc quân vương triều đại nhà Hạ, Thương, Chu. Nhưng cách giải thích cũng không giống nhau. Hoặc chỉ vua Vũ của nhà Hạ, vua Thang của nhà Thương và Chu Vũ Vương; hoặc chỉ vua Vũ của nhà Hạ, vua Thang của nhà Thương và Chu Văn Vương; hoặc chỉ vua Thang của nhà Thương, Chu Văn Vương và Chu Vũ Vương.

Viết ngữ:

Nhân – Nghĩa – Lễ – Nhạc – Danh – Pháp – Hình – Thưởng, tám biện pháp này chính là phương pháp mà *Ngũ Đế*¹⁷ và *Tam Vương*¹⁸ áp dụng để trị vì thiên hạ. Dùng tư tưởng nhân ái để dẫn dắt nhân dân phải ‘trung – thứ’ (đối với bản thân thì tận hết trách nhiệm, đối với người thì phải khoan dung và độ lượng) để đổi nhân xử thế; dùng đạo nghĩa để phán đoán những lý lẽ phù hợp với danh phận; đem lễ nghi để chuẩn mực hóa hành vi của người dân; dùng âm nhạc để điều chỉnh nhân tình thế thái và chung sống hòa thuận; dùng danh phận để

¹⁷ Ngũ Đế là chỉ năm vị thánh vương từ thời cổ xưa, nhưng cách giải thích không giống nhau. Hoặc chỉ Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khốc, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn; hoặc chỉ Thái Hạo (Phục Hi), Viêm Đế (Thần Nông), Hoàng Đế, Thiếu Hạo (Thế), Chuyên Húc; hoặc chỉ Thái Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân (Đế Khốc), Đường Nghiêu, Ngu Thuấn; hoặc chỉ Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn.

¹⁸ Tam Vương là chỉ ba bậc quân vương triều đại nhà Hạ, Thương, Chu. Nhưng cách giải thích cũng không giống nhau. Hoặc chỉ Hạ Vũ, vua Thương Thang và Chu Vũ Vương; hoặc chỉ vua Hạ Vũ, vua Thương Thang và Chu Văn Vương; hoặc chỉ vua ThươngThang, Chu Văn Vương và Chu Vũ Vương.

chỉnh đốn thân phận và địa vị của các tầng lớp; dùng pháp luật để thống nhất hành vi của nhân dân; dùng hình phạt để xây dựng uy tín và khiến người dân không dám làm việc ác; dùng sự khen thưởng để khuyến khích nhân dân làm việc thiện.

(Cuốn 37. *Doãn Văn Tử*)

~ 255 ~

仁者莫大於愛人，智者莫大於知賢，政者莫大於官能。有土之君，能修此三者，則四海之內供命而已矣。

(卷十 孔子家語)

Viết ngữ:

Người thật sự nhân từ không có gì hơn tấm lòng yêu thương mọi người, người anh minh sáng suốt không có gì hơn việc nhận biết nhân tài, người làm chính trị gia quan trọng nhất là biết tin dùng nhân sĩ có đức tài. Bậc quân vương đang tại vị và nắm lãnh thổ trong tay mà làm được ba việc này, vậy thì người trong thiên hạ sẽ cung kính tuân theo.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 256 ~

天子聽男教，后聽女順；天子理陽道，后治陰德；天子聽外治，后聽內治。教順成俗，外內和順，國家理治，此之謂盛德也。

(卷七 禮記)

Việt ngữ:

Bậc *thiên tử* lo việc giáo hóa người nam, và hoàng hậu lo việc giáo hóa những đức tính nhu hòa dịu dàng tốt đẹp cho người nữ; bậc *thiên tử* phụ trách những công việc cứng cỏi cương nghị, còn hoàng hậu phụ trách những việc nhu hòa mềm mại; bậc *thiên tử* trị vì tất cả việc triều chính đối ngoại, và hoàng hậu quản lý mọi việc nơi hậu cung. Việc giáo dục mà ở đó người nam thì lo việc bên ngoài, còn người nữ lo việc đối nội, đã hình thành nên phong tục mỗi người có một thiên chức, trong ngoài đều đạt được hài hòa và cung kính phục tùng, việc nước và việc nhà đều có thể được sắp xếp chín chu gọn gàng, đây chính là đức hạnh vĩ đại.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 257 ~

治天下有四術：一曰忠愛，二曰無私，三曰用賢，四曰度量。度量通，則財用足矣；用賢，則多功矣；無私，百智之宗也；忠愛，父母之行也。

(卷三十六 尸子)

Việt ngữ:

Việc trị vì thiên hạ cần tuân theo bốn phép tắc: Thứ nhất, phải thương dân một cách chân thành, thứ hai là phải chí công vô tư, thứ ba là phải trọng dụng bậc hiền tài và thứ tư là quy hoạch tài chính thu chi. Nếu tài chính thu chi được quy hoạch hợp lý, việc chi tiêu tất sẽ

được đủ đầy sung túc; nếu biết trọng dụng nhân tài, việc trị quốc tất sẽ đạt được nhiều thành tích; còn chí công vô tư là nền tảng của trí tuệ; nếu biết chân thành thương yêu nhân dân, tất sẽ thể hiện được việc làm thương dân như con vậy.

(Cuốn 36. *Thi Tử*)

~ 258 ~

倉廩實則知禮節，衣食足則知榮辱，上服度則六親固，四維張則君令行。四維不張，國乃滅亡。國有四維，一維絕則傾，二維絕則危，三維絕則覆，四維絕則滅。傾可正也，危可安也，覆可起也，滅不可復錯^①也。四維：一曰禮，二曰義，三曰廉，四曰恥。

(卷三十二 管子)

Viết ngữ:

Khi kho lương thực đầy đủ, nhân dân có được tích trữ thì mới có thể biết giữ gìn lễ nghĩa; khi cơm ăn áo mặc được sung túc, người dân không phải lo miếng cơm manh áo thì mới chú ý đến vinh – nhục; người ở địa vị trên nếu có thể tuân thủ phép tắc luật lệ, thân bằng quyến thuộc sẽ đoàn kết hòa thuận; bốn cương lĩnh cho việc thiết lập quốc gia mà có thể thực thi rộng rãi, đi sâu sát vào trong nhân dân, luật pháp của đất nước mới được lưu thông và không bị trở ngại. Nếu bốn cương lĩnh này không thể thực thi rộng rãi, đất nước tất sẽ bị diệt vong. Bởi vậy, việc thiết lập quốc gia có bốn cương lĩnh chính, nếu cương lĩnh thứ nhất

bị chấm dứt, quốc gia sẽ xiêu vẹo và bất an; nếu cương lĩnh thứ hai bị phá vỡ, đất nước sẽ lâm nguy; nếu cương lĩnh thứ ba bị phá vỡ, đất nước sẽ bị lật đổ; nếu cương lĩnh thứ tư bị phá vỡ, đất nước sẽ bị diệt vong. Nếu xiêu vẹo còn có thể dựng lại, nếu lâm nguy còn có thể dẹp yên, nếu lật đổ còn có thể chấn hưng, nhưng nếu bị diệt vong, thì không thể tái thiết lập được nữa! Vậy thì, bốn cương lĩnh đó chính là gì vậy? Thứ nhất là Lễ, thứ hai là Nghĩa, thứ ba là Liêm, thứ tư là Sĩ.

(Cuốn 32. *Quản Tử*)

~ 259 ~

是故古之聖王未有不尊師也，尊師則不論貴賤貧富矣。

(卷三十九 呂氏春秋)

Viết ngữ:

Bậc thánh vương đức độ thời xưa không có ai là không tôn trọng thầy giáo, mà đã tôn trọng thầy giáo sẽ không màng đến sự giàu – nghèo – sang – hèn của thầy.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 260 ~

湯曰：「何謂臣^①而不臣^②？」對曰：「君之所不名臣者四：諸父臣而不名；諸兄臣而不名；先王之臣，臣而不名；盛德之士，臣而不名；是謂大順也。」

(卷四十三 說苑)

Chú thích:

- (1) Hạ thần, cấp dưới;
- (2) Xem như hạ thần, sai khiến.

Việt ngữ:

Vua Thương Thang hỏi rằng:

- Những đại thần phò tá nào mà không xem là bậc thần?

Y Doãn đáp rằng:

- Người mà bậc quân vương không xem bậc thần là hạ thần, có bốn kiểu người: Chú bác của mình là đại thần sẽ không xem họ là hạ thần; các huynh trưởng là đại thần sẽ nhưng không xem họ là hạ thần; lão thần của phụ vương là đại thần sẽ không xem họ là thần; người đức cao vọng trọng là đại thần sẽ không xem họ là hạ thần. Đây chính là thuận theo đạo lý luân thường vậy.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 261 ~

子曰：「不在其位，不謀其政。」欲各專一於其職也。

(卷九 論語)

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Người quân tử khi không đảm nhiệm chức vị này, sẽ không tham gia vào việc lập kế hoạch cho những việc thuộc phạm vi của chức vị đó.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 262 ~

是以人君自任而躬^①事，則臣不事^②事矣。言君之專荷其事，則臣下不復以事為事矣。是君臣易位也，謂之倒逆，倒逆則亂矣。人君任臣而勿自躬，則臣事事矣。是君臣之順，治亂之分，不可不察。所謂任人者逸，自任者勞也。

(卷三十七 慎子)

Chú thích:

- (1) Địch thân;
- (2) Đảm nhiệm việc lớn.

Viết ngữ:

Bậc quân vương phạm việc gì cũng phải đích thân đi làm, vậy thì hạ thần sẽ không chủ động quản lý tốt công việc. Điều này chính là quân và thần hoán đổi vị trí với nhau hay còn gọi là vị trí thứ bậc bị đảo lộn, khi vị trí bị đảo lộn tất sẽ nảy sinh ra sự hỗn loạn. Bởi vậy, khi bậc quân vương tin dùng hạ thần rồi thì không phải tự thân đi làm nữa, như vậy bậc hạ thần sẽ người nào việc nấy, tận hết bốn phận và trách nhiệm để hoàn thành nhiệm vụ. Đây là quan hệ luân thường của vua tôi, bởi vậy khác biệt giữa thời thế hưng thịnh và thời loạn không thể không xác minh tỏ tường.

(Cuốn 37. *Thận Tử*)

~ 263 ~

政不可多門，多門則民擾。

(卷二十九 晉書上)

Viết ngữ:

Mệnh lệnh triều đình không thể do nhiều bộ phận ban bố, bởi như vậy sẽ khiến cho dân chúng bị lúng túng khó xử và khiến họ không biết phải làm sao.

(Cuốn 29. *Tấn Thư* - Thượng)

12. THƯỞNG PHẠT

~ 264 ~

古之明君，褒罰必以功過；末代闇主，誅賞各緣^①其私。

(卷二十三 後漢書三)

Chú thích:

(1) Tuân theo, thuận theo.

Viết ngữ:

Bậc minh quân thời xưa, khi khen thưởng hay trừng phạt đều phải căn cứ công trạng hoặc tội lỗi của người đó;

còn kẻ hôn quân mất nước thời mạt thế, khi xử trảm hay phong thưởng đều dựa theo cảm tính cá nhân.

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 265 ~

夫當賞者不賞，則為善者失其本望，而疑其所行；當罰者不罰，則為惡者輕其國法，而怙其所守。

(卷四十六 中論)

Viết ngữ:

Khi đáng được thưởng mà lại không thưởng, như vậy người hành thiện sẽ mất đi ước vọng vốn có mà hoài nghi hành vi của mình liệu có ý nghĩa hay không. Khi đáng bị trừng phạt mà lại không trừng phạt, như vậy kẻ làm việc xấu ác sẽ coi thường phép nước và không ngần ngại tiếp tục gây thêm tội ác.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 266 ~

先王之教，進賢者為上賞，蔽賢者為上戮。

(卷四十九 傅子)

Viết ngữ:

Theo lời dạy của bậc thánh vương thời xưa, người tiến cử nhân tài sẽ được trọng thưởng và kẻ cố ý vùi dập nhân tài sẽ bị trừng trị thích đáng.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 267 ~

爵祿者，*國柄*^①之本，而貴富之所由，不可以不重也。然則爵非德不授，祿非功不與。二教^②既立，則良士不敢以賤德受貴爵，勞臣不敢以微功受重祿，況無德無功，而敢虛干^③爵祿之制乎！

（卷四十九 傅子）

Chú thích:

- (1) Quyền lực của đất nước;
- (2) Chỉ hai chế độ thưởng phạt là ban tước vị và bổng lộc;
- (3) Đòi hỏi.

Viết ngữ:

Quan tước và bổng lộc là nền tảng của quyền lực quốc gia, là con đường đạt đến sự giàu sang, không thể không xem trọng cho được. Vốn đã như vậy, nếu người không có phẩm chất tốt đẹp thì không nên trao tặng tước vị, không có công lao thì không thể ban tặng bổng lộc. Khi chế độ thưởng phạt, trao tặng tước vị và bổng lộc đã được thiết lập, vậy thì bậc nhân sĩ đức độ sẽ không dám ỷ vào đức hạnh nông cạn mà nhận lấy tước vị cao quý, đại thần có công trạng sẽ không dám đem một chút công lao để nhận lấy bổng lộc hậu hĩ. Huống hồ kẻ không có đức hạnh, không một chút công lao nào dám đòi hỏi tước vị và bổng lộc chứ? (Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 268 ~

魏文侯問李克曰：「刑罰之源安生？」對曰：「生於奸邪淫佚之行也。凡奸邪之心，飢寒而起；淫佚者，文飾^①之耗。雕文刻鏤，害農事者也；文繡^②纂組^③，傷女功者也。農事害則飢之本，女功傷則寒之源也。飢寒並至，而能不為奸邪者，未之有也。男女飾美以相矜，而能無淫佚者，未嘗有也。……刑罰之起有源，人主不塞其本，而督^④其末，傷國之道也。」

（卷四十三 說苑）

Chú thích:

- (1) Dùng hoa văn đẹp để trang trí;
- (2) Thêu hoa văn trên đồ dệt may hoặc quần áo;
- (3) Băng thao (băng đeo chéo qua thân) màu đỏ;
- (4) Trị vì, chỉnh sửa.

Việt ngữ:

Ngụy Văn Hầu hỏi Lý Khắc rằng:

- Nguồn cơn nảy sinh hình phạt là thế nào?

Lý Khắc đáp lại:

- Hình phạt nảy sinh từ hành vi gian tà dâm dật. Phàm là tâm địa gian trá tà ác đều do đói rét bức bách mà ra; hành vi phóng đảng là do trang điểm quá mức mà trở nên xa xỉ và mục nát; rường cột chạm khắc cầu kỳ sẽ

phương hại đến việc sản xuất nông nghiệp; thêu dệt mà đòi hỏi lòng lầy sẽ làm bê trễ công việc của nữ công. Khi sản xuất nông nghiệp bị phương hại, sẽ là nguyên nhân nảy sinh của đói rét; khi làm bê trễ công việc của nữ công, sẽ là gốc rễ của sự giá lạnh. Khi cái đói và cái rét dồn dập, mà không có hành vi gian tà? Việc này chưa từng có. Khi nam nữ cùng trang điểm và phục sức để khoe khoang mà không có hành vi phóng đãng, việc này cũng chưa từng có.... Bởi vậy, việc nảy sinh hình phạt là có nguyên nhân, nếu bậc quân vương không ngăn chặn tận gốc mà chỉ trừng trị tội ác đã hình thành, đây chính là cách làm tổn hại quốc gia vậy.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

13. PHÁP LUẬT

~ 269 ~

先仁而後法，先教而後刑，是治之先後者也。

(卷五十 袁子正書)

Viết ngữ:

Phải thực thi nhân nghĩa trước rồi mới áp dụng luật pháp, tiến hành giáo hóa trước rồi mới sử dụng hình phạt. Đây chính là tuần tự quan trọng trong việc trị quốc. Đạo lý sâu xa thật không dễ hiểu, nhưng đạo lý trước mắt lại hiểu được dễ dàng. Bởi vậy, việc giáo hóa để lễ phép nhún nhường phải tiến hành bền bỉ và lâu

dài, còn việc áp dụng hình phạt lại phải rất nhanh. Đây chính là trình tự ưu tiên trong việc trị quốc.

(Cuốn 50. Viên Tử Chính Thư)

~ 270 ~

法非從天下，非從地出，發於人間，反己自正也。誠達其本，不亂於末；知其要，不惑於疑；有諸己，不非諸人；無諸己，不責於下；所禁於民者，不行於身。故人主之制法也，先以自為檢戒^{(戒作式) ①}，故禁勝於身，即令行於民矣。

(卷三十五 文子)

Chú thích:

(1) Tiêu chuẩn, pháp luật.

Viết ngữ:

Chế độ luật pháp không phải từ trên trời rơi xuống, cũng không phải từ dưới đất sinh ra, mà do con người đặt ra, chính là để ràng buộc mọi người phải chấn chỉnh bản thân. Quả thật khi đã thông hiểu tường tận đến tận gốc rễ, sẽ không vi phạm những sai lầm nhỏ nhặt; khi nắm bắt được cương lĩnh, sẽ không bị sự nghi hoặc khó hiểu khiến cho lúng túng khó xử. Khi chính bản thân bậc quân vương đã làm được, cũng sẽ không chỉ trích người khác không làm được; chính bản thân không làm được, càng không yêu cầu thần dân phải làm

được; những việc nghiêm cấm muôn dân không được làm, trước tiên chính bản thân phải không làm. Do vậy, khi bậc quân vương đặt ra pháp luật thì chính bản thân phải làm gương tuân thủ luật pháp đó, khi luật pháp và lệnh cấm đều được thực thi ở trên bản thân người lãnh đạo rồi, vậy thì mệnh lệnh triều đình tất có thể thực thi rộng rãi trong nhân dân mà không bị trở ngại.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 271 ~

凡我有官君子，欽乃攸司^①，慎乃出令，令出惟行，弗惟反。有官君子，大夫以上也。嘆而戒之，使敬所司。慎出令，從政之本也。令出必惟行之，不惟反改。二三其令，亂之道也。以公滅私，民其充懷^②。從政以公平滅私情，則民其信歸之。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Cung kính đối với công việc do các khanh phụ trách.
“欽” mang nghĩa cung kính, “乃” [nãi] chỉ các khanh, “攸” [du] chính là “所” [sở] (thuộc về), “司” [ti] chính là chịu trách nhiệm chính, quản lý;
- (2) Hướng về, quy phục.

Viết ngữ:

Chu Thành Vương từng nói rằng, phàm là quan viên các cấp của ta, đều phải cung kính đối với công việc do các

khánh phụ trách, phải thận trọng đối với mệnh lệnh do các khanh ban bố. Khi mệnh lệnh đã ban bố thì phải thi hành, không được sáng ban hành đến chiều tối lại sửa đổi. Phải dùng tâm chính trực mà gạt bỏ ân oán cá nhân hay cảm tình riêng tư, như vậy nhân dân sẽ tin tưởng mà quy phục.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 272 ~

《書》曰：「與殺不辜，寧失不經^①。」

(卷十七 漢書五)

Chú thích:

(1) Không phù hợp với luật pháp thông thường.

Việt ngữ:

Trong [*Thượng Thư*] có nói: “Thà vi phạm những lỗi lầm không phù hợp với luật pháp thông thường hơn là giết nhầm người vô tội”. Ý muốn nói rằng, khi xử án phải thể hiện được chính sách nhân đạo, các vị quan tư pháp phải có tấm lòng nhân đức, tránh để xảy ra án tù oan.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

~ 273 ~

子曰：「聽訟^①吾猶人。與人等。必也使無訟乎！」^{化之在前。}

(卷九 論語)

Chú thích:

(1) Xét xử kiện tụng, xử án.

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Việc xét xử vụ án kiện tụng, cách làm của ta cũng không khác biệt với người khác. Nhưng ta nhất định cố gắng để các án kiện tụng không phát sinh thì mới được.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

14. THẬN VŨ [VIỆC DỤNG BINH]

~ 274 ~

聖人之用兵也，將以利物，不以害物也；將以救亡，非以危存也。……故曰：好戰者亡，忘戰者危。

(卷四十七 政要論)

Việt ngữ:

Nguyên tắc dụng binh của bậc thánh nhân là để làm lợi ích cho vạn vật chứ không phải để tàn hại vạn vật; là để cứu vãn mối nguy của đất nước chứ không phải không dùng để làm nguy hại đến sự sinh tồn của nước khác... Bởi vậy mới nói, kẻ hiếu chiến tất sẽ đi đến diệt vong và lơ là không phòng bị tác chiến tất sẽ có nguy cơ.

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

~ 275 ~

兵者存亡之機，一死不可復生也。故曰：天下難事在於兵。

(卷五十 袁子正書)

Việt ngữ:

Việc dụng binh chính là mấu chốt trong sự sinh tử của nhân dân và sự tồn vong của đất nước, một khi bị chết trận sẽ không thể sống lại. Bởi vậy mới nói, việc khó trong thiên hạ chính là ở việc dụng binh.

(Cuốn 50. Viên Tử Chính Thư)

~ 276 ~

兵者不祥之器，兵革者，不善之器也。非君子之器。不得已而用之，謂遭衰逢亂，乃用之以自守也。恬惓^①為上，不貪土地，利人財寶。勝而不美。雖得勝不以為利美。而美之者，是樂殺人也。美得勝者，是為樂殺人也。夫樂殺人者，則不可以得志於天下矣。吉事上左，左生位。凶事上右。陰道殺也。偏將軍處左，偏將軍卑，而居陽者，以其不專殺也。上將軍處右，上將軍尊，而居右者，以其主殺也。言以喪禮處之。喪禮上右。殺人眾多，以悲哀泣之；傷已德薄，不能以道化人，而害無辜之民。戰勝則以喪禮處之。古者戰勝，將軍居喪主之位，素服而哭之，明君子貴德而賤兵，不得已誅不祥，心不樂之，此於喪也。

(卷三十四 老子)

Chú thích:

(1) Tương đương với “憺” [đảm], mang nghĩa điềm tĩnh, lãnh đạm.

Việt ngữ:

Phàm là binh khí, mũ áo giáp các loại đều không phải là những đồ vật tốt lành, không phải là thứ mà người

quân tử sử dụng. Vạn bất đắc dĩ mới phải dùng đến, tốt nhất hãy lấy sự thanh tịnh và điềm tĩnh là thượng sách, chứ đừng với tâm thế ngạo mạn tham lam, dẫu có đánh thắng trận thì cũng đừng tự vỗ ngực ta đây. Nếu còn cảm thấy đắc ý, đó là ưa thích việc giết chóc. Nếu còn ưa thích việc giết chóc, sẽ không thể thực hiện chí nguyện của họ trong thiên hạ. Việc tốt lành quý ở vị trí bên trái, việc hung hiểm lại thiên về vị trí bên phải. Phó tướng không phải là chủ lực tiến công thường ở bên trái của xe vũ khí, còn tướng quân dẫn đầu tiến công thường ở bên phải, ở đây ý muốn nói rằng việc ra quân đánh trận được sắp xếp theo nghi thức tang lễ. Nếu phải giết nhiều người trong chiến tranh, phải đối diện với tấm lòng thống khổ, dù đã đánh thắng trận, cũng phải dùng nghi thức tang lễ mà lo ổn thỏa việc hậu sự. Bởi vậy, bậc quân tử tôn sùng việc lấy đạo đức để thu phục người, lấy đạo để giáo hóa người, tuyệt đối không tùy tiện đi phát động chiến tranh.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 277 ~

師^①之所處，荊棘生焉。農事廢，田不修。大軍之後，必有凶年。天應之以惡氣，即害五穀也。

(卷三十四 老子)

Chú thích:

(1) Lữ đoàn (có khoảng 500 quân lính); quân đội.

Việt ngữ:

Những nơi mà quân đội từng đến, cuộc sống người dân khốn khổ, ruộng đất hoang vu và bụi gai mọc đầy. Bởi vậy, sau những cuộc chiến lớn, hòa khí bị tổn thương, ông trời dùng thời tiết khắc nghiệt để báo ứng, ắt sẽ có năm mất mùa.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 278 ~

十萬之師出，費日千金。故百戰百勝，非善之善者也；不戰而勝，善之善者也。

(卷三十七 尉繚子)

Việt ngữ:

Một đội quân với mười vạn quân chỉ mới xuất quân mà một ngày tiêu tốn đến hàng nghìn lượng vàng. Bởi vậy, dù có bách chiến bách thắng, cũng không được xem là thắng lợi về vang nhất; nếu không chiến mà thắng, đó mới là thắng lợi về vinh quang nhất.

(Cuốn 37. *Úy Liễu Tử*)

~ 279 ~

救亂誅暴，謂之義兵，兵義者王；敵加於己，不得已而起者，謂之應兵，兵應者勝；爭恨小故，不勝憤怒者，謂之忿兵，兵忿者敗；利人土地貨寶者，謂之貪兵，

兵貪者破；恃國家之大，矜民人之眾，欲見威於敵者，謂之驕兵，兵驕者滅。此五者，非但人事，乃天道也。

（卷十九 漢書七）

Việt ngữ:

Đẹp yên phản loạn, trừng trị quân chủ tàn bạo, đây được gọi là nghĩa quân, dụng binh kiên định với chính nghĩa, tất có thể xưng vương; khi quân địch tấn công phía ta, bắt đắ dĩ mà phải đứng lên chặn địch, đây được gọi là đội quân phản lực, bởi có tinh thần bảo vệ nước nhà tất có thể chiến thắng; nếu chỉ vì việc nhỏ mà tranh đấu hiếu thắng, không kiềm chế được sự phẫn nộ, đây được gọi phần quân, bởi do phần nộ mà dễ mất đi lý trí tất sẽ thua trận; thêm muốn đất đai, tài sản của nhân dân, đây được gọi là tham quân, chỉ có sự tham lam mà không có lương tâm tất sẽ tan hoang; ỷ vào thế nước lớn mạnh, huyênh hoang dân số đông đảo, muốn tỏ vẻ oai phong trước kẻ địch, đây được gọi là đội quân cao ngạo, bởi do kiêu ngạo tự mãn mà khinh địch tất sẽ bị tiêu diệt. Năm tình huống này không chỉ là nhân tình thế sự, mà còn là quy luật của đạo trời.

(Cuốn 19. *Hán Thư* – Tập 7)

~ 280 ~

故兵者國之大器，存亡之事，命在於將也。先王之所重，故置^①將不可不審察也。

（卷三十一 六韜）

Chú thích:

(1) Bổ nhiệm, nhận nhiệm vụ.

Viết ngữ:

Xuất quân dụng binh là việc đại sự của quốc gia, cũng chính là mấu chốt cho sự tồn vong của đất nước, vận mệnh đất nước và tính mạng của nhân dân đều đặt trên vai của tướng soái. Bởi vậy, tiên vương (chỉ Chu Văn Vương) đặc biệt chú trọng, khi bổ nhiệm tướng soái, không thể không xác minh thận trọng.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

15. TƯỚNG BINH [TƯỚNG VÀ QUÂN]

~ 281 ~

視卒如嬰兒，故可與之赴深谿；視卒如愛子，故可與之俱死。

(卷三十三 孫子)

Viết ngữ:

Đối với binh sĩ, phải quan tâm và chăm sóc tựa như trẻ nhỏ, có như vậy binh sĩ mới có thể đồng kham cộng khổ cùng tướng soái; đối với binh sĩ phải hết lòng yêu thương như con đẻ, có như vậy binh sĩ mới có thể vào sinh ra tử cùng tướng soái.

(Cuốn 33. *Tôn Tử*)

CHƯƠNG V
KÍNH THẬN
[KÍNH CÂN VÀ THẬN TRỌNG]

1. VI TIỆM [PHÒNG NGŨA]

~ 282 ~

積善之家，必有餘慶^①；積不善之家，必有餘殃。

（卷一 周易）

Chú thích:

(1) Ân đức.

Viết ngữ:

Nhà nào tích lũy nhiều việc thiện, tất sẽ mang lại ân đức cho con cháu đời sau; nhà nào tích chứa nhiều việc ác, tất sẽ đem lại tai họa cho con cháu đời sau.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 283 ~

善不積不足以成名，惡不積不足以滅身。小人以小善為無益而弗為也，以小惡為無傷而弗去也，故惡積而不可掩，罪大而不可解也。

（卷一 周易）

Viết ngữ:

Việc làm thiện nếu không tích lũy sẽ không đủ để tạo dựng thanh danh, việc làm ác nếu không tích chứa cũng không đến nỗi thân bại danh liệt. Kẻ tiểu nhân khi làm việc, luôn lấy mối quan hệ lợi hại làm điểm xuất

phát, cho rằng làm việc thiện nhỏ bé sẽ không đạt được lợi ích gì, liền bỏ đi mà không làm; cho rằng làm những việc ác nhỏ sẽ không phương hại đến đại cục, liền không sửa chữa. Do vậy, từng ngày từng tháng mà tích trữ, việc làm ác tích nhiều đến độ không thể che giấu, tội ác lớn đến nỗi không thể rũ bỏ.

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 284 ~

夫十圍之木，始生而如櫟^①，足可搔而絕，手可擢而拔，據其未生，先其未形也。磨礪^②砥礪^③，不見其損，有時而盡；種樹畜養，不見其益，有時而大；積德累行，不知其善，有時而用；棄義背理，不知其惡，有時而亡。

(卷十七 漢書五)

Chú thích:

- (1) Chồi cây mọc ra khi chặt thân cây, chỉ vật mới sinh nói chung;
- (2) Mài;
- (3) “砥”, đá mài kiểu nhỏ (dùi mài), “礪”, đá mài thô.

Viết ngữ:

Thân cây to lớn đến mười vòng ôm, chính là từ mầm non nhỏ bé mà lớn dần lên, khi đó chỉ dùng chân chạm nhẹ cũng có thể bị dập gãy, dùng tay day

nhẹ cũng có thể nhỏ lên được, bởi vì chúng vẫn chưa trưởng thành, vẫn chưa hình thành. Khi mài dao trên viên đá mài, sẽ không thấy đá bị mài mòn đi, nhưng đến một lúc nào đó, đá sẽ bị mòn hết; khi trồng cây và nuôi gia súc, sẽ không nhìn thấy chúng đang lớn lên, nhưng đến một thời gian nhất định, chúng đã lớn lên mà không hay biết; khi tích lũy nhân đức và hành thiện, đều không cảm giác được lợi ích của điều này, nhưng đến một thời gian nhất định, tất sẽ nảy sinh tác dụng; nếu vứt bỏ nhân nghĩa, đi ngược với ý trời, dù không cảm thấy được tác hại, nhưng đến một thời gian nhất định, tai họa sẽ giáng xuống chúng ta.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

~ 285 ~

傲不可長，欲不可從^①，志不可滿，樂不可極。此四者，慢遊之道，桀紂所以自禍也。

(卷七 禮記)

Chú thích:

(1) “從” chính là chữ “縱” thời cổ đại, mang nghĩa phóng túng.

Việt ngữ:

Tính ngạo mạn không thể đề tăng trưởng, tâm dục vọng không được nuôi chiều, chí hướng không được

quá đà với sự tự mãn, sự vui thích không thể không có tiết chế.

(Cuốn 7. *Lễ Kì*)

~ 286 ~

蓋^①明者遠見於未萌，知^②者避危於無形，禍固多臧^③於隱微，而發於人之所忽者也。

(卷十八 漢書六)

Chú thích:

- (1) Hư từ để nhấn mạnh ý của đoạn văn sau đó, không mang nghĩa cụ thể;
- (2) “知” chính là chữ “智” [trí] thời cổ đại, có nghĩa là thông minh, trí tuệ;
- (3) “臧” chính là chữ “藏” [tàng] thời cổ đại, mang nghĩa ẩn náu.

Viết ngữ:

Người hiểu biết sáng suốt đã có thể dự liệu từ khi sự việc còn chưa manh nha, người có trí tuệ đã biết lánh xa từ khi mối hiểm nguy chưa hình thành; tai họa phần lớn thường ẩn nấp ở nơi bí ẩn và vi tế, khi người ta lơ là, chúng sẽ xảy ra.

(Cuốn 18. *Hán Thư* – Tập 6)

~ 287 ~

子曰：「人而無遠慮，必有近憂。」

（卷九 論語）

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Một người nếu không có sự suy xét sâu xa, anh ta tất sẽ phải đối mặt với sự buồn khổ bất cứ khi nào mà không thể lường trước.” Ý muốn nói rằng, trên phương diện công việc, dầu lớn hay nhỏ, mục tiêu phải được tính toán một cách xa rộng, biện pháp phải chu đáo và tường tận, lại phải đề phòng nhân tố tiêu cực; trên phương diện làm người, cũng phải có chí hướng rộng lớn, kế hoạch lâu dài, nếu không sự buồn khổ sẽ hiện ngay trước mắt.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 288 ~

子曰：「危者安其位者也，亡者保其存者也，亂者有其治者也。是故君子，安不忘危，存不忘亡，治不忘亂，是以身安而國家可保也。《易》：『其亡其亡！繫于苞桑^①。』」

（卷一 周易）

Chú thích:

(1) Gốc cây dâu;

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Phàm là người chiêu cảm đến nguy hiểm, đều do trước đó thấy yên ổn với chức vị của mình; phàm là đất nước bị diệt vong là do trước đó tự cho rằng đất nước có thể trường tồn; phàm là đất nước bị hỗn loạn là do trước đó tự cho rằng đã được trị vì ổn định. Do vậy, bậc quân tử khi yên vị mà không quên có thể bị lật đổ, khi sinh tồn mà không quên có thể bị diệt vong, khi ổn định mà không quên có thể bị hỗn loạn, khi bản thân yên ổn, đất nước sẽ được giữ mãi. Trong [Kinh Dịch] cũng nói rằng: ‘Trong tâm phải luôn luôn cảnh giác: Sắp bị diệt vong rồi! Sắp bị diệt vong rồi! Vậy thì nền chính trị an định của thiên hạ sẽ ổn định như được buộc vào gốc cây dâu vững chắc vậy.’”

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 289 ~

禍兮福之所倚，倚，因，夫福因禍而生，人遭禍而能悔過責己，修善行道，則禍去福來。福兮禍之所伏，禍伏匿於福中，人得福而為驕恣，則福去禍來。孰知其極？
禍福更相生，無知其窮極時也。

(卷三十四 老子)

Việt ngữ:

Tai họa ư! Phúc báo kẻ ngay bên. Phúc báo ư! Tai họa đang ẩn bên trong đó. Liệu ai có thể biết được sự biến hóa khéo léo của chúng đây? Ý muốn nói rằng, người gặp

tai họa mà có thể tự kiểm điểm, đoạn ác tu thiện, thì họa đi và phúc sẽ đến; nếu người có phúc báu mà kiêu ngạo, xa xỉ và dâm dật, thì phúc đi và họa sẽ đến.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 290 ~

「教人曲突遠薪，固無恩澤；焦頭爛額，反為上客^①。」蓋傷其賤本而貴末，豈夫獨突薪可以除害哉？……後世多損於杜塞未萌，而勤於攻擊已成，謀臣稀賞，而鬥士常榮。

(卷四十四 桓子新論)

Chú thích:

(1) Đoạn văn này chính là diễn tích được trích từ [*Hán Thư* · Hoắc Quang Truyện]. Có vị khách đến chơi thấy ống khói của nhà chủ là dạng thẳng đứng, bên cạnh bếp lại chất một đống củi, nên có lòng tốt khuyên chủ nhà sửa ống khói thành dạng hình cong, và chuyển củi ra nơi khác để tránh xảy ra hỏa hoạn. Chủ nhà không nghe lời khuyên cáo, sau đó quả nhiên bị bén lửa, may nhờ có hàng xóm giúp đỡ dập lửa. Để cảm tạ hàng xóm, chủ nhà liền mở tiệc chiêu đãi những người đã cứu cháy giúp, nhưng lại quên không mời người đưa ra lời khuyên trên.

Viết ngữ:

“Khuyên người sửa ống khói, di dời củi rơm khô, mà không nghĩ đó là ơn nghĩa; kẻ cứu người đến độ cháy xém mặt mày, lại trở thành khách quý.”¹⁹ Đây là cảm giác thấm thía đạo lý đầu đuôi đảo ngược của người bị cháy nhà, đâu chỉ là việc sửa lại bếp, di dời củi rơm là có thể loại trừ được tai họa chứ? Người đời sau đa phần không cố gắng làm tốt công việc đề phòng tai họa mà lại ra sức đi cứu vãn hậu quả đã hình thành. Hạ thần mưu lược rất hiếm được ban thưởng, ngược lại chiến binh luôn được tôn sùng.

(Cuốn 44. *Hoàn Tử Tân Luận*)

~ 291 ~

玩人喪德，玩物喪志。以人為戲弄，則喪其德矣；以器物為戲弄，則喪其志矣。

(卷二 尚書)

Viết ngữ:

¹⁹ Đoạn văn này chính là điển tịch được trích từ [*Hán Thư* · Hoắc Quang Truyện]. Có vị khách đến chơi thấy ống khói của nhà chủ là dạng thẳng đứng, bên cạnh bếp lại chất một đống củi, nên có lòng tốt khuyên chủ nhà sửa ống khói thành dạng hình cong, và chuyển củi ra nơi khác để tránh xảy ra hỏa hoạn. Chủ nhà không nghe lời khuyên cáo, sau đó quả nhiên bị bén lửa, may nhờ có hàng xóm giúp đỡ dập lửa. Để cảm tạ hàng xóm, chủ nhà liền mở tiệc chiêu đãi những người đã cứu cháy giúp, nhưng lại quên không mời người đưa ra lời khuyên trên.

Không tôn trọng người khác, tùy tiện xem thường mà trêu đùa, tất sẽ đánh mất đạo đức mà con người cần có; chìm đắm vào những thứ mình yêu thích, đến nỗi không thể tự thoát ra được, tất sẽ mất đi chí hướng vốn có của mình.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 292 ~

箕子者，紂親戚也。紂為象箸，箕子歎曰：「彼為象箸，必為玉杯，為玉杯，則必思遠方珍怪之物而御^①之矣，輿馬宮室之漸，自此始，不可振也。」

(卷十一 史記上)

Chú thích:

(1) Sử dụng, ứng dụng.

Việt ngữ:

Cơ Tử là người thân thích của Trụ Vương. Khi Trụ Vương bắt đầu dùng đĩa bằng ngà voi, Cơ Tử than rằng: “Trụ Vương đã dùng đĩa bằng ngà voi, tiếp đến rồi sẽ dùng ngọc quý mà làm ly chén, khi đã làm được chén ngọc, tất sẽ còn khát vọng có được thứ quý hiếm ở phương xa cung cấp cho mình hưởng thụ, ngựa xe, cung điện rồi sẽ dần dần xa xỉ và hoa lệ. Bắt đầu từ đó, đất nước sẽ không thể đi lên, không thể cứu vãn được nữa.”

(Cuốn 11. *Sử Ký* - *Thượng*)

~ 293 ~

圖難於其易，欲圖難事，當於易時，未及成也。為大於其細。欲為大事，必作於小，禍亂從小來也。天下難事，必作於易；天下大事，必作於細。是以聖人終不為大，處謙虛也。故能成其大。天下共歸之也。

（卷三十四 老子）

Viết ngữ:

Mưu cầu việc khó phải bắt tay từ khi còn dễ, thực hiện mục tiêu to lớn lâu dài phải bắt đầu làm từ việc nhỏ nhất. Việc khó trong thiên hạ, buộc phải bắt tay từ khi còn dễ; việc lớn trong thiên hạ, buộc phải bắt đầu làm từ việc nhỏ. Bởi vậy, bậc thánh nhân trước sau đều không vỗ ngực tự cho là vĩ đại, chỉ thận trọng từng bước làm từ nơi nhỏ bé, sau cùng tất sẽ thành tựu việc lớn.

(Cuốn 34. Lão Tử)

~ 294 ~

爰曰：「王獨不聞魏文侯之問扁鵲耶？曰：『子昆弟三人，其孰最善為醫？』扁鵲曰：『長兄最善，中兄次之，扁鵲最為下也。』文侯曰：『可得聞耶？』扁鵲曰：『長兄於病視神，未有形而除之，故名不出於家。中兄治病，其在毫毛，故名不出於閭。若扁鵲者，鑱^①血脈，投毒藥，割肌膚，而名出聞於諸侯。』」

（卷三十四 鵲冠子）

Chú thích:

(1) Chích, dùi.

Viết ngữ:

Bàng Nảo hỏi rằng: “Đại vương lẽ nào chưa nghe nói việc Ngụy Văn Hầu từng hỏi Biển Thước hay sao? Ngụy Văn Hầu hỏi rằng: ‘Trong ba anh em nhà khanh, ai là chữa bệnh giỏi nhất?’ Biển Thước đáp rằng: ‘Anh cả giỏi nhất, rồi đến anh hai và thần là kém nhất.’”

Ngụy Văn Hầu lại hỏi: ‘Tại sao vậy? Có thể nói cho ta nghe không?’

Biển Thước lại đáp rằng: ‘Anh cả của thần khi chữa bệnh sẽ xem thần sắc của người bệnh và chữa khỏi từ khi bệnh tình còn trong giai đoạn ủ bệnh, bởi vậy, danh tiếng của anh ấy không vượt khỏi cửa nhà. Anh hai của thần chữa khỏi khi bệnh tình vừa mới phát tác, do vậy danh tiếng của anh hai không vượt khỏi đầu ngõ. Còn thần khi chữa bệnh, phải châm cứu để lưu thông huyết mạch, kê thuốc liều mạnh, lại dùng phẫu thuật để cứu chữa bệnh nhân, do đó danh tiếng của thần vang khắp chư hầu.’”

(Cuốn 34. *Hạt Quan Tử*)

2. PHONG TỤC [PHONG TỤC TẬP QUÁN]

~ 295 ~

眾賢和於朝，則萬物和於野。故四海之內，靡^①不和寧。

(卷十五 漢書三)

Chú thích:

(1) Không có.

Việt ngữ:

Khi chúng thần có tài có đức ở triều đình mà có thể hòa thuận bên nhau, vậy thì vạn sự vạn vật bên ngoài triều đình cũng có thể hài hòa và cùng tốt tươi. Do vậy, trong bốn biển không nơi nào mà không hòa bình và an định.

(Cuốn 15. *Hán Thư* – Tập 3)

~ 296 ~

百姓上下，睹利害之存乎己也，故肅恭其心，慎脩其行。有罪惡者無徼^①幸，無罪過者不憂懼，請謁^②無所行，貨賂無所用，則民志平矣，是謂正俗。

(卷四十六 申鑒)

Chú thích:

(1) Tương đương với “徼” [kiểu], mang nghĩa may mắn;

(2) thỉnh cầu, đòi hỏi.

Việt ngữ:

Từ bậc quan viên cho đến nhân dân, đều nhìn thấy sự lợi hại được mất có mối quan hệ mật thiết với hành vi của chính mình, từ đó trong tâm kính cẩn và cẩn trọng tu dưỡng đức hạnh. Kẻ có tội sẽ không có tâm cầu may để trốn tránh sự trừng phạt, người không có tội sẽ không lo lắng sợ hãi, kẻ muốn dựa vào quan hệ, đi đường bất chính sẽ không có cơ hội thực hiện, muốn tặng quà hối lộ cũng không giúp ích gì, có như vậy lòng dân mới hài hòa và không oán thán, đây tức là ‘thuân phong mỹ tục’.

(Cuốn 46. *Thân Giám*)

~ 297 ~

君臣親而有禮，百僚和而不同，讓而不爭，勤而不怨，*無事*^①唯職是司，此治國之風也。

(卷四十六 申鑒)

Chú thích:

(1) Không có biến cố. Thường chỉ không có chiến sự, thiên tai.

Việt ngữ:

Bậc vua tôi thân thiết mà lại tuân thủ phép tắc, bá quan hòa thuận mà không tùy tiện hòa theo, cùng khiêm

nhường mà không tranh giành công danh, siêng năng với việc nước mà không buông lời oán trách, khi không có biến cố, phải kiên định giữ tròn chức trách của chính mình, đây chính là tín hiệu cho sự thái bình an định của đất nước.

(Cuốn 46. *Thân Giám*)

~ 298 ~

古之進^①者有德有命，今之進者唯財與力。

(卷二十三 後漢書三)

Chú thích:

(1) Tiên thân làm quan, trở thành quan.

Viết ngữ:

Thời xưa tiên thân để làm quan, đều dựa vào việc tu dưỡng đức hạnh và cải tạo vận mệnh; còn nay làm quan, đều dựa vào việc hối lộ và thế lực để giành lấy công danh phú quý.

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 299 ~

民之過在於哀死而不愛生，悔往而不慎來。善^(善作喜)語乎已然，好爭乎遂事，墮^(墮下有於字)今日而懈於後旬，如斯以及於老。

(卷四十六 中論)

Chú thích:

(1) Dụ dỗ, lôi kéo.

Viết ngữ:

Sai lầm của con người là ở chỗ đau thương cho sự chết chóc nhưng lại không trân quý cuộc sống hữu hạn, thường hối hận về việc đã qua nhưng lại không cẩn trọng khi nghĩ về tương lai. Cứ luôn nói rằng “vốn đã như vậy rồi”, ưa thích tranh luận về chuyện quá khứ mà lơ là với hiện tại và lại càng uổng phí tháng ngày của tương lai. Cứ như vậy đến tận khi về già.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

3. TRỊ LOẠN [ĐỆP YÊN ĐỘNG LOẠN]

~ 300 ~

《黃石公記》曰：「柔能制剛，弱能制強。」柔者德也，剛者賊^①也。弱者仁之助也，強者怨之歸也。舍近謀遠者，勞而無功；舍遠謀近者，逸而有終。逸政^②多忠臣，勞政^③多亂民。故曰，務廣地者荒，務廣德者強。有其有者安，貪人有者殘。殘滅之政，雖成必敗。

(卷二十一 後漢書一)

Chú thích:

- (1) Có hại, tổn hại;
- (2) Nền chính trị có thể làm cho người dân an cư lạc nghiệp;
- (3) Nền chính trị trong đó sử dụng lao dịch quá nhiều.

Viết ngữ:

Trong [Hoàng Thạch Công Kí] nói rằng: “Nhu có thể điều phục được cương, yếu có thể thắng mạnh.” Nhu hòa là đức hạnh, cương cường là tai họa. Người mềm yếu sẽ chiêu cảm được sự giúp đỡ của các chí sĩ nhân nghĩa, kẻ cương cường dễ gặp phải oán hận. Kẻ chỉ biết mục tiêu xa mà bỏ gần, chỉ hao tổn sức lực mà không hề thu được lợi ích; người vì mục tiêu gần mà bỏ xa, tất sẽ được an nhàn mà nhận được kết quả tốt. Dưới nền chính trị an lạc thanh nhàn, nhiều trung thần sẽ xuất hiện; dưới nền chính trị lao dịch nặng nề, nhiều kẻ phản loạn sẽ xuất hiện. Bởi vậy mới nói, bậc quân vương mà chỉ biết chăm chú vào việc mở rộng lãnh thổ, việc triều chính tất sẽ bị hoang phế; còn bậc quân vương hết lòng thực thi chính sách nhân từ, đất nước tất sẽ được cường thịnh. Hài lòng với những gì mình có, trong tâm sẽ được an yên; tham thú những thứ của người khác, tất sẽ vì tàn bạo mà thất bại và dẫn đến diệt vong. Nền chính trị tàn bạo mà dẫn đến diệt vong, đâu có thành công nhất thời, rốt cuộc cũng sẽ bị thất bại.

(Cuốn 21. *Hậu Hán Thư* – Tập 1)

~ 301 ~

子曰：「五刑之屬三千，五刑者，謂墨劓剕宮（宮下舊有割字，刪之）大辟也。而罪莫大於不孝。要^①君者無上，事君，先事而後食祿，今反要君，此無尊上之道。非^②聖人者無法，非侮聖人者，不可法。非孝者無親。己不自孝，又非他人為孝，不可親。此大亂之道也。」事君不忠，侮聖人言，非孝者，大亂之道也。

（卷九 孝經）

Chú thích:

- (1) Bất chệt, uy hiếp;
- (2) Bôi nhọ, chế nhạo.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Điều lệ phạm tội được quy định trong năm hình phạt thời xưa có hơn ba nghìn mục, trong đó không tội gì lớn hơn tội bất hiếu. Kẻ uy hiếp bậc quân vương, trong mắt sẽ không có sự tồn tại của quân vương; kẻ bôi nhọ thánh nhân, trong lòng sẽ không có sự tồn tại của lễ giáo và phép tắc; kẻ phỉ báng người hiếu thuận, tức trong tâm không có sự tồn tại của cha mẹ. Ba kiểu người này đều là nguồn gốc khiến cho nên thiên hạ đại loạn.”

(Cuốn 9. Hiếu Kinh)

~ 302 ~

上下交征利^㉑而國危矣。征，取也，從王至庶人，各欲取利，必至於篡弑。

(卷三十七 孟子)

Chú thích:

- (1) Tranh giành lợi ích. “征” [chinh] mang nghĩa giành đoạt lấy.

Viết ngữ:

Từ bậc quân vương ở trên, cho đến thường dân ở dưới, tất cả đều tranh giành lợi ích, tất sẽ dẫn đến cảnh bề tôi giết quân vua để chiếm đoạt ngôi vị, như vậy đất

nước sẽ nguy hiểm rồi. Từ đây có thể thấy, nếu không giữ gìn đạo nghĩa mà chỉ xem trọng công danh lợi ích, thiên tai nhân họa sẽ khó mà tránh khỏi.

(Cuốn 37. Mạnh Tử)

~ 303 ~

哀公問於孔子曰：「寡人聞之，東益^①不祥，東益，東益宅也。信^②有之乎？」孔子曰：「不祥有五，而東益不與^③焉。夫損人而自益，身之不祥也；棄老而取幼，家之不祥也；釋^④賢而用不肖，國之不祥也；老者不教，幼者不學，俗之不祥也；聖人伏匿^⑤，愚者擅權，天下不祥也。故不祥有五，而東益不與焉。」

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Tăng thêm;
- (2) Quả đúng như vậy, thực sự;
- (3) Trong đó;
- (4) Phế bỏ, loại bỏ;
- (5) Ẩn náu, ẩn nấp.

Viết ngữ:

Lỗ Ai Công thỉnh giáo với Khổng Tử rằng:

- Ta nghe nói, mở rộng nhà cửa về phía đông thì không được tốt lành, có thật như vậy không?

Không Tử đáp rằng:

- Có năm việc không tốt lành, nhưng việc này lại không nằm trong số đó. Hại người để lợi mình, đó là sự không tốt lành của bản thân; ruồng bỏ người già và chỉ chăm lo con cái, đó là sự không tốt lành của gia đình; phế bỏ người có đức tài và tin dùng đồ hư đốn, đó là sự không tốt lành của đất nước; người già không dạy dỗ thế hệ sau, con trẻ không chịu học tập, đó là sự không tốt lành cho nếp sống xã hội; thánh nhân ẩn dật và không ra làm quan, kẻ ngu si lại chuyên quyền độc đoán, đó là sự không tốt lành của thiên hạ. Tựu chung, việc không tốt lành có năm loại, mà việc mở rộng nhà cửa về phía đông lại không bao gồm ở trong đó.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

4. GIÁN GIỚI [BÀI HỌC CẢNH GIÁC]

~ 304 ~

夫君者舟也，民者水也；水所以載舟，亦所以覆舟。君以此思危，則危可知矣。

(卷十 孔子家語)

Viết ngữ:

Bậc quân chủ tựa thể con thuyền, muôn dân lại như dòng nước trôi. Nước có thể đẩy con thuyền đi, nhưng

cũng có thể khiến con thuyền bị trôi dạt. Nếu bậc quân vương từ đây mà ngẫm nghĩ đến nguy cơ, vậy thì hiểm nguy không cần nói ra cũng có thể tưởng tượng được.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 305 ~

天子之子，不患不富貴，不患人不敬畏，患於驕盈^①不聞其過，不知稼穡^②之艱難耳。至於甚者，乃不知名六畜^③，可不勉哉！

(卷二十九 晉書上)

Chú thích:

- (1) Kiêu ngạo tự mãn;
- (2) Trồng cấy và thu hoạch, chỉ lao động nghề nông nói chung;
- (3) Chỉ sáu loài: ngựa, bò, cừu, gà, chó, lợn.

Viết ngữ:

Thái tử sắp kế thừa ngai vàng, không phải lo lắng sẽ không được giàu sang, không phải lo lắng không được người kính sợ, điều cần lo lắng là kiêu ngạo xa hoa quá đà, để rồi không nghe được những điều sai trái của mình, không hiểu được sự gian nan vất vả của lao động nghề nông. Điều quá đáng hơn nữa, ngay cả tên

của sáu loại gia súc gia cầm cũng không biết, đến như vậy mà vẫn chưa chịu cố gắng nỗ lực hơn sao?

(Cuốn 29. *Tấn Thư* - Thượng)

~ 306 ~

孟子曰：「*離婁子*^(無婁子之子)①之明，公^②*輸子*之巧，不以^③*規矩*，不能成方圓；*師曠*^④之聰，不以^⑤*六律*，不能正五音；堯舜之道，不以仁政，不能平治天下。^{言當行仁恩之政，天下乃可平。}……故曰，徒善不足以為政，徒法不能以自行。」^{但有善心而不行之，不足以為政。但有善法度，而不施之，法度亦不能獨自行。}

(卷三十七 孟子)

Chú thích:

- (1) Người có tầm nhìn rất tốt trong truyền thuyết (Ly Lôu Tử);
- (2) Công Du Ban, hay còn gọi là Lỗ Ban – người thợ giỏi nổi tiếng của nước Lỗ thời Xuân Thu. “班” hay “般” hoặc “盤”;
- (3) Hai dụng cụ để điều chỉnh hình tròn và hình vuông;
- (4) Sư Khoáng: Nhạc sư của nước Tấn thời Xuân Thu, giỏi về việc nhận biết âm;
- (5) Lục luật: Tương truyền rằng Linh Luân thời kỳ Hoàng Đế đã cắt trúc làm ống sáo, lấy độ dài ngắn của sáo để phân biệt sự cao – thấp – thanh – kêu của thanh âm,

âm điệu của nhạc khí đều lấy đó làm chuẩn. Nhạc luật có mười hai luật, âm và dương mỗi loại có sáu, dương là luật, âm là lữ. Sáu luật là hoàng chung, thái thiếu, cô tẩy, nhụy tân, di tắc, vô dịch.

Viết ngữ:

Mạnh Tử dạy rằng: "Dẫu có thị lực tuyệt vời như ngài Ly Lôu²⁰, có tài nghệ cao siêu như Công Du²¹, nếu không sử dụng com-pa và thước vuông cũng không thể vẽ được hình tròn và hình vuông một cách chuẩn xác; dẫu có khả năng nhận biết thanh âm như Sư Khoáng²², nếu không dựa vào Lục Luật²³, cũng không thể điều chỉnh ngũ âm; dẫu có tu dưỡng đạo đức của vua Nghiêu và vua Thuấn mà không thực thi nền chính trị nhân đức, cũng không thể trị vì được thiên hạ..... Bởi vậy mới nói, chỉ có tâm thiện vẫn chưa đủ để tham gia chính trị, chỉ có chế độ chính trị tốt, bản thân nó cũng không thể tự thực thi." (Cuốn 37. *Mạnh Tử*)

²⁰ Người có tầm nhìn rất tốt trong truyền thuyết - Ly Lôu Tử;

²¹ Công Du Ban hay còn gọi là Lỗ Ban – người thợ giỏi nổi tiếng của nước Lỗ thời Xuân Thu;

²² Nhạc sư của nước Tấn thời Xuân Thu, giỏi về việc nhận biết âm;

²³ Tương truyền rằng Linh Luân thời kỳ Hoàng Đế đã cắt trúc làm ống sáo, lấy độ dài ngắn của sáo để phân biệt sự cao – thấp – thanh – kêu của thanh âm và âm điệu của nhạc khí đều lấy đó làm chuẩn. Nhạc luật có mười hai luật, âm và dương mỗi loại có sáu, dương là luật, âm là lữ. Sáu luật là hoàng chung, thái thiếu, cô tẩy, nhụy tân, di tắc, vô dịch.

~ 307 ~

文王問太公曰：「君國主民者，其所以失之者，何也？」太公曰：「不慎所與也。人君有六守三寶。六守者，一曰仁，二曰義，三曰忠，四曰信，五曰勇，六曰謀，是謂六守。」文王曰：「慎擇此六者，奈何？」太公曰：「富之而觀其無犯，貴之而觀其無驕，付之而觀其無轉^{（轉作專）}，使而觀其無隱，危之而觀其無恐，事之而觀其無窮。富之而不犯者，仁也；貴之而不驕者，義也；付之而不轉者，忠也；使之而不隱者，信也；危之而不恐者，勇也；事之而不窮者，謀也。人君慎此六者以為君用。君無以三寶借人，以三寶借人，則君將失其威。大農大工大商，謂之三寶。六守長則國昌，三寶完則國安。」

（卷三十一 六韜）

Việt ngữ:

Chu Văn Vương thỉnh giáo với Khương Thái Công rằng:

- Bậc quân vương trị vì đất nước và nhân dân, đều muốn gìn giữ thiên hạ được lâu dài, nhưng do đâu lại dễ mất?

Thái Công đáp rằng:

- Đó là vì không thể cẩn trọng khi tuyển chọn nhân tài thích hợp. Phàm là bậc quân vương, cần phải

chú ý đến ‘lục thủ’ (sáu điều cần tuân thủ) để tuyển chọn và đề bạt nhân tài, đồng thời gìn giữ ‘tam báu’ (ba bảo bối) để thực thi sự nghiệp. Sáu điều cần tuân thủ: Thứ nhất là Nhân, thứ hai là Nghĩa, thứ ba là Trung, thứ tư là Tín, thứ năm là Dũng và thứ sáu là Mưu, đây chính là sáu điều cần tuân thủ.

Văn Vương lại hỏi:

- Làm thế nào để có thể thận trọng tuyển chọn người tài và phù hợp với sáu đức hạnh đây?

Thái Công lại đáp:

- Đem cho họ sự giàu có và quan sát liệu họ có vi phạm lễ nghĩa và phép tắc không? Đem cho họ địa vị cao quý và quan sát liệu họ có tự cao tự đại không? Giao cho họ trọng trách và quan sát liệu họ có độc đoán và chuyên quyền không? Để họ xử lý sự vụ và quan sát liệu họ có che giấu sự thật không? Để họ rơi vào tình thế nguy khốn và quan sát liệu họ có thể lâm nguy mà không sợ hãi không? Để họ xử lý biến cố chính trị và quan sát liệu họ có thể ứng biến khôn lường không? Khi giàu có mà không vi phạm phép tắc, tức là trong tâm đã có công lý, đây chính là ‘nhân’; khi ở địa vị cao quý mà không tự cao tự đại, tức là trong tâm đã hiểu rõ chuẩn mực của đạo đức luân lý, đây chính là ‘nghĩa’; khi được ban cho chức quyền mà không độc đoán chuyên quyền, tức là trong tâm đã có sự trung thành, đây chính là ‘trung’; khi xử lý sự vụ mà không che giấu sự thật, tức là trong tâm đã có sự thành tín, đây chính là ‘tín’; khi rơi vào tình thế nguy khốn mà không hề sợ hãi, tức là trong lòng đã có sự dũng mãnh

không khuất phục, đây chính là ‘dũng’; khi xử lý biến cố chính trị mà có thể ứng biến khôn lường, tức là trong lòng có mưu lược ứng biến, đây chính là ‘mưu’. Bậc quân vương cần thận trọng lựa chọn và đề bạt người có đủ sáu đức hạnh này, để rồi trọng dụng hơn nữa. Bậc quân vương không thể đem quyền xử lý ba bảo bối giao cho người khác, nếu giao cho người khác, quân vương sẽ dễ mất quyền uy. Ba bảo bối này là ba tổ chức kinh tế: nông – công – thương. Nếu bậc hiền tài có đủ sáu phẩm chất trên mà được đông đảo, đất nước sẽ phồn vinh và phát triển; nếu chế độ kinh tế gồm ba bảo bối được kiện toàn, đất nước tất sẽ được an định.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 308 ~

景公問晏子曰：「臨國^①蒞民^②，所患何也？」對曰：「所患者三：忠臣不信，一患也；信臣不忠，二患也；君臣異心，三患也。是以明君居上，無忠而不信，無信而不忠者，是故君臣無獄^{（無獄作同欲）}，而百姓無恐^{（恐作怨）}也。」

（卷三十三 晏子）

Chú thích:

- (1) Trị vì việc nước;
- (2) Quản lý muôn dân.

Việt ngữ:

Cảnh Công thỉnh giáo với Yến Tử rằng:

- Nắm giữ việc triều chính và quản lý nhân dân, điều cần lo lắng là gì?

Yến Tử đáp rằng:

- Điều cần lo lắng có ba việc:

- 1) Bậc thần trung thành ái quốc lại không được tín nhiệm, đây là mối lo thứ nhất;
- 2) Bậc thần được tín nhiệm lại không trung thành, đây là mối lo thứ hai;
- 3) Vua tôi không đồng lòng, đây là mối lo thứ ba.

Bởi vậy, khi có bậc quân vương hiền minh ở trên, sẽ không có trung thần không được tín nhiệm, cũng không có hiện tượng được tín nhiệm lại không trung thành, do vậy khi quân và thần đồng lòng, muôn dân cũng sẽ không có lời oán thán nữa.

(Cuốn 33. Yến Tử)

~ 309 ~

子墨子曰：「國有七患。七患者何？城郭^①溝池^②不可守，而治宮室，一患也；邊國至境，四鄰莫救，二患也；先盡民力無用之功，賞賜無能之人，三患也；仕者持祿，遊者憂佼^{（佼作反）} ^③，君脩法討臣，臣懼^④而不敢拂

⑤，四患也；君自以為聖智，而不問事，自以為安強而無守備，五患也；所信者不忠，所忠者不信，六患也；蓄種菽粟，不足以食之，大臣不足以事之，賞賜不能喜，誅罰不能威，七患也。以七患居國，必無社稷；以七患守城，敵至國傾。七患之所當，國必有殃。」

（卷三十四 墨子）

Chú thích:

- (1) Tường thành. “城” [thành] chỉ tường trong thành, “郭” [quách] chỉ tường ngoài thành;
- (2) Con sông chảy quanh thành phố để bảo vệ thành phố;
- (3) “忧佼” [ưu giáo], căn cứ theo bộ sách [*Mặc Tử Nhân Cổ*] của ngài Tôn Di Nhượng thời nhà Thanh, ghi là “爱佼” [ái giáo], mang nghĩa thích giao lưu riêng. “佼” tương đương với “交” mang nghĩa giao lưu, trao đổi;
- (4) Khiếp sợ;
- (5) Vi phạm, đi ngược lại với.

Viết ngữ:

Mặc Tử dạy rằng: “Đất nước có bảy mối nguy hại. Bảy mối nguy này là gì vậy?”

- 1) Thành quách trong ngoài đều không thể phòng ngự hiệu quả mà cứ đi lo xây dựng cung điện, đây là mối nguy thứ nhất;

- 2) Quân địch đã áp đảo đến biên cương mà các nước láng giềng không chịu cứu viện, đây là mối nguy thứ hai;
- 3) Sức dân thì tiêu tốn vào những việc vô bổ mà lại đi ban thưởng cho những kẻ bất tài, đây là mối nguy thứ ba;
- 4) Người làm quan chỉ cầu giữ bổng lộc cho vững, nhân sĩ du học chỉ màng đến việc kết giao bè bạn, quân vương sửa đổi luật pháp để trừng phạt chúng thần, chúng thần lại vì khiếp sợ mà không dám thẳng thắn khuyên gián, đây là mối nguy thứ tư;
- 5) Quân vương tự cho là anh minh trí tuệ mà không màng việc nước, rồi tự cho rằng đất nước yên ổn cường thịnh mà không chịu chuẩn bị phòng ngự, đây là mối nguy thứ năm;
- 6) Người mà quân vương tín nhiệm thì không trung thành, người trung thành với quân vương lại không được tín nhiệm, đây là mối nguy thứ sáu;
- 7) Lương thực dự trữ và trồng cây không đủ nuôi sống nhân dân, đại thần không đủ để gánh vác công việc, việc ban thưởng cũng không thể làm người ta vui, sự trừng phạt cũng không thể khiến người ta khiếp sợ, đây là mối nguy thứ bảy.

Khi việc trị quốc mà xuất hiện bảy mối nguy hại này, tất sẽ mất nước; việc bảo vệ thành trì mà xuất hiện bảy mối nguy

hại này, quân địch mà đến tất sẽ bị chiếm đóng. Bảy mối nguy này tồn tại ở nước nào, nước đó nhất định sẽ lâm nguy.”

(Cuốn 34. *Mặc Tử*)

~ 310 ~

十過：一曰，行小忠，則大忠之賊也。二曰，顧小利，則大利之殘也。三曰，行僻自用，無禮諸侯，則亡身之至也。四曰，不務聽治，而好五音，則窮身之事也。五曰，貪復喜利，則滅國殺身之本也。六曰，耽於女樂，不顧國政，則亡國之過也。七曰，離內遠遊，忽於諫士，則危身之道也。八曰，過而不聽於忠臣，而獨行其意，則滅高名，為人笑之始也。九曰，內不量力，外恃諸侯，則削國之患也。十曰，國小無禮，不用諫臣，則絕世之勢也。

(卷四十 韓子)

Việt ngữ:

Hàn Phi Tử - nhà tư tưởng theo trường phái Pháp Gia đã tổng hợp những sai lầm của bậc quân vương thành mười nội dung như sau:

- 1) Theo đuổi sự trung thành đối với cá nhân, tất sẽ tổn hại đến lòng trung thành đối với đại cục;
- 2) Chỉ lo lợi ích nhỏ, tất sẽ phá hỏng lợi ích lớn;
- 3) Hành vi gàn dở, nhưng lại tự cho mình tài giỏi, vô lễ đối với chư hầu, tất sẽ đi theo con đường tự dẫn đến diệt vong;

- 4) Không hết lòng vì việc nước mà chìm đắm trong tiếng nhạc, tất sẽ khiến cho bản thân rơi vào bước đường cùng;
- 5) Tham lam cố chấp, lại theo đuổi lợi ích cá nhân, đó là nguồn gốc của tai họa mất nước hại thân;
- 6) Chìm đắm trong nữ sắc và ca múa, không màng chính sự quốc gia, tất sẽ gặp tai họa mất nước;
- 7) Rời xa triều đình mà ngao du đến phương xa, phớt lờ lời khuyên can của đại thần, đó là cách làm gây nguy hại đến bản thân;
- 8) Phạm sai lầm mà không chịu nghe lời khuyên can của trung thần và khăng khăng làm theo ý mình, tất sẽ tự hủy hoại danh dự và là khởi đầu của việc bị người đời cười chê;
- 9) Không tiên liệu thực lực trong nước, lại ỷ vào các chư hầu bên ngoài, tất sẽ có mối nguy đất nước bị chia cắt;
- 10) Đất nước nhỏ bé mà không giữ lễ nghĩa, lại không trọng dụng những bậc thần chính trực khuyên gián, đó chính con đường hủy hoại thể hệ mai sau.

(Cuốn 40. Hàn Tử)

~ 311 ~

亡國之主必(必下有自字)驕，必自智，必輕物^①。自謂有過人智，故輕物，物，人也。

(卷三十九 呂氏春秋)

Chú thích:

(1) Người, nhiều người.

Viết ngữ:

Bậc quân vương mà dễ mất nước, nhất định là do tự cao tự đại mà thờ ơ xem thường bậc hiền tài; nhất định là do tự cho mình thông minh mà chuyên quyền độc đoán và cố chấp; nhất định là do khinh thường tất cả, bởi vậy nên chiêu cảm tai họa đến.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 312 ~

故禮煩則不莊，業眾則無功，令苛則不聽，禁多則不行。

(卷三十九 呂氏春秋)

Viết ngữ:

Lễ nghi quá rườm rà sẽ không thể trang nghiêm. Khi sự nghiệp quá nặng nề, thành tích sẽ không thể hiển hách. Khi mệnh lệnh quá hà khắc người dân sẽ không tuân theo và nếu lệnh cấm quá nhiều sẽ không thể chấp hành.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 313 ~

鳥窮^①則喙，獸窮則攫，人窮則詐，馬窮則逸^②。
自古及今，未有窮其下而能無危者也。

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

(1) Khốn cùng, quẫn bách;

(2) Trốn chạy.

Viết ngữ:

Con chim khi bị bức bách đến cảnh khốn cùng, tất sẽ dùng mỏ để đáp trả; con thú khi bị bức bách đến cảnh khốn cùng, tất sẽ dùng móng vuốt để tấn công; con người khi bị bức bách đến cảnh khốn cùng, tất sẽ nảy sinh hành vi lừa gạt và con ngựa khi bị bức bách đến cảnh khốn cùng, tất sẽ bỏ chạy. Từ xưa đến nay, không có việc thần dân bị ép đến đường cùng không lối thoát mà bậc quân vương lại tránh được hiểm nguy.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 314 ~

孔子曰：「君子有三戒；少之時，血氣未定，戒之在色；及其壯也，血氣方剛，戒之在鬥；及其老也，血氣既衰，戒之在得。」得，貪得也。

(卷九 論語)

Viết ngữ:

Không Tử dạy rằng: "Người quân tử có ba việc cần phải cảnh giác: Thuở thiếu niên, khí huyết chưa ổn định, cần phải cảnh giác và không được đem sinh lực phóng túng vào sắc dục; đến thời trai tráng, khí huyết sung mãn, cần phải cảnh giác và không được hiếu chiến ưa tranh đấu, phải nên đem sức lực và tinh thần này cho sự nghiệp chính đáng; đến khi về già, khí huyết đã suy yếu, cần phải cảnh giác và không được tham lam đến độ không biết chán."

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 315 ~

古人闔棺之日，然後誅^①行，不以前善沒^②後惡也。

(卷二十九 晉書上)

Chú thích:

- (1) Lời điều văn, bài diễn văn kể lại đức hạnh và công lao khi còn sinh tiền của người mất;
- (2) Che đậy.

Viết ngữ:

Người xưa sau khi đập nắp quan mới viết văn điều để tưởng nhớ và luận định phẩm chất, sẽ không đem những việc thiện trước đó để che đậy tội lỗi về sau.

(Cuốn 29. *Tấn Thư* - Thượng)

~ 316 ~

君子有三鑒：鑒乎前，鑒乎人，鑒乎鏡。前惟訓，人惟賢，鏡惟明。

(卷四十六 申鑒)

Viết ngữ:

Người quân tử có ba bài học, đó là: Bài học từ lịch sử, bài học từ con người và bài học từ tấm gương đồng. Câu chuyện lịch sử mà có thể làm tấm gương phải là những việc có thể trở thành chuẩn mực điển hình; người có thể làm tấm gương phải là bậc hiền nhân và tấm gương có thể làm bài học phải là tấm gương sáng.

(Cuốn 46. *Thân Gián*)

5. ỨNG SỰ [ĐỐI NHÂN XỬ THẾ]

~ 317 ~

位也者，立德之機^①也；勢也者，行義之杼^②也。聖人蹈機握杼，織成天地之化，使萬物順焉，人倫正焉。

(卷四十六 中論)

Chú thích:

- (1) Dụng cụ dệt vải;
- (2) Thoi dệt vải.

Viết ngữ:

Chức vị tựa thể khung cửi để thiết lập nhân đức và quyền thể tựa thể con thoi để thực thi đạo nghĩa. Bậc thánh nhân, chân thì đạp khung cửi và tay nắm chắc con thoi để dệt nên sự giáo hóa tốt đẹp trong đất trời, để khiến vạn vật trở nên hài hòa và mối quan hệ nhân luân được đoan chính.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 318 ~

故聖人深居以避害，靜默以待時。小人不知禍福之門，動作^(無作字)而陷於刑，雖曲^①為之備，不足以全身。

(卷三十五 文子)

Chú thích:

- (1) Xung quanh, nhiều phương diện, tường tận.

Viết ngữ:

Bậc thánh nhân thường ẩn mình để tránh tai họa, yên tĩnh trầm mặc để chờ đợi thời cơ. Kẻ tiểu nhân thường không biết họa phúc từ đâu đến, một khi hành

động liền phải nhận hình phạt, dẫu đem hết cơ mưu đề phòng bị mà cũng không thể bảo toàn tính mạng của chính mình.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 319 ~

子曰：「君子安其身而後動，易其心而後語，定其交而後求。君子修此三者，故全也。」

(卷一 周易)

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: "Người quân tử trước tiên phải khiến cho thân tâm chính mình được yên ổn, rồi mới có thể hành động; trước tiên phải thay đổi cách nhìn nhận mà nghĩ cho người, khiến cho chính mình tâm bình khí hòa, rồi mới mở lời; trước tiên phải thành tín đối với người, tạo dựng uy tín và danh dự, rồi mới có thể đưa ra yêu cầu. Nếu người quân tử tu dưỡng được ba điểm này, tất có thể chung sống hòa thuận với người và không đi ngược với luân lý đạo đức."

(Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 320 ~

孔子曰：「君子有九思：視思明，聽思聰，色思溫，貌思恭，言思忠，事思敬，疑思問，忿思難，見得思義。」

(卷九 論語)

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: "Người quân tử có chín phương diện đáng để suy ngẫm thận trọng. Khi quan sát, phải suy ngẫm liệu có được sáng tỏ; khi lắng nghe, phải suy ngẫm liệu có nghe được rõ ràng; đối với sắc mặt, phải suy ngẫm để biểu hiện được ôn hòa; đối với thái độ và dung mạo, phải suy ngẫm để khiêm cung và giữ lễ; khi phát ngôn, phải suy ngẫm để thành thật mà không dối trá; khi làm việc, phải suy ngẫm để được nghiêm túc và kính cẩn; khi nghi vấn, phải suy ngẫm để thỉnh giáo và đưa ra câu hỏi; khi nổi giận, phải suy ngẫm sẽ có mối họa về sau; mỗi thứ đạt được, phải suy ngẫm liệu có để phù hợp với đạo nghĩa."

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 321 ~

君子博學而淺^(大戴禮淺作辱)守之，微言而篤行^①之。行欲先人，言欲後人，見利思辱，見難思詬，嗜欲思恥，忿怒思患，君子終身守此戰戰^②也。

(卷三十五 曾子)

Chú thích:

- (1) Thực hiện một cách thiết thực, thực hành một cách chuyên chú;
- (2) Dáng vẻ thận trọng đề phòng, dáng vẻ khiếp sợ.

Viết ngữ:

Bậc quân tử tuy có đức hạnh cao đẹp và học vấn sâu rộng, nhưng luôn tự nhận mình còn nông cạn; lời lẽ chất phác và chỉ chú trọng vào hành động thiết thực. Khi hành động luôn đi trước người và lời nói lại ở sau người; với lợi ích có thể đạt được, phải ngấm nghĩ liệu có tự rước lấy sự hổ thẹn; khi đối diện với khó khăn, nếu muốn lùi bước để rút lui, phải ngấm nghĩ liệu có tự rước lấy lời nhục mạ; khi tham cầu hưởng thụ, phải ngấm nghĩ liệu có tự rước lấy nỗi nhục nhã; khi phần nộ và oán hận, phải ngấm nghĩ đến việc sẽ có tai họa. Bởi vậy, bậc quân tử trọn đời phải giữ được tâm thận trọng và cảnh giác này.

(Cuốn 35. *Tăng Tử*)

~ 323 ~

子曰：「君子欲訥於言，而敏於行。」訥，遲鈍也。言欲遲，行欲疾。

(卷九 論語)

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: "Bậc quân tử nói năng phải hết sức thận trọng, nhưng khi làm việc thì phải nhanh nhay." Từ đây có thể thấy, bậc quân tử chú trọng hành động thiết thực, không nói nhiều và cũng không nói suông.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 323 ~

凡事豫則立，不豫則廢。言前定則不跲^①，跲，躓。事前定則不困，行前定則不疚^②，疚，病。道前定則不窮。

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Ngắc ngư, đề chỉ ngôn ngữ bị trở ngại và không lưu loát;
- (2) Khó xử, hồ thẹn.

Viết ngữ:

Bất cứ việc gì mà trước đó có chuẩn bị, tất có thể thành công và nếu không có sự chuẩn bị, tất sẽ thất bại; trước khi nói mà chuẩn bị, tất sẽ không bị lúng túng như gà mắc tóc; trước khi làm việc mà có chuẩn bị, tất sẽ không nảy sinh khó khăn; kế hoạch trước khi thực hiện mà có sắp xếp, tất sẽ không xảy ra những điều sai lầm khiến phải hối hận; đối với đạo lý làm người, nếu trong tâm mà có chuẩn mực, tất sẽ không đến nỗi làm mà không thông.

(Cuốn 10. Khổng Tử Gia Ngữ)

~ 324 ~

子夏為莒父宰，問政。莒父，魯下邑也。子曰：「毋欲速，毋見小利。欲速則不達，見小利則大事不成。」事不可以速成，而欲其速則不達矣。小利妨大，則大事不成矣。

(卷九 論語)

Việt ngữ:

Tử Hạ khi còn làm huyện lệnh ở Cử Phụ đã xin thỉnh giáo với Khổng Phu Tử về việc chính sự. Ngài nói với ông rằng: "Việc chính trị không thể đòi hỏi thành công chóng vánh, không được để ý đến lợi ích vật vãn. Bởi vì, nếu quá vội vàng, sẽ phản tác dụng và không thể đạt được hiệu quả như mong muốn; nếu để ý đến lợi ích vật vãn, tất sẽ không thể thành tựu việc lớn.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 325 ~

嬰聞一心可以事百君，三心不可以事一君。故三君^①之心非一心也，而嬰之心非三心也。

(卷三十三 晏子)

Chú thích:

(1) Ba bậc quân vương mà Yên Tử từng phụng sự đó là Linh Công, Trang Công và Cảnh Công của nước Tề.

Việt ngữ:

Ta (Yên Anh) nghe nói rằng: “Nếu một lòng một dạ, tất có thể phụng sự hàng trăm vị quân vương, còn nếu ba tâm hai ý sẽ không phụng sự nổi một vị. Bởi vậy, dầu

tâm ý của ba vị quân vương²⁴ không đồng, nhưng tâm ta cũng không ba tâm hai ý.”

(Cuốn 33. Yến Tử)

~ 326 ~

國無九年之蓄，曰不足；無六年之蓄，曰急；無三年之蓄，曰國非其國也。三年耕必有一年之食，九年耕必有三年之食。以三十年之通^①，雖有凶旱水溢，民無菜色，然後天子食，日舉為樂。民無食菜之飢色，天子乃日舉樂以食也。

(卷七 禮記)

Chú thích:

(1) Tổng cộng, tính tổng.

Viết ngữ:

Đất nước nếu không có dự trữ cho chín năm, sẽ thuộc về tình trạng chi tiêu không đủ; nếu không có dự trữ cho sáu năm, sẽ thuộc về tình trạng nguy cơ tài chính và đến dự trữ cho ba năm cũng không có, vậy thì đất nước không còn là đất nước nữa rồi. Canh tác trong ba năm, nhất định phải có lương thực dự trữ cho một năm; canh tác trong chín năm, nhất định phải có dự trữ lương thực cho ba năm. Nếu tính cho ba mươi năm, cho dù bị mất mùa do lũ lụt hoặc hạn hán, nhân dân cũng

²⁴ Ba bậc quân vương mà Yến Tử từng phụng sự đó là Linh Công, Trang Công và Cảnh Công của nước Tề.

không đến nỗi phải chịu đói. Như vậy, bậc thiên tử hàng ngày đều có thể yên tâm dùng cơm trong tiếng nhạc rồi.

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)

6. THẬN THỦY CHUNG [THẬN TRỌNG TỪ ĐẦU CHÍ CUỐI]

~ 327 ~

慎終如始，則無敗事。終當如始，不當懈怠。

(卷三十四 老子)

Viết ngữ:

Thận trọng đối diện với kết quả cuối cùng của sự việc giống như khi mới bắt đầu, từ đầu chí cuối đều phải đối đãi cẩn thận trọng, như vậy mới sẽ không bị thất bại.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 328 ~

詩曰：「靡^①不有初，鮮^②克^③有終。」不能終善者，不遂其國(國作君)。

(卷三十三 晏子)

Chú thích:

- (1) Không, không có;
- (2) Ít;
- (3) Có thể.

Việt ngữ:

Trong [*Kinh Thi*] có nói: "Con người thuở ban đầu không ai là không húng khởi, nhưng rất ít người có thể kiên trì đến cùng". Bởi vậy mới nói, người không thể quán triệt chính sách nhân đạo từ đầu đến cuối, tất không thể trở thành một quân vương tốt.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

~ 329 ~

蒙^①以養正^②，聖功也。

(卷一 周易)

Chú thích:

- (1) Nhi đồng;
- (2) Tu dưỡng chính đạo.

Việt ngữ:

Ở thời kỳ nhi đồng mà bồi dưỡng phẩm chất đức hạnh thuần khiết không tà cho trẻ, đây là một sự nghiệp thiêng liêng. (Cuốn 1. *Chu Dịch*)

7. DƯỠNG SINH [CHĂM SÓC SỨC KHỎE]

~ 331 ~

治身，太上^①養神，其次養形。神清意平，百飭^②皆寧，養生之本也；肥肌膚，充腹腸，開^(開作供)嗜欲，養生之末也。

(卷三十五 文子)

Chú thích:

- (1) Tồi thượng, cao nhất;
- (2) Các khớp trong cơ thể con người.

Viết ngữ:

Đối với phương pháp của dưỡng sinh, điều tồi thượng vẫn là ở việc tu dưỡng tinh thần, sau đó mới đến bảo dưỡng thân thể. Khi thần khí sáng khoái, ý niệm bình hòa, tự nhiên toàn thân tự sẽ yên ổn, đây chính là đạo lý căn bản của dưỡng sinh; nếu chỉ là béo đẹp vẻ bề ngoài, ăn uống cho no bụng để thỏa mãn sở thích và dục vọng, đây là chỉ chú trọng vào việc nhỏ ở trên cảnh ngọn của dưỡng sinh mà thôi.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 331 ~

和神氣，懲^①思慮，避風濕，節飲食，適^②嗜欲，此壽考之方也。

(卷四十五 昌言)

Chú thích:

- (1) Kiềm chế, chế ngự;
- (2) Tiết chế, điều tiết.
- (3)

Việt ngữ:

Duy trì sự bình yên trong tâm hồn, kiềm chế âu lo, tránh sự thâm nhập của khí ẩm và tà khí, tiết chế ăn uống, kiểm soát thích hợp giữa sở thích và dục vọng. Đây chính là liều thuốc hay cho sự trường thọ.

(Cuốn 45. *Xương Ngôn*)

CHƯƠNG VI
MINH BIỆN
[SÁNG SUỐT]

1. CHÍNH - TÀ

~ 332 ~

子曰：「君子和而不同，小人同而不和。」君子心和，然其所見各異，故曰不同；小人所嗜好者同，然各爭利，故曰不和也。

（卷九 論語）

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: "Người quân tử chung sống với người, có thể hòa bình và nhẫn nhịn, nhưng kiến giải thì lỗi lạc, không giống với quần chúng; sự hiểu của kẻ *tiểu nhân* thì tầm thường, không khác với số đông, nhưng tâm tranh giành quyền lợi thì đặc biệt lớn, bởi vậy không thể làm việc hài hòa và cùng cộng sự với người, chỉ có thể gây nhiều loạn cho người khác mà thôi."

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 333 ~

子曰：「君子成人之美^①，不成人之惡。小人反是。」

（卷九 論語）

Chú thích:

(1) Thiện, tốt đẹp.

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: "Người quân tử thành toàn cử chỉ đẹp cho người, chứ không thỏa hiệp với việc ác của họ. Kẻ tiểu nhân thì ngược lại, thấy người làm việc thiện thì đố kỵ, nhưng khi làm việc xấu ác lại tán dương. Đây là điều mà đất trời không dung thứ."

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 334 ~

君子掩人之過以長善，小人毀人之善以為功。

(卷四十八 體論)

Việt ngữ:

Người quân tử giấu đi lỗi lầm của người khác để tăng trưởng đức tính nhân hậu của bản thân. Kẻ tiểu nhân lại bôi nhọ tâm thiện và việc làm thiện của người khác để nâng cao chính mình.

(Cuốn 48. *Thế Luận*)

~ 335 ~

子貢曰：「君子亦有惡乎？」子曰：「有惡。惡稱人惡者，好稱說人惡，所以為惡也。惡居下流而訕上者，訕，謗毀也。惡勇而無禮者，惡果敢而窒者。」窒，塞。

(卷九 論語)

Viết ngữ:

Tử Cống thỉnh giáo với Khổng Phu Tử rằng:

- Người quân tử cũng có điều căm ghét chẳng?

Khổng Phu Tử đáp lại:

- Có căm ghét. Người quân tử ghét kẻ ưa kẻ lẽ lỗi lầm của người khác, bởi làm người thì nên bao dung và giấu đi lỗi lầm của người mà tuyên dương việc thiện của người. Họ ghét kẻ ở địa vị dưới thấp mà bôi nhọ người ở địa vị trên cao, bởi khi cấp trên có sai lầm, phải nên khuyên can chứ không được gièm pha sau lưng, nếu vẫn không tiếp thu thì có thể rời xa, chứ đi gièm pha sau lưng sẽ đánh mất lòng trung thành và khoan dung. Họ ghét kẻ hữu dũng nhưng lại không tuân thủ phép tắc, bởi sẽ dễ khiến người ở dưới phạm thượng. Họ ghét kẻ quyết đoán nhưng lại không hiểu sự tình, bởi như vậy thường dễ thất bại, mà lại gây tổn hại cho người.²⁵

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

²⁵ Chúng ta nên tránh vạch trần hành vi sai trái của người khác, và nên gieo hạt giống tốt nhiều nhất mà chúng ta có thể. Khi cấp dưới nhìn thấy lỗi sai của cấp trên thì nên đưa ra một số đề nghị để giúp lãnh đạo thay đổi. Nếu người lãnh đạo vẫn kiên định với cách thức của họ, cấp dưới có thể lựa chọn cách từ chức. Nhưng nếu đi gièm pha cấp trên sau lưng họ, đó lại không phải là điều vinh dự. Sự dửng dưng căm mà không phù hợp với lễ nghĩa, sẽ dễ ép người buộc phải nổi loạn chống lại lãnh đạo; sự cương quyết mà không có lý do thích đáng, không chỉ gây ra sự đổ nát mà còn gây tổn hại cho người.

~ 336 ~

君子心有所定，計有所守；智不務^①多，務行其所知；行不務多，務審其所由；安之若性，行之如不及。小人則不然，心不在乎道義之經，口不吐乎訓誥^②之言，不擇賢以託身，不力行以自定，隨轉如流，不知所執。

（卷四十八 體論）

Chú thích:

- (1) Theo đuổi, mưu cầu;
- (2) Chỉ lời lẽ dạy dỗ và khuyên cáo nói chung.

Viết ngữ:

Người quân tử trong tâm có sứ mệnh và niềm tin kiên định, mỗi lần nghĩ suy hay mưu lược điều gì đều có thể kiên định và giữ vững chuẩn mực. Đạo lý và trí tuệ không tham cầu nhiều, chỉ cần hiểu được rồi thì nhất định sẽ hành động thiết thực; hành động không cầu ở nhiều, nhưng trước khi thực hiện nhất định phải suy ngẫm về lý do của việc làm đó. Tâm an trú trong những niềm tin tốt đẹp, sẽ tự nhiên mà không miễn cưỡng tựa như thiên tính; khi thực hiện, lại lo âu sẽ không kịp mà nỗ lực tinh tấn. Kẻ tiểu nhân thì không như vậy, tâm tư không đặt ở chuẩn mực của đạo nghĩa, miệng không thể nói ra những lời khuyên răn khuyến khích, không lựa chọn bậc hiền sĩ để thân cận học hỏi và nương nhờ thân tâm, không cố gắng thực hành đạo đức để khiến tâm

hồn của chính mình được an định mà chỉ biết hòa theo trào lưu và không biết mình nên làm gì.

(Cuốn 48. *Thế Luận*)

2. NHÂN TÌNH [NGUYỆN VỌNG CỦA NHÂN DÂN]

~ 337 ~

人有六情^①，失之責亂，從之則睦。故聖王之教其民也，必因^②其情，而節之以禮；必從其欲，而制之以義。義簡而備，禮易而法，去情^③不遠，故民之從命也速。

(卷八 韓詩外傳)

Chú thích:

- (1) Sáu thứ ham muốn của con người, căn cứ bộ sách [Hàn Thi Ngoại Truyện] – Cuốn 5 có nói: “Con người có sáu trạng thái: Mắt muốn nhìn được màu sắc đẹp, tai muốn nghe âm cung - thương (âm thanh vui nhộn), mũi muốn ngửi hương thơm, miệng muốn nếm vị ngon, tứ chi của cơ thể lại muốn được yên mà không phải làm, áo quần muốn hoa văn thêu thùa nhưng lại nhẹ nhàng ấm áp. Sáu thứ này, cũng chính là sáu trạng thái tình cảm của người dân.”
- (2) Thuận, thuận theo;
- (3) Khoảng cách.

Việt ngữ:

Con người có sáu cung bậc cảm xúc: Vui, buồn, yêu, ghét, đau khổ và hạnh phúc. Nếu đi ngược lại, đất nước sẽ rối loạn, nhưng nếu thuận theo một cách hợp lý tất có thể mang lại sự hài hòa. Do vậy, bậc thánh vương khi giáo hóa nhân dân, nhất định sẽ dựa vào nhân tình thế thái mà dùng lễ pháp để tiết chế; cũng nhất định sẽ thuận theo nguyện vọng của nhân dân mà lấy đạo nghĩa để chuẩn mực hóa. Nghĩa lý giản đơn dễ hiểu nhưng kiện toàn, lễ pháp dễ thực hành nhưng có quy tắc, lại không rời xa mong muốn của con người. Bởi vậy, người dân rất dễ dàng mà tuân thủ luật pháp quốc gia.

(Cuốn 8. *Hàn Thi Ngoại Truyện*)

~ 338 ~

今彼有惡而已不見，無善而已愛之者，何也？智不周^①其惡，而義不能割其情也。

(卷四十七 劉廙政論)

Chú thích:

(1) Khấp, trải khắp.

Việt ngữ:

Cận thần ở bên phụng sự bậc quân vương có hành vi bất lương mà quân vương lại không thấy được, họ không làm những việc tốt có lợi ích cho đất nước nhưng lại được quân vương ân sủng, nguyên nhân do đâu vậy?

Bởi vì, trí tuệ của quân vương khó mà thấy hết được mặt xấu ác của cận thần và quyết tâm thực thi đạo nghĩa vẫn chưa thể không thể đạt đến cảnh giới gạt bỏ tình riêng.

(Cuốn 47. *Lưu Dực Chính Luận*)

~ 339 ~

行善者則百姓悅，行惡者則子孫怨。是以明者，
可以致^①遠，否者以失近。

(卷四十 新語)

Chú thích:

(1) Chuốc lấy, gây ra.

Viết ngữ:

Khi bậc quân vương có thể thực thi nền chính trị nhân đạo, trăm họ sẽ mừng vui và nếu bậc quân vương làm việc xấu ác, đến cả con cháu cũng sẽ oán than. Bởi vậy, khi bậc quân vương hiểu rõ đạo lý này, có thể khiến người phương xa cũng đến quy phục mà sức ảnh hưởng lại được lâu dài; giả như đi ngược lại, đến người thân cận nhất cũng sẽ dễ mất đi.

(Cuốn 40. *Tân Ngữ*)

~ 340 ~

我聞忠善以損怨，為忠善，則怨謗息也。不聞作威以防怨。欲毀鄉校，即作威也。

(卷五 春秋左氏傳 中)

Việt ngữ:

Ta nghe nói lòng trung thành và thiện lương có thể giảm thiểu lời oán thán và phê bình của nhân dân, chứ chưa từng nghe nói ý vào uy quyền mà ngăn chặn được sự oán hận.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện - Trung*)

~ 341 ~

周公謂魯^①公曰魯公，周公之子，伯禽也。：「君子不施其親，
施，易也，不以他人之親，易己之親。不使大臣怨乎不以^②以，用也，怨不見聽用也。。
故舊無大故，則不棄也。無求備於一人。」大故，謂惡逆之事也。

(卷九 論語)

Chú thích:

(1) Lỗ Công: Con trai của Chu Công – Bá Cầm. Ban đầu Chu Vũ Vương ban nước Lỗ cho người em trai là Chu Công Đán, sau đó do Chu Công phải ở lại phò tá *thiên tử* mà sửa lại và ban cho con trưởng của Chu Công – Bá Cầm làm chư hầu nước Lỗ;

(2) Bổ nhiệm.

Việt ngữ:

Chu Công nói với con trai là Bá Cầm²⁶ rằng:
"Người quân tử không thờ ơ với thân bằng quyến thuộc,

²⁶ Cũng được gọi là Lỗ Công - con trai của Chu Công. Ban đầu Chu Vũ Vương ban nước Lỗ cho người em trai là Chu Công Đán, sau đó

cũng đừng để đại thần phải oán trách vì không được trọng dụng. Đối với lão thần và cố hữu, nếu không phạm tội ác trầm trọng, thì đừng nên ruồng bỏ họ. Đối với người và việc, không nên yêu cầu phải toàn mỹ và không có thiếu sót."

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 342 ~

君子所惡乎異者三：好生事也，好生奇也，好變常也。好生事則多端而動眾，好生奇則離道而惑俗，好變常則輕法而亂度。故名不貴苟傳，行不貴苟難。純德無慝^①，其上也；伏而不動，其次也；動而不行，行而不遠，遠而能復，又其次也；其下遠而已矣。（已矣作不近也三字。）

（卷四十六 申鑒）

Chú thích:

(1) Tà ác.

Viết ngữ:

Hành vi khác thường mà bậc quân tử chán ghét có ba loại, đó là:

1) Thích sinh sự gây chuyện;

do Chu Công phải ở lại phò tá *thiên tử* mà sửa lại và ban cho con trưởng của Chu Công – Bá Cầm làm chư hầu nước Lỗ;

- 2) Thích bịa đặt những điều huyền bí kỳ quái;
- 3) Thích thay đổi phép tắc đã quy định.

Khi thích sinh sự gây chuyện, tất sẽ gây ra rắc rối mà náo loạn quần chúng; khi thích bịa đặt những điều huyền bí kỳ quái, tất sẽ xa rời kinh giáo mà đảo lộn thuần phong mỹ tục; khi thích thay đổi phép tắc đã quy định, tất sẽ coi thường luật pháp mà làm nhiều loạn chế độ. Bởi vậy, đối với danh tiếng, đừng nghĩ vì lan truyền mà được lợi trước mắt là tốt; đối với hành vi, đừng cho rằng miễn cưỡng làm được việc khó là tốt. (Chỉ có tuân thủ lễ nghĩa mới là điều đáng quý.) Đức hạnh thuần khiết đúng đắn không một chút lệch lạc, đây là mới bậc tối thượng; có thể kiềm chế được ý niệm xấu ác để tâm không nghĩ xằng bậy, đây là bậc kém hơn; tâm có vọng niệm mà không hành động, tuy có hành động nhưng không xa rời chính đạo, xa rời chính đạo rồi mà vẫn có thể kịp thời quay đầu, đây là bậc kém hơn nữa; bậc thấp nhất là ngày càng xa rời chính đạo mà tự mình không hay.

(Cuốn 46. *Thân Giám*)

3. TÀI ĐỨC [TÀI NĂNG VÀ ĐỨC HẠNH]

~ 343 ~

百言百當，不若舍趣而審仁義也。

(卷三十五 文子)

Viết ngữ:

So với việc mỗi lần kiến nghị đều thích đáng và được áp dụng, cũng chẳng bằng xem tấm lòng liệu có phù hợp với nhân nghĩa?

(Cuốn 35: *Văn Tử*)

~ 344 ~

故作者^①不尚其辭麗，而貴其存道也；不好其巧慧，而惡其傷義也。

(卷四十七 政要論)

Chú thích:

(1) Chỉ những người theo nghiệp viết lách hoặc sáng tạo nghệ thuật.

Viết ngữ:

Đối với tác phẩm của người sáng tác không nên tôn sùng câu từ hoa mỹ mà nên quý ở việc gìn giữ và kế thừa truyền thừa đạo lý của bậc Thánh Hiền. Không nên ca tụng câu từ khéo léo và thông tuệ mà nên lo lắng lời lẽ trong đó liệu có làm tổn thương đạo nghĩa?

(Cuốn 47: *Chính Yếu Luận*)

4. BẢNG ĐẲNG [TẠO BÈ KẾT ĐẲNG]

~ 345 ~

故《洪範》曰：「無偏無黨，王道蕩蕩。」蕩蕩，平易。

(卷三十九 呂氏春秋)

Viết ngữ:

Trong [*Thượng Thư. Hồng Phạm*] có nói: “Nếu không thiên vị và không tạo bè kết đảng, con đường chính đạo của bậc thánh vương sẽ luôn công bằng và vĩ đại.”

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 346 ~

君以世俗之所譽者為賢智，以世俗之所毀者為不肖，則多黨者進，少黨者退，是以群邪比周^①而蔽賢，忠臣死於無罪，邪臣以虛譽取爵位，是以世亂愈甚，故其國不免於危亡。

(卷三十一 六韜)

Chú thích:

(1) Tạo bè kết đảng.

Viết ngữ:

Quân vương xem người được thế gian ngợi khen là người có tài trí và xem người bị thế gian bôi nhọ là kẻ hư đốn, vậy thì sẽ khiến kẻ có vây cánh đông đảo được tin dùng và người không tạo bè kết đảng lại bị đẩy lùi. Cứ như vậy, thế lực gian tà sẽ cấu kết cùng nhau mà vui dập bậc hiền tài, trung thần vô tội thì bị xử tội chết, gian thần lại dùng hư danh để lừa gạt lấy tước vị. Bởi vậy, xã hội càng thêm hỗn loạn, đất nước cũng khó tránh khỏi nguy cơ bị diệt vong vậy.

(Cuốn 31: *Lục Thao*)

5. BIỆN VẬT [NHẬN BIẾT SỰ VIỆC]

~ 347 ~

賢者狎^①而敬之，狎，習也，近也，習其所行。畏而愛之。心服曰畏。
愛而知其惡，憎而知其善。不可以己心之愛憎，誣人以善（「以善」之以，本書作之）惡。

（卷七 禮記）

Chú thích:

(1) Thân thuộc, thân cận.

Viết ngữ:

Đối với người có đức hạnh, phải nên gần gũi để học tập nhưng phải giữ lễ và kính trọng, trong tâm nể phục nhưng ái mộ và kính yêu. Đối với người mà ta quý mến và tin cậy, phải tìm hiểu khuyết điểm của họ; đối với người mà ta chán ghét và ruồng bỏ, phải tìm hiểu ưu điểm của họ, đồng thời phải hiểu rằng đối phương cũng có lương tâm bản tính vốn thiện.

(Cuốn 7: Lễ Kí)

~ 348 ~

子曰：「君子泰^①而不驕，小人驕而不泰。」君子自縱泰，似驕而不驕。小人拘忌，而實自驕矜也。

（卷九 論語）

Chú thích:

(1) Khoan thai, yên bình.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: "Người quân tử trong tâm khiêm cung, bởi vậy mà khoan thai thư thái nhưng không kiêu ngạo. Kẻ tiểu nhân trong tâm kiêu ngạo, chỉ sợ mất đi sự tôn nghiêm mà luôn vương bận ưu tư, bởi vậy không thể an nhiên tự tại."

(Cuốn 9: *Luận Ngữ*)

~ 349 ~

子曰：「君子不以言舉人，有言者，不必有德，故不可以言舉人也。不以人廢言。」

(卷九 論語)

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: "Bậc quân tử sẽ không vì một người nói có lý mà tiến cử họ, nhưng cũng không vì phẩm chất và đức hạnh của họ khiếm khuyết mà bỏ ngoài tai lãng quên những lời đáng lưu tâm của họ."

(Cuốn 9: *Luận Ngữ*)

~ 350 ~

得十良馬，不如得一伯樂^①；得十利劍，不如得一歐冶^②。多得善物，不如少得能知物。知物者之致善珍，珍益廣，非特^③止於十也。

(卷四十四 桓子新論)

Chú thích:

- (1) Bá Lạc là người vào thời đại Tần Mục Công – Xuân Thu, họ Tôn và tên Dương, có biệt tài giỏi về xem ngựa;
- (2) Âu Dã, tức Âu Dã Tử, có tài đúc kiếm nổi tiếng thời Xuân Thu;
- (3) Không chỉ vậy. “特” [đặc] mang nghĩa chỉ, chỉ là.

Viết ngữ:

Có được mười con tuần mã chẳng bằng có được một người giỏi xem ngựa như Bá Lạc²⁷; có được mười thanh kiếm sắc chẳng bằng có được một người giỏi đúc kiếm như Âu Dã Tử²⁸; có được rất nhiều vật phẩm tốt, chẳng bằng có được số ít người có thể nhận biết và đánh giá. Người biết đánh giá có thể sưu tầm nhiều báu vật quý giá, hơn nữa còn làm cho báu vật này giá ngày càng nhiều thêm và không chỉ dừng ở con số gấp mười lần. Từ đây có

²⁷ Bá Lạc là người vào thời đại Tần Mục Công – Xuân Thu, họ Tôn và tên Dương, có biệt tài giỏi về xem ngựa;

²⁸ Âu Dã, tức Âu Dã Tử, có tài đúc kiếm nổi tiếng thời Xuân Thu;

thể hiểu được, tài năng nhận biết và bồi dưỡng nhân tài quan trọng hơn tất cả.

(Cuốn 44. *Hoàn Tử Tân Luận*)

~ 351 ~

傳曰：「不知其子，視其友；不知其君，視其左右。」靡^①而已矣！

(卷三十八 孫卿子)

Chú thích:

(1) Thẩm nhuận dần dần, tiêm nhiễm

Viết ngữ:

Trong sách cổ có nói: "Nếu không hiểu về một người, hãy xem bạn của họ ắt sẽ rõ; nếu không hiểu về một vị quân vương, hãy nhìn những cận thần xung quanh ắt sẽ tỏ". Đây đều do sức ảnh hưởng thẩm nhuận dần dần khiến cho như vậy!

(Cuốn 38: *Tôn Khanh Tử*)

~ 352 ~

孟子曰：「仁之勝不仁也，猶水之勝火也。今之為仁者，猶以一杯水，救一車薪之火也，不息則謂水不勝火者，此與於不仁之甚者也。」

(卷三十七 孟子)

Việt ngữ:

Mạnh Tử dạy rằng: "Nhân đức có thể thắng điều bất nhân, như nước có thể dập tắt ngọn lửa. Đến nay, người thực hành đạo nghĩa lại như thể đem một ly nước mà đi cứu xe củi đang bùng cháy, khi thấy lửa không thể dập tắt thì liền nói rằng nước không thể dập được lửa. Cách nói này đã thổi bùng lên ngọn lửa bất nhân (bởi sẽ chỉ khiến đại chúng đến niềm tin cũng bị đánh mất.)"

(Cuốn 37. *Mạnh Tử*)

~ 353 ~

將叛者其辭慚；中心疑者其辭枝^①；吉人之辭寡；躁人之辭多；誣善之人，其辭游^②；失其守者，其辭屈。

(卷一 周易)

Chú thích:

(1) Rời rạc như cành trụi lá;

(2) Phù du không thực chất.

Việt ngữ:

Kẻ sắp tạo phản, khi nói chuyện thường để lộ sự hồ thẹn; người trong lòng đa nghi, khi nói chuyện thường không có trật tự, tản mạn tựa thể cành cây; người lương thiện cát tường, tuy nói ít nhưng lời nói có giá trị; người có tính tình nóng nảy, nói nhiều nhưng lộn xộn; kẻ vu khống hãm hại người thiện lương, lời lẽ lững lờ vô định và kẻ đánh mất khí tiết, ngôn từ sẽ thể hiện sự vô lý. (Cuốn 1. *Chu Dịch*)

~ 354 ~

國家將^(舊無將字補之)有失道之敗，而天乃先出災害，以譴告之；不知自省，又出怪異，以驚懼之；尚不知變，而傷敗乃至。以此見天心之仁愛人君，而欲止其亂也。

(卷十七 漢書五)

Việt ngữ:

Đất nước khi sắp lụi bại do đi ngược với đạo đức, ông trời sẽ khiến xuất hiện thiên tai như điềm báo để khiển trách và cảnh cáo bậc quân vương; nếu không biết tự kiểm điểm, sẽ tiếp tục xuất hiện những hiện tượng kỳ quái để gia tăng cảnh cáo và khiến cho khiếp sợ; nếu vẫn không biết hối cải, vậy thì sự tổn hại và cảnh bị diệt vong sẽ giáng xuống. Từ đây có thể hiểu rằng, ông trời nhân ái với bậc quân vương, mong muốn ngăn chặn mọi hành vi bại hoại.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

6. NHÂN QUẢ

~ 355 ~

惟上帝弗常，作善降之百祥，作不善降之百殃。
祥，善也，天之禍福，唯善惡所在，不常在一家也。爾惟德罔小，萬邦惟慶；
修德無小，則天下賴慶也。爾惟弗德罔大，墮^①厥宗^②。
苟為不德無大，必墜失宗廟，此伊尹至忠之訓也。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Để mắt, lỗ;
- (2) Tông miếu, ở đây mang nghĩa quốc gia.

Viết ngữ:

Thượng đế không phân biệt thân sơ hay sang hèn, bởi vậy mà việc ban phúc hay giáng họa cũng là bất định, đối với người hành thiện sẽ ban cho mọi điều cát tường và đối với kẻ làm ác sẽ giáng cho tất cả tai họa. Người hành thiện tu đức không lo việc nhỏ, dầu là thiện nhỏ đức mọn, nhưng người trong thiên hạ cũng sẽ cảm thấy vui mừng và vinh hạnh; còn nếu chỉ làm việc bất thiện, mặc dù không lớn, nhưng cũng có thể dẫn đến cảnh đất nước bị diệt vong.

(Cuốn 2: *Thượng Thư*)

~ 356 ~

存亡禍福，皆在己而已。天災地妖^①，弗能加也。

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Những việc kỳ quái bất thường xảy ra trên trái đất. Trích từ [Tả Truyện·Tuyên Công Thập Ngũ Niên]: “Thiên phản thời vi tai, địa phản vật vi yêu” (Khi thể giới tự nhiên đi ngược lại với quy luật ắt là tai họa, khi cỏ cây hoa lá trên địa cầu đi ngược với bản tính vốn

có, tất sẽ có hiện tượng bất thường quái dị), Đỗ Dự chú giải là “quản vật thất tính” (số đông sự vật đánh mất bản tính), còn Khổng Dĩnh Đạt chú rằng “ngôn kỳ quái dị vị chi yêu” (những thứ kỳ quái lạ thường được gọi là yêu).

Viết ngữ:

Sự tồn vong hay họa phúc của một đất nước, đều do bậc quân vương. Tai họa hay hiện tượng điều kỳ dị của tự nhiên đều không thể gán ép cho người. Từ đây có thể hiểu được, họa hay phúc đều do chính ta tạo ra, thiên tai đại họa là để cảnh báo cho chúng ta, phải nên bỏ ác hướng thiện mới có thể chuyển họa thành phúc.

(Cuốn 10: *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 357 ~

上慢下暴，盜思伐之矣。慢藏誨^①盜，治容誨淫。

(卷一 周易)

Chú thích:

(1) Dụ dỗ, lôi kéo.

Viết ngữ:

Người ở trên mà khinh mạn và lơ là, kẻ ở dưới mà bạo ngược và hung tàn, tự sẽ khiến cho đạo tắc mưu đồ

~ 358 ~

故見祥而為不可，祥必為禍！

（卷四十 賈子）

Viết ngữ:

Khi thấy điềm lành cát tường lại đi làm việc ác, sự cát tường sẽ trở thành tai họa!

（Cuốn 40. *Giả Tử*）

~ 359 ~

天作孽猶可違，自作孽弗可逭^①。孽，災也。逭，逃也。言天災可逃，自作災不可逃也。

（卷二 尚書）

Chú thích:

(1) Tránh khỏi.

Viết ngữ:

Tai họa đến từ thiên nhiên là có thể tránh được, chỉ cần mọi người bỏ ác hướng thiện; nếu tự mình gây ra tội ác mà không biết hối cải, tai họa là tất sẽ không thể thoát khỏi.

（Cuốn 2. *Thượng Thư*）

~ 360 ~

聖人執左契，古者聖人無文書法律，刻契合符，以為信也。而不責於人
①。但執刻契信，不責人以他事也。有德司契，有德之君，司察契信而已。無德司
徹。無德之君，背其契信，司人所失也。天道無親，常與善人。天道無有親疏，唯
與善人，則與司契者也。

(卷三十四 老子)

Chú thích:

(1) Là bản khế ước thời xưa được dùng khi vay mượn tài sản, khế ước này được làm bằng trúc và trở thành hai mảnh. Mảnh bên trái được gọi là tả khế, trên đó khắc họ tên người vay nợ và được người chủ nợ giữ; mảnh bên phải được gọi là hữu khế, trên đó khắc họ tên người chủ nợ và do người vay nợ bảo quản, đến khi đòi hay trả nợ, sẽ lấy hai mảnh khế ước này làm căn cứ. Câu nói này ý muốn nói rằng bậc quân vương đức độ và tài năng chỉ luôn ban ơn huệ cho nhân dân mà không cầu báo đáp. Khế, là khế ước; trách, là đòi hỏi, yêu cầu.

Viết ngữ:

Bậc thánh nhân đối với người luôn nhã nhặn và nhún nhường, tựa như nắm giữ tả khế, chỉ ban đi mà không đòi hỏi với người. Người đức độ khi đối với người cũng như bậc thánh nhân luôn giữ tả khế; kẻ thất đức khi đối với người tựa thể giữ sưu thuế, chỉ đòi hỏi mà chẳng cho đi. Đạo trời không một chút thiên vị, luôn

là ban phúc chứ không nhận về, người thiện lương sẽ hoàn toàn phù hợp với đạo trời²⁹.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

(HẾT QUYỂN 1)

BẢNG CHÚ GIẢI*

Bảo Phác Tử

Bao Pu Zi 抱朴子, được Cát Hồng biên soạn vào thời đại Đông Tấn (317-420). Ông là tín đồ của Đạo giáo và cũng là một thầy thuốc nổi tiếng, ông luyện đan để tìm cầu thuật trường sinh bất tử.

Xương Ngôn

Chang Yan 昌, chứa đựng lời khuyên thẳng thắn và cởi mở của Trọng Trường Tử đề cao Lễ - Nghĩa – Liêm – Si. Ông khuyên bậc quân vương phải nên tin dùng người có đức tài và ủng hộ việc phải nghiêm khắc tuân thủ luật pháp, phép tắc. Bộ sách này

²⁹ Tả khế là bản khế ước thời xưa được dùng khi vay mượn tài sản, khế ước này được làm bằng trúc và trở thành hai mảnh. Mảnh bên trái được gọi là tả khế, trên đó khắc họ tên người vay nợ và được người chủ nợ giữ; mảnh bên phải được gọi là hữu khế, trên đó khắc họ tên người chủ nợ và do người vay nợ bảo quản, đến khi đòi hay trả nợ, sẽ lấy hai mảnh khế ước này làm căn cứ. Câu nói này ý muốn nói bậc quân vương đức độ và tài năng chỉ luôn ban ơn huệ cho người dân mà không cầu báo đáp.

* Nội dung tham chiếu chủ yếu sưu tầm từ Wikipedia.org, chinaculture.org, chinaknowledge.org websites, và Lu et al., *Quần Thư Trị Yếu Khảo Dịch* (Qunshu Zhiyao Kaoyi).

cũng được biết dưới tên là *Trọng Trường Tử Xương Ngôn* (*The Frank Advice of Zhong Chang Zi*), nội dung chủ yếu bàn về việc người đứng đầu làm thế nào để trị vì đất nước một cách hiệu quả. Bộ sách hoàn chỉnh này được lưu giữ trong suốt thời kỳ nhà Tống (960-1279), nhưng đến nay bộ sách này đã bị thất truyền.

Xuân Thu Tả Thị Truyện

Chun Qiu Zuo Shi Zhuan 春秋左氏傳 (*Commentary of Zuo on the Spring and Autumn Annals*), đôi khi được biết đến với tên khác là *Tả Truyện* (*The Chronicle of Zuo*). Đây là một trong những tác phẩm sớm nhất của Trung Quốc viết về lịch sử và phản ánh giai đoạn từ năm 770 – 476 TCN, bộ sách là một trong ba tác phẩm viết về lời bình cho cuốn *Xuân Thu*. *Tả Truyện* thường được xem là tác phẩm của Tả Khâu Minh của nước Lỗ vào cuối thời kỳ *Xuân Thu*^{**} (770-476 TCN), nhưng thực tế bộ sách được biên soạn vào giữa thời kỳ Chiến Quốc (475-221 TCN).

Thôi Thực Chính Luận

Thôi Thực 崔寔, đôi khi được biết đến dưới tên *Thôi Thị* và là nhà lý luận chính trị từ triều đại Đông Hán. Ông nổi tiếng bởi tấm lòng hiếu thảo của mình. *Thôi Thực* là bậc quan lại của triều đình, người hết mực tiết kiệm với đức tính liêm khiết. *Thôi Thực Chính Luận* 崔寔政論, đã bàn về nhiều sự kiện đương thời và đặc trưng nổi bật của tác phẩm chính là tính thẳng thắn, trực tiếp.

Điển Luận

Dian Lun 典論, được biên soạn bởi Tào Phi (187 – 226). Tào Phi được chính thức biết đến với danh vị Văn Đế của nước Ngụy. Ông cũng là hoàng đế đầu tiên của Tào Ngụy trong thời kỳ Tam

^{**} Thời kỳ *Xuân Thu* bắt đầu từ năm 770 TCN sau khi vua Chu Bình Vương dời đô thành của nước Đông Chu từ Cảo Kinh (nay thuộc Thiểm Tây) về Lạc Ấp (nay thuộc Lạc Dương) và kết thúc vào năm 476 TCN, sau khi nước Hán, Ngụy và Triệu phân chia nước Tấn (được biết đến với tên gọi ‘Tam Gia Phân Tấn’ – Ba Nhà Chia Tấn, đây chính là ranh giới phân chia giữa thời kỳ *Xuân Thu* và thời kỳ Chiến Quốc)

Quốc và là con trai thứ hai của Tào Tháo – vị quân chủ của triều đại Hậu Hán (25 – 220).

Diễn Ngữ

Tác giả của cuốn *Dian Yu* 典語 là Lục Cảnh (250 – 281). Lục Cảnh chỉ thọ đến năm ba mươi một tuổi, nhưng ông lại có rất nhiều tác phẩm, chỉ duy nhất cuốn *Diễn Ngữ* là được lưu lại còn tất cả đều bị thất truyền. Cuốn sách này bàn về nền chính trị và áp lực vì phải nộp sưu cao thuế nặng cho bậc quan lại triều đình cho đến vấn đề trừ bỏ tệ nạn tham ô.

Phó Tử

Fu Zi 傅子, do Phó Huyền của triều đại Đông Tấn (265-317) biên soạn. Bộ sách của ông nhấn mạnh thế giới tự nhiên vận hành theo vòng luân chuyển của khí. Tựu chung, Phó Huyền phản đối sự tồn tại của thần linh và những điều huyền bí. Ông cho rằng phần lớn con người nên làm người nông dân hơn là trở thành môn sinh, thương nhân hay những người thợ.

Quản Tử

Guan Zi 管子, bàn về tư tưởng Pháp gia, Nho gia, Đạo gia cũng như phương diện quân sự và nông nghiệp. Thông tin lịch sử phong phú được chứa đựng trong bộ sách đã mang lại giá trị nghiên cứu to lớn. Bộ sách này được xem là tác phẩm của Quản Trọng, thời kỳ Xuân Thu (770 - 476 TCN). Tuy nhiên, Quản Tử vốn có được biên soạn bởi Lưu Hưởng, thời kỳ Đông Hán (206 TCN – 9), lại chỉ có bảy mươi sáu chương và nội dung được phân thành tám phạm trù.

Quốc Ngữ

Guo Yu 國語, được cho là phiên bản chi tiết hơn về bộ *Lịch sử Xuân Thu*. Đây là tài liệu lịch sử tổng hợp về con người, sự kiện và những bài viết về tám nước, gồm có: nước Chu, Lỗ, Tề, Tấn, Sở, Ngô, Việt trong thời kỳ Tây Chu (1046 – 771 TCN) và thời Xuân Thu (770 – 476 TCN). Những ghi chép của *Quốc Ngữ* không còn

giá trị lịch sử nguyên gốc, bởi vậy Tư Mã Thiên đã tham khảo nhiều tư liệu lịch sử từ cuốn sách khi ông biên soạn cuốn *Sử Ký*.

Hàn Thi Ngoại Truyện

Han Shi Wai Zhuan 韓詩外傳, đôi khi được dịch là *Những câu chuyện giáo huấn gắn với thi ca cổ xưa (Illustrations of the Didactic Application of the Classic of Songs)* và được biên soạn bởi Hàn Anh, đây là bộ sách chú giải và bổ sung của Hàn Anh cho cuốn *Kinh Thi* 詩經 (*Book of Odes*).

Hán Thư

Han Shu 漢書, đôi khi được dịch là *Lịch sử Triều đại Hán (Tiền)* (*History of the [Former] Han Dynasty or Book of Han*). Bộ sách là một tài liệu lịch sử chi tiết về triều đại Tây Hán (206 TCN – 9) và chứa đựng tiểu sử về nhiều nhân vật lịch sử giúp bổ sung những câu chuyện có thật của lịch sử, *Hán Thư* có một trăm chương. Tác giả của bộ sách – Ban Cố bắt đầu biên soạn cuốn *Hán Thư* dựa trên cuốn *Hậu Truyện* (*Later Traditions*) do cha ông – Ban Bưu soạn nên, nhưng Ban Cố mất và để lại bộ sách còn dang dở vào năm 92, sau đó em gái ông – Ban Chiêu tiếp tục hoàn thiện. Bộ sách được liệt vào hàng *Tứ Sử* trong *Nhị Thập Tứ Sử* - hai mươi tư bộ sử nổi tiếng và lớn nhất của Trung Quốc.

Hàn Tử

Han Zi 韓子, cũng được biết đến dưới tên Hàn Phi Tử, đây là tác phẩm của Hàn Phi (280 – 233), ông là học giả vĩ đại của trường phái Pháp gia trong suốt thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221) và là môn đồ của Tuân Tử. Hàn Phi tiếp nối học thuyết từ người thầy của mình – Tuân Tử, thuyết này cho rằng con người bẩm sinh vốn xấu ác, và đề cao việc trị vì đất nước bằng hình phạt và sự ban thưởng.

Hạt Quan Tử

He Guan Zi 鵩冠子, là người nước Sở vào thời Xuân Thu (770 – 476 TCN). Ông dùng lông chim hạt để làm mũ đội, bởi vậy ông

lấy tên là Hạc Quan Tử. Cuốn sách của ông có mười chín chương và chủ yếu xoay quanh tư tưởng của Đạo gia.

Hậu Hán Thư

Hou Han Shu 後漢書, cũng được dịch ra với tên gọi *Lịch sử Triều đại Hán (Hậu)* (*History of the Later Han Dynasty or Book of Han*), đây chính là tác phẩm thứ hai sau *Hán Thư*. Bộ sách bao quát lịch sử về thời kỳ Đông Hán (25 - 220) và được biên soạn bởi Phạm Diệp (398 – 445). Cũng như *Hán Thư*, *Hậu Hán Thư* là một phần của bộ Tiền Tứ Sử trong Nhị Thập Tứ Sử.

Hoài Nam Tử

Huai Nan Zi 淮南子, được biên soạn bởi Lưu An vào thời kỳ Tây Hán (206 TCN – 9) cùng một số học giả đến thăm và ở lại cùng ông. Tác phẩm cũng được biết đến dưới tên là Hoài Nam Hồng Liệt 淮南鴻烈, với nội dung là những minh họa cao nhất cho quan điểm của Đạo giáo, mặc dù bộ sách được đánh giá là sự kết hợp của quan niệm Nho gia, Pháp gia, thuyết Âm – Dương, cũng như Ngũ Hành. Bộ sách cũng ghi lại rất nhiều truyền thuyết và những câu chuyện thần kỳ.

Hoàn Tử Tân Luận

Huan Zi Xin Lun 桓子新論, được biên soạn bởi Hoàn Đàm (20 – 56) là một triết gia của triều đại Đông Hán (25 – 220). Ông là người học rộng và giỏi về âm nhạc, các bài viết của Hoàn Đàm đã ảnh hưởng tới sự phát triển của thuyết vô thần.

Giả Tử

Jia Zi 賈子, được biên soạn bởi Giả Nghị (200 – 168) ở Lạc Dương. Giả Nghị là một nhà chính trị và tác giả nổi tiếng, ông cũng được biết đến với tác phẩm *Tân Thư*. Giả Nghị bình luận nhiều về nền chính trị đương thời và đề nghị kết hợp quyền lực giữa các nước chư hầu (phản đối quyền lực bị phân chia) và tập trung vào nông nghiệp hơn là thương nghiệp.

Tướng Tử Vạn Cơ Luận

Jiang Zi Wan Ji Lun 蔣子萬機論, được biên soạn bởi Tưởng Tế đối với Ngụy Văn Đế trong suốt thời Tam Quốc (220 - 265).

Tấn Thư

Jin Shu 晉書, là một trong những tác phẩm chính thống về lịch sử Trung Hoa. Bộ sách bao quát lịch sử của triều đại Tấn từ năm 265 – 420 và được biên soạn bởi một số quan lại do phụng mệnh từ triều đình của nhà Đường (618-907). Tác giả đi đầu trong công tác biên soạn là tể tướng Phòng Huyền Linh và đã thu thập nội dung của hầu hết các thư tịch chính thống được lưu giữ từ trước đó. Bộ sách cũng bao gồm lịch sử của Thập Lục Quốc, đương thời với triều đại Đông Tấn (317 – 420). Một số bài viết trong chương mục tiểu sử được soạn bởi Đường Thái Tông.

Khổng Tử Gia Ngữ

Kong Zi Jia Yu 孔子家語, đôi khi được biết đến dưới tên gọi *Những bài giảng đạo thân tình của Khổng Tử (Familiar Discourses of Confucius)*. Đây là bộ sách được biên soạn nên bởi Vương Tú từ những phát ngôn nổi tiếng của Khổng Tử.

Lão Tử

Lao Zi 老子 (cũng được biết đến với tên gọi Đạo Đức Kinh), là một tác phẩm mang triết lý của Đạo giáo và được viết theo thể thơ. Bộ sách có tám mươi một chương và được chia thành hai phần: Đạo Kinh (Thượng Kinh) và Đức Kinh (Hạ Kinh), đây được xem là kinh điển vĩ đại nhất của Đạo gia.

Lễ Kí

Li Ji 禮記, được dịch ra với nhiều tên gọi: *Kinh Lễ (The Classic Rites)*, hay *Tiểu Đới Lễ Kí*, v.v.... Đây là một bộ sách trong bộ *Ngũ Kinh (Five Classics)*, mô tả các nghi lễ trong xã hội, chế độ điển chương và những lễ nghi, nghi thức của triều đại Chu (1046 – 256 TCN). Nội dung sơ khai của bộ sách được tin rằng do đích thân Khổng Tử biên soạn, nhưng đáng buồn thay rất nhiều tác phẩm kinh điển của Nho gia (bao gồm bộ sách này) đã bị hủy

hoại trong suốt thời kỳ cầm quyền của Tần Thủy Hoàng (221 – 206 TCN). Bởi vậy, phiên bản thường được tham chiếu cho đến ngày nay chính là đã được biên tập và biên soạn lại bởi nhiều học giả trong thời kỳ nhà Hán (206 TCN – 220), gồm có Đới Đức (hay còn được gọi là Đại Đới) – người đã biên soạn lại nội dung vào thế kỷ 1 – TCN cùng với em trai của ông – Đới Thánh (Tiểu Đới). Tiểu Đới Lễ Kí được biết đến ngày nay chính là sự công hiến của Đới Thánh.

Liệt Tử

Lie Zi 列子, là bộ sách gồm tám tập và dựa trên những ý tưởng suu tâm từ nhiều bộ sách. Bộ sách Liệt Tử bàn về các lĩnh vực chính trị, thương mại, chiến sự, luật pháp, tập tục và thế giới tự nhiên.

Lục Thao

Liu Tao 六韜, là bộ sách nổi tiếng về binh pháp của Trung Hoa cổ đại. Bộ sách gồm có sáu phần và tổng cộng có sáu mươi điểm mục. Đây là tác phẩm dài nhất về chiến lược quân sự trong suốt thời kỳ Tiền Tần (trước 221 TCN). Sau thời kỳ nhà Tây Hán (206 TCN – 9), *Lục Thao* đã trở nên phổ biến rộng rãi và sau triều đại nhà Đường (618 – 907), các nhà quân sự thường trích dẫn từ *Lục Thao*. Bộ sách được xem là bộ binh pháp không thể thiếu vào triều đại nhà Tống (960 – 1279).

Lưu Dục Chính Luận

Liu Yi Zheng Lun 劉廙政論, cũng có thể được dịch là *Luận thuyết chính trị của Lưu Dục*. Bộ sách gồm năm cuốn này có tám chương và được lưu truyền cho đến ngày nay.

Lã Thị Xuân Thu

Lü Shi Chun Qiu 呂氏春秋, hay còn gọi là bộ *Sử Xuân Thu của Lã Bất Vi* (*Spring and Autumn Annals of Premier Lü Bu Wei*). Đây là tác phẩm kinh điển bách khoa của Trung Hoa được biên soạn vào những năm 239 TCN dưới sự chủ xướng của thừa

tướng Lã Bất Vi của triều đại nhà Tần (221 – 206 TCN). Bộ sách có nội dung phong phú và bao gồm tư tưởng Nho giáo, Đạo giáo cũng như các lĩnh vực như nhạc, quân sự và nông nghiệp. Bộ sách chính là những tham chiếu quan trọng để nghiên cứu về lịch sử của thời kỳ đầu của nhà Tần và được biết đến như là một bộ sưu tập của những giai thoại.

Luận Ngữ

Lun Yu 論語, được soạn bởi các môn đồ của Khổng Tử từ thời Xuân Thu cho đến thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Cuốn sách đã ghi chép lại lời dạy, phép tắc của Khổng Tử và môn sinh của ngài, cũng như những cuộc thảo luận giữa họ. Cuốn sách là tư liệu thiết thực cho việc học tập tư tưởng Nho giáo và các chương trong cuốn sách được tập hợp từ các chủ đề khác nhau.

Mao Thi

Mao Shi 毛詩, cũng được gọi là *Kinh Thi* và đây là bộ sưu tập thi ca sớm nhất của Trung Quốc, bộ sách gồm 305 bài thơ từ nhiều lĩnh vực từ năm 10 – 7 TCN. *Kinh Thi* đã được chú giải và phê bình rất nhiều lần trong suốt chiều dài lịch sử. Hai cuốn chú giải vào thời nhà Hán (206 TCN – 220) được biên soạn bởi Mao Hanh và cháu trai của ông – Mao Trường, là bản thông dụng nhất và được xem là đáng tin.

Mạnh Tử

Meng Zi 孟子, nội dung chính của tác phẩm chính là những lời phát ngôn của Mạnh Tử và các môn đồ của ngài. Mạnh Tử đưa ra học thuyết về đạo đức và lòng nhân ái. Ngài tin tưởng rằng, con người vốn được sinh ra cùng với bốn phẩm chất: Nhân – Nghĩa – Chính – Trí, nhưng con người sẽ mất đi những đức tính cao đẹp này nếu họ không gìn giữ và phát triển bản thân thông qua việc tu dưỡng. Bởi vậy, ngài nhấn mạnh con người phải nên chú trọng đến sự trau dồi từ bên trong. Mạnh Tử cũng đề cập, tấm lòng nhân từ bác ái sẽ thu phục được các nước chư hầu thay vì sử dụng chiến tranh.

Mặc Tử

Mo Zi 墨子, là người sáng lập ra trường phái Mặc gia. Ngài sống ở nước Lỗ vào giữa thời Xuân Thu (770 – 476 TCN) và thời Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Mặc Tử cho rằng Nho gia chú trọng quá nhiều cho phép tắc và ông tin vào việc phục vụ đem lại lợi ích cho người bằng sự hy sinh của bản thân. Ngoài ra, ông cũng phản đối sự xâm lược và chiến tranh. Cuốn sách *Mặc Tử* là nội dung triết lý được biên soạn bởi các đệ tử của Mặc gia dựa trên tư tưởng của Mặc Tử.

Tiềm Phu Luận

Qian Fu Lun 潛夫論, được biên soạn bởi Vương Phù trong thời kỳ Đông Hán (25 – 220). Tác phẩm được lấy tên đúng như mong muốn ẩn danh tính của ông với đại chúng. Vương Phù phê phán triều đình đương thời và vạch trần những hành vi thói xấu của bậc quan lại trong triều đình, như thói xa hoa lãng phí và sự áp bức đối với người dân.

Tam Lược

San Lue 三略, được chia thành ba phần: Thượng Lược, Trung Lược và Hạ Lược. Hai phần đầu đều đưa ra những bài viết về quân sự ở thời kỳ trước đó là Quân Sấm (Dự báo quân sự) và Quân Thế (Lực lượng quân đội) và được viết rất tường tận, trong khi phần thứ ba là bình luận cá nhân của tác giả. Một số cho rằng tác phẩm thuộc về Hoàng Thạch Công, nhưng theo nghiên cứu gần đây cho biết, cuốn sách này được biên soạn bởi một người ẩn danh trong thời kỳ nhà Tần (221 – 206 TCN) và thời kỳ nhà Hán (206 TCN – 220).

Thương Quân Tử

Shang Jun Zi 商君子, được biên soạn bởi Thương Ưởng cùng các học trò của ông. Thương Ưởng là một chính trị gia nổi tiếng trong thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN), ông tin tưởng vào sự đổi mới. Học thuyết của ông đã giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất đất nước Trung Hoa.

Thượng Thư

Shang Shu 尚書, còn được gọi là Kinh Thư là tập hợp những ghi chép về các sự kiện có liên quan đến lịch sử Trung Hoa cổ đại.

Thân Giám

Shen Jian 申鑒, được biên soạn bởi Tuân Duyệt. Tuân Duyệt là một chính trị gia và nhà lịch sử học của cuối triều đại Đông Hán (25 – 220), ông ủng hộ tư tưởng của Nho giáo. Cuốn sách *Thân Giám* được chia thành năm chương, chủ yếu đưa những ví dụ lịch sử làm lời khuyên để việc trị vì đất nước và nhấn mạnh tầm lòng nhân ái và sự chính trực chính là nền tảng đạo đức của con người.

Thận Tử

Shen Zi 慎子, mang chủ đề tư tưởng Pháp gia được biên soạn bởi Thận Đáo (395 – 315 TCN) vào thời Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Thận Đáo tin vào việc dùng luật pháp để trị vì đất nước.

Sử Kí

Shi Ji 史记, được viết vào giai đoạn từ 109 – 91 TCN và là kiệt tác của Tư Mã Thiên. Tư Mã Thiên đã ghi lại một cách chi tiết lịch sử Trung Hoa từ thời Hoàng Đế (2600 TCN) cho đến thời kỳ ông sống – thời kỳ Tây Hán (206 TCN – 9) dưới sự trị vì của Hán Vũ Đế. Bộ sách đã bao quát lịch sử Trung Quốc trong hơn 3000 năm và được chia thành mười ba cuốn. Khi biên soạn cuốn sách này, Tư Mã Thiên đã tham khảo khối lượng lớn tác phẩm văn học cũng như tài liệu được lưu giữ và những sách cổ được viết bởi những người thường, ông cũng phỏng vấn và đích thân xác minh thông tin để đảm bảo tính chính xác. Bởi đây là văn bản có hệ thống đầu tiên về lịch sử Trung Quốc, do đó *Sử Kí* đã ảnh hưởng sâu sắc đến công việc chép sử và sáng tác văn chương của Trung Quốc.

Thi Tử

Shi Zi 尸子, được sáng tác bởi Thi Giảo (390 – 330 TCN), ông sống ở nước Tần trong thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Theo truyền thuyết, ông chính là người thầy của Thương Ưởng.

Thục Chí

三國志 (*Tam Quốc Chí*), là bộ sử gồm sáu mươi lăm chương ghi chép lại lịch sử của ba nước Vê, Thục và Ngô (220 – 265). *Tam Quốc Chí* được chia thành ba cuốn sách, và *Thục Chí* là một trong số đó. *Thục Chí* gồm có mười lăm chương. *Tam Quốc Chí* đã ghi lại những chi tiết quan trọng của thời kỳ đó, bao gồm cả lịch sử về các bộ tộc thiểu số ở Trung Hoa và các nước láng giềng. Bộ sách được Trần Thọ viết ra chủ yếu từ hàng loạt tiểu sử trong suốt thời kỳ nhà Tấn (265 – 420) và được chú giải bởi Bùi Tùng Chi vào thời đại Nam Tống (420 – 589).

Thuyết Uyển

Shuo Yuan 說苑, được viết bởi Lưu Hưởng vào thời đại Tây Hán (206 TCN – 9). Cuốn sách chứa những giai thoại từ triều đại Tần (221 – 206 TCN) cho đến triều đại Hán (206 TCN – 220) với những tranh luận về việc công khai những tư tưởng chính trị, luân thường đạo lý và những phẩm chất được đề cao bởi Nho giáo.

Tư Mã Pháp

Si Ma Fa 司馬法, là một cuốn sách viết về hệ thống quân sự từ thời kỳ cổ đại và đã sơ lược việc sử dụng luật lệ để quản lý quân đội từ thời nhà Thương (1600 – 1046 TCN) và nhà Chu (1046 – 256 TCN).

Tôn Khanh Tử

Sun Qing Zi 孫卿子, còn được biết đến dưới tên Tuân Huống hay Tuân Tử. Ông là một triết gia và nhà giáo dục nổi tiếng của nước Triệu vào cuối thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Tác phẩm *Tôn Khanh Tử* chủ yếu quay quanh thế giới tự nhiên, kiến thức, tư duy logic, phương pháp trị vì dựa trên sự nhân ái, và làm thế nào để trị vì đất nước.

Tôn Tử

Sun Zi 孫子, hay *Binh Pháp Tôn Tử*, là tuyệt tác binh thư sớm nhất trên thế giới hiện còn lưu giữ ở Trung Quốc. Sau thời đại nhà Tống (960 – 1279), bộ sách được xem là cuốn sách đứng đầu trong bảy tác phẩm kinh điển về quân sự, cuốn sách được viết bởi Tôn Vũ vào cuối thời Xuân Thu (770 – 476 TCN) và có tổng cộng mười ba chương.

Thế Luận

Ti Lun 體論, được viết bởi Đỗ Thử và có tất cả tám chương. Trong *Thế Luận*, Đỗ Thử đã miêu tả việc áp dụng luật pháp như thế nào trong mối quan hệ ngũ luân và trong quản lý chính trị.

Úy Liễn Tử

Wei Liao Zi 尉繚子, được sáng tác bởi Úy Liễn về việc quản lý nhân sự và quyền lực.

Ngụy Chí

Wei Zhi 魏志, là cuốn sách thuộc bộ sách *Tam Quốc Chí*. *Ngụy Chí* gồm có ba mươi chương.

Văn Tử

Wen Zi 文子, có mười hai chương và đã làm sáng tỏ học thuyết của Đạo giáo. Cuốn sách này được cho là được biên soạn vào khoảng giữa cho đến cuối thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN).

Ngô Việt Xuân Thu

Wu Yue Chun Qiu 吳越春秋, là cuốn sách ghi chép về lịch sử của nước Việt và nước Ngô vào thời Xuân Thu và là tác phẩm của Triệu Diệp.

Ngô Chí

Wu Zhi 吳志, cũng là cuốn sách thuộc về bộ sử *Tam Quốc Chí* và bao gồm hai mươi chương.

Ngô Tử

Wu Zi 吳子, đã ghi lại những cuộc thảo luận về chiến lược quân sự giữa đại tướng Ngô Khởi và Ngụy Văn Hầu.

Hiếu Kinh

Xiao Jing 孝經, là một tác phẩm kinh điển của Nho gia, trong đó đưa ra những lời khuyên về lòng hiếu thảo. Cuốn sách này có lẽ được viết vào khoảng năm 400 TCN, hiện vẫn chưa biết rõ tác giả thực sự của cuốn sách, mặc dù cuốn sách thường được cho là thuộc về Mạnh Tử - môn đồ của Khổng Tử, người đã ghi lại những cuộc đàm luận giữa người thầy của mình là Khổng Tử và chính mình.

Tân Tự

Xin Xu 新序, được viết bởi Lưu Hưởng với đề tài chính trị chủ yếu xoay quanh nền chính trị nhân đức được đề xướng bởi Nho gia. Lưu Hưởng nhận thấy sự suy yếu của triều đại Hán (206 TCN- 220), nên đã viết ra cuốn *Tân Tự* để phê phán bậc quân vương và đưa ra lời khuyên đối với các quan lại của triều đình, ông đã kích chủ nghĩa phong kiến và cũng lên tiếng về sự không hài lòng đối với chế độ phong kiến. Do tập trung vào giai đoạn lịch sử của thời đại Tiên Tần (trước năm 221 TCN), nên các sự kiện lịch sử không được xác minh kỹ càng. Tuy nhiên, nội dung thường được sử dụng dưới hình thức câu chuyện ngụ ngôn và *Tân Tự* có giá trị nhân văn rất lớn.

Tân Ngữ

Xin Yu 新語, được viết bởi Lục Giả vào đầu thời kỳ nhà Hán, tuy nhiên tên của cuốn sách – *Tân Ngữ* lại không phải do chính Lục Giả đưa ra. Cuốn sách đã thể hiện sự nỗ lực của ông khi phò tá Hán Cao Tổ - vị hoàng đế đầu tiên của nhà Hán. Trong sách, ông đã tổng hợp những bài học từ triều nhà Tần (221 – 206 TCN) và triều đại Hán và cũng đề cao việc áp dụng tư tưởng của Đạo giáo để trị vì đất nước.

Diêm Thiết Luận

Yan Tie Lun 鹽鐵論, được viết bởi Hoàn Khoan vào thời kỳ Tây Hán (206 TCN – 9). Bộ sách gồm mười tập, sáu mươi chương này đã ghi lại những cuộc bàn luận của triều đình nhà Hán với hơn sáu mươi học giả đức cao vọng trọng và các trí thức ở Trường An. Cuộc bàn luận chủ yếu tập trung vào riêng lĩnh vực sản xuất và phân bổ muối và sắt vào năm 81 TCN, nhưng các vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hóa và chiến sự cũng được đưa ra.

Yến Tử

Yan Zi 晏子, được viết bởi Yến Anh vào thời Xuân Thu (770-476 TCN). Ông làm quan triều đình dưới thời đại của Tề Linh Công và Tề Trang Công. Yến Anh khuyến khích chính sách cần kiệm của triều đình và cũng tin tưởng vào việc giảm nhẹ hình phạt, suu cao thuế nặng.

Âm Mưu

Yin Mou 陰謀, là nội dung ghi chép những câu hỏi và câu trả lời giữa Khương Thái Công và Chu Vũ Vương (1046 – 256 TCN) về đường lối trị vì đất nước và giáo hóa muôn dân.

Doãn Văn Tử

Yin Wen Zi 尹文子, được viết bởi Doãn Văn vào thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN) và được chia làm hai phần. Luận thuyết triết học này chủ yếu mô tả nguyên tắc của một nền chính trị ổn định. Doãn Văn cho rằng: “Nếu không thể trị vì bằng phép tắc của Đạo gia, hãy áp dụng luật pháp. Nếu luật pháp không có hiệu quả, hãy sử dụng mưu lược. Nếu mưu lược thất bại, hãy sử dụng quyền uy. Tựu chung, nếu quyền uy vẫn không có kết quả, hãy dùng vũ lực/quyền lực.”

Dục Tử

Yu Zi 鬻子, tác giả của cuốn sách vẫn chưa được xác định, nhưng nội dung đã đưa ra sự nhận thức đầy đủ cách thức trị vì đất nước bằng lòng tốt và sự xót thương muôn dân, trong đó hạnh phúc của người dân được đặt ở vị trí ưu tiên và tư tưởng Đạo giáo cũng được đề cao trong Dục Tử.

Viên Tử Chính Thư

Yuan Zi Zheng Shu 袁子正書, được viết bởi Viên Chuân. Viên Chuân tin rằng khi trị vì đất nước phải cân bằng giữa đạo đức và luật pháp.

Tăng Tử

Zeng Zi 曾子, Tăng Tử hay Tăng Sâm (505 – 436 TCN) là người nước Lỗ (1042 – 249 TCN) và là môn đồ của Khổng Tử, ông nổi tiếng bởi tấm lòng hiếu thảo. Cuốn sách đã trình bày chi tiết về tư tưởng của Tăng Tử và có tổng cộng mười tám chương.

Chính Yếu Luận

Zheng Yao Lun 政要論, được viết bởi Hoàn Phạm vào thời kỳ Tam Quốc. Cuốn sách bàn về cách thức quản lý bậc quan lại của triều đình một cách hiệu quả. Hoàn Phạm tin rằng sự thịnh vượng của một đất nước phụ thuộc vào sự khiêm tốn và việc tiếp thu lời khuyên gián từ cận thần của người đứng đầu.

Trung Luận

Zhong Lun 中論, được viết bởi Từ Can. Ông là một triết gia và nhà thơ, ông là một trong số bảy nhà thơ nổi tiếng (Kiến An Thất Tử) vào cuối thời kỳ Đông Hán (25 – 220) và cũng là người ủng hộ tư tưởng của Nho giáo. Từ Can phản đối việc chú giải ngữ nghĩa, ông tin rằng sự liêm chính là tầm quan trọng hàng đầu.

Chu Lễ

Zhou Li 周禮, hay còn gọi là Châu Quan. Tác phẩm này là một trong tam lễ được xếp vào hàng kinh điển của Nho giáo. Sau này được Lưu Hâm đặt tên lại thành Chu Lễ. Trải qua nhiều thế kỷ, cuốn sách này cùng với Lễ Kí và Nghi Lễ đã trở thành tam lễ trong văn hóa Trung Hoa.

Chu Thư

Zhou Shu 周書, là bộ sách lịch sử viết theo thể kỷ truyện từ thời Bắc Chu (557 – 581) và được liệt vào hai mươi tư bộ sách lịch

sử kinh điển của Trung Quốc (Nhị Thập Tứ Sử). Bộ sách được biên soạn bởi nhà sử học Lệnh Hồ Đức Phân của nhà Đường và hoàn thành vào năm 636, gồm có năm mươi cuốn, nhưng một số chương đã bị thất lạc và được thay thế từ nguồn tư liệu khác.

Chu Dịch

Zhou Yi 周易, hay còn gọi là Kinh Dịch. Bộ sách ghi lại lịch sử từ thời 2800-2737 TCN, khởi đầu là hệ thống chiêm tinh sau khi phát triển qua thời gian và đã trở thành triết lý có ảnh hưởng nhất trong văn học và trị vì việc triều chính của triều đại Chu (1046 – 256 TCN). Theo truyền thuyết, Khổng Tử được cho là đã biên soạn ra bộ Thập Dục, nội dung chính là một số chú giải cho Kinh Dịch. Đến thời Hán Vũ Đế của triều đại Tây Hán (206 TCN – 9), Thập Dục thường được gọi là Dịch Truyện.

Trang Tử

Zhuang Zi 莊子, là cuốn sách tập hợp những bài viết của Đạo giáo được biên soạn bởi Trang Chu và các môn đồ của ông. Trang Chu là nhà tư tưởng từ thời Chiến Quốc (475 – 221 TCN), cuốn sách ban đầu gồm có năm mươi hai phân đoạn, nhưng ngày nay hiện chỉ còn lưu lại ba mươi lăm đoạn. Là một kinh điển quan trọng của Đạo giáo, nội dung của cuốn sách rất gần với tư tưởng của Lão Tử. Trang Tử đã thể hiện triết lý của Đạo giáo qua nhiều câu chuyện ngụ ngôn và đã để lại nhiều câu chuyện sinh động cho thế hệ sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chương I – Luận Ngữ Giảng Yếu (An Explanation on the Main Points of Analects 論語講要).

Tác giả: Lão cư sỹ Lý Bình Nam.

Đài Loan: Fufong Press, 2009.

Nguồn khác: <http://www.minlun.org.tw/1pt/1pt-4-2/03-01.htm>

Lời dịch tiếng bạch thoại – Quần Thư Trị Yếu 360, Cuốn 1

Trích lục từ bộ sách Quần Thư Trị Yếu

Trung tâm Giáo dục Văn Hóa Trung Hoa – Malaysia lựa chọn và biên dịch.

Nguồn: <http://www.amtb.tw/pdf/HZ35-12-02.pdf> (trang chuyên tập của Lão hòa thượng Tịnh Không)

Phần I, II – Trí huệ Khổng Tử (The Wisdom of Confucius).

Tác giả: Lâm Ngữ Đường.

Đài Bắc: Cheng Chung Book Co., Ltd., 1994.

Quần Thư Khảo Dịch (Qunshu Kaoyi)

Tác giả: Lü, X.Z, B. Y. Zhao, and Y. W. Zhang.

Tuan Jie Press, 2011.

Ebook

The Analects of Confucius: An Online Teaching Translation
(Version 2.0, 2010, ebook)

Eno, Robert.

Http://www.indiana.edu/~p374/Analects_of_Confucius_%28Eno-2010%29.pdf (Bản PDF cập nhật đến 2.1).

Confucius Analects (Vol. 1) (Project Gutenberg Ebook, 2009)

Legge, James.

<Http://www.gutenberg.org/files/4094/4094-h/4094-h.htm>

-- **Dao De Jing** (Project Chinese Text)

<Http://ctext.org/dao-de-jing>.

-- **Xiao Jing** (Project Chinese Text)

<Http://ctext.org/xiao-jing>.

The Analects of Confucius.

Muller, Charles.

<Http://www.acmuller.net/con-dao/analects.html>.

Từ điển

Han Dian Chinese Dictionary Online, 漢典

<Http://www.zdic.net>

Oxford Chinese Dictionary: English-Chinese, Chinese-English.
(Julie Kleeman, Harry Yu)

Trung Quốc: C&C Offset Printing Co., Ltd., 2010.

Websites:

“A Universal Guide for China Studies”

[Http://www.chinaknowledge.org/Literature/Historiography/shibu.html](http://www.chinaknowledge.org/Literature/Historiography/shibu.html).

China Culture

[Http://chinaculture.org/gb/en_aboutchina/node_59.htm](http://chinaculture.org/gb/en_aboutchina/node_59.htm).

Chung Yoon-Ngan to fhakka@asiawind.com, asiawind.com mailing list, July 11, 1998, *Son of Heaven*.

[Http://www.asiawind.com/pub/forum/fhakka/mhonarc/msg00956.html](http://www.asiawind.com/pub/forum/fhakka/mhonarc/msg00956.html).

“Dao De Jing,” Chap. 63. *Green Way Research*, last modified November 18, 2011.

[Http://www.egreenway.com/taoism/ttclz63.htm](http://www.egreenway.com/taoism/ttclz63.htm).

“Emperor Taizong,” *Wikipedia*, last modified September 23, 2012.

[Http://www.en.wikipedia.org/wiki/Emperor_Taizong_of_Tang](http://www.en.wikipedia.org/wiki/Emperor_Taizong_of_Tang).

“Empress Zhangsun,” *Wikipedia*, last modified September 21, 2012.

[Http://www.en.wikipedia.org/wiki/Empress_Zhangsun](http://www.en.wikipedia.org/wiki/Empress_Zhangsun).

“Guangzhong,” *Wikipedia*, last modified September 18, 2012.

[Http://www.en.wikipedia.org/wiki/Guan_Zhong](http://www.en.wikipedia.org/wiki/Guan_Zhong).

“I Ching,” trans. James Legge, TormodKinnes,

[Http://www.oaks.nvg.org/re5ra17.html](http://www.oaks.nvg.org/re5ra17.html).

“Legalism, Qin Empire and Han Dynasty,”

[Http://www.san.beck.org/EC16-Legalism.html](http://www.san.beck.org/EC16-Legalism.html).

“Liu Tao,” *ChinaCulture.Org*,

[Http://www1.chinaculture.org/created/2005-07/20/content_70803.htm](http://www1.chinaculture.org/created/2005-07/20/content_70803.htm)

“Lu (state),” *Wikipedia*, last modified July 5, 2012.

[Http://www.en.wikipedia.org/wiki/State_of_Lu](http://www.en.wikipedia.org/wiki/State_of_Lu).

“Shih King-The Book of Odes,” trans. James Legge, sina (blog), May 26, 2011.

[Http://blog.sina.com.cn/s/blod_6f58baf001017j4l.html](http://blog.sina.com.cn/s/blod_6f58baf001017j4l.html).

“Shuoyuan 說苑 ‘The Garden of Persuasions’,”

[Http://www.chinaknowledge.de/Literature/Diverse/shuoyuan.html](http://www.chinaknowledge.de/Literature/Diverse/shuoyuan.html).

“Sun Tzu The Art of War,” trans. Lionel Giles.

[Http://classics.mit.edu/Tzu/artwar.html](http://classics.mit.edu/Tzu/artwar.html).

“Tao Te Ching,” trans. Derek Lin, *Tao Te Ching: Annotated & Explained, SkyLight Paths, 2006*

[Http://taoism.net/ttc/complete.htm](http://taoism.net/ttc/complete.htm).

“Tau The Ching-Comparisons Projects,” wayist.org, St. Xenophon library online repository,

[Http://wayist.org/ttc%20compared/chap64.htm](http://wayist.org/ttc%20compared/chap64.htm).

“Ten Faults,” chap. 10 in “Complete writings of Han Fei Tzu”, trans. W.K. Liao,

[Http://www2.iath.virginia.edu/saxon/servlet/SaxonServlet?source=xwomen/texts/hanfei.xml&style=xwomen/xsl/dynaxml.xsl&chunk.id=d2.10&toc.id=d2.10&doc.lang=english](http://www2.iath.virginia.edu/saxon/servlet/SaxonServlet?source=xwomen/texts/hanfei.xml&style=xwomen/xsl/dynaxml.xsl&chunk.id=d2.10&toc.id=d2.10&doc.lang=english).

“Xiaohe”

[Http://history.cultural-china.com/en/47History1920.html](http://history.cultural-china.com/en/47History1920.html).

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: *nhaxuatbanhongduc65@gmail.com*

nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: 024.39260024 - Fax: 024.39260031

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc **Bùi Việt Bắc**

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập **Lý Bá Toàn**

Biên tập

Phan Thị Ngọc Minh

In 1000 cuốn, khổ 16x24 cm. Tại Công ty CP In và TM HTC.

Địa chỉ: Tổ 1, Bờ Đề, Long Biên, Hà Nội.

Số ĐKKHXB: 1304 - 2019/CXBIPH/80 - 21/HĐ.

Số QĐXB của NXB: 210/QĐ - NXBHĐ.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-8603-2

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Xin để sách nơi trang trọng!



**Sách biếu, tặng không bán
Hoan nghênh phổ biến công đức vô lượng.**

ISBN: 978-604-89-8603-2



<https://tieulun.hopto.org>